

Tác Giả và Tác Phẩm

Tạ Ty (III)

Tiểu sử

Mất ngày 24.8.2004 tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Đáy Địa Ngục (hồi ký), NXB Thăng Mõ 1985
Những Khuôn Mặt Văn Nghệ - Đã Đi Qua Đời Tôi (hồi ký), NXB Thăng Mõ 1990
Xóm Nhà Tôi (tập truyện), NXB Xuân Thu 1992
Tuyển tập Tạ Ty



Mục Lục

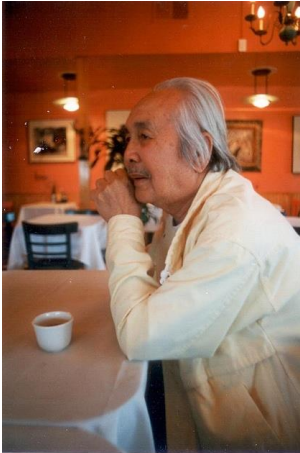
Tạ Ty, người họa sĩ luôn ưu tư về những cái mới - Đinh Cường - 2
Nói chuyện về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay - 7
Ngày giỗ Tạ Ty - Nguyễn Mạnh Trinh - 17
Ngày giỗ đầu Tạ Ty - Nguyễn Đình Toàn - 18

Phụ đính III :
Tuyển tập Tạ Ty
(tiếp theo)

Thế Uyên
Túy Hồng
Văn Cao
Vũ Hoàng Chương
Vũ Bằng
Võ Hồng

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Tạ Ty, người họa sĩ luôn ưu tư về những cái mới Đình Cường



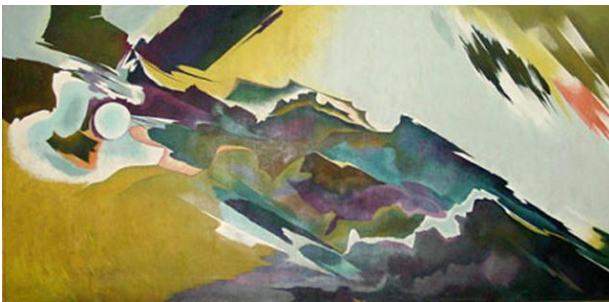
Họa sĩ Tạ Ty (1921-2004)
ảnh chụp ở California, 2000

Từng cánh hoa đời khép lại
Thương về 5 cửa Ô xưa!...
(Tạ Ty)

Được xem như người đi tiên phong vào lãnh vực hội họa Lập Thể và Trừu Tượng Việt Nam sớm nhất, từ thời còn học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương những khóa cuối cùng. Ông tốt nghiệp năm 1943 khoa sơn mài.

“Tôi bẩm sinh là một con người thích tiến bộ, thích cái gì mới. Khi còn học ở trường Mỹ Thuật, tôi không mấy thích cái lối vẽ chân phương theo quy luật của nhà trường bắt buộc. Tôi thường đến thư viện mượn sách đọc, lẽ dĩ nhiên, loại sách thuộc về mỹ thuật. Tôi mê các tác phẩm của Van Gogh, Gauguin và Matisse. Tôi nghiên cứu và tìm hiểu mỹ thuật tạo hình ở mỗi tác giả. Nhưng sau một thời gian, tôi thấy các nhà danh họa trên vẫn phải dựa vào thiên nhiên và sự vật cũng như con người để tạo dựng tác phẩm. Tôi nghiên cứu và tìm hiểu các họa phái khác nhau như Siêu Thực, DaDa và Lập Thể.

Tôi thích trường phái Lập Thể qua các tác phẩm của Braque hơn là Picasso. Tôi mê chiều thứ tư (4ème dimension) của họa phái này vì nó làm cho tác phẩm trở nên sống động, chứ không trơ trơ như các họa phái khác...” (Tạ Ty – Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đi Qua Đời Tôi – Hồi Ký – Thăng Mỗ xb 1990, trang 18)



Cát cánh
Tranh sơn dầu Tạ Ty

Thời học ở trường, ông chơi thân với Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Nguyễn Đức Nùng và Phạm Đăng Trí.... cùng thích lối vẽ cách tân, sau khi đã làm xong bài thực tập theo sự hướng dẫn của giáo sư Inguimberty... Hai họa sĩ đàn anh được kính phục là Tô Ngọc Vân và Nguyễn Gia Trí, sau này là những bậc thầy về tranh sơn dầu và tranh sơn mài của hội họa hiện đại Việt Nam.

Từ khi còn là sinh viên, năm 1941, Tạ Tỵ 20 tuổi, đã nhận được một giải thưởng của nhà trường để đi thực tế miền Trung Việt Nam, ông đã đến Huế với tất cả những gì được khám phá trong một thành phố cổ kính, cùng dòng sông Hương sương khói và thơ mộng... Năm 1943 ông lại đoạt giải thưởng của Salon Unique với bức tranh “Mùa Hè” vẽ sau khi vừa tốt nghiệp. 1946, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Minh và Pháp, Tạ Tỵ cùng các bạn tham gia kháng chiến chống Pháp. Trong cuộc triển lãm Tháng Tám về hội họa năm 1946, tại Nhà Hát Lớn – Hà Nội anh có bức “*HoaĐăng*” tham dự, được Hiệp Hội Báo Chí Việt Nam trao giải, nhưng tiền thưởng chưa lãnh thì chiến tranh toàn quốc bùng nổ... Bức “*Nhớ Hà Nội*” của Tạ Tỵ vẽ trong thời gian ở chiến khu miền rừng núi làm nhớ cái không khí tiểu tư sản trong thơ Quang Dũng ...*đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm...*

Và Tạ Tỵ, cùng bao nhiêu văn nghệ sĩ khác, sau mấy năm đi kháng chiến, thấy không hợp đã tìm cách bỏ hàng ngũ Việt Minh về thành như Hoàng Công Khanh, Tam Lang, Phạm Duy ... *tôi biết bên kia có người anh thương, có mái nhà anh bên đường phố nhỏ, rữ cảnh hoa ti-gôn, nhưng nếu chỉ là có thể, anh bỏ mà đi sao đành...*

Theo Huỳnh Bội Trân: Trở về với Tạ Tỵ, vào năm 1951, ông tổ chức một cuộc triển lãm cá nhân tại Hà Nội. Cuộc triển lãm mang tên *Hội Họa Hiện Đại*. Tạ Tỵ viết lời mở đầu cho quyển catalogue:

Cái đẹp là điều tiềm thức phải làm việc để nâng cao lên giá trị giữa mực sống bình thường. Cái động của Thiên nhiên quay theo với sức nóng của mặt trời cũng như luật tuần hoàn của kiếp sống. Thay đổi luôn luôn biến chuyển từ Vô Hình đến Hữu Hình, từ Xanh đến Vàng, từ Hồng đến Tím và xê dịch với tốc độ của thời gian. Nghệ thuật chứa đựng trong lòng nó cái sức sống tiềm tàng của Đất, Trời. Tiếng nói của vũ trụ và Âm thanh và Màu sắc. Phần âm thanh rung lên rồi tan đi. Màu sắc còn lại nói sự “cựa mình” của Sự Vật.

Qua những lời này, người ta thấy Tạ Tỵ nhắm đến sự khái quát hóa trong tranh, hay nói một cách khác, tranh của ông chỉ thể hiện cảm xúc, nó là nỗ lực của trí tuệ để cảm nhận và thể hiện thế giới quanh mình. (Bội Trân – Tạ Tỵ – người tiên phong trong mỹ thuật Việt Nam – tienvie.org)



Tạ Tỵ tại studio nhà đường Phan Văn Trị – Sài Gòn 1955

Tôi quen Tạ Tỵ từ buổi triển lãm 50 họa phẩm lập thể tổ chức lần đầu tiên năm 1956 tại Phòng Thông Tin Đô Thành Sài Gòn, một phòng tranh thành công rực rỡ về tinh thần cũng như tài chánh.

Bài viết mở đầu trong tập brochure của Tạ Tỵ chữ nghĩa cũng rất tân kỳ, tiếc là không còn giữ được. Trích ở đây một đoạn ngắn trong bài mở đầu tập brochure Văn Quang có nhắc lại trong một bài viết:

“Mời bạn hãy vào – Cửa vườn tôi đã mở sau 5 năm trời khép kín – vườn của tôi sau khoảng thời gian giam cầm trong SUY NGHĨ, trong DẪN VẶT, trong GIẶN HỒN để tìm những cánh màu của tâm tư chấp nối lại và thêu dệt bằng Tin Tưởng, tạo thành một thế giới của Hình Thể, của Sắc Màu, qua bức tường vách ngăn của Lý Trí và Rung Động ...” (Tạ Tỵ 8-8-1956) (Văn Quang – Tạ Tỵ – vườn xưa đã khép – Lâm cầm Sài Gòn thiên hạ sự, ngày 26-8-2004)

Từ năm 1960 Tạ Tỵ chuyển hướng sang tranh trừu tượng. Năm 1961 tổ chức triển lãm. Cứ 5 năm ông lại tổ chức một lần: 1951, 1956, 1961... Ông còn dự định tổ chức phòng triển lãm tranh chân dung văn nghệ sĩ miền Nam vào năm 1966 mà không thành, dời qua năm 1975... thì tháng tư đen ập đến. Tất cả đều tan biến. Có thể nói Tạ Tỵ, với tranh chân dung văn nghệ sĩ độc đáo, với những nét sáng tạo bén nhọn ở từng khuôn mặt, tranh vẽ nét cũng như có màu sắc đều mang tính cách một Tạ Tỵ tài hoa, thượng thừa, khó ai so sánh...



Thiếu nữ khăn choàng
Tạ Tỵ sơn dầu trên canvas

Về tranh trừu tượng, Tạ Tỵ trả lời Nguyễn Ngu Í trong cuộc phỏng vấn của tạp chí Bách Khoa: *“... Hôm nay đứng trước một họa phẩm trừu tượng, người thưởng ngoạn không nên và không bao giờ nên tìm hiểu họa sĩ đã vẽ gì trong kích thước đó, mà chỉ nên tìm hiểu mình đã nghĩ gì về tác phẩm trước mắt mình? Cảm giác đầu tiên nào đập vào trí não mình để bắt nguồn cho rung động? Những màu sắc và hình thể kia có phải là dấu hiệu của riêng mình đã in vào tiềm thức? Người họa sĩ không có lý do để hiện diện trong tác phẩm thuộc loại trừu tượng, trừ cái tên ký ở góc tranh...”* (Cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa – Bách Khoa, số 131, ngày 15-6-1962)



Nhịp Calypso – Tạ Ty sơn dầu trên canvas 1960

Những bức tranh trừu tượng nổi tiếng của Tạ Ty như “Nhịp Thời Gian” (1959), “Nhịp Calypso” (1960), “Màu Thời Gian” (1960) và “Cát Cánh” (1972) – một bức tranh với kích thước lớn (350 x 170 cm) hiện treo tại Bảo Tàng Mỹ Thuật thành phố Hồ Chí Minh... Tranh Tạ Ty còn triển lãm tại các phòng triển lãm quốc tế ở Tokyo, Paris, San Francisco, New York... và bán đấu giá tại Sotheby's ngày càng đắt giá.



Đinh Cường – Tạ Ty trước bức tranh trừu tượng cuối cùng “Những Mảnh Đời Tị Nạn” sơn dầu trên bố, vẽ năm 1995 treo tại nhà con gái – California .

Tôi xem Tạ Ty như một người anh. Và ngược lại, anh cũng hết sức thương quý chúng tôi. Nên viết về Tạ Ty thật khó, bởi vì anh là một vóc dáng lớn, một cuộc đời âm thầm mà gần như ngoại hạng. Từ viết văn, làm thơ, viết nhận định văn học, trình bày sách báo, vẽ ký họa chân dung văn nghệ sĩ... tất cả là một kho tàng lớn chưa ai khai thác kỹ. Anh là một Nghệ Sĩ đích thực, sống hết cuộc đời mình cho Nghệ Thuật. Vào miền Nam từ năm 1953 theo động viên từ thời Bảo Đại. Sau đó lại được động viên vào khóa 3, trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức và sau đó phục vụ hầu hết tại Tổng cục chiến tranh chính trị QLVNCH. Giải ngũ trước 1975, nhưng năm 1975

vẫn phải đi tù Cộng Sản tại các trại tù ở miền Bắc. Vượt biển năm 1982, được tàu dầu Anh Quốc đưa vào đảo Pulau Bidong. Từ đó anh bắt đầu cuộc đời tị nạn... Nhớ ngày anh ra tù năm 1981, nhân tôi ghé thăm anh chị Doãn Quốc Sỹ nhà trong con hẻm đường Thành Thái đi bộ băng qua đường Phan Văn Trị đến nhà anh rất gần, anh Sỹ rủ cùng qua thăm anh, chúng tôi mừng rỡ ôm lấy nhau. Căn nhà trong ngõ Phan Văn Trị anh ở lâu đời nhất. Năm 2003, sau khi chị mất, anh trở về Sài Gòn sống với người con gái út, âm thầm những năm tháng cuối đời... Anh mất ngày 24-8-2004, hỏa táng tại nghĩa trang Bình Hưng Hòa.

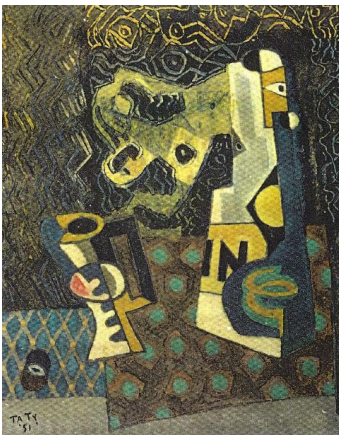
Vòng hoa gởi viếng anh tôi nhờ Dương Nghiễm Mậu đem đến. Đám tang anh còn có vài bạn bè cũ xưa đến dự ... Đêm nay nhớ anh, nhớ câu anh hay nhắc nhớ:
Hãy sống bằng tình Thương Yêu chân thành trong Nghệ Thuật.

Virginia, May 20, 2015

– Tạ Ty sinh ngày 3-5-1921 tại Hà Nội, mất ngày 24-8-2004 tại Sài Gòn, thọ 83 tuổi
– Họa sĩ, nhà văn, nhà thơ có rất nhiều sách giá trị đã xuất bản tại Sài Gòn trước 1975 và tại hải ngoại sau 1975.



Đàn Bà – Tạ Ty –
sơn dầu trên canvas 1951



Sơn mài Tạ Ty – Hà Nội 1951
Nguồn: Tác giả gửi tùy bút, tranh và ảnh

Nói chuyện về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay

(Buổi nói chuyện gồm 9 tác giả Mai Thảo – Viên Linh - Tạ Tỵ - Nguyễn Mạnh Côn Vũ Khắc Khoan - Thanh Nam – Sơn Nam – Bình Nguyên Lộc – Trần Thanh Hiệp)

Miền Nam không thiếu các Tạp chí Văn học Nghệ thuật, song hầu hết là các báo ra hàng tháng, hay nửa tháng mới ra một số, lớp nhiều tuổi qui tụ trên các tờ *Văn Hóa tập san, Văn Hóa Ngày Nay, Giữ Thơm Quê Mẹ*; lớp trẻ qui tụ trên các tờ *Sáng Tạo, Văn Nghệ, Hiện Đại, Thế Kỷ 20...* Nhưng báo văn chương ra hàng tuần, khoảng 1956 có tờ *Nhân Loại* của nhóm Tam ích, mãi 1965 mới có tờ *Nghệ Thuật* của Mai Thảo.

Và sau này, 1969 có *Khởi Hành*. Nghệ Thuật tuy chỉ sống trong 2 năm, 56 số, song là tờ báo văn chương đầu tiên in offset nhiều màu rực rỡ, chú trọng tới sinh hoạt, thảo luận bàn tròn, phỏng vấn, vốn là lãnh vực trước đó ít được khai thác. Khởi Hành vừa thu thập được đủ bộ *Nghệ Thuật*.

Nơi 9 tờ báo đăng tải bài ghi chép cuộc nói chuyện kể là kỳ thú giữa 9 tác giả, (*tới nay 7 người đã khuất bóng*), đề tài là "Nói chuyện về Tiểu Thuyết Việt Nam Hiện Nay." (1965).

Xin đăng lại dưới đây.

Đặt vấn đề thực trạng tiểu thuyết Việt Nam lên mặt thâm, chủ ý của Nghệ Thuật là đề cập đến một thực tế văn học, mà tầm quan trọng hàng đầu đích thực đang đòi hỏi những theo dõi và tìm hiểu thường xuyên, phía người viết cũng như phía người đọc tiểu thuyết. Thực tế tiểu thuyết Việt Nam hiện nay như thế nào? Thực tế đó nổi hình trong những hiện tượng, phát sinh từ những nguyên nhân, cấu thành bằng những động lực nào? Đó là những khía cạnh của vấn đề được trả lời bởi ý kiến những tác giả có mặt trong buổi nói chuyện mà những nét chính được ghi nhận tóm tắt sau đây. Cũng cần lưu ý: tinh thần cuộc nói chuyện khác biệt với tinh thần một cuộc tranh luận. Có thể cuộc nói chuyện không đưa tới một kết luận nào. Nhưng vấn đề đã được đặt ra. Và nhiều ý kiến hợp lại bao giờ cũng có hiệu lực của một chiếu sáng khởi đầu và cần thiết.



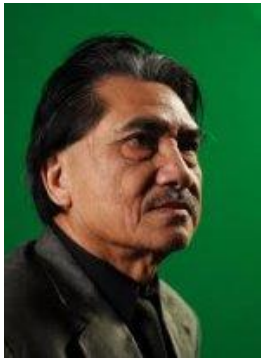
Nhà văn Mai Thảo
(1927-1998)

MAI THẢO:

Nói đến tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, không phải là xác nhận một trở thành đã hoàn tất, mà là theo dõi những chặng đường của một vận động đang tuần tự hình thành. Vận động đó là một vận động của ý thức, một vận động của nghệ thuật. Cũng là một vận động của một trí tuệ, của

đời sống. Mùa màng gặt hái chưa đầy tay. Chúng ta chưa có những tác phẩm lớn. Nhưng hiện tượng nhìn thấy là một viễn tượng tốt đẹp. Những nhà văn đáng nói đến nhất của chúng ta hiện nay đều thực hiện tác phẩm của mình qua một trường thành và một vươn tới nào đó của ý thức. Viết có suy nghĩ, có tìm kiếm, có thái độ. Mặc dầu còn một vài hiện tượng "nói dài" yếu hệt và lạc lõng, tiểu thuyết hiện nay đã được đặt ra khỏi vùng ảnh hưởng của tiểu thuyết tiền chiến. Đó là một trong những bằng chứng cụ thể về cố gắng đứng về phía cái mới ở những người viết bây giờ.

Vậy có thể khẳng định cho tiểu thuyết bây giờ như những công trình thực hiện đánh dấu cho một thoát ly và một phá vỡ đáng kể. Bằng *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền trước hết như một mở đường, rồi đến những tiểu thuyết mới nhất của Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu v.v. theo sau là một số người viết trẻ khác mà tác phẩm đầu tay nào cũng là một thí nghiệm táo bạo và cần thiết, chúng ta đã nhìn thấy thấp thoáng những chân trời và những ngã đường mới trên đó Tiểu thuyết Việt Nam đang đi tới. Thu hẹp, thì là chối từ những tiêu chuẩn nghệ thuật đã làm nên giá trị và lẽ phải của tiểu thuyết quá khứ. Nhìn rộng và sâu vào hiện tượng, thì là những người viết bây giờ thấy đều đã phủ nhận và xa lạ hoàn toàn với cái thế giới của những tác phẩm cổ điển.



Viên Linh

VIÊN LINH:

Tôi đồng ý với anh Mai Thảo về nhận định Tiểu thuyết Việt Nam hiện nay là một vận động tuần tự hình thành, nghĩa là đang thoát ly và phá vỡ. Nói như thế còn có nghĩa là đồng ý hiện tại là một đồ nát. Trong đồ nát thế nào cũng có viễn ảnh một kiến trúc mới nhưng đồng thời cũng còn có những kẻ thâm lượm vôi vữa thừa thãi để kiếm ăn riêng. Vậy trước hết ta cũng cần thanh toán những kẻ xây sự nghiệp trên vài mảnh giá trị cũ, cho công trường chúng ta được quang đãng ạch sẽ.

Tôi tạm xin lỗi các anh để chia lô công trình hôm nay. Tôi chia tiểu thuyết Việt Nam hiện tại ra làm những loại sau đây:

- *Loại hữu sự:* Tiểu thuyết loại hữu sự kể một câu truyện nào đó mà câu chuyện ấy là chính. Tác giả nó lấy câu chuyện ấy để ngầy ngà người đọc qua mọi chi tiết. Nói một cách khác, nhân vật của loại hữu sự lúc nào cũng bận rộn với đạo lý làm người (*đã được xác định*) và lương tâm của hần: tâm lý ấy thông suốt cả cuốn chuyện. Loại này, theo tôi đi song song với cải lương.

- *Loại thời sự:* Gọi là thác loạn, gọi là tuổi hai mươi, khai thác những cái- buồn-nói-lên-lời của những tác giả thô thiển. Loại này đi song hành với tân nhạc cải cách và nhạc thời trang ngoại quốc.

- *Loại tâm sự:* Câu chuyện không còn là chính nữa mà cảm xúc là chính. Thứ tâm sự ở đây có cái ướt át trữ tình, có các nhân vật phong nhã. Loại này đi song song với thơ tiền chiến, hiện đang còn kéo dài.

- *Loại vô sự:* Vô sự ở đây không có nghĩa là không có chuyện gì mà là có rất nhiều chuyện trong một tác phẩm, rất nhiều nhân vật, rất nhiều mặt được nói đến. Cái chính không còn là câu chuyện, nhưng là sự việc, sự vật, là tất cả cái gì trông thấy kể cả không khí, cái vẻ, cái bóng của cuộc sống. Loại này đi song song với Thơ Tự Do.

Thâu tóm ý kiến vừa trình bày, tôi thấy loại tiểu thuyết hữu sự sẽ còn kéo dài vì nó cần thiết cho những người đọc vô sự, và loại tiểu thuyết vô sự đang tiến tới một cách hùng vĩ, vì nó là công việc của người làm văn học nghệ thuật hữu sự. Nói cách khác, loại trên chỉ có giá trị với độc giả, còn chính những người viết ra nó thấy đều vô ích cho nghệ thuật.

TẠ TÝ:

Đồng ý với Mai Thảo là người viết hôm nay đã đẩy người đọc đứng chung trên điểm khởi hành. Nhưng ý thức tiến lên lại là chuyện khác. Chúng ta, người viết, không thể loại bỏ cuộc sống vì cuộc sống tạo thành mâu thuẫn. Mâu thuẫn kích động nghệ thuật và hình thành những trào lưu nghệ thuật mới. Nhưng chúng ta đừng quên chính cuộc sống đã giết những trào lưu đó một khi không còn thỏa mãn được đòi hỏi cấp bách của tâm hồn con người. Bởi vậy một trào lưu nghệ thuật sống được là nhờ sức sáng tạo dồi dào và thành đạt của nó. Nó phải cố gắng dù rằng cố gắng với nỗi bi thảm dằng dặc. Nó là hiện thân của nghệ thuật.



Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn
(1920 - 1979)

NGUYỄN MẠNH CÔN:

Vấn đề tiểu thuyết là một vấn đề lớn. Lớn như đời sống của một dân tộc, vì - đáng lẽ phải thế - tiểu thuyết thể hiện đời sống của dân tộc. Cuốn tiểu thuyết nào làm được như vậy sẽ được gọi là "*tác phẩm lớn*" của thời đại - của một thời đại.

Nhưng ở Việt Nam chưa có tác phẩm nào lớn, tại sao?

Tôi muốn nói về cuộc sống thu hẹp trong thành phố, hoặc giả có điểm thêm một vài chuyện đi "*đi cho nhanh để về cho sớm*" không cho đa số những người cầm bút hiện nay là hy vọng của chúng ta, được biết gì về những biến động to lớn khủng khiếp đang xảy tới bên ngoài Sài Gòn.

Tôi không chối người ở trong Sài Gòn cũng lo nghĩ, cũng đau đớn. Nhưng kẻ không có đồ máu không thể hiểu cảm giác của người cụt mất chân tay. Mà chính những người đó mới làm nên cuộc sống thật, cuộc tranh đấu thật, dù ngã về phía nào cũng thế. Một cuộc ly dị đang thành hình. Tôi sợ những người cầm bút trẻ không làm gì khác hơn được là viết mãi về hệ phố,

với những tư tưởng quanh về "thái độ sống" tuy có thâm trầm nhưng hết sức trường giả và vô cùng ích kỷ.

Tôi không có chủ tâm "làm luân lý" ở đây. Nếu chúng có lợi cho người cầm bút thì "trường giả" hay "ích kỷ" cũng có thể được coi là tốt. Điều tôi sợ là chúng sẽ làm cho người nghệ sĩ rời xa cuộc sống thật, để xác nhận cuộc sống "giả vờ" là cuộc sống thật. Quan niệm "giả vờ sống" là quan niệm hiện sinh của một số tác giả. Tây phương có đời sống quá đầy đủ và tương lai quá bảo đảm, có thể không cần biết đến đại chúng; hoặc giả, do nền nếp đã vững chắc của ngành xuất bản, có thể uốn nắn cả ý thức hưởng thụ nghệ thuật của đại chúng.

Tôi không tin - đồng thời cũng không muốn - trạng thái ấy có thể đến trong xã hội Việt Nam. Một phút trước khi Khuất Duy Hải chết với chiếc trực thăng rơi, người ta không thể nói anh "giả vờ" làm phóng viên cho đài Sài Gòn. Một ngày sau trận đánh lớn, đứng ngấm hàng trăm xác chết của đồng bào - toàn là thanh niên - có ai nữ bảo họ giả vờ chiến đấu và đang giả vờ chết? Tôi nghĩ rằng J.P. Sartre có trở lại và được tham dự cuộc sống trên đất nước ta, từ ngoại ô Sài Gòn trở ra, nhà văn này sẽ phải xác nhận rằng quả có một cuộc đấu tranh đích thực với những giá trị xác thật và tâm tư đích thực. Ông ta sẽ viết về cuộc đấu tranh ấy. Hoặc nếu ông ta vì lẽ gì đó mà không ra khỏi đô thành được, thì cuộc sống ào ạt, mãnh liệt của một số đại chúng chiếm tỷ lệ rất lớn, sẽ đặt ông ta trước sự lựa chọn một là xác nhận, và tích cực tham dự cuộc sống ấy, rồi thể hiện nó vào tác phẩm; hai là phủ nhận nó, cứ lợi dụng những điều kiện sống (*dù sao cũng còn*) để dãi của một văn sĩ có độc giả, mà chối bỏ trách nhiệm, dựng đứng lên cái bộ mặt lập dị lơ mơ, lạc lõng, mà đồng thời cũng kiêu ngạo, dối trá của những "nhà trí thức đứng trên cuộc sống."

MAI THẢO:

Đối với người đọc, cái mà người viết bây giờ đã thực hiện được, là đã đẩy được người đọc mình đến đứng chung với mình trên một điểm khởi hành mới, thỏa thuận gia nhập với mình vào hành trình mới, cũng cảm thấy cần thiết như mình là phải có những thí nghiệm mới, đưa tới những khám phá và những thực hiện mới. Nội dung tiểu thuyết hiện nay dồn đuổi người đọc ra khỏi cái tinh thần thưởng ngoạn bình yên hàng cữu là thái độ xưa cũ của người đọc trước những tác phẩm cổ điển. Tác phẩm cổ điển là những cuốn kinh thánh bằng văn chương. Đọc và tin. Giữa tác phẩm cổ điển với tác giả cổ điển và người đọc là một trạng thái chấp nhận và thỏa thuận hoàn toàn về đời sống và cho chính bản thân người đọc.

Đọc bây giờ khác. Đọc không còn đem lại yên ổn cho tâm hồn, mà trái lại, tiểu thuyết bây giờ bảo người đọc là cuộc đời không phải như vậy đâu, như trong những tác phẩm cổ điển. Bằng những lột trần tàn nhẫn, bằng những đào sâu xuống những tầng đáy chưa khám phá của tiềm thức và tâm linh, tiểu thuyết chúng ta hiện nay đã thành công một phần nào trên ý tưởng đem lại cho người đọc một đòi hỏi mới, tạo cho người đọc một nhận thức mới. Nói khác, ở người đọc đã có một thái độ mới về tiêu chuẩn thưởng ngoạn. Qua tiểu thuyết chúng ta hiện nay, người viết và người đọc đã gặp nhau trên một đất đứng chung. Đó là những bản khoản đòi xét lại.

TẠ TỶ:

Nói rằng thất bại hay chưa đạt tới mức độ của cái mới hoàn toàn, tôi cho như thế chưa đúng. Tôi muốn nói, sự tồn tại của tiểu thuyết không phải do sự đạt tới hay trưởng thành mà chính ở những bản khoản và chưa-tới-nơi ở mỗi con người viết cũng như người hưởng thụ. Nói đến tiểu thuyết hôm nay là nói đến sự vươn tới, sự bút đi của mỗi đam mê, thôi thúc.

VIÊN LINH:

Về liên quan giữa người đọc và người viết, tôi xin dùng lại cái hình ảnh kiến trúc. Trong những tiểu thuyết cổ điển, mà tôi gọi là tiểu thuyết hữu sự, kiến trúc đã hoàn toàn xong, hoàn toàn hoàn tất khi người đọc bước vào, ngự ở trong đó, xoay chuyển nhìn ngắm những cái đã bày biện sẵn ở trong đó. Với những người viết mới, kiến trúc không bao giờ hoàn tất, nghĩa là người thường ngoạn bước vào đó không để ngự ở trong đó. Họ phải góp sức, họ phải cùng tạo tác với tác giả.

Đẩy mạnh nhận định này, nảy sinh những vấn đề sau đây:

- Giá trị một cuốn tiểu thuyết không-phải-bây-giờ vốn đã nằm sẵn trong số lượng độc giả có sẵn. Độc giả nhiều là cuốn sách có giá trị. Độc giả ít là tác giả tầm thường. Nói như vậy cũng có nghĩa là người ta viết để phục vụ một phương trình so sánh 2 phân số: mà phân số thứ hai bao giờ cũng lớn hơn phân số thứ nhất: làm sao được, khi độc giả là độc giả có sẵn, chiếm được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

- Với những nhà văn mới, tôi thấy họ từ chối số độc giả có sẵn: Tác phẩm sẽ tự tạo một khối độc giả mới. Vậy khi số thành không lớn, thì không phải tác phẩm không được đón nhận nhiều, mà bởi vì chính tác giả nó không chấp nhận phân số thứ hai, không làm một bài so sánh hai phân số.

Theo ý tôi hiểu thì anh Mai Thảo khi nói về liên quan giữa người đọc và người viết, đã dường như coi người đọc là một khối cố định. Anh chỉ nói đến tác phẩm cổ điển và tác giả cổ điển. Tôi muốn thêm: còn có những độc giả cổ điển nữa. Tuy nhiên, độc giả mới Việt Nam bây giờ rất ý thức, rất nhiều, theo một tỷ lệ tương đối với nó cách đây 5, 10 năm. Nếu có ý kiến thắc mắc tại sao còn nhiều người đọc tiểu thuyết cổ điển hơn là tiểu thuyết mới, (*cũng như nhiều người còn thích thơ tiền chiến hơn thơ tự do*) tôi xin được trả lời: ở đâu cũng vậy, kẻ dở nhiều hơn người hay.

Vậy thì, ở phía nào người viết và người đọc cũng có một mảnh đất chung hết, cái khác là mảnh đất ấy nó như thế nào mà thôi, một vườn hoa có rào dậu hay một khu rừng biên giới. Một Vương quốc hay một lãnh thổ Cộng Hòa. Nhân đây tôi cũng muốn nói với một số anh em đồng tuổi vắng mặt: có nhiều người không biết rằng các anh đang áp ủ những tác phẩm riêng, hay đang viết, điều ấy không có giá trị gì hết: họ ở ngoài lãnh thổ Cộng Hòa của chúng ta.

MAI THẢO:

Thất bại, đúng hơn là điểm chưa đạt tới được của những tiểu thuyết hiện nay, là người viết đứng về phía cái mới nhưng chưa hình thành được châu báu, biểu hiện được sinh động thế nào là cái mới. Tiểu thuyết mới chỉ là một động lực phá vỡ được cái cũ mà chưa là một hiện tượng sáng tạo cấu thành được cái mới. Cho nên, nó chỉ mới tác động được ở người đọc như một lay chuyển bàng hoàng, nâng được cái việc đọc lên bình diện một suy nghĩ cần thiết, một đòi hỏi duyệt lại, một nhu cầu tìm kiếm. Và dừng lại ở đó.

Còn thuyết phục được người đọc, làm ánh sáng, kim chỉ nam, ý thức dẫn đường cho người đọc bắt gặp được thực trạng đời sống thì chưa. Thất bại vừa nêu ra, theo ý tôi, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Người viết chúng ta chưa tích lũy được một vốn sống đầy đủ. Nhận thức về đời sống của người viết chúng ta cũng chưa thấu triệt và toàn diện. Những tiểu thuyết có ý thức nhất của chúng ta hiện nay mới chỉ là những hòn đá thăm đường. Nghe thấy cái tiếng động của hòn đá ném tới. Nhưng chưa nhìn thấy sự thực hiện hình trên nơi chốn hòn đá ném tới. Dẫn được người đọc đi theo. Nhưng chưa dẫn được người đọc tới nơi.

VIÊN LINH:

Nếu động lực mới chưa thành một cái nền, thì không phải là nó thất bại. Nó còn đang đi và nó chưa ngừng lại cũng như nó chưa quay đầu về. Tuy nhiên, quả là động lực ấy chưa được dùng hết, dường như vì vấn đề mục đích, một vấn đề cổ điển: viết để đi tởi đâu, trong lúc này?



Nhà văn Vũ Khắc Khoan
(1917-1989)

VŨ KHẮC KHOAN:

Viết tiểu thuyết hôm nay theo tôi chỉ là một phương tiện thiếu thốn khả năng để con người bắt lực tự thực hiện.

TA TÝ:

Tiểu thuyết không phải là một bài học luân lý hay đạo đức. Nó là cuộc sống với những khía cạnh tốt và xấu. Tôi tin rằng, không có một người viết nào khi cầm viết lại mang ý nghĩ khuyến dụ hoặc khích động con người lao vào tội lỗi, mà chính ra họ chỉ trình bày, hình dung và diễn đạt những-chứa-chấp-không-kìm-hãm được mà họ đã chịu đựng trong dẫn vật, đón đau tởi độ. Sinh hoạt văn học không phải là sinh hoạt phóng nhiệm, vì vậy đứng trước sự băng hoại tất nhiên của một dòng sông nào đó, con người có mặt phải phản ứng và phản ứng trung thành đến thô bạo những gì cần phải nói. Tiểu thuyết hôm nay không còn và không thể mang tính chất văn chương thuần túy mà nó cần phải nói lên, nói thật to tiếng nói của con người với tất cả phẩm quyền thiêng liêng mà nhân danh con người nó- có-được.

VŨ KHẮC KHOAN:

Người viết tiểu thuyết giờ đây cô đơn và ích kỷ. Nó không kêu lên, như Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Nó viết cho nó.

TA TÝ:

Điều làm cho chúng ta thắc mắc, không phải là sự sợ hãi với viễn tượng đau buồn của chiến tranh hay niềm tuyệt vọng của con người trước vũ trụ mà chính ra người làm văn chương cũng như người hưởng thụ cho đến nay vẫn chưa có ý niệm chân xác về giá trị và sự trường cửu của văn chương trong ý thức tuyệt đối. Bởi thế, tiểu thuyết vẫn được hình dung như những miếng vá trên cuộc sống tả tơi chứ chưa hình thành một nguồn động lực luân lưu, dào dạt, xô vỡ mọi ý tưởng thoái hóa, đầu hàng. Tôi vẫn nghĩ, mãi mãi nghĩ rằng tiểu thuyết phải mang trách nhiệm về sự hiện diện của con người toàn bộ với mọi khía cạnh sắc bén để chứng minh sự cao quý của nghệ thuật và cuộc sống lớn bên ngoài. Đó là ý nghĩa duy nhất của tiểu thuyết.



Thanh Nam

THANH NAM:

Những năm trước, khi ngồi vào bàn viết cầm đến bút là tôi nghĩ ngay đến độc giả. Truyện này tôi sẽ viết cho ai? Lớp độc giả nào đó sẽ đọc tôi? Và tôi hình dung thấy họ. Cốt truyện do đó không còn là của tôi nữa. Tôi sống, tôi nghĩ, tôi hành động theo những nhân vật của tôi. Như một số feuilletons tôi đã viết và đã in thành sách trong thời gian gần đây, tôi đã đóng vai một người kể chuyện cho một số người nghe hơn là một nhà văn viết một tác phẩm cho chính mình. Nói thẳng ra, tôi viết để sống. Tôi không chối cãi là ở những cuốn truyện đã có nhiều non kém, còn nhiều cầu thả. Tôi cũng không ân hận gì về những điều đó. Tôi phản đối thái độ phủ tay trách nhiệm để nguy trang cho mình một khuôn mặt trí thức, tiến bộ. Tôi đứng về phía những anh em sống bằng ngòi bút, sống bằng cái nghề viết feuilletons khôn nạn ở xứ sở này. Nhưng tôi cũng không đồng ý với một vài đồng nghiệp của tôi đã hài lòng để tự khoác lên người mình cái danh hiệu văn sĩ, tiểu thuyết gia, vội vã nhận ngay chút danh vọng nhất thời, chút tên tuổi phù du để nghĩ rằng như vậy là đã đủ, đã có quyền tự mãn.

Luôn đây, tôi cũng phản đối hai ý kiến quá khích của Viên Linh. Đó là việc Viên Linh đã chia... tiểu thuyết như chia lô đất để rồi kết án những kẻ đã thâm lượm vôi vữa thừa thãi để kiếm ăn riêng. Tôi nghĩ lời kết án đó có hơi nặng nề đối với những anh em kiếm sống hằng ngày bằng ngòi bút, những người mà theo tôi biết khi cầm bút chọn nghề cũng đã ôm ấp, nâng niu rất nhiều hoài bão nhưng cuối cùng đành phải thỏa hiệp với cuộc sống.

Ý kiến thứ hai của Viên Linh mà tôi không đồng ý là Viên Linh đã... kết án độc giả. Anh giải quyết thắc mắc của Mai Thảo một cách quá dễ dãi, hờn nhiên khi phân tách tại sao nhiều người đọc tiểu thuyết cổ điển hơn là tiểu thuyết mới và cho rằng ở đâu thì kẻ dờ Cũng nhiều hơn người hay.

Sự thật, theo tôi nghĩ, kẻ dờ và người hay ở đây không phải là độc giả mà là người viết. Chính người viết phải trách nhiệm lấy tình trạng đó chứ không thể trách lời xí xóa rằng... kẻ dờ (*người đọc*) nhiều hơn người hay. Phải tìm hiểu thêm nữa, như người bán hàng tìm thị trường tiêu thụ, phải nghiên cứu tại sao món hàng này chạy, món hàng kia ế chứ không thể đơn giản kết luận rằng tại khách hàng không biết giá trị của loại hàng. Vấn đề này thật ra tế nhị vô cùng, phạm vi một buổi nói chuyện không thể cho tôi trình bày được hết ý kiến và tôi rất mong sẽ được trở lại trong một kỳ nói chuyện khác.

Nói vậy không có nghĩa là tôi chống lại những ý kiến mà từ đầu các anh đã nêu ra trong buổi nói chuyện này. Tôi hiểu rõ nỗi băn khoăn của người cầm bút hôm nay. Viết cái gì? Viết để đi tới đâu trong lúc này?

Xin thú thật là chính tôi- người cầm bút như một dưng sĩ sử dụng một đường gươm quen thuộc, theo lời Mai Thảo nói, cũng cảm thấy bần khoản, lúng túng trước vấn đề đó. Thế nên, như tôi đã nói lúc đầu, những năm trước khi ngồi vào bàn viết là tôi đã nhìn thấy ngay độc giả của mình, viết dễ lắm, dễ hết sức. Bây giờ, tôi chịu. Không thể hình dung ra độc giả của mình là ai nữa. Không hiểu rằng tại mình mệt mỏi hay là tự cảm thấy độc giả đã mệt mỏi vì mình rồi?

Tôi vốn ngại thảo luận và rất sợ bị phát biểu ý kiến, hôm nay nói như thế này kể cũng là quá nhiều rồi.

Xin nhường lời để anh Sơn Nam cho biết thêm ý kiến.

SƠN NAM:

(Tác giả *Hương Rừng Cà Mau* cười nói đồng ý, đồng ý nhưng không nói rõ đồng ý ở điểm nào)



Bình Nguyên Lọc

BÌNH NGUYỄN LỘC:

Theo tôi, những độc giả không có khuynh hướng xã hội cũng đang chờ đợi những cái gì mới lạ hơn, cái đó không phải là sự siêu hình (*ở đây nên dùng danh-từ trừu tượng thì đúng hơn*) của những tiểu thuyết gọi là tiểu thuyết mới. Họ chỉ cần một sự mới xoàng xoàng của quan niệm thứ nhì về tiểu thuyết mà thôi. Xin nói rõ thêm rằng độc giả đây là đại- đa- số trung lưu, chớ không phải bình dân đại chúng, mà cũng không phải một thiểu số trí thức.

NGUYỄN MẠNH CÔN:

Tôi không có ý bênh vực một lập trường "dấn thân" hay thóa mạ một lập trường "ngụy tín" nào hết. Tôi đã nói bất cứ lập trường nào cũng tốt, nếu nó đưa đến những tác phẩm lớn. Tôi chỉ sợ rằng các tài năng hiện tại của chúng ta - tôi không có ý gì giấu cợt - vì quá bận vào việc đi tìm bản thân (*l'étant*) nên họ không có dịp tự thể hiện bản ngã (*l'être*), nên chẳng bao lâu về sau, họ sẽ bị qua mặt bởi đại chúng về tâm lý. Và như thế chẳng hóa ra đáng tiếc lắm hay sao?

Một bạn quen đã hỏi tôi: - Như vậy nhà văn phải làm gì về "sống thật"? Câu hỏi thật khó, mà tôi không có bổn phận trả lời. Vì sao? Vì ai có ý thức, người đó sẽ tự trả lời sao cho hợp với các điều kiện khách quan, chủ tâm của hắn. Tôi không ngu dại đến độ muốn làm thầy thiên hạ. Tôi chỉ nói lên sự lo lắng của tôi - lo lắng giữa hy vọng. Vì tôi không chối rằng hiện chúng ta có nhiều cây bút có thiên tư rất lớn. Kể cả ngành viết tiểu thuyết về tuổi thiếu niên - vốn dĩ là một ngành rất khó - cũng có những cây bút có triển vọng lạ lùng. Tôi chỉ sợ rằng, dù muốn dù không, một số nào đó trong họ vẫn còn chịu ảnh hưởng của những tác giả Tây phương cận đại (*khi họ mới vào đời, bắt đầu muốn đập phá, thì gặp ngay những bậc thầy về đập phá: họ tin chỉ có mình mới hiểu những bần khoản về cuộc sống: chẳng khác những người mới được đọc Karl Marx lần đầu, bao giờ cũng tin chỉ có họ mới hiểu trạng thái "vong thân" của con người xã hội tư sản!*) Họ đóng chặt cửa đưa vào khu vực kiến thức, không chịu tìm và cũng không tiếp

nhận những tư tưởng hoặc cũ hơn - ví dụ của Khổng Tử - hoặc mới hơn, của khoa học. Họ đào sâu vào tâm hồn của chính họ và từ chối sự tiếp tay của người chung quanh. Theo chủ thuyết hoài nghi, họ là những người hay nói những lời quả quyết nhất. Đó là cái thảm trạng của con rắn cắn phải cái đuôi của chính nó.

VŨ KHẮC KHOAN:

Nhìn ra cuộc sống có nhà lâu, có người, có ánh trăng, bỗng người ta bắt gặp một hẻm nhỏ. Người ta bỗng nhiên thấy tự ràng buộc với cái hẻm nhỏ này. Cái hẻm nhỏ trở thành một cái cớ. Để đi sâu vào, để đào sâu hoắm thêm vào nữa. Để có lẽ đi tìm một hình ảnh của chính mình. Để có lẽ bắt gặp chính thân nhân của mình. Hẻm có thể khai thông. Mặt trời mọc phía bên kia hẻm nhỏ. Hẻm có thể đen ngòm hơn trước. Narcisse nhìn thấy Narcisse. Con người có thể nhìn thấy, phản ảnh qua mặt nước suối trong, một bộ mặt Satan. Tác giả và độc giả tiểu thuyết hôm nay là như vậy.

MAI THẢO:

Nếu dùng một hình ảnh để diễn tả tâm trạng của người viết tiểu thuyết bây giờ, cũng như để diễn tả tác động của tiểu thuyết bây giờ đối với lớp người thường ngoạn, thì đó là hình ảnh ngầy ngất choáng váng của một kẻ lưu đày lâu năm trong hầm tối, bước những bước lão đảo đầu tiên giữa vùng mặt trời chói lọi của một ý thức được giải phóng và tự do. Tôi muốn nghĩ những tiểu thuyết hay nhất của chúng ta hiện nay là những bản tuyên ngôn, những bài đề tựa mở đầu cho những công trình sáng tạo đích thực chưa có nhưng tất yếu phải có.

Nói là thí nghiệm cũng không đúng hẳn, nhưng nói là từng người chúng ta đang tự chia sẻ trong một hướng tới song song và đồng thời về rất nhiều ngã đường. Ngôn ngữ, bút pháp, đất đai trên đó tiểu thuyết chúng ta đang được xây dựng, thấy đều còn nằm trong giai đoạn vận động hình thành bằng những kết tinh, chọn lựa và kiểm tìm nhiều mặt. Điều đáng ghi nhận nhất là những cuốn kinh thánh văn chương một thời là những tác phẩm cổ điển đã được cả người viết và người đọc đồng lòng xếp vào bảo tàng viện.

TRẦN THANH HIỆP:

Cách đây hơn 5 năm, chúng ta đã có dịp nhận định về tiểu thuyết Việt Nam trong khuôn khổ một cuộc thảo luận về vấn đề nhân vật trong tiểu thuyết. Hồi đó chúng ta có thái độ hơi khe khắt. Không phải vì chúng ta muốn khe khắt mà tại vì chúng ta phải chối bỏ một số khuynh hướng bảo thủ, suy tôn vô điều kiện cái cũ. Thời gian vừa qua đã chứng tỏ rằng muốn có tiến bộ phải có sự đoạn tuyệt với quá khứ dù rằng sự đoạn tuyệt ấy chỉ có thể hữu ích nếu nó được thực hiện theo đúng "biện chứng" tiến hóa.

Gần đây, nhận định chung về văn nghệ, tôi có dự đoán rằng trong vòng mười năm nữa, những người cầm bút tại miền Nam - tất nhiên có cả những người viết tiểu thuyết - chắc chắn sẽ sáng tác được những tác phẩm lớn có nhiều giá trị. Được yêu cầu trình bày ý kiến về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, tôi thấy vẫn còn có thể giữ nguyên lời dự đoán lạc quan của tôi. Nhân dịp này, tôi xin nói thêm một vài ý nghĩ khác của tôi cũng về vấn đề tiểu thuyết Việt Nam.

Trong số các tác phẩm ngoại ngữ được nhiều người đọc nhất hiện nay ở đây có những tác phẩm của trường phái "*Tiểu Thuyết Mới*" (Nouveau Roman) mà đại diện là Alain Robbe-Grillet và Nathalie Sarraute. Cái mới dễ nhận nhất trong tác phẩm của họ là một bút pháp đặc biệt được mệnh danh là "*chủ nghĩa khách quan*." Rồi đây bút pháp ấy có thể sẽ được sử dụng tại Việt Nam trong những tác phẩm sắp thành hình.

Didier Anzieu trong tạp chí "*Les Temps Modernes*" số 233 tháng 10-1965 có viết rằng tiểu thuyết của A. Robbe-Grillet giống như những cảnh trống rỗng trong đó diễn ra những biến cố vô

nghĩa và rải rác dăm ba đồ vật vô ích, không có ý nghĩa gì đối với con người. Người đọc chán ngán và mệt mỏi. Nhưng nếu chịu khó đọc thì sẽ thấy xúc cảm mạnh mẽ và sâu xa mà không thể hiểu thấu về nguồn gốc của sự xúc cảm đó là ở đâu. Đó là một sự xúc cảm thuần túy và huyền bí. Một sự giải thích không làm cho chúng ta hài lòng.

Tuy nhiên, các ý kiến của Lucien Goldmann trong quyển "*Pour une sociologie du Roman*" có thể làm sáng tỏ quan điểm của Didier Anzieu. Theo L. Goldmann thì bút pháp của Robbe-Grillet đã là chứng tích của một thời đại trong đó con người trở nên thụ động hơn trước đối với đồng loại cũng như đối với ngoại vật. Vì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hậu bán thế kỷ XX đưa tới hậu quả là một sự tiêu hủy bất cứ một sự quan trọng nào của cá thể trong các cơ cấu kinh tế và do đó trong toàn thể đời sống xã hội, một đời sống mà giá trị đổi chác và giá cả quan trọng hơn những đặc tính cố hữu của con người hay đồ vật. Có thể chúng ta không hoàn toàn đồng ý với L. Goldmann với cách giải thích của ông về trường phái Tiểu Thuyết Mới.

Nhưng về phương diện thực tế, một bút pháp chủ quan tuyệt đối để thiết lập nên những tương quan mới giữa người với người với ngoại vật bằng một sự đồng hóa (*người=vật*) vẫn có hậu quả là phi- nhân-hóa con người.

VŨ KHẮC KHOAN:

Từ Nietzsche, con người mất yên ổn, cái thế yên ổn người công dân lương thiện nhìn lên trên thấy Thượng Đế luôn luôn mỉm cười hiền hậu, đi ra ngã tư thành phố thấy ông đội xếp cầm gậy chỉ đường. Tâm trạng bất ổn này phát sinh tự Châu Âu, nơi trạm định cư đầu tiên của Thượng Đế, nơi thiết lập trung tâm huấn luyện của lứa đội xếp đầu tiên. Tâm trạng này, hôm nay, đã vượt nhiều biên giới, đã trở thành tâm trạng chung cho đa số thế hệ hôm nay, với một vài dị điểm địa phương. Ở đây, hôm nay cũng vậy. Bởi thêm vào Nietzsche còn bè lũ Marx, còn Freud, còn Sartre và đồng bọn, còn SKZ, còn B52. Thế hệ tiền chiến đã cảm thấy bất ổn trong cái thế giới trung hiếu tiết nghĩa. Thế hệ hôm nay dĩ nhiên cũng đã thấy ngọt ngọt trong không khí một áp Quỳnh Nê, một bến đò Gió.

TRẦN THANH HIỆP:

Tiểu thuyết Việt Nam trong một xã hội Việt Nam cổ truyền đang biến chuyển, nhưng chắc chưa thể tới mức độ của các xã hội tư bản tiên tiến nhất hiện tại - liệu có thể dung nạp được những tác phẩm kiểu trường phái Tiểu Thuyết Mới hay không?

Câu trả lời dành cho tương lai nhưng tùy thuộc phần lớn vào ý thức sáng tạo của những người cầm bút bây giờ.

VŨ KHẮC KHOAN:

Thiên nhiên quặn quại, con người méo mó trên họa phẩm. Nhạc điệu hoặc hiện nguyên hình, thuần chất là nhịp ngày một diễn bá [*chắc in sai, không hiểu là gì?*] của trống da đen, hoặc mất hút trong những vần thơ bất đắc dĩ tự mệnh danh là Thơ tự do. Kèn trompette Armstrong bỏ bạn đồng hành yên phận, nổi loạn đào ngũ, rít lên từng cơn tuyệt vọng.

Và tiểu thuyết dĩ nhiên cũng vậy. Đừng hỏi tại sao. Không có tại sao gì cả, khi những người con gái Sagan lại đắm mình trong lời nhạc Prévert, lại không biết ngon mà vẫn uống từng hơi Vạt 69, không có tại sao gì cả khi họ yêu một cách rất bực mình. Tôi nghĩ rằng tôi cảm thông với tiểu thuyết hôm nay. Có thể tôi hiểu sai. Nhưng tôi không thích tiểu thuyết hôm nay.

*Tác Giả của báo Nghệ Thuật
(Khởi hành số 192&193, Tháng 10&11.2012)*

Ngày giỗ Tạ Tỵ Nguyễn Mạnh Trinh

Ngày 24 tháng 8 là ngày giỗ của nhà văn, nhà thơ, họa sĩ Tạ Tỵ. Có mặt suốt trong hơn nửa thế kỷ văn học Việt Nam, ông là một khuôn mặt nghệ sĩ nổi bật trên nhiều bộ môn. Những bức tranh của ông đã trở thành tài sản quốc gia và được trưng bày ở nhiều phòng triển lãm nổi tiếng trên khắp thế giới. Xuất hiện từ những năm của thập niên 50, có mặt qua nhiều biến cố lịch sử, thơ văn ông đã phác họa được một thời đại đặc biệt của dân tộc và biểu hiện được những ưu tư thời thế của kẻ sĩ, những người luôn nhạy cảm trong cuộc sống.

Nhân ngày giỗ của một nghệ sĩ lớn của văn học nghệ thuật Việt nam, chúng tôi trích đăng lại một bài thơ nổi tiếng đã được phổ nhạc ghi dấu lại một thời xa xưa, ngày mà đất nước vừa bị chia đôi ngăn cách.

Và Hà Nội với nhiều người chỉ còn sót lại vài kỷ niệm đẹp...

Thương về năm cửa ô xưa.



Ô Quan Truong

Tôi đứng bên này vĩ tuyến
Thương về 5 cửa ô xưa
Quan Truong đêm tàn dẫn lối
Đê cao hun hút chợ Dừa
Cầu Rền mưa dầm lầy lội
Gió về đã buốt lòng chưa?
Yên Phụ đôi bờ sóng vỗ
Nhị Hà lấp lánh sao thưa
Cầu Giấy đường hoa phượng vĩ
Nhớ thương biết mấy cho vừa
Cửa Ô ơi cửa Ô
5 ngã đường đất nước
Trôi từ vạt nẻo sông hồ
Nắng mưa bốn hướng đổ vào lòng Hà Nội
Gục đầu nhớ tiếng vông đũa
Có biết chẳng ai mái tóc bành bông chày xuôi ý đẹp
Có nhớ chẳng ai lệ nào ướt đẫm tình người
Tê tái tiếng cười
Từng cánh hoa đời khép lại
Thương về 5 cửa ô xưa!

Ngày giỗ đầu Tạ Ty Nguyễn Đình Toàn

Lại vẫn ông Vũ Ánh nhắc nhở trong máy, mới nhớ ra đã đến ngày giỗ đầu Tạ Ty. Vài người quen biết nhau nói rằng, cái chỗ người ta gặp lại nhau thường nhất, không cần hẹn trước, hiện nay là... Peek Family! Rất nhiều văn nghệ sĩ của chúng ta đã nằm lại đây.

Riêng Tạ Ty mất tại Việt Nam.

Những người quen biết ông, nhắc đến ông, khi tới viếng người khác ở Peek Family, chứ không phải để tiễn ông ở đây. Tạ Ty từng ở tù cộng sản, vượt biên, tới Mỹ, nơi các con ông đều đã trưởng thành, thành đạt. Nhưng sau khi người bạn đường của ông, bà Tạ Ty mất, ông đã quyết định trở về “để chết ở Việt Nam” như lời ông nói.

Mỗi người một hoàn cảnh. Không ai biết rõ ông suy nghĩ những gì. Cứ bề ngoài mà xét, ông đã được toại nguyện.

Nhưng liệu ông có vui chăng?

Hoàn cảnh đất nước chúng ta thật không biết nói làm sao cho đúng. Có lẽ phải dùng đến hai chữ “kinh khủng!” Vì, sống ở trong nước cũng đáng sợ, ra đi cũng đáng sợ, đi rồi lộn trở về lại càng là điều đáng sợ hơn nữa. Biết bao nhiêu mối ràng buộc, liên quan tới người sống, người chết, quá khứ, hiện tại. *Một hành động, lời nói của người này, có thể làm chảy máu tâm, trí người khác.*

Phản Tạ Ty, ông ra về lặng lẽ, chết trong lặng lẽ. Liệu ông có vui chăng? Có lẽ không một người Việt Nam nào lại không mong ước được chết trên đất nước mình. Đó là ước muốn âm thầm nhưng vô cùng mạnh mẽ. Có thể gọi là ước muốn thiêng liêng nữa.

Nó có cùng với thân xác, lớn lên cùng thân xác và chết đi cùng thân xác, dù người ta có là một người tầm thường nhất trong đời sống, có không làm được gì đáng coi là để lại cho đời. Các cụ kể rằng, xưa, những người vì lý do này lý do khác lưu lạc chân trời, tha phương cầu thực, không về được quê hương, lúc chết cũng muốn được chôn đầu hướng về cố quận.

Ước muốn đó làm cho mọi người ngang hàng với nhau đối với Đất Nước. Nhân đây cũng xin nhắc lại đôi dòng tiểu sử của ông: Tạ Ty sinh năm 1922 tại Hà Nội. Ông tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương năm 1943, ngành sơn mài.

Nhưng ông lại nổi tiếng như một họa sĩ lập thể rồi trừu tượng về tranh sơn dầu. Ngoài vẽ ông còn viết văn, làm thơ, phê bình văn học.

Những tác phẩm văn học chính của Tạ Ty có thể kể:

- Những Viên Sỏi
- Yêu Và Thù
- Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ
- Phạm Duy Còn Đó Nỗi Buồn
- Cho Cuộc Đời
- Bao Giờ
- Đáy Địa Ngục
- Mây Bay

Đề tựa cho tuyển tập truyện ngắn Những Viên Sỏi của Tạ Tỵ xuất bản lần đầu tiên, nhà văn Nguyễn Hoạt viết: “Tôi nhận thấy trong con người Tạ Tỵ cũng như trong tác phẩm văn chương của anh, cái đáng yêu nhất, đáng quý nhất vẫn là Tình Thương chân thành, một Tình Thương do sự kích động qua xúc cảm mà bật ra, chứ không phải là một thứ văn chương hời hợt, giả tạo.” Xin trích dẫn sau đây vài đoạn trong bài thơ “Đôi Ta” in trong Tuyển Tập Tạ Tỵ [các trang 612-613]. Đây là bài thơ Tạ Tỵ đã viết khi ở trong trại tỵ nạn Pulau Bidong:

*Chúng ta ngồi đây, trên mỏm đá này, không thuộc về quê hương nước Việt
Đã xa rồi, xa thật rồi, những hình bóng thân yêu
Đã vĩnh viễn chia tay cùng phố phường quen thuộc
Việt Nam đó, bàn chân nào nghiêng nghiêng lối bước
Tà áo nào tha thướt phủ hoàng hôn
Mưa đêm về có là ướt môi hôn
Và sương gió có đùa vui bờ vai nhỏ
Chúng ta ngồi đây, trên mỏm đá này, ôm đầy nỗi nhớ
Theo sóng triều dào dạt tấp vào bờ cát đều hiu
Từng nỗi buồn vui đã mất
Chúng ta nhìn xác những con tàu phoi mình trên bãi vắng
Như nhìn thấy bao nhiêu kiếp người trôi giạt, nằm lại
Nơi đây, trên ngọn đồi Vĩnh Biệt
Chúng ta nắm tay nhau, những đường gân nổi lên xanh, tím
Hơi nóng truyền lan ấm chiều hoang đảo cô liêu!*

*Chúng ta ngồi đây, trên mỏm đá này, cho nhau hơi thở
Cho nhau niềm Tin để làm lại cuộc đời
Cho hy vọng trên môi cười héo hắt
Chúng ta xích lại gần nhau, khi nắng chiều sập xuống*

*Khi không gian lắng đọng, mịt mù sóng vỗ ngoài khơi
Khi tất cả chìm vào vắng lặng
Chúng ta chẳng còn nhìn rõ nhau
Chỉ nghe tiếng gió thổi dài trên sóng tóc
Với nhịp tim ru nhẹ chẳng thành lời...*

Thơ ông như thế. Ông ra đi như thế, trở về như thế. Ông muốn được trên quê hương. Ông đã toại nguyện. Liệu ông có vui chăng?



Phụ đính III :
(tiếp theo)

Tuyển tập Tạ Ty

1. Thế Uyên

Tên: Nguyễn Kim Dũng. Bút hiệu: Thế Uyên. Ngày sinh phỏng định: 16-3-1935 tại Cửa Ô Yên Phụ, Hồ Tây, Hà Nội. Ngày sinh đúng: 14 tháng 8 năm Ất Hợi. Viết văn từ năm 1960.

Tác phẩm:

Những hạt cát, truyện ngắn, 1964, Thời Mới xuất bản lần 1, 2 và 3

Mưa trong sương, kịch, Thời Mới xuất bản, 1964

Ngoài đêm, truyện ngắn, Nguyễn Đình Vượng xuất bản, 1965, Khai Trí tái bản 1970

Mười ngày phép của một người lính, đoản văn, Nam Sơn xuất bản, 1965, Khai Trí tái bản, 1971

Những ý nghĩ của bọt biển, đoản văn, Nam Sơn xuất bản, 1966

Nỗi chết không rời, truyện ngắn viết chung với Duy Lam, Nguyễn Đình Vượng xuất bản, 1966, Văn Uyển tái bản, 1969

Tiền đồn, truyện dài, Thời Mới xuất bản 1967, Khai Trí tái bản, 1971

Nghĩ trong một xã hội tan rã, tiểu luận, Thái Độ xuất bản, 1967, tái bản 1969

Bản tình ca, truyện ngắn, Thái Độ xuất bản, 1968

Chiến tranh cách mạng, tiểu luận, viết 1965, bổ túc 1968, Thái Độ xuất bản, 1968

Những người đã qua, đoản văn, Văn Uyển xuất bản, 1968

Kỹ thuật tuyên truyền chính trị, dịch J.M. Domenach, Thái Độ xuất bản, 1969

Tình dục, tuyển dịch Quốc Tế, Thái Độ xuất bản, 1969

Căn nhà người mẹ, đoản văn, Trí Đăng xuất bản, 1971

Đoạn đường chiến binh, đoản văn, Lá Bối xuất bản, 1971

Tiểu luận 3, Thái Độ xuất bản, 1971

Mưa trong sương, truyện ngắn, Nguyễn Đình Vượng xuất bản, 1971

Đã cộng tác với: Tân phong, Văn học, Bách khoa, Khởi hành (Chí), Chính luận, Tiếng nói dân tộc, Điện tín (Báo), v.v.

Thế Uyên và ý thức cách mạng trong văn chương

"Xã hội tác động vào con người làm con người có phản ứng là suy nghĩ. Suy nghĩ đưa đến kết quả là sự lựa chọn một thái độ. Thái độ này như thế nào tùy thuộc tâm hồn từng người: thái độ lớn, rõ rệt, sâu đậm là thái độ của các tư tưởng gia, các vĩ nhân tạo thời thế. Thái độ nhỏ, mơ hồ, mờ nhạt là thái độ của con người thông thường..."

(Thế Uyên)

Thế Uyên, nhà văn trẻ đã vào đời bằng một thái độ. Thái độ đó được hình thành và xuyên qua văn chương để chấp nhận hay phản đối những gì mà nhà văn cảm thấy, nghĩ tới, do đời sống đưa lại với từng dữ kiện hiển nhiên, xác thực.

Trên nguyên lý, văn chương là một-cái-gì phù phiếm, nhằm mục đích đánh lừa thực tại, để ru người đọc vào một khung cảnh, một thế giới nào đó, do óc tưởng tượng của nhà văn thích như vậy, muốn như thế. Nhưng ngoài nguyên lý trên, đích thực, văn chương còn có khả năng và nhiệm vụ: chuyên chở, phổ biến từng sự việc hay những sự việc, từ một tâm hồn đến muôn vạn tâm hồn để tỏ bày thái độ. Thái độ của cá nhân, có thể đúng, có thể sai đối với đa số, nhưng thái độ là một cần thiết cho mỗi con người làm văn học nghệ thuật để chứng minh giá trị qua cá tính độc đáo và sung mãn ở mỗi cương vị người cầm bút. Sự thực, ở đời con người cứ sống mà không cần thái độ, cũng như không phải nhờ xã hội tác động mới biết suy nghĩ, hoặc có thể cứ suy nghĩ mà chẳng cần bày tỏ hay chọn lựa gì cả theo định nghĩa của Pascal: *con người là một động vật siêu hình (l'homme est un animal métaphysique)*.

Những người làm văn học nghệ thuật hôm nay, họ đã can đảm nhìn vào sự thực, tức là cái nhìn vào bản chất đích danh của đời sống cũng như con người trực diện, để nhận xét và phán đoán, đôi khi quá nghiêm khắc ngay cả với mình.

Thế Uyên bước vào văn học với thái độ cứng rắn của lứa tuổi trên 20. Cái nhìn, cái biết và cái hiểu của Thế Uyên đối với cuộc sống đều đi qua chiến tranh, bất công của mỗi số phận, trong guồng máy sinh hoạt thường nhật do xã hội hình thành và chi phối. Bởi đó, mỗi xúc động, mỗi suy nghĩ của Thế Uyên đều chứa chấp trọn vẹn sự hờn giận, phần nộ pha thêm đớn đau, chua xót! Khởi hành từ trạng thái trên, Thế Uyên đã bày tỏ từng ý nghĩ bằng chày của mình qua rất nhiều khía cạnh, ở đây, mọi sự kiện được trình bày đều nhuộm màu bi thương, phần uất, ngay cả vấn đề tình yêu.

Thế Uyên bước vào nghề văn không do tình cờ hay được hỗ trợ bởi hoàn cảnh, mà hiển nhiên là sự dẫn thân, một tình nguyện. Khi cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, cả dân tộc Việt Nam hò reo ăn mừng độc lập, Thế Uyên mới được 10 tuổi, còn ấu thơ, chưa qua khỏi ngưỡng cửa Tiểu học. Rồi chiến tranh toàn quốc chống Pháp bùng nổ hơn một năm sau, Thế Uyên cũng vẫn còn nguyên là đứa bé lẻo đẻo theo gia đình tản cư chạy loạn. Nói về ý thức lúc ấy, quả thực Thế Uyên chưa có một chút ý thức nào về cuộc sống, về chiến tranh cũng như hoàn cảnh chính trị với Nhất Linh, Hoàng Đạo và nhóm Tự Lực Văn Đoàn là những phần tử đối nghịch với Cách mạng đạo đức. Nếu có biết một phần rất nhỏ nào về "huyền thoại hoạt động" của các chú, các bác cũng đều do sự "nghe lỏm" giữa những câu chuyện mà người lớn trao đổi với nhau, hoặc do bố mẹ nói lại khi đã trưởng thành.

Nhưng có điều chắc chắn, không phải vì những hào quang chiếu tỏa từ Nhất Linh, Hoàng Đạo hay Thạch Lam mà Thế Uyên mơ ước đến sự nghiệp văn học sau này, mà đích thực cuộc sống với những mâu thuẫn cùng thân phận con người trong cuộc chiến, đã thấm dần vào cơ thể

cũng như tâm tư của Thế Uyên những giọt cường toan, làm chết dần hồn nhiên và phóng khoáng thay vì phải có, ở trong tâm hồn đang tuổi thanh niên. Bởi vậy, những dòng đầu tiên của người trai trẻ, ngoài hai mươi, trút xuống mặt giấy đã mang nặng nỗi bóng chấy, giầy giụa của thân phận làm người trước những sự kiện tưởng như không có phương thể sửa chữa, dù phương pháp hành văn của Thế Uyên lúc đầu, một phần chịu ảnh hưởng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Sự chịu ảnh hưởng ở đây, những bước đầu khai phá, Thế Uyên không thể tránh được, muốn tránh cũng chưa đủ sức vì tài năng còn bị bủa vây trong không khí *Đoạn tuyệt*, *Hai buổi chiều vàng*, *Bướm trắng* của Nhất Linh hay *Sợi tóc* của Thạch Lam, v.v. Thế Uyên chắc cũng đoán biết điều đó, nên tự mình gỡ khỏi những ám ảnh. Chỉ trong thời gian ngắn, nhà văn đã tự tạo một bút pháp, một chỗ đứng trong nền văn nghệ Việt Nam. Nhưng Thế Uyên không chỉ mong có thế, muốn dùng văn chương để trình bày suy nghĩ về thế hệ mình, về xã hội, mà đích thực, để xác định một vị trí và chiều hướng sáng tạo được ấn định rõ ràng trong tâm thức, dù tình yêu hay căm thù. Thế Uyên cũng bị cuốn vào cơn bão thác loạn của vấn đề dục tình, tuy chẳng mới mẻ gì, nhưng cũng làm choáng váng tâm trí, kèm theo là thực trạng của một xã hội xấu xa và tội lỗi.

Sự có mặt của nhà văn, có phải để gánh chịu buồn rầu, thâm thâm và sâu não trước những vật vã khóc than của bao nghịch cảnh? Việc nhận thức đời sống, có được phán xét bằng sự sáng suốt, vô tư trước những đối tượng nhiều lúc ghê tởm, bỉ ổi? Lòng thương xót của nghệ sĩ phải chăng là một bổn phận đối với tha nhân? Tất cả, như những mắt lưới quây chặt lấy ưu tư – dù thẳm kín – ở nội tâm của mỗi người làm văn nghệ.

Trong nghệ thuật, Thế Uyên muốn tự mình bay bổng lên cao và có đầy đủ quyền hành trong công việc sáng tác, vì nghệ thuật không thể đối trá hay nguy trang, nó phải chân thành và tự do tuyệt đối, trong mọi vấn đề liên quan giữa suy nghĩ, con người và cuộc sống. Bởi vậy, mỗi lời nói, mỗi chữ viết không nhằm vào một trường hợp riêng rẽ, nó được điều hợp từng sự việc đi vào môi trường chung của nghệ thuật để tạo xúc động, tức là đóng góp vào công cuộc khai phóng đời sống với tìm tòi, khám phá bằng ý thức tiến bộ. Một số người cho rằng, văn Thế Uyên kém đạo đức, dâm dăng trong ngôn từ khi đề cập tới một vài trường hợp tình yêu và tuổi trẻ, vì chịu ảnh hưởng và vay mượn những ý nghĩ của Tây phương buông thả sau Đệ nhị thế chiến, hoặc bị mặc cảm dồn nén nên mới thác sinh ra những ngôn ngữ sượng sần làm đỏ mặt các nhà mô phạm.

Thế Uyên, một nhà văn trẻ, lớn lên trong chiến tranh và chấp nhận cuộc chiến này là có thực, cũng như sự có mặt của đời sống là hiển nhiên với mỗi thân phận, dù trai hay gái. Khi đề cập tới tình yêu trong những truyện đầu tay, lẽ dĩ nhiên (đây là mảnh đất thánh cho những cây viết trẻ) khuôn thức tình ái lứa đôi với những đòi hỏi cháy rưng rục ở trong lòng người con trai trên 20 tuổi phải là một ám ảnh, một thôi thúc cần phải tỏ bày và tỏ bày chẳng những với mình, còn với người.

Người đọc có thể nhận định về Thế Uyên qua *Những hạt cát*, tập truyện, do Thời Mới xuất bản (1964) với những đoạn văn:

... Quay lại, Duy thấy Hằng đã đương đứng trên cùng một cành, một tay nắm cành, một tay khoát chỉ đưa trái sung vào miệng. Nàng cố men ra phía Duy ngồi.

"Hằng ngồi xuống kia. Đi thế ngã đừng có trách".

Thiếu nữ lắc đầu cười, nhét nốt nửa trái ăn dở vào miệng: "Hằng biết bơi mà, có ngã cũng không sao..."

Nàng giơ tay ném vài quả về phía Duy. Tay vung lên quá mạnh, Hằng mắt đã loạng choạng. Duy chưa kịp cử động, thiếu nữ đã ngã xuống ao. Nước tóe lên trắng xóa. Duy hoảng hốt, tay run lên, cành lá giao động. Nhưng Hằng đã ngoi lên tóc rũ bết xuống trán. Nàng vừa cười vừa ho sặc sụa leo lên bờ:

"Lâu lắm mới được tắm ao nhà..." Quần áo dẫm nước, lụa mỏng bám sát vào da thịt. Thiếu nữ cúi xuống, đột nhiên im bật. Người Duy nóng lên như hồi nhỏ những hôm trời nóng, nấp trong chăn chơi đi trốn. Một cảm giác buồn buồn như có một con vật gì bò dọc theo sống lưng, mắt chàng không thể rời thân thể ướt nước trước mặt. Thiếu nữ rùng mình kêu lên: "Anh!... Quay đi anh..."

(*Những hạt cát*, trang 9)

... Có một lần Hằng đứng ngoài cổng, giơ tay với một cành hoa ti-gôn. Nàng rướn mình, ngực hiện rõ dưới làn áo mỏng. Duy muốn đặt tay lên, nhưng vội vã xua đuổi ngay ý tưởng ấy. Chàng vẫn chủ trương tình yêu tinh thần và tình yêu xác thịt phải cách biệt... Nhưng sau đó, Hằng đã nhiều lần bắt gặp thấy chàng đang nhìn ngực hay nhìn đùi mình một cách chăm chú. Duy cố gắng xua đuổi, kèm hăm lòng thềm muốn sôi nổi trong người.

Nhưng càng tìm cách kèm hăm, Duy càng thấy thềm muốn mãnh liệt. Chàng mê say thân thể mềm ấm đầy mùi hương quyến rũ, tìm đủ cơ hội để có thể ôm được trong tay. Thiếu nữ ngoan ngoãn và tin cậy, nhưng mỗi lần tay người đàn ông chạm vào ngực, nàng thường rùng mình và đẩy ra...

(*Những hạt cát*, trang 120)

Hai đoạn văn trên đã phản ánh trung thực cái dục tính phát sinh ở trong lòng người con trai mới lớn và sự xâm chiếm thể xác lúc này mới chỉ là một dự định, trong đó còn ẩn nấp e dè, ngượng ngập, hơn nữa, về phía người con gái, vẫn là gìn giữ, là một "kinh dị" ở trên đời, cần phải né tránh. Ngôn từ và ý tưởng của truyện rất gần không khí *Bướm trắng*:

... Trong lúc Thu ăn bánh, Trương ngồi nhìn chăm chú vào đôi môi Thu, Thu ăn dở một chiếc vừa đặt xuống, Trương cầm ngay chiếc bánh dở ăn nốt:

"Cả đời anh chưa bao giờ ăn chiếc bánh nào ngon hơn".

Thu thẹn nóng bừng cả mặt. Nàng hơi lo sợ, bất giác đưa khăn tay lên lau miệng. Trương hiểu ý:

"Em không sợ, anh không dám xúc phạm đến em, anh chỉ xin em cho phép anh cầm lấy bàn tay em trong một lúc, một lúc thôi".

(*Bướm trắng*, trang 121)

Nhất Linh đã viết về tình yêu như thế cách đây ba, bốn chục năm, khi nền luân lý cổ truyền phương Đông còn đè nặng trong tâm trí của mỗi con người Việt Nam thuộc mọi thành phần xã hội. Hầu hết những cuộc tình được đề cập tới trong tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn đều mang mẫu số chung, nghĩa là nó thuộc vào thứ tình yêu cao thượng, lý tưởng, tuy rằng các nhà văn, nhà thơ thuộc nhóm này đều theo Tây học, có tinh thần tiến bộ, muốn cải tạo xã hội Việt Nam lúc ấy bằng văn chương, trong khi sách của Flaubert với *Madame Bovary*, D.H. Lawrence với *L'Amant de Lady Chatterley* cùng *Phân tâm học* của S. Freud đã xâm nhập vào thị trường văn hóa Việt Nam từ lâu. Nhưng hoàn cảnh và vị trí của các nhà văn, chẳng những thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn, mà hầu hết các người làm văn nghệ thuở ấy (1930-45) đều không thể và không dám vượt qua bức tường luân lý quá chắc và quá cao được trấn giữ bởi các ông thầy

Không – Mạnh.

Nhưng hôm nay là chuyện khác. Các nhà văn trẻ, tương đối đã được hoàn cảnh hỗ trợ và xã hội mặc nhiên thừa nhận giá trị suy tưởng tùy theo quan niệm và nhãn giới của mỗi thành phần nằm trong tập thể. Những ý nghĩ của nhà văn, đôi khi quá táo bạo, quá lộ liễu, quá trần trụi được phô bày dưới mắt người đọc ở cả hai khía cạnh: chiến tranh và tình yêu. Chiến tranh từ lâu đã trở thành một ám ảnh, một dằn vặt đè nặng trong tâm trí những người trai trẻ còn đang ngồi ghế nhà trường, do đó, một khi có hoàn cảnh, được dịp tỏ bày là họ không ngần ngại nói thẳng những gì cần phải nói trước công luận.

Tập *Những hạt cát* gồm 6 truyện ngắn, cả 6 truyện đều mang nội dung tựa tựa nhau, nghĩa là dùng những sự kiện hiển nhiên để chuyên chở từng ý tưởng u uẩn được ngụy trang qua câu chuyện tầm thường, coi như không có gì mà đích thực, nó gói trọn một thái độ, một cương cố chống với một trật tự, một cương tỏa nào đó:

... Tôi thiếp đi trong một mối, mơ thấy Nương lơ lửng trên trời xanh, lượn như một con bướm mới hong khô cánh. Tôi vẫy gọi, tôi gào thét. Nương cười, môi đầm máu rồi đột nhiên rơi xuống, thân thể trần trụi giữa giữa trên hàng rào kẽm gai bao quanh đồn. Tôi bừng tỉnh giấc, mồ hôi thấm ướt lưng áo. Tôi lắng nghe. Đêm im lặng khác thường. Một vài tiếng ho khan ngoài sân buồn bã. Chắc địch sắp đánh đồn. Như thế cũng hay.

(*Những hạt cát*, Người lính lê dương, trang 48)

... Vô lý và vô ích. Tất cả triết thuyết bập bênh lướt qua chàng, một đám học trò, lại thêm đám bèo trôi nhanh ngoài sông. Không giải quyết được gì cả và cũng không mang lại một lợi ích, một sức mạnh nào. Trí óc chàng bất lực ngắt ngư trong những luận lý: "Je pense donc je suis" hay "je pense donc je ne suis plus"...? "To be or not to be"...?
(*Những hạt cát*, Qua sông, trang 82)

Tất cả những đam mê, hờn giận, do chiến tranh, tình yêu và cuộc sống đã xô Thế Uyên vào vùng trời u buồn, chán nản đến nghi hoặc ngay cả ý nghĩ của mình. Một cái sống, một cái chết, một nụ cười, một môi hôn, một vòng tay, tất cả như bủa vây nhà văn vào cơn mê, trong đó giữa từng hình ảnh bùng bùng vừa đáng yêu, vừa đáng ghét, vừa đáng kính, vừa đáng khinh.

Tập truyện *Những hạt cát* toát ra không khí u uất, trong một bối cảnh thê lương, âm đạm với sự xâu xé ở nội tâm nhân vật. Đi từ cái nhìn rất thẳng thắn và trong sạch của Hằng qua cái cảm nghĩ hung hãn của Vinh khi muốn đẩy Thục xuống thung lũng, nếu có can đảm, vì biết mình là kẻ đến muộn trong tình yêu.

Thế Uyên hẳn nhiên khi xây dựng nhân vật trong sáng tác, đã ít nhiều cũng đặt tuổi trẻ của mình vào hoàn cảnh đó, dùng nó để biểu dương những suy nghĩ riêng tư nằm sau dòng chữ. Nhưng, tại sao với cái tuổi trên 20 ấy, cái tuổi đáng quý nhất của một đời người, với bao nhiêu hy vọng mà Thế Uyên đã sớm tiếp thu vào hồn mình những ung độc, để rồi bắt đầu từ giọt đắng thứ nhất, Thế Uyên vùng vằng lao mình vào thung lũng đau thương, hờn giận đến phần nộ cho tới bây giờ?

Cái hoàn cảnh khốn khó mà dân tộc Việt Nam phải trải qua 80 năm nô lệ với 25 năm chinh chiến và còn nữa, đâu có phải chỉ dành riêng cho Thế Uyên và thế hệ những người cùng tuổi? Sự vinh quang hay nỗi nhục nhằn nào đó do một chế độ, hay xã hội tạo nên, đã tác động thật sâu đậm vào tâm thức nhà văn để từ đấy bắt nguồn cho thỏa hiệp hay chống đối. Sự chống đối nào cũng vậy, đều mang trong bản chất nó sự chủ quan tuyệt đối, nên bao giờ, lúc nào, nó

cũng được phân tích và nhận xét với những ý kiến phần nào thiên lệch.

Hoàn cảnh miền Nam nước Việt trong năm 1963, vô cùng sôi động với các cuộc đấu tranh, biểu tình chống chính quyền đàn áp Phật giáo. Toàn thể miền Nam lúc ấy như miếng giẻ rách bị nhúng nước. Sau bao nhiêu ngày ngột thở, tiếng súng 1.11.1963 đã phá vỡ một chế độ, để tạo dựng sự hỗn độn liên tục sau một thời gian ngắn vui mừng. Thế Uyên đã sắp hàng với Phật giáo quyết tâm đạp đổ những chướng ngại do chính quyền hay xã hội làm cản trở bước tiến hóa của Dân Tộc đang cần tự do, dân chủ hơn chống Cộng. Nhưng ở tuổi thanh niên, với số vốn kiến thức nhà trường, đã hành nghề thầy giáo, nhất là quay nhìn vào quá trình Cách mạng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn thuộc bên ngoại, Thế Uyên cảm thấy và hình như thấp thoáng đâu đây sự bủa vây của một thế lực khác, trong đó, chưa chắc gì giá trị của suy tưởng và đời sống đã tốt đẹp hơn. Sự kiện này, người đọc nhận thấy ở truyện ngắn *Những kẻ thuộc bài* trong tập *Ngoài đêm* (1965). Nội dung truyện ngắn nói trên ẩn nấp một không khí vừa căm thù vừa sợ hãi trộn lẫn đam mê và chán chường. Sự dẫn thân vào sự chống đối nào đó ở lớp tuổi Thế Uyên nó không nằm trong một khuôn thức thuần túy Cách mạng mà tỏa ra, làm cho mục tiêu chính bị nhạt nhòa theo những chi tiết phụ. Phương pháp hành văn của Thế Uyên theo lối mới, được ưa chuộng tại Âu châu mấy năm trước. Một số nhà văn trẻ ở phương Tây, họ quan niệm văn chương không phải dùng để nói một sự việc, mà đề cập tới nhiều sự việc trong một khung cảnh đã chứa đựng sự hỗn loạn như thế, do cuộc sống hình thành. Nhưng những người trẻ tuổi làm Cách mạng để chứng tỏ sự có mặt của mình trong một khoảnh khắc nào đó thôi, bởi thế, họ cũng dễ buông tay, khi không còn hứng thú:

... Du đứng dậy giải tán buổi họp. Thất vọng lần này để lại một hương vị ung thối, bất hợp lý, gầy gầy của một cơn sốt rét rừng sắp bắt đầu. Mọi người ra về, từng kẻ một rón rén trên cầu thang thiếu bậc, tối đen. Dù sao, khi ra trường, họ đã học được hơn chàng một định lý: "Những kẻ thuộc bài sẽ bị đọa đày". Họ đã học hơn chàng một hệ luận: "Quên bài, quên lời giáo huấn là yên thân". Không còn gì phải chứng minh cả, không còn gì phải chứng minh nữa. Nhưng chàng vì chưa xót ung thối, uất ức, ngăn cản không cho phép chàng học thêm như họ... Suốt đời, suốt đời chàng... Tương lai đen tối mờ hồ hiện ra sau mỗi bước chân nhỏ dần của người cuối cùng ra về...

(Những kẻ thuộc bài, trang 41)

Câu chuyện "hoạt động" coi như đã xong một giai đoạn, chả biết làm gì hơn, những người trai trẻ lại quay về bản ngã đích danh của họ.

... Ba gã thanh niên ngơ ngẩn nhìn nhau. Định đề nghị:

"Đi chơi! Mai mà viết tiếp cũng được".

Dư gạt đầu, xếp tập giấy lên bàn:

"Tao đề nghị đến một quán có cả gái. Truy hoan đôi khi khá cần thiết".

Hùng lắc đầu:

"Tao chỉ đến nhậu thôi. Hôm nay không hứng".

Định cười:

"Mày chỉ giả vờ!"

Hùng cười theo thú nhận:

"Chính thực ra mai Thu đến. Đi chơi gái về, hôm sau ôm người yêu, tao thấy như bản thể nào ấy..." Dư im lặng xuống trước. Khói thuốc bốc vào mắt cay sè.

(Những kẻ thuộc bài, trang 43)

Ý thức về cuộc đời xuyên qua ngôn ngữ nhân vật trong sáng tác của Thế Uyên đã phản ánh phần nào tâm trạng một tầng lớp thanh niên trí thức đã ngồi ghế Đại học. Đứng trước ngã ba, họ chưa định hướng được, đâu là con lộ chính họ cần theo đuổi, cần ném cả sức lực thanh niên vào đó, dù Cách mạng hay đam mê. Họ chạy xông xáo, dón dác chỗ nào cũng thấy mặt, kỳ thực họ chẳng ở đâu hết. Dù đi đâu, đến đâu và hoạt động có vẻ như sống chết với lý tưởng, nhưng rốt cuộc họ lại quay về đứng ở chỗ cũ, ở ngã ba cuộc sống để nguyên rửa lỗi lầm và đờn hèn của kẻ khác!

Nhận xét nêu trên, hiện diện ở hầu hết lớp tuổi trên dưới 20, khi cuộc đời chưa tiếp thu họ vì họ còn quá trẻ, trái lại họ cũng không thừa nhận cuộc đời vì cuộc đời quá già, quá xấu đối với ước mơ của họ.

Giọng văn của Thế Uyên thật chua chát khi đề cập tới thân phận của lứa tuổi thế hệ mình. Thế Uyên viết ra, như ghi nhận những chứng tích, ở đó, từng khắc khoải và giày vò được thể hiện như một hình phạt. Ngay cả trong khuôn viên đại học, nơi Thế Uyên đã biết, đã từng sống và sinh hoạt với nhiệt thành của tuổi trẻ, đã hoài vọng rất nhiều về tương lai nhưng khi đề cập tới, Thế Uyên cũng nhìn nó với cái nhìn thật soi mói, không phải ở khía cạnh học vấn mà ở khía cạnh tâm tư với những ý nghĩ vô cùng táo bạo. Người nữ sinh viên tên Phượng, được Thế Uyên nói đến, sự thực chỉ là mẩu người, một hình múa rối, để nhà văn dễ dàng bày tỏ ý kiến về vấn đề tình dục, cũng như sa đọa ở một khung cảnh, đã được ấn định rõ trong tâm cảm.

... Tôi vòng tay ra sau, đặt lên gáy Hãn. Thân thể đàn ông cứng và nóng khác lạ. Múc thân mật giữa hai đứa lên tới độ cao nhất. Chẳng còn gì hơn – trừ việc làm ái tình và việc này, khi tôi nép sát vào âm thanh, một bản nhạc Slow ưa thích, Hãn đã hỏi và lúc đó tôi đã từ chối. Từ chối vì thấy chưa muốn, chưa cần thiết...

*... Chiếc xe đỗ lại, nép vào góc thông. Tôi ngả người tì gáy lên ghế, mở miệng sẵn sàng tiếp đón những chiếc hôn và tất cả những gì tiếp theo. Tôi không bối rối nhiều dù còn là một trinh nữ – sách vở đã cho tôi biết quá rõ những gì phải tới cùng hậu quả. Bàn tay người đàn ông nóng và rát trên da lưng, những ngón tay chuyển động thành thạo, tạo những động tác cời mở. Tôi khó chịu đột nhiên ngồi thẳng dậy, kéo tay ra. Sự thành thạo của Hãn với quần áo lót đàn bà làm tôi liên tưởng và vì thế hơi kinh tởm. Tôi nói:
"Thôi anh! Đưa em về!..."*

Đoạn văn trên trích trong Khoảng trống, truyện thứ hai trong 6 truyện ngắn của tập *Ngoài đêm*.

Cái khoảng trống của tâm hồn, nhất là tâm hồn tuổi trẻ, nó hiện diện như nỗi thê thiết, để vì nó, nhân danh nó, tuổi trẻ có thể làm được những gì mình muốn khỏi cần hối tiếc. Từng đêm dạ vũ trong hoan ca với khăng khít của vòng tay và những đôi chân diu nhau đi vào thế giới cuồng mê qua âm thanh đầy hứa hẹn. Nhưng sau đó, còn lại cái gì? Còn lại sự rã rời của thân xác, cái chán nản đến cùng cực của ý nghĩ qua không gian và thời gian. Mệt mỏi làm bằng hoại nguồn sống hoa niên.

Tập truyện *Ngoài đêm* trình bày 6 hoạt cảnh, đôi khi sôi nổi, nhưng cũng vô cùng buồn bã, vô

cùng khắc khoải.

Khởi đi từ một cảm nghĩ bé nhỏ của đời sống riêng tư, Thế Uyên dần dần tiến vào môi trường rộng lớn hơn, ở đây, mỗi số phận không còn tùy thuộc nhiều vào mình nữa mà do kẻ khác định đoạt. Nhưng dù ở đâu, hoàn cảnh nào, nhà văn cũng tỏ ra không dễ dàng chấp nhận, ngay cả sự thực mà mình đã gánh chịu qua bộ quân phục do trường Bộ binh Thủ Đức khoác vào người. Thế Uyên tạo nên vấn đề để tra vấn ý thức, ngay cả tình yêu cũng không mang ý nghĩa thiêng liêng, nó trở thành một cái móc cho nhà văn ném vào đáy từng vốc bùn! Nói vậy, không có nghĩa Thế Uyên vào đời toàn bằng hần học, bất mãn cả đâu. Đôi khi, dù rất hiếm, nhà văn cũng biết gìn giữ cho mình chút hạnh phúc nhỏ nhoi để hy vọng ít nhiều giữa cuộc chiến này:

... Đi vòng qua mũi xe, leo lên, cái cánh gà. Chàng tì tay lên tay lái. Thi đây, trong vòng tay, trong ánh đèn hắt từ bên ngoài trên cao. Di muốn vòng tay ôm, muốn hôn. Thi ơi Thi, ngưng nhìn anh một chút để anh có thể ôm em. Thân thể run lên, Di nghiêng người cúi sát mặt Thi:

"Thi! Anh đã tưởng không bao giờ còn gặp nhau". Bàn tay nâng cằm Thi rung nhẹ, đôi mắt mở to của Thi, đôi môi ướt nước mưa lạnh. Di hé miệng ngậm thật chặt. Đột nhiên chàng muốn làm nàng đau đớn, thật đau đớn...
(Ngoài đêm, trang 129)

Rồi hạnh phúc được che chở bằng chiếc *poncho* trong một góc đồn canh!... Rồi luân lý và đạo đức cũng như danh dự được phủ lấp bằng môi hôn, bằng giấy giụa của thân xác với đam mê rục rữa trong khi mơ nhỏ từng giọt bên ngoài!...

Hình ảnh cuộc chiến và cái giá mỗi thân phận người Việt Nam phải trả, bắt đầu từ truyện *Ngoài đêm* đã chiếm hết những suy nghĩ của Thế Uyên. Từ đồn canh tới trại binh, từ phiên trực tới cuộc hành quân, từ tình yêu nhục thể tới băng khuâng và niềm cô đơn của con người trước chiến tranh, trong vũ trụ!

Tình dục đối với Thế Uyên lúc nào cũng là một ám ảnh, vấn đề chính cho mỗi câu chuyện, dù nó thuộc cái trục nào của suy tưởng cũng vậy. Nói đến tính dục không phải nói đến cái xấu xa, ghê tởm, phi đạo đức, phi luân lý, nhưng đích thực, để tỏ bày thái độ với cuộc sống, để chấp nhận giá trị của thực tại, trong đó con người chẳng phải thiên thần cũng chẳng phải là súc vật.

Có điều chắc chắn, Thế Uyên viết không nhằm mục đích kích lệ ai theo gương mình, hoặc dùng văn chương để truyền bá dâm dăng. Thực ra, nhà văn viết cho mình, vì mình. Có nhiều sự thực đang dồn nén, giấy giụa trong nội tâm, tình dục chỉ là lớp sơn mỏng phủ ngoài để đánh lừa "loại gỗ". Đối với Thế Uyên "loại gỗ" đó mới cần, mới là căn bản của vấn đề, mới là con lộ chính mà người viết nhằm vào để dẫn thân, đó là *Ý thức cách mạng trong văn chương*.

Cái tuổi trẻ của mỗi con người thường được nhìn qua tấm lăng kính kẻ khác. Từng nỗi băn khoăn, rạo rục mà con người có thể so sánh, đều nằm trong kích thước ngoại vật.

Thế Uyên nhìn chòng chọc vào đời sống với từng nỗi buồn vui có đấy, với thân phận một chiến sĩ tiền đồn ở vùng cao nguyên heo hút, quanh năm nắng cháy với mưa lũ và những gian khổ của chiến trường làm héo mòn suy nghĩ. Do đó, những ngày phép của người lính bao giờ cũng là niềm hân hoan và thiêng liêng nữa. Họ sử dụng giờ khắc quý báu đó vào những công việc cần thiết nhất, đáng giá nhất, trong đó có việc ngồi quán để nhìn đàn bà, con gái qua lại với những chiếc quần *corsaire* bó chèn làm nổi bật những đường cong kín đáo. Họ nhìn như thế để làm gì, nếu không phải là để thèm muốn và cảm thấy hần học với chính mình?

Thế Uyên đã qua những giờ phút đó và ghi nhận vào tác phẩm *Mười ngày phép của một người lính* những chua xót, ê chề với phần nộ về sự tương phản giữa hai nếp sống dưới một chế độ. Một bên cứ chịu hy sinh gian khổ kể cả máu xương, một bên cứ hưởng lạc:

... Tôi cho tay vào túi lấy bật lửa, một sợi dây đính chìa khóa với tấm lặc có ghi tên họ, số quân, loại máu. Ánh nắng chiều làm kim khí thoáng lóe sáng. Tôi nhớ, trong một khoảnh khắc và với một chút buồn, rằng tôi không phải là người ở đây, rằng tôi chỉ còn có chín ngày phép. Và từ đó, thật ngẫu nhiên, một cất nghĩa, không đúng, một giải thích cho vấn đề đương thắc mắc, xuất hiện: chúng ta những người con gái với quần corsaire và tôi, người lính về phép, là người Việt Nam.

... Tôi đứng dậy ra về sau khi nghĩ rằng **tất cả** chỉ vì người Việt Nam ba mươi năm nay chưa bao giờ được phép làm người, rằng người đàn ông Việt Nam là những quân tốt đến, tốt sang hã, tốt thí cho những chủ nghĩa, những thế lực quốc tế, những tranh giành Nga, Mỹ, Pháp, Tàu, rằng đàn ông Việt Nam là dụng cụ, tất nhiên đàn bà Việt Nam phải mặc quần corsaire...
(*Mười ngày phép của một người lính*, trang 12-13)

Người đọc cảm thấy Thế Uyên đã trút tất cả giận hờn phần uất vào những dòng chữ và ý thức tranh đấu đã nhen nhúm qua ngôn ngữ. Cái giai đoạn vô cùng chệnh vênh, vô cùng nguy hiểm của nước Việt Nam sau ngày Cách mạng 1.11.1963, đã tạo cho những người trai trẻ yêu nước mỗi lo sợ và tức giận. Thế Uyên nằm trong thành phần nói trên, nhất là lại đương cầm súng đi chiến đấu chống Cộng bảo vệ miền Nam tự do, cũng chính vì hai chữ Tự Do, bao nhiêu con người khốn đốn từ mấy đến chục năm qua và còn nữa!...

Nói chung, tập *Mười ngày phép của một người lính* chỉ là những ý nghĩ, dù tốt đẹp hay xấu xa, được trình bày dưới hình thức này hay hình thức khác, cũng chỉ để minh định một thái độ trước cuộc sống thật náo động, nó đương quay với tốc độ phi thường để nghiên nát những gì chạy ngược chiều với nó.

Đi từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác, ở mỗi ý nghĩ, nhà văn như nghiền răng, trợn mắt, sau cùng phỉ nhổ vào cuộc sống có đó, còn đó với những ngôn ngữ chát chúa làm ngỡ ngàng người đọc. Nhưng sự tức giận nào, hễ nói ra được tức là đã nguôi ngoai, lắng dịu phần nào giông tố trong lòng. Thế Uyên, nhà văn rất thành thực và thành khẩn, nên không ngại ngần khi giải bày lập trường, cương vị của mình.

... Trước hết tôi là nhà văn chân thành, chân thành với đời sống, chân thành với mình. Nhưng thái độ khi nhập thế của chúng tôi là thái độ lãng mạn với cuộc đời. Bất cứ ai không cứ nhà văn, đều phải chọn vài thái độ với cuộc đời trước mặt và tùy theo thái độ đã lựa chọn, đời sống sẽ dị biệt với nhau. Cuộc đời đang ở trước mặt kia, nó là như thế, trợn vện như thế, còn nó là bi thảm, là sắc sắc không không, là tươi vui, v.v. tùy thái độ, cái nhìn của từng người...

... Tôi sẽ còn là người (hiểu theo định nghĩa *ni ange ni bête, ni yoga ni commissaire politique*) như thế nào khi nhìn một thiếu nữ 16 xinh tươi mà chỉ thấy thèm cái cơ thể mơn mớn, khi ôm người yếu trong tay chỉ cảm thấy khoái lạc nhục thể. Tôi sẽ là người ra sao nếu không tìm thấy nét anh hùng tuyệt vọng của những người đã và đang chiến đấu trong chiến cuộc hai mươi năm. Đôi khi tôi còn nghĩ rằng những cái gì gọi là đẹp của loài người, anh hùng, khí tiết, bác ái từ bi, công bằng, tự do, v.v. còn duy trì được có lẽ là do những kẻ lãng mạn với cuộc đời này. Và ngày nào không còn thế nữa, tôi sẽ không cần soi gương nhìn tóc bạc da nhăn, tôi cũng hiểu được tâm hồn tôi đã tàn úa, và không xa lắm, cái chết đương chờ đợi.
(*Mười ngày phép của một người lính*, Lãng mạn và cuộc đời, trang 47)

Những ý nghĩ tuy vụn vặt trong tập *Mười ngày phép của một người lính* nhưng ở trong mỗi trang, mỗi dòng, mỗi chữ đều mang nặng giá trị của suy tư để tiếp nối vào những ý tưởng khác trong tập *Những ý nghĩ của bọt biển*.

Ý nghĩ của Thế Uyên hay là thái độ cần có của một nhà văn đã ý thức được vai trò, vừa kiêu hãnh vừa khiêm nhường của mình, trong vận nước nổi trôi đã có tới bốn ngàn năm lịch sử phía sau! Bốn Ngàn Năm Lịch Sử là dĩ vãng quá dài đối với thế hệ hôm nay. Thế Uyên mang niềm băn khoăn đi tìm truyền thống dân tộc qua sách vở, qua ngoại giới, chỉ được gặp các thầy Khổng, Mạnh và những suy nghĩ không thuộc về tinh thần Việt Nam. Truy tầm không được, Thế Uyên phải tra tấn ý thức và chợt nhận ra, mình là người Việt Nam do tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi với những câu ca dao cổ kính, bằng mắt nhìn thấy ruộng lúa xanh tươi và tiếng sáo diều văng vẳng trong không gian buổi chiều, lúc còn thơ ấu. Thêm vào đây là phong tục, tập quán với các ngày Lễ Tết, hội hè, v.v.

Cái tinh thần Việt Nam mà nhà văn tìm kiếm, sự thực, nó hiện diện trong mỗi con người yêu nước, dù cầm súng hay không, miễn rằng nó phải hành xử với nhau bằng tinh thần Việt Nam trong đời sống và ngôn ngữ.

Mỗi ý nghĩ, Thế Uyên đều nêu lên một câu hỏi, một giận dữ, đôi khi chính nhà văn không giải quyết mà dành phần cho độc giả. Từ "*Lời giảng chót gửi học trò cũ*" tới "*Hai thái độ*" là ý nghĩ cuối của tập sách gồm 12 ý nghĩ, mỗi cái đều hàm chứa những ẩn dụ nằm sau hàng chữ. Người đọc không nên tìm hiểu câu chuyện, chỉ cần đọc kỹ vài đoạn văn chính, ở đó, Thế Uyên đã nói thật, nói hết những gì mình suy nghĩ về con người và cuộc sống có mặt. Nhà văn hình như giải bày tâm sự qua những ý nghĩ và dùng kỹ thuật ngắn gọn để chuyên chở ý muốn riêng tư tới người đọc. Nói một cách khác, Thế Uyên đã quan niệm văn chương như một vũ khí đấu tranh tư tưởng trong giai đoạn hiện tại, nên cố gắng làm sao với phương tiện tối thiểu đạt được kết quả tối đa. Do đó, Thế Uyên luôn luôn tìm kiếm phương thức hoạt động hợp tình, hợp lý ngay cả trong văn chương để đạt được mục đích. Sự kiện này hiện rõ trong các đoạn văn của 4 tập: *Mười ngày phép của một người lính*, *Những ý nghĩ của bọt biển*, *Những người đã qua* và *Căn nhà của mẹ* cùng 3 tập tiểu luận: *Nghĩ trong một xã hội tan rã*, *Chiến tranh cách mạng và Tiểu luận 3*, do chính tác giả ấn hành năm nay (1971).

Thái độ của Thế Uyên rất minh bạch, xuất phát từ một điểm khiêm nhường để tiến dần lên cao điểm mà không do sức hỗ trợ từ phía ngoài, tuy rằng nhà văn đã gặp rất nhiều trở ngại cả bạn lẫn thù. Nhưng nhà văn chắc chắn không sợ kẻ thù, dù cho kẻ thù là Cộng sản hay Tư bản mà đích thực, Thế Uyên sợ bạn. Sợ vì không lường được trước sự phản bội sẽ đến vào lúc nào, dịp nào? Điều này làm khổ nhà văn rất nhiều mỗi khi đề cập tới, nó thấp thoáng ẩn hiện trong mỗi câu chuyện nói về lòng tin nhau giữa những người cùng đứng chung chiến tuyến. Thế Uyên lúc nào cũng bị quây chặt bởi những vấn đề, những băn khoăn do đời sống đầy tới, do nội tâm phát hiện. Người đọc có cảm tưởng nếu không viết được, nói được ra, nhà văn có thể vì nó mà chết, nên luôn luôn người đọc bắt gặp những thoáng run rẩy trong mỗi ý, tuy đã được ngụy trang bằng sự trầm tĩnh của phương pháp diễn tả qua một số ngôn từ mệt mỏi!...

Nhà văn cũng đã biết gian khổ của đời quân ngũ, đã nằm đòn và hành quân trong những điều kiện khốn khó, nhục nhằn, sâu tủi của mỗi số phận khi đụng chạm với sống, chết mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút. Và còn biết bao nhiêu số phận kẻ khác liên đới, liên lụy vì chiến tranh! Tất cả những sự kiện đó trở thành ám ảnh, hình phạt trong mỗi suy nghĩ dai dẳng.

Viết văn đã trên dưới 10 năm, Thế Uyên mới chỉ có một tác phẩm dài 234 trang. Truyện *Tiền đồn*, trước khi in thành sách đã được đăng từng kỳ trong tạp chí Bách khoa.

Nội dung tập truyện dài đầu tay đã nói lên một phần tình trạng đất nước và cuộc chiến với những oan khổ do định mệnh, do thế cuộc tạo nên, đẩy mỗi thân phận xa lạ nối kết vào nhau trong những mắt lưới hoàn cảnh. Cái tằm "phông" chiến tranh được dựng lên giữa vùng trời ảm đạm, ở đây, máu lửa, căm thù và dục vọng thay phiên nhau hành hạ mỗi số phận, để rồi mất đi, vĩnh viễn mất đi như mớ bèo ảnh trôi bập bềnh tản mát trong không khí cuộc đời.

Nói về cốt truyện, *Tiền đồn* không có cốt truyện, tức là không có cái "trục" thông thường, để người đọc có thể nắm vào đấy mà theo dõi, cũng như tóm lược sự biến chuyển tâm lý nhân vật chính và phụ, xoay quanh vấn đề nào đó. Người đọc sẽ vô cùng ngỡ ngàng, đôi khi bị lạc hướng nữa, khi đọc *Tiền đồn*. Cung cách viết và cấu tạo tác phẩm này, Thế Uyên không đi theo con đường cổ điển, người viết làm nó tan loãng, lẫn lộn, bắt người đọc phải tự đảm trách một phần vào công việc tìm hiểu, để nói những tan tác với nhau, tạo thành toàn thể vì văn chương hôm nay không nhằm cố động hay phát động tư tưởng nào, nhưng một khi nó đã "sống", đã linh động, nó tự tạo lấy sự tinh và biến cố. Nếu vạn nhất, những sự tinh và biến cố đó, có nói lên một-cái-gì, cũng chỉ do tình cờ chứ không phải nhà văn muốn như vậy. Phương pháp cấu tạo này, sự thực, đã được các nhà văn nghệ đợt sống mới thế giới sử dụng từ nhiều năm qua.

Thế Uyên quan niệm, văn chương không phải công việc giải thích, dù giải thích một cách thông minh đi nữa, mà sứ mệnh của văn chương là trình bày như thế (tel quel) để tùy người đọc nhận định và đánh giá kết quả.

Hình ảnh Vũ, Định và bao nhiêu người đã và đang ngụp lặn trong cuộc chiến này đều do số mệnh đẩy đưa họ gặp nhau, cùng đứng chung chiến tuyến, rất có thể cùng chết với nhau trong một bất ngờ nào! Tâm trạng của họ, tâm trạng chung của giới thanh niên bị động viên vào lớp tuổi trên dưới 20. Họ chiến đấu rất hăng say, rất nhiệt tình nhưng đôi lúc, họ dừng lại tự hỏi, họ chiến đấu vì cái gì, cho ai?

... Tôi hay tự hỏi, một điều như thế này:

"Tại sao chúng ta có chính nghĩa nhưng chính nghĩa ấy lại không giúp gì hết trong việc chiến đấu. Anh, tôi, Vương, Yên... tất cả những tên có mặt trong Tiểu đoàn này cũng như các đơn vị khác đều đồng ý là phải chống Cộng. Nhưng mọi sự đã chẳng ra làm sao hết. Tôi đã từng khai thác tù binh, tụi chúng tin tưởng ở chính nghĩa của chúng nó đến độ phát tởm lên được".

Chàng để súng nằm thẳng bằng trên đùi, móc túi lấy bật lửa châm thuốc, nói:

"Tụi chúng ngu!"

Vũ quay lại hạ giọng thấp:

"Vì thế tụi chúng sung sướng hơn bọn mình!"
(*Tiền đồn*, trang 101)

Niềm băn khoăn của tuổi trẻ tham dự vào cuộc chiến đã phản ánh một phần nào, trong lời đối thoại. Họ chiến đấu, đồng ý, nhưng không phải chiến đấu để chiến đấu. Họ đòi hỏi lý tưởng, đòi hỏi sự minh bạch của chế độ. Họ muốn dừng bao giờ họ trở thành một tượng đá, một con vật hay một con người mất tri giác:

... Chàng cười, bỏ mẫu thuốc xuống đất, lấy mũi giày dẫm nát, Vũ tiếp tục nói:

"Hậu quả kỳ cục và đôi khi bực mình vì bị méo mó nghề nghiệp. Bây giờ nhìn cảnh vật, tôi

không thấy đẹp hay xấu. Ốc tự dưng chỉ thu nhận những chi tiết địa thế cần thiết cho việc tiến quân hay đóng quân mà thôi. Một hàng dừa chỉ có nghĩa là chỗ đó có nước, một bờ tre là nơi phục kích tốt cho địch, con đường quang đặng có nghĩa là dám bị bắn sẻ, trăng chỉ là một yếu tố để tính xem toán kích đêm nên cho đi lúc mấy giờ và về lúc mấy giờ..."

(Tiền đồn, trang 100)

Những câu nói, chắc chắn không phải để nói suông, trong đó hàm chứa sự mỉa mai nào đấy ở ngoài khả năng chống đối của cá nhân. Đề khóa lấp những thắc mắc và suy luận, những người sĩ quan trẻ tuổi đều mang trong lòng một vài vóc dáng đàn bà với đam mê nhục dục.

Vóc dáng của Linh, Bích và các cô gái bán vui đều hiện rõ trong mỗi suy nghĩ, ở trong lòng những người trẻ tuổi đang cầm súng bảo vệ miền Nam tự do:

... Vũ cố gắng vui thích. Mai đi phép: bốn ngày xa đơn vị, xa vùng chiến trận, bốn ngày thỏa mãn sinh lý. Nhưng chàng dù cười, dù nói nhiều, nổi vui sướng vẫn như bông bênh bên ngoài chàng. Trở về nhà qua ngõ hẹp có cây trướng cá lớn, đưa con chạy ra, bữa cơm trưa ồn ào và sau đó chiếc màn kéo ngăn đôi căn buồng, Bích và chiếc háng của nàng và con vật háu ăn hùng hổ để rồi sau đó mồ hôi toát ra đẩy người ngủ thiếp đi trong làn hơi nóng từ mái tôn tỏa xuống...

(Tiền đồn, trang 88)

Sự thôi thúc về tình dục không phải chỉ ở phía người sĩ quan trẻ tuổi cùng nỗi nhớ nhung thành phố qua lỗ châu mai của vọng gác tiền đồn. Nó còn đau đớn hơn, thâm trầm hơn với số phận của vợ chồng anh Ba, người đàn ông quê mùa chỉ biết làm ruộng, ăn nằm với vợ và hồi hộp mỗi đêm phải đi đắp mô để ban ngày chính mình phá nó, cũng như cam chịu khi biết lơ mơ vợ mình đã ngủ với trai, phần chí, uống rượu cho khuây khỏa, lúc say khướt trở về, lại làm tình với vợ, mặc súng bắn, kệ chuyện đắp mô! ...

Chị Ba, người đàn bà nhà quê không may cũng biết đam mê tình dục chẳng những với chồng mà còn với những đàn ông khác mê mình từ hồi con gái, như Tía, Ông, Hải, và tên Trường đồn Dân vệ. Nhưng ngoài tình yêu chính đáng với anh Ba, những cuộc ân ái vụng trộm khác đều do hoàn cảnh cấu tạo, chị Ba chỉ là con vật hy sinh, dù hy sinh một cách khoái lạc, dưới ngòi bút Thế Uyên:

... Chị đưa tay quàng lấy đầu chồng, kéo lên. Đầu gối người đàn ông lọt vào giữa hai đùi ẩm áp, làm chị tự dưng muốn khép hai chân lại...

"... Thôi mình! Mấy ông hành quân lớn, đạn bắn tùm lum bây giờ. Tôi hông chịu xách quần tụt vô hầm như bữa trước đâu".

"Thì ôm quần tụt vô đã sao, như bữa trước đã sao?"

Chị thẹn nóng bừng má. Bữa đó, súng nổ tứ tung, ngồi sát vách đất hầm tay ôm mớ quần áo, tay bông dừa nhỏ mà anh còn tiếp tục...

Cái hoạt cảnh đó, không hoàn toàn do trí tưởng tượng hoặc do óc sáng tạo của nhà văn, mà nó nói lên phần nào sự thực. Nếu ai đã có mặt trong vùng chiến trận dằng dai, phải thừa nhận các sự kiện nhà văn viết ra, nó chứng minh sự chai sạn ở tâm hồn những người dân quê nằm giữa hai lần súng đạn! Sợ, họ vẫn sợ, nhưng không phải vì sợ mà ngưng tất cả sinh thú ở đời. Trái lại, vì chịu đựng quá lâu, nên họ quên đi và chấp nhận hoàn cảnh để bình-thường-hóa nó bằng hành động.

Thế Uyên trình bày chiến tranh dưới nhiều khía cạnh. Ở mỗi khía cạnh, nhà văn hé mở cho ta nhìn rõ từng nỗi bi thương không thể cưỡng chống trong một bối cảnh ngột ngạt của căm thù, chết chóc và thân phận con người. Từ người lính với nỗi đau vợ đi lấy ngoại nhân, đến sự ê chề của cấp chỉ huy khi đã mất thế lực, không còn chỗ tựa, bị người dưới nói hỗn, phải cắn răng nhẫn nhục, vì tuy là cấp dưới nhưng uy thế mạnh hơn, có bà con làm lớn! Cái đau, cái hận của từng người đều đi qua cái nhìn rất tinh tế của nhà văn.

Người viết, đôi khi lạnh lùng trong bút pháp và không ngần ngại nói lên ý nghĩ của mình về vóc dáng người bạn Mỹ ở bên cạnh cuộc chiến. Từng việc lần lượt được giải bày như những mắt xích. Ở khoảng trống của mỗi mắt xích, nhà văn phác họa một khung cảnh, để người đọc nhìn qua đấy, có thể nhận định từng phần riêng rẽ, rất riêng rẽ, để rồi với chất xi-măng kỹ thuật, người viết cho gắn bó dần dần, tạo nên phối cảnh toàn diện của vấn đề. Đôi khi người đọc bắt gặp một vài đoạn, Thế Uyên đã nhìn và ghi nhận như Lawrence trong cuốn *Người tình của Chatterley phu nhân*, ở đấy, tình dục đã làm mờ hết trí năng, làm băng hoại luân lý và đạo đức trở thành lạc lõng! Những động tác ái tình dù ở trường hợp của Vũ với Bích, của Định với Linh hay của chị Ba với Tía, với Ông, với Hải và cả anh Ba nữa cũng chỉ là sự nhắc lại, hay kêu gọi sự việc với nhiều trường hợp trong nhiều hoàn cảnh, làm cho không khí *Tiền đồn* trở thành một sự sần, vướng mắc. Ngay đến cái chết của Vũ, cái chết kiêu hùng giữa mặt trận với mùi cỏ thơm ân tình quá khứ và hình ảnh người đàn bà mang tên Bích với bức màn kéo ngăn đôi căn phòng!... Cũng như cái chết thâm trầm của anh Ba lúc đang đắp mô, chị Ba chết trần truồng cạnh tên Hải – tên cán bộ Cộng sản – đã say mê chị khi trước. Nói đến cái chết tức nói đến sự bình đẳng của mỗi số phận, nhưng cái chết của chị Ba và tên Hải là cái chết đặc biệt trước sự hiện diện của Tía – người yêu chị từ lúc trẻ không có tiền để cưới hỏi làm vợ đành mang nỗi buồn suốt đời, nhưng cũng đã được chị cho chung vui nhục thể!...

Tên Hải và chị Ba chết mà không biết mình chết vì một trái trọng pháo giữa lúc đang cuồng mê khoái lạc:

... Chị đã co chân lên cần, nhưng khi Hải cầm đầu gối ấn sang một bên, chị lỏng lẻo buông thả. Còn giữ chi, thôi cho nó lẩn nữa cho xong đi. Chị nghiêng đầu sang một bên cố nhìn mặt trăng qua lỗ quang lá trên cao, chờ đợi và chịu đựng. Chị toan nói mau lên cho tui còn vô với đũa nhỏ, nhưng lời nói không thốt ra vì một khoái cảm mới mẻ đã dâng lên. Chị hốt hoảng vì chính mình, sao lại thế, sao lại thấy... Chị cố nhìn cho được đủ vòng tròn của mặt trăng qua lỗ quang lá quá nhỏ, khi một tiếng súng một tiếng nổ bùng vang dội. Chị toan vùng lên nhưng Hải dùng sức mạnh ngăn cản.

"Buông tui ra! Vô hầm không chết..."

"Xa mà... coi còn xa mà... Im rồi đó thấy không. Tôi còn ở đây làm sao đánh lớn..."
(*Tiền đồn*, trang 205)

Chị Ba đi vào cái chết nửa vui, nửa sợ, cả tên Hải cũng vậy. Hai cái xác trần truồng đó đã khép lại một khoảng đời, một chút không gian rồi tan vào cát bụi!...

Tác phẩm *Tiền đồn* đã kích động người đọc chẳng những bằng ngôn từ, bằng hình ảnh mà còn làm cho tự đáy tâm tư bùng lên mối xót thương vô độ ở mỗi trạng huống hiện diện trong cuốn sách.

Thế Uyên, mang nhiều khát vọng, chẳng phải do ý hướng nổi tiếng, mà đích thực, muốn dùng nó để đạt được mục tiêu Cách mạng, dù Cách mạng trong tư tưởng. Do đấy, trong 10 năm văn

nghiệp, nhà văn hầu như dành hết thời giờ cho suy nghĩ về những vấn đề xã hội, chính trị qua các tập tiểu luận. Ngay cả tác phẩm văn chương thuần túy, nhà văn cũng tìm mọi cách lồng vào bên trong cái ý hướng đó. Vấn đề tình dục mà Thế Uyên luôn luôn nhắc nhở, tỏ bày dưới hình thức nào đó đều hàm chứa dụng ý, che khuất đi một phần sự thực mà tác giả muốn viết, muốn đề cập tới một cách gián tiếp qua văn chương.

Thế Uyên, vốn dĩ trung thực nên anh chẳng nề hà gì khi nói về đất nước Việt Nam, một đất nước đã quá bi thảm vì hai chế độ: Quốc gia, Cộng sản. Mỗi viên đạn được bắn đi, dù bên này hay bên kia đều là của viện trợ. Cả hai bên đều lệ thuộc vào hai chủ nghĩa: Tư bản và Cộng sản.

... Nhưng chúng tôi, những người còn ở trong Quân lực, vì sinh kế hay vì võ nghiệp, những người đã, đang và sẽ nhập ngũ vì thi hành quân dịch hay vì quan niệm phục vụ tổ quốc qua binh nghiệp, đã an tâm chống Cộng trong những năm đầu của cuộc nội chiến và tin rằng mình chiến đấu để bảo vệ một chế độ trong đó con người được chọn lối sống mình muốn, thờ phụng Thượng Đế mình tin và lấy người mình yêu.

Những 1959, 60, 61 kế tiếp qua để rồi tới 63, 64, 65, 66 giữa tiếng súng nổ vang ngoài mặt trận và khói lựu đạn cay mù mịt, kềm gai giăng mắc ở hậu phương, chúng tôi bắt đầu không hiểu nổi mỗi viên đạn bắn ra, mỗi kẻ nội thù chết đi, chúng ta tiến gần tới đâu. Rồi đến một ngày nào đó ở một tiền đồn, rừng rậm, ruộng lầy hay ở một góc hè phố đô thị, chúng tôi nhận ra rằng trong khi chống Cộng, chúng tôi đã vô tình bảo vệ, duy trì một xã hội thối nát, bất công, áp bức, một xã hội trong đó chỉ những người vô luân và có tiền bạc mới có chỗ đứng dưới ánh mặt trời...

(Nghĩ trong một xã hội tan rã, Sự thành hình của một thái độ, trang 11-12)

Tuy khẳng định thái độ đối với cuộc đời như trên, nhưng Thế Uyên không quá chủ quan nên đã nghi ngờ ngay cả suy nghĩ, kiến thức và kinh nghiệm của chính mình. Nhà văn làm ba cuộc hành trình thăm hỏi các vị đã có quá trình đấu tranh Cách mạng, có căn bản tri thức cao qua bằng cấp và các bậc tu sĩ khả kính, nhằm mục đích noi gương.

Cả ba cuộc hành trình đó đều cho Thế Uyên những thất vọng. Hành trình thứ nhất, với thành tích Cách mạng chống Pháp nay đã già nua an hưởng dư âm một thời và đặt lên vai con cháu cuộc chiến khốn khổ còn đây. Hành trình thứ hai, chỉ gặp những tủ sách, bằng cấp và máy lạnh. Các tư tưởng Tây phương chẳng giúp ích gì cho quốc gia nhỏ bé này cả. Hành trình thứ ba chỉ để lại trong trí nhớ những thửa ruộng đất, những cơ sở kinh tài, những bạo động vi phạm lời răn dạy căn bản của đáng chí tôn trong một trai phòng, những lời giảng dạy về tình thương và tự nguyện vừa cất lên chưa được bao lâu đã đắm chìm vào tiếng reo hò xuống đường tranh đấu cho mục tiêu giai đoạn:

... Bởi thế, bước khởi đầu của chúng tôi không gì hơn là cùng nhau nhóm lên một ngọn lửa nhỏ để nhận diện nhau cho rõ, gạt bỏ mọi huyền thoại cũ, tìm hiểu cho thấy thực trạng để rồi cùng dưới đóm lửa lu mờ mà nhiều trận cuồng phong đang đe dọa dập tắt ấy, chúng tôi cùng nhìn về một hướng để nỗ lực tìm xem bây giờ cần phải học hỏi những gì và học ai, phải làm gì và làm ra sao, phải đến đâu và đi bằng đường nào.

Nhưng đêm tối đen thê thảm của dân tộc mỗi lúc thêm dày đặc, các cuồng phong mỗi ngày thêm ác liệt, đã có lúc đưa chúng tôi vào nỗi cô đơn và tuyệt vọng...

(Nghĩ về một xã hội tan rã, Những cuộc hành trình, trang 19)

Nội dung tập: *Nghĩ trong một xã hội tan rã*, Thế Uyên đã đặt rất nhiều vấn đề, những vấn đề không còn nằm trong văn chương nữa, nó thuộc về chính trị và tranh đấu. Do vậy, tập sách mang chiều hướng khác, mục tiêu khác, ở đó, cái uy quyền của văn chương không còn nguyên giá trị, nó phụ thuộc vào cái "thế đứng" của nhà văn trước xã hội hôm nay.

Nói về Thế Uyên là nói đến sự đa dạng của một con người đã trưởng thành trong "*vận nước nổi trôi*", đã gánh chịu nhiều gian khổ trên bước đường văn nghiệp. Thế Uyên bay lượn chấp chờn từ đỉnh cao này sang đỉnh cao khác, ở mỗi nơi, nhà văn đều để lại những hạt giống và chờ ngày trở mầm vươn lên ánh sáng màu lá mới. Vì muốn dùng văn chương vào mục đích nên ít nhiều gì, người đọc cũng cảm thấy như bị huyền hoặc bởi ý muốn nào đó lẫn khuất trong mọi tác phẩm. Nhưng có lẽ, nhà văn cho đây là vinh hạnh lớn lao đối với một người cầm bút trên 30 tuổi đời, 10 năm văn nghiệp, đã tự tạo cho mình một khung trời riêng biệt.

Thế Uyên, nhà văn phản kháng, luôn luôn chống đối thói nát và bất công xã hội. Những sự kiện được trình bày xuyên qua ngôn ngữ, thật bộc trực và nguyên vẹn. Từng vấn đề được đặt ra, đều nằm ngay trước mắt mỗi người, tại sao ta lại im tiếng? Lời than van hay nỗi oán trách chứa đựng ở nội tâm lâu ngày tích lũy thành ung độc làm bài hoại suy nghĩ, mỗi mồn ý chí phấn đấu. Số mệnh của văn chương hôm nay, chắc hẳn không còn phù phiếm, hiển nhiên là chân xác của đời sống phản ánh qua suy luận. Cuộc sống xô đẩy mỗi số phận vào từng cơn thăng thốt, con người nhiều lúc muốn buông xuôi hết cả để mặc cho số mệnh quyết định. Nhưng, ở cương vị nhà văn, có sự gì huyền bí thúc đẩy một cách khẩn cấp, làm rối loạn tâm thần nếu không nói hoặc viết ra được. Sự nói hay viết ra, chắc chắn cũng chẳng mang lại đổi thay, hoặc có ảnh hưởng sâu đậm trong ý thức chung về đời sống, nhưng ít nhất, nó có mặt để ghi nhận những chứng tích u uẩn hay cuồng nộ của thời đại. Thế là đủ.

Thế Uyên cũng là linh hồn của nhóm Thái Độ. Nhóm này tập trung được một số nhà văn, nhà thơ trẻ tiến bộ. Tất cả những sáng tác cũng như dịch thuật của các văn hữu trong nhóm đều được xuất bản dưới nhãn hiệu Thái Độ. Nhà xuất bản Thái Độ hoạt động rất đặc biệt, khi sáng khi tối, khi đen khi trắng. Có những ấn phẩm in đẹp phổ biến rộng rãi, có tập in ronéo phổ biến hạn chế. Thế Uyên là một trong số đông đảo người làm văn học nghệ thuật chống đối kịch liệt chế độ kiểm duyệt vì quan niệm rằng, người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước công luận những gì do mình sáng tạo, đồng thời cũng ý thức được tầm quan trọng của Quốc gia, nên kiểm duyệt là điều vô lý, không dân chủ. Nhưng đòi hỏi là quyền nhà văn, còn có thể thỏa mãn được hay không, cũng tùy thuộc và nhiều yếu tố, trong đó có chiến tranh.

Thế Uyên còn trẻ lắm, sức sáng tạo còn dồi dào. Ngày mai với nhiều bất ngờ đang chờ ở phía trước.

Trích văn Thế Uyên

... Vũ quỳ lên cố gắng quan sát. Các đóm lửa không còn lóe sáng bên kia lộ. Khẩu trung liên bên cạnh tiếp tục tạo những vết đờ dài lao vào một mái nhà. Chàng đưa chân đạp mạnh vào móng xạ thủ: "Ngóc cái đầu lên nào! Định bắn chim đấy hả?". Người lính chồm lên: "Bắn sát mặt lộ cho tôi một băng nữa". Có một bàn tay đập đập vào chân, chàng quay lại:

"Cái gì?"

"Tư tưởng Đổng đã hỏi có cần yểm trợ 81 không?"

Chàng cầm ống liên hợp, cố giữ cho hơi thở điều hòa:

"Thẩm quyền Vĩnh ba tôi nghe... Thôi, không cần... Tụi chúng rút rồi... Vĩnh! Vĩnh! Đây Vĩnh ba nghe không trả lời... Thôi bắn 60, thôi bắn 60!"

Đưa ống liên hợp lại cho hiệu thính viên, chàng quỳ thẳng dậy, không gian im lặng. Chàng gần như chỉ còn nghe thấy tiếng thở mạnh và tiếng ho khan rải rác. Chung quanh, những vết thẫm nhạt bất động. Chàng quay đầu nhìn tứ phía, không còn dấu vết hoạt động nào của địch. Chàng cất tiếng hỏi:

"Ra, tiểu đội 1 có ai bị không? Tiểu đội 2?"

Các giọng nói quen thuộc từ bóng tối, trong lùm cây, bờ đất lao xao:

"Vô sự, vô sự chuẩn úy..."

Hiệu thính viên kéo máy lom khom lại gần, đưa ống liên hợp:

"Cả Tư tường Đồng đa lần Đồng đa cho lệnh báo cáo".

Chàng tiếp tục nhìn vào khoảng đen thẫm nhạt bên kia quốc lộ, nói thấp giọng vào máy:

"Vĩnh ba báo cáo vô sự. Địch hướng về hướng sông, phỏng đoán là thám báo địch. Sẽ sang lục soát chiến trường trong năm phút nữa. Chấm hết".

Chàng cài vội ống liên hợp vào máy, không muốn nghe thêm các âm điện tử lẫn với những tiếng nói xôn xao đời đời. Trăng chưa lên khỏi rặng cây chân trời nhưng một thứ ánh sáng nhàn nhạt, buồn tẻ, bất định đã làm các sự vật bắt đầu có đường nét rõ, gãy gọn hơn. Chàng cất tiếng, giữ cho vừa đủ nghe:

"Tất cả nạp một kẹp đạn mới! Tiểu đội 1 theo tôi".

Chàng đứng dậy, đầu và nửa thân phía trên chột mát lạnh trong gió. Ngọn cây phía sau xào xạc, không gian chưa trở lại bình thường trong thứ ánh trăng còn non và nhạt nhẽo. Chàng giơ cao tay hạ xuống ra lệnh, những bóng đen vụt băng qua lộ. Chiếc cầu trắng phía xa, các căn nhà bên kia có những hàng cột đen phía trước chờ đợi. Dưới các mũ sắt, các đôi mắt không là gì hơn một khoảng đen thẫm hơn nhưng chàng biết chúng có đó và đang hướng về chàng chờ đợi. Chờ đợi gì? Một tiếng nổ làm chàng gục xuống hay một cái chết đột nhiên cho họ. Tứ bề vẫn mờ nhạt trong thứ ánh sáng không dứt khoát và khó chịu, chàng nói:

"Chắc chắn tụi nó chuồn hết rồi. Anh ra chia làm hai toán đi lục soát dãy nhà và nghĩa địa. Tôi đợi đây".

Chàng đặt khẩu súng xuống mặt nhựa, bỏ mũ xuống cố gắng bật lửa châm thuốc. Luồng gió đều đều làm tắt ngọn lửa nóng bỏng trên tay. Chiếc bật lửa rơi xuống tạo một tiếng va ngán trên mặt đường. Tiếng nói cất lên từ phía sau:

"Chuẩn úy đứng thế, trông rõ lắm".

Không hiểu vì lý do gì, chàng đột nhiên có cảm tình với giọng nói đó, giọng nói vô danh, gần như không thuộc về một người nào đằng sau, có vẻ như phát sinh từ cái không gian lờ mờ hỗn độn đang bao quanh. Chàng ngồi xuống, kẹp chiếc mũ giữa hai đầu gối, gắng bật một lần nữa, đầu như lọt vào trong mũ khi vùng lửa đỏ bùng lên. Khói thuốc êm ả, mơn trớn làm chàng chột

nhận ra lưng, ngực ướt đầm mồ hôi, những giọt buồn buồn chạy dài, dừng lại một khoảnh khắc ở thất lưng rồi biến đi. Các nhà bên kia có tiếng lao xao, chàng lắng nghe, tiếng động vụt im. Tiếng Ra trầm khể từ một khoảng trống bên vệ đường:

"Tụi chúng chắc bị hai tên. Có hai vũng máu sau bếp cái nhà kia".

Chàng tì một tay ngả người thấp xuống, cố định rõ hướng theo cánh tay Ra. Không gian ánh sáng rõ hẳn lên, mặt trăng tròn đã lên khỏi rặng cây, chàng nhận thấy tám kim khí trên cổ tay người phụ tá lắc lư theo một nhịp điệu. Hai binh sĩ xuất hiện, hối hả lại gần:

"Tụi chó đẻ, chuẩn úy! Tụi chúng ban nãy đã nấp sau chuồng bò. Chính thằng Vịnh trông rõ ba đốm lửa hướng đó, quật vô một băng trung liên... Làm một con bò chết ngắc, một con ngắc ngư... Chuẩn úy cho gọi chủ bò dậy mổ lấy bán thịt?"

Chàng cúi xuống hút một hơi thuốc để trong lòng mủ, trả lời không suy nghĩ.

"Cũng được. Anh Ra cho trung đội bố trí quanh khu này rồi hãy cho dân ra khỏi nhà".

Hai bóng đen khuất đi, chìm lẫn vào bóng tối của hàng cây. Tiếng đập cửa vang lên trong vùng yên tĩnh: "Cô bác mở cửa đi! Tụi tôi Cộng Hòa đây!". Chàng cúi xuống hút một hơi thuốc trong mủ, tiếng gọi và đập cửa lúc rõ lúc mờ theo sức mạnh yếu của gió. "Cô bác mở cửa... Cộng Hòa đây!". Chàng ngửa cổ cho gió lùa xuống ngực, các giọt mồ hôi se dần trên da. Các tiếng nói lẫn lộn, trao đổi, một vùng ánh đèn xuất hiện làm các bóng người hiện ra thành từng vệt dài trải về phía lộ. Vùng ánh sáng di chuyển về phía chuồng bò, những tiếng động khó xác định xuất xứ bắt đầu nhiều hơn. Chàng như muốn ngái ngủ, ánh đèn di chuyển qua các bóng xuất hiện trên tường làm đưa trẻ là chàng hơi sợ hãi kéo chăn lên trùm kín mít, giấc ngủ đến êm đềm và buổi sáng đến trong tiếng gà mẹ gọi con ngoài sân, những khung văng nhạ trên vách của ánh nắng mặt trời qua khe hở trên khung cửa căn nhà tại quê cũ. Hơi nóng đầu thuốc bắt đầu tỏa vào ngón tay, chàng cúi xuống cố hút một hơi chót, buồng mẩu thuốc xuống, bốc đất phủ lên từ từ. Chàng đứng dậy.

Vùng ánh sáng rục rờ hẳn lên khi chàng bước vào sân nhà. Một đứa bé ngái ngủ ngồi thàn người trước ngọn đèn nhỏ đặt trên đất, chàng dừng lại một khoảng thời gian, nhận ra đó là một đứa gái tóc rối rũ trên vai áo rách lộ một khoảng da trắng nhạ. Một nỗi xúc động xuất hiện, chàng tự nhủ: Nào có gì đâu, một cô bé gái ngồi ngái ngủ cạnh ngọn đèn dầu, chỉ có vậy. Nhưng nỗi xúc động vẫn còn đó, ray rứt và bí ẩn. Chàng băng qua sân, tới tì tay vào một then ngang nhìn vào chuồng bò: một con vật nằm dài mắt một bên đui, một người đàn ông cời trần ngồi quay lưng lại lúi húi xẻ thịt, thỉnh thoảng bê một khối bầy nhầy vút vào chiếc thúng. Nỗi xúc động tan biến đi khi chàng nhìn rõ người đàn bà ngồi cạnh thúng, hai tay tì trên đầu gối, bàn tay buông thõng xuống gần chạm đất. Tuyệt vọng và khốn khổ có đó rồi, điều chàng âm thầm lo sợ nó hiện ra đầy đủ như thế với hai vệt nước mắt trên da mặt đã bắt đầu nhăn của người đàn bà. Người đàn ông cời trần mệt mỏi đứng dậy vắn người, hai bàn tay mở nguyên gang cách xa thân hình, các vệt máu bết dày đen thẫm óng lên giữa các kẽ ngón. "Giúp tui một chút chứ! Ngồi đó mà khóc ích chi!". Con bò thứ hai đứng sát vách chuồng đối diện bắt đầu run rẩy dữ dội, hai chân trước lẩy bẩy, các vết đạn thủng lỗ chỗ trên lớp lông vàng bết máu. Một bóng đen lại gần ngay cạnh làm chàng quay nghiêng đầu, nhận ra khuôn mặt binh sĩ xạ thủ trung liên đã chúi đầu bắn cả một băng đạn lên mái nhà. Nửa người trung đội phó đột hiện rõ trong vùng ánh đèn, đôi mắt nhỏ long lanh phản chiếu ánh sáng lộ về điềm đạm, chàng thêm muốn có được thái độ ấy vì nỗi xúc động còn đang tiềm tàng, ray rứt. Có gì mà phải... đã có những dân nào bị chết... Chàng đứng thẳng người dậy, lấy thuốc châm hút. Phải rồi, có lẽ thế, chàng đã dừng lưng nhìn nhiều xác chết nhưng nhìn rõ chúng trong tư thế cứng ngắc, thực chết. Còn buổi tối,

khối vô định dưới tấm bạt chiếc giày thoi khối sàn xe lắc lư trong vùng ửng đỏ và bây giờ nổi thống khổ hiện ra kia, con bò run rẩy hấp hối và người đàn bà ngồi khóc. Ra nói với người đàn ông: "Bác mổ con kia đi. Nó sắp chết rồi". Người đàn ông lầu nhàu một câu không rõ, lại gần vách cầm khúc gỗ lớn nhưng một người đã vọt bước vào đánh ngược báng súng vào đầu con bò. Con vật loạng choạng gục xuống, tứ chi tiếp tục run khế. Chàng nhận ra người đánh báng súng là xạ thủ trung liên. Bây giờ đầu hắn cúi xuống, vài đọt tóc dính bết mồ hôi trên trán. Ra nói: "Bán thịt cả hai con được chừng bao, bác?". Người đàn bà im lặng gơ tay quệt ngang mặt, chàng gọi nhỏ: "Ra, Cát, rút đi thôi...". Chàng hướng ra phía lộ và khi đi qua đứa bé ngồi trước ngọn đèn, chàng chợt nhớ ra đêm khuya ở quê ngoại, mẹ chàng đặt chàng ngồi cạnh ngọn đèn để giúp người bà săn sóc mấy con heo, bệnh bất ngờ. Mặt quốc lộ như không còn một vết bụi, loang loáng ánh trăng chạy dài về phía cây cầu đúc, chàng vẫy tay cho quân vượt qua khu đất trống, bóng tối của rừng cây cao úp phủ lên làm chàng bắt đầu nghe thấy tiếng đé kêu trong cỏ.

*

Chị nghiêng đầu lắng nghe, không gian đã trở lại bình thường, có tiếng lao xao trong khu vườn bên kia nhà: "Yên rồi... Lên đi". Đốm lửa đỏ đầu thuốc lóe lên soi rõ chiếc mũ bóng loáng mồ hôi của Ba, mùi khói ám tỏa ra nồng nặc: "Lên thôi, anh! Hết súng rồi". Chị gơ đứa con vào hai cánh tay chống lờ mờ trong miệng hầm, đứa bé mê ngủ quấy mạnh.

"Nhà có bị sao không mình?"

Tiếng Ba từ một góc tối vắng lại:

"Không có sao hết".

"Sao tối nay mấy ông đánh nhau sớm như vậy há? Trăng mới lên mà".

Ba không trả lời, có tiếng ly va chạm vào nhau và tiếng nước chảy ở bàn, trăng đã bắt đầu làm rõ các cây cối ngoài vườn. Chị khế đẩy đứa bé vào phía trong, ngồi dựa vách nhìn ra ngoài khe cửa. Có tiếng heo ủn ỉn lại gần, chị ghé sát khe nhìn ra, gọi khế:

"Hai con heo hồng chịu vô chuồng ngủ!"

"Biết sao. Ra bây giờ dám đụng mấy ông bắt tử..."

Một bàn tay cứng ngắc lẫn mùi thuốc quàng quanh người, kéo chị ngã xuống ván, rồi một sức nặng nóng cứng thoảng hơi rượu phà vào mặt. Chị hoàn toàn buông thả, hài lòng nhưng vẫn thì thào:

"Thôi đi. Đợi chút đi, giờ này dám mấy ảnh tới gõ cửa bắt đi đắp mô".

"Mô nè!"

Bàn tay Ba làm một bên ngực chị đau tê dại:

"Nhẹ chứ, thằng nhỏ dậy bây giờ!"

...Tiếng Ba còn thờ mạnh, chị ngồi dậy khua tay tìm quần. Ba co chân đặt lên chặn lại. Chị cười khế:

"Nhậu say, ham dữ hôn!"

Cánh tay lại vòng quanh lưng kéo xuống, chị ngã người theo chiều kéo, mở rộng thân thể chiều đón. Đột nhiên chị nghiêng người, hay tai vút vai Ba bất động, lắng nghe tiếng loa vắng vắng qua vách.

"Thôi xuống đi mình. Máy ảnh về rồi đó, để sức mà đi đắp mô".

Ba úp chụp xuống giữ nguyên chị ở vị trí cũ:

"Máy ảnh về cứ về. Tui cứ lo việc của tui!"

"Dữ hôn. Một lần rồi chứ nào phải... Nhậu lăm vô rồi lộn xộn hoài với tui!"

Ba thờ mạnh nín thình, nhưng chị không còn hứng thú. Tiếng loa đã nghe rõ hơn giữa tiếng chó sủa, chắc máy ảnh đã về đến nhà bà Sáu. Chị rướn người chiều ý chồng, tiếng loa cắt đứt từng tiếng lọt qua vách làm thân thể trở cứng, và khi Ba run rẩy hồi hả rồi ngã người lăn sang bên cạnh, chị vội vã ngồi dậy nhìn qua khe. Ba bóng đen băng qua vườn, tiến vào sân. Chị quờ tay lay chồng:

"Máy ảnh tới kia!"

Ba ngồi dậy, bước xuống đất lom khom mặc quần. Tiếng gõ cửa nhẹ, một giọng nói như cố làm ra vui vẻ và thân mật:

"Mở cửa cô bác! Chưa chín giờ đã đi ngủ dữ đa..."

Tiếng then cửa va lạch cạch, ánh trăng vụt hiện một khung vuông trên nền nhà. Chị nhìn qua vai chồng, cố nhận diện ba hình đen thẫm đứng xoay lưng lại ánh trăng, một tiếng ho nhẹ gần như quen thuộc. Giọng nói cũ tiếp tục:

"Phiền anh chị ra màn mấy cái mô... Cho tui tay sai đế quốc Mỹ gác ngư chơi".

Một tiếng cười nhỏ chấm dứt câu nói, tro troi lạc lũng. Ba nín thình đứng im, chị nín thình nghĩ tới nỗi mệt mỏi từng nhát cước bổ xuống đất cứng tê dại cánh tay trong bóng đêm, mồ hôi chảy ra ướt đầm vai lẫn sương đêm và sáng hôm sau từng toán quân vào xã thu thẻ kiểm tra với một câu nói nửa mời mọc nửa đe dọa: "Phiền cô bác ra phá giùm mấy cái mã Hồ Chí Minh cho xe đồ lưu thông, đồng bào buôn bán làm ăn chút chứ... Tụi tụi đọi trả thẻ cô bác ở lộ". Cứ như thế bao lần rồi, chị mỗi mệt nhắm mắt lại, người như muốn rã rời. Tiếng chân Ba bước nhanh lại góc nhà, ánh trăng mất vật cản ùa vào mặt và vẫn một tiếng ho quen thuộc ấy làm chị mở bừng mắt cố nhận rõ mặt người đàn ông từ lúc đầu vẫn đứng dưới bức thềm, bất động. Ba lại gần cửa, tiếng thuổng va vào cột vang động như một nỗi bức tức không dám tỏ lộ. Chị nói:

"Thôi mấy anh cho tui ở nhà bữa nay. Tui đang đau, cả đứa nhỏ nữa".

"Thôi mà. Anh chị ráng chút chút, đóng góp cho giải phóng nhân dân... Đừng có lo! Tụi chúng không dám bắn vô đầu đồng bào đâu. Mấy bữa trước tụi chúng bị đồng bào kéo lên kiện trên quận vì bắn vô xã đó, còn ớn mà".

Tiếng nói từ bóng đêm đứng ngoài thềm cất lên, thật quen thuộc làm chị sững sờ:

"Thôi, để chị ở nhà bữa nay. Đứa nhỏ đau mà".

Xúc động đột ngột dâng lên làm chị nghẹn ngào, bàng hoàng. Đứng Hải, đứng Hải rồi, Hải chưa chết và đêm nay trở về đứng ngoài thềm trong ánh trăng với những tiếng ho dè dặt. Chị hơi rướn người về phía trước như để nhìn rõ hơn khuôn mặt chìm trong bóng tối, tiếng loa gọi theo chiều gió lan tới, những người đàn ông im lìm khoanh khắc như ngủ thiếp. Không ai nói gì thêm và chị đứng đó cứng người ra, thân thể Ba bên cạnh chỉ còn như một cái cột một vách tường, những bóng đèn ngoài hiên như cây cò trong vườn. Ba thở dài thật khẽ bước qua bậc cửa, lẩn vào trong những bóng đen, lưỡi thuổng loang loáng hắt ánh trăng. Chị mơ hồ thấy đất lạnh thấm vào gót chân, cơ thể thôi rướn căng về trước, Hải đã trở thành bóng đen mờ mịt tan lẩn vào khu vườn khoảng hiên trắng dưới ánh trăng yên tĩnh. Chị bước ra ngoài ngồi xuống bậc thềm, hơi đất thấm vào móng vào đùi, ánh sáng trắng tứ bề, trên tóc, trên bàn tay, trên nỗi xao xuyến mong ước và tuyệt vọng. Hải đó, chưa chết và trở về như một bóng đen trên thềm đất, như một lõi cuộn tàn bạo làm người chị rũ rượi như khi tiếng súng uy quyền bắt chị lết xuống căn hầm nồng mùi đất ẩm mùi thuốc lá của chồng. Hải đã trở lại, Hải của buổi trưa ven sông lao vào Tia chửi rửa đấm đá túi bụi và chị đứng sững sợ hãi, muốn can hai kẻ, muốn chạy, muốn kêu. Hải của đồn bốc cháy ngùn ngụt, Hải chạy băng qua ruộng mía, sờ soạng vội vã và lục lạo, co quắp sức mạnh trên thân thể chị trên lớp lá cây xào xạc trong bóng đêm. Tiếng loa, tiếng ồn ào rầm rì từ phía trụ sở hội đồng xã vắng lại, chị ngồi im trên thềm, ánh trăng rải đầy trên sân trên lá cây, lắng nghe tim đập khắc khoải. Chị ngồi im trên thềm, chờ đợi. Chờ đợi Hải sẽ trở lại, chị biết thế, hẳn sẽ phải trở lại để sờ soạng, co quắp sức mạnh trên thân thể chịu đựng chiều đón. Không thể tuyệt vọng hơn được, mọi sự sẽ phải đến như thế. Tiếng loa, tiếng ồn ào rầm rì, tiếng chân người lan dần về quốc lộ. Da thịt khe khẽ ướt át nhờn trơn, móng bắt đầu ê ẩm, chị muốn đứng dậy ra vại nước tắm, chị muốn đổi thế ngồi, ánh trăng làm lo âu tăng cao dần, chị muốn lúi vào nhà, ẩn dưới hiên, trong bóng đêm. Nhưng cơ thể vẫn bất động, ánh trăng trên đất trên lá cây, tràn đầy trên tóc trên tay, trên nỗi chờ đợi đến tuyệt vọng một bóng đen sẽ từ bụi rậm, bờ cây xuất hiện như một sức mạnh co quắp phải đón nhận trên thân thể đang tê dại, rũ rượi, nhờn trơn...

(Trích Tiền đồn, từ trang 133 đến 144)

1. Tuý Hồng

Tên: Nguyễn Thị Tuý Hồng. Bút hiệu: Tuý Hồng. Ngày sinh: 12-10-1938 tại Chí Long, Phong Điền, Thừa Thiên. Viết văn từ năm 1962 (viết 1 bài rồi nghỉ 2 năm sau mới viết lại).

Tác phẩm: *Thở dài*, nhà xuất bản Đời Mới 1965, Kim Anh tái bản 1966; *Vết thương dậy thì*, nhà xuất bản Kim Anh 1966; *Trong móc mưa hạt huyền*, nhà xuất bản Đồng Nai 1969; *Tôi nhìn tôi trên vách*, nhà xuất bản Đồng Nai 1970; *Mùa hạ huyền*, Văn Khoa 1971; *Những sợi sắc không* (Giải nhất Văn chương toàn quốc 1970), nhà xuất bản Khai Trí 1971; *Biển điên*, nhà xuất bản Văn Khoa 1971; *Bướm khuya*, nhà xuất bản Đồng Nai 1971

Đã cộng tác với: Văn Hữu, Bách Khoa, Lập Trường, Văn, Văn Học, Tin Sách, Nghệ Thuật, Kịch Ảnh, Con Ong, Điều Hâu, Tia Sáng, Độc Lập, Tin Sáng, Thần Phong, Thời Nay, Đời Nay, Khởi Hành, Tiền Tuyến, Vấn Đề...

Tuý Hồng và Những sợi sắc không

... Huế là quê hương tôi, quê hương đang có vô số nhà cửa cần bán rẻ để người Huế vào Sài Gòn tìm một chỗ ở cuối cùng. Tôi đã ở Huế từ trong bụng mẹ đến năm thứ 28 của cuộc đời. Huế mang thai tôi, đẻ ra tôi, cho đến khi tôi đi lạc vào Sài Gòn này. Từ hai năm nay, tôi ở nhà thuê, nói tiếng Bắc, ăn chả giò, ăn bún riêu, canh chua cá dầm, thịt bò viên, mía ghim và có một người yêu...

... Bỏ Huế mà đi lòng tôi nhớ trời, nhớ khoảng thiên nhiên. Huế đẹp từ vũng nước đọng bên đường đến lượng cỏ non Hương Giang, từ cọng rau muống bờ hồ đến cây phượng già xanh lục... Những đêm mùa đông, những con “*ệnh oạng*” kê mồm khắc khoải kêu than từ những ao rau muống... kêu chi mà khổ mà trầm thống!...

... Cục lòng quá, Huế ơi! Tôi đi... ở với Huế buồn lắm... vào Sài Gòn hoạ may có một nụ cười, vào Sài Gòn hoạ may có một người yêu!...
(*Tôi nhìn tôi trên vách*, trang 10-11)

Huế, quê hương của Túy Hồng đã góp mặt vào văn nghệ với truyện ngắn “Thở dài”, làm bối cảnh nhiều người vì nội dung và lời văn bằng chấy tình dục. Sự góp mặt đầu tiên cũng là sự đóng góp vĩnh viễn vào khung trời văn học Việt Nam một bông hoa lạ và quý. Cô gái xứ Huế, mặc áo tím, che nghiêng nửa mặt chiếc nón bài thơ, mái tóc huyền bỏ xõa ngang lưng, lê đôi guốc mộc gõ lóc cóc trên nhịp cầu Tràng Tiền mỗi sớm, gõ mỗi chiều trên ván cầu Bạch Hổ, để các thi sĩ làm thơ, nó không nằm trong kích thước Túy Hồng. Túy Hồng là một ngọn lửa, là một mũi tên, là lưỡi dao nhọn, là những đột biến giãy giụa, là sự dấn thân không trả giá, là cuộc sống hôm nay không có nguy trang bằng môi cười e lệ, bằng dáng dấp thẹn thùng, bằng sự mập mờ, che đậy. Huế, kinh đô nhà Nguyễn với thành quách lâu đài, với lăng tẩm uy nghi, với dòng Hương Giang lững lờ xuôi mái, với núi Ngự Bình phơ phất chim bay, với bốn mùa thay đổi. Tất cả, đã tạo nên Huế một sắc thái đặc biệt, nó trầm lắng ưu tư trong quá khứ và nó vạm vỡ, hùng tráng trong cách mạng.

Túy Hồng được Huế đùm bọc từ thuở ấu thơ tới năm 28 tuổi. Biết bao nhiêu kỷ niệm giăng mắc đầy ứ tâm hồn. Cái cuộc sống đó, nó không đơn thuần, giản khiết, mà nó đầy sâu mỗi số phận vào góc tối của suy tư, đồng thời nó bắt con người phải phản kháng hay chấp nhận những gì hiện hữu.

Túy Hồng nhớ Huế, thương Huế ở giữa Sài Gòn mưa nắng hai mùa với dòng sông ồn ào không biết mỗi một. Cái cảnh mơ mộng đi sóng đôi trên con đường Phan Chu Trinh nhìn hoa *violette*, hay trải hồn theo tiếng hò ngân dài trên mặt nước sông Hương, không thể có ở đây, ở một hoàn cảnh chụp bắt, lừa lọc, phản trắc kể cả những khuôn mặt anh em! Nó làm cho cuộc sống gẫy vụn ra từng khúc. Nó làm bại hoại và chán mỗi đến tận cùng xương tuỷ, nhưng mọi người không thể và không có cách nào rời xa nó cả. Nó là nguồn sống, là huyết mạch. Nó đưa người lên, dìu người xuống. Nó là cuộc chơi đầy hứng thú và nguy hiểm.

Túy Hồng kinh qua ba tác phẩm nhỏ: *Thở dài*, *Vết thương dậy thì* và *Trong mưa móc hạt huyền* để đi vào những tác phẩm bề thế rộng lớn có tính cách quyết định sự nghiệp văn chương của nhà văn. *Tôi nhìn tôi trên vách*, tác phẩm dài đầu tay của Túy Hồng. Trong cuốn sách, tuy nhà văn dùng ngôi thứ nhất, nhưng nguy trang dưới tên Khanh để giữ tính cách riêng của nhân vật, sự thực, nó chính là một đoạn đời khi già từ tuổi con gái của tác giả, cũng như Colette viết về đời mình trong nhiều cuốn sách, với các nhân vật mang tên Claudine hay Renée chẳng hạn. Và lại, cái đó không quan hệ. Điều quan hệ là giá trị thực thể của tác phẩm đối với độc giả cùng những dữ kiện mà nội dung cuốn sách chuyên chở, có mang lại một kết quả nào về ý thức đời sống có mặt hay không?

Nội dung *Tôi nhìn tôi trên vách*, viết về đời sống của Khanh, cô gái xứ Huế, vào Sài Gòn rồi lấy Nghiễm, văn sĩ người Bắc. Trước khi lấy chồng, Khanh làm nghề cào thuốc ở các phòng mạch. Nghiễm anh trai gì cẩn thận, không muốn Khanh hành nghề này, sau khi thành hôn, vì một lần vô tình Nghiễm đã chứng kiến sự chụp bắt, làm mò của y công vào thân thể cô gái có nhiệm vụ chào hàng. Nghiễm sống độc thân đến năm gần 40 tuổi mới lấy vợ. Khanh ba mươi mới lấy

chồng. Hai cái già khú để lấy nhau vì tình yêu để rồi chịu đựng nhau trong nếp sống thường nhật. Tiền cưới, một phần, do bạn bè của Nghiễm giúp, cộng thêm số tiền Nghiễm được bạc. Cưới xong, Nghiễm và Khanh chung sống ở một cao ốc giữa Sài Gòn. Tuy đã lấy vợ, nhưng Nghiễm vẫn uống rượu và rong chơi cùng bạn hữu. Khanh không quen lối sống nơi đây, nên bảo Nghiễm sang lại phòng về nhà bố mẹ ở. Bị kích nội tâm đã đẩy Khanh vào một vùng trời oán hận với kỷ niệm, vì hiện tại có Nghiễm, có bố mẹ, các em gái và bạn hữu. Tất cả những gì u uẩn nhất, chua cay nhất đều được Tuý Hồng viết với vò xé, đôi khi tàn nhẫn. hình ảnh Phi hí-pi, Sanh, Ninh và chị Sương, Bích Vân, Bích Khuê v.v... chỉ là những khuôn mặt phụ được tác giả tạo ra để sử dụng vớ vẩn ý nào đó, nhằm gây nên sự tình, đẩy nội dung vào môi trường thuận lợi của kỹ thuật dựng truyện. Nhưng cuối cùng, tác giả vẫn dành cho người đọc sự thoải mái nhẹ nhàng vì chẳng có gì đáng tiếc. Hạnh phúc vẫn nằm trong tay với chồng con nguyên vẹn.

Những mơ mộng thời con gái mất dần theo thực tế. Lấy chồng đâu phải đùa giỡn và không cuộc sống nào toàn bích. Những đuổi bắt của thời con gái, chỉ còn là ảo ảnh do tiềm thức cấu tạo nhằm đánh lừa thực tại. Khi yêu nhau, cái gì cũng tốt, cái gì cũng đẹp, yêu từ giọng nói yêu đi,

Em nói tiếng Huế cho anh nghe đi. Anh thích nghe tiếng Huế, tiếng Huế mà chữ nghe cũng hay!...

Nhưng câu nói chỉ để lừa nhau đó thôi, cuộc đời làm cho sự thực lần lần hiện ra từng mũi nhọn. Những mũi nhọn của đời sống xuyên qua suy tư, đâm lút vào trí não làm tê liệt thần kinh, làm rã rời hy vọng. Sự chờ đợi và mong mỏi không còn cho bòn chòn đứt ruột, nó trở thành nỗi hờn ghen, oán hận và ý nghĩ phũ phàng trong mỗi tưởng tiếc! Tình yêu có đấy, cuộc đời có đấy, ân tình có đấy, nhưng nó là cái gì vừa tung cao lại giật xuống, vừa cho đi lại lấy về, vừa xây dựng lại phá đi, vừa thương yêu lại phụ rẫy. Nó là nỗi khổn khổ của thực tế đối chiếu với dự tưởng. Nó không tròn đầy vòng tay mong mỏi. Nó thiếu hụt. Nó chơi vơi như kẻ không biết bơi bị cuốn vào trận đắm tàu. Tuý Hồng là ngọn lửa hoả diệm sơn ngất ngất, chứa chấp tận đáy sâu một khối lượng nhiệt khổng lồ, mỗi lần chuyển động là mỗi lần gieo đón đau, đổ vỡ và chất phún thạch kia chảy lan tràn làm chết sống cả một vùng cỏ cây vô tội. Tuý Hồng viết như ném vào cuộc đời những phũ phàng, như tiếng thét giận dữ để phản kháng lại sự trói buộc, cái bắt toàn của luật lệ xã hội với thân phận đàn bà. Bởi vậy, ngôn ngữ văn chương của Tuý Hồng nghe sượng sần, chất chúa.

... Em tôi là văn sĩ. Bước chân vào làng văn là đi đời con gái. Bây giờ thử hỏi một nữ sĩ: Cô đã ngủ với đàn ông lần nào chưa? Thì phải hết sức vô giáo dục, hết sức trơ trên, hết sức giả tạo, ngổ ngáo, trôn tráo mới có câu trả lời: Tôi chưa hề ngủ với đàn ông lần nào!...

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 26)

A, nữ sĩ! A, văn nghệ! Nếu vậy làm nữ sĩ cũng cực nhọc lắm, đâu có dễ dàng. Cái mảnh hồng nhan với đường con rờ rệt, gồm những tế bào được cấu tạo bởi: muối khoáng, nước, vôi, sắt, acit v.v... có phải điều quan trọng, có phải một gìn giữ thiêng liêng cho mỗi nhan sắc? Hay nó chỉ được đánh giá bằng đam mê nhục thể, bằng ve vuốt môi hôn, bằng thể tích của cặp đùi, của vùng đồi cỏ êm mượt, với chiếc *tử cung* và *hai buồng trứng*, như Tuý Hồng quan niệm? Không, nó đâu như vậy! Văn nghệ nó là đời sống ở trên đời sống. Nó cung cấp những dữ kiện để tạo nên đời sống, nó chấp nhận hay phản kháng những gì mà đời sống đẩy tới. Nó làm cho mỗi số phận vượt thoát thấp hèn, ti tiện. Nó là môi cười dịu ngọt, nó là giọt đắng tê lưỡi, nó là dòng lệ không bao giờ khô, nó là câu khóc không thành tiếng. Cái *tâm hồn nửa được, nửa cái, cứ thích xông xáo ở ngoài, cứ đâm sầm vào xã hội như trâu bạc mất mùa*, Tuý Hồng dùng để

xác định cương vị của nữ sĩ hôm nay, chẳng qua chỉ để tỏ bày thái độ, để khẳng định lập trường trước xã hội mà thôi. Chính thức, cuộc đời cũng như cuộc tình, đối với nữ sĩ vẫn long lanh màu hồng phách trong đáy ly liên hoan, sóng sánh men rượu ân nghĩa, vẫn ấm ngọt, vẫn mịn màng như hột bánh nhân duyên.

Tuý Hồng viết sắc và nhọn. Sắc như lưỡi dao mới mài, nhọn như mũi dùi mới giũa. Những dữ kiện vừa cay đắng, vừa mỉa mai, vừa dâm đãng, vừa cao thượng, vừa yêu thương, vừa ghét bỏ, vừa buồn vừa vui làm người đọc như bị bủa vây trong một không khí mờ ảo, mù mịt hơi cay, để rồi khóc, để rồi cười, để rồi nuối tiếc!...

Lấy chồng muộn, Khanh thềm có con nâng niu, phòng mai hậu về già đỡ lo, vì thế, đêm tân hôn đối với nàng là *đêm thu hùng lồng lộn, đêm trống mái đập vui*, nàng khát khao mong mỗi sau đêm đó, đường kinh sẽ tắt và bụng tròn vo bởi có đèo thêm mầm sống. Nhưng sáu tháng trôi qua vẫn như tháo chỉ, đan len hoài công uổng sức! Cũng như Khánh hy vọng, lấy vợ rồi, Nghiễm sẽ bỏ mọi thói hư tật xấu như uống rượu, rong chơi cả đêm cùng bạn hữu và với các “cô cháu” kêu bằng “chú” đáng nghi ngờ! Nhưng không được. Nghiễm, nhà văn, nghĩa là ngoài bốn phận làm chồng. Nghiễm vẫn còn có đời sống riêng, một đời sống phóng túng của loài ngựa rừng không thích đóng yên, mắc hàm thiếc, che mắt một chiều. Từng đêm trên cao ốc, khắc khoải mong chồng đi chơi khuya về, làm Khanh chán mỏi. Hơn nữa, cái chung cư đó còn gây cho nàng những ấn tượng hãi hùng, ghê tởm. Không khí hắc ám vây quanh toàn vũ nữ ngày đêm lướt trượt lượn lờ. Ái tình thì đánh ghen, giành giật với những khuôn mặt tiên nữ lúc hoàng hôn và dạ xoa mỗi bình minh thức giấc. Nó không thích hợp với Khanh, cô gái Huế có nếp sống trầm tĩnh, kín đáo, dù trong lòng có nỗi loạn yêu thương từng cơn vật vã!...

Sau cùng, Nghiễm đã thua, chiều theo ý Khanh dọn nhà về ở chung với gia đình bên vợ. Trâm và Thảo, hai cô em lớn của Khanh. Trâm viết văn, làm nữ sĩ đó! Nghiễm như lạc vào thế giới lạ, cảm thấy cô đơn. Xung quanh được bao phủ bởi một nếp sống khác, khác hẳn từ lời nói, khác từ miếng ăn, khác từ cử động. Nghiễm, trước mắt mỗi cô em vợ là con người cần thận vô lối đến ti tiện, mở tủ lạnh cũng khó chịu, rửa chén bát dối cũng không ưng ý, để từ đấy đi vào mâu thuẫn. Còn Khanh về nhà bố mẹ, cũng chẳng sung sướng gì, nàng trở thành cái bung xung, một bên chồng, một bên bố mẹ và các em, chao ôi! Các cô em sao ác ôn làm vậy? Thảo mỉa mai bảo Khanh: *Hầu chồng như hầu chúa, cha thì đau lên đau xuống chẳng pha cho cốc sữa*. Trâm chua chát: *Cá voi lụy rồi, nước biển tha hồ ra sức chào xáo xung động*. Còn Nghiễm lại nhăn nhó: *Sao Thảo nó chửi vào mặt anh vậy?* Khanh là ung nhọt, là đau đớn có đấy. Phải chứng kiến và làm nhân chứng bất đắc dĩ cho hạnh phúc khốn khó của riêng mình và chung gia đình:

... Tôi vùng chạy xuống thang gỗ vào phòng đắp mền nằm co rút. Nước mắt hình như nóng hơn khi tôi khép hai mi lại. Ướt đầm cơn khóc căm, tôi hình dung ra những chuyện tiếp diễn từ buổi sáng đầu tiên tôi về lại nhà cha mẹ: ngày của Nghiễm không phải là một khối thời gian để trống mà tràn đầy công việc, chàng còn bận chuyện liên miên nên giấc ngủ của chàng bao giờ cũng bắt đầu từ nửa đêm đến tám giờ sáng và từ hai giờ chiều mới được ngủ lại giấc trưa. Cái tủ lạnh để trong phòng hai vợ chồng. Trong đó là bia, là trái cây, là nước lọc, là fromage, jambon, pâté, giấc ngủ của chàng bị dựng dậy từ sáu giờ sáng vì tiếng mở tủ lạnh lách cách của các em tôi vào lấy nước lọc. Chàng nằm trên giường theo dõi bước đi, bước chạy của từng đứa, cánh tay từng đứa dang ra mở tủ đóng tủ. Đến ngày thứ sáu cái tủ lạnh mở không ra đóng không vào. Nghiễm bảo:

“Những đứa em gái của cô sao nhiều đàn ông tính, đặng trí, buông thả, dễ dãi, cầu thả. Cô phải bảo với chúng là đồ vật cũng có tri giác, đồ vật cũng biết đau.”

Hai mi mắt tôi bắt đầu đỏ sứa soạn những giọt lệ:

“Vâng, vâng, tôi sẽ không cho chúng thọc tay vào tủ lạnh này nữa.”

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 67)

Chính thức, đồ vật không biết đau, người bỏ tiền ra mua chúng về thì đau thật! Nghiễm, sống độc thân quá lâu, hơn nữa, từ nhỏ đã phải tự mình lo cho mình, gây dựng cho mình, do chính mồ hôi và nước mắt của mình mà có chúng, nên sự giữ gìn là cần thiết đối với Nghiễm. Còn Khanh, vì tự ái nên nàng khổ, Khanh cũng không quên cảm ơn Nghiễm, vì lấy chàng nên nàng mới được ăn nhiều miếng ngon, mặc nhiều đồ tốt, nhưng Khanh muốn rằng, không phải vì thế mà Nghiễm có quyền khinh nàng và gia đình mình. Bài học làm vợ đã cho Khanh biết thế nào là nhẫn nhục. Nhưng trời lại phú cho nàng cái tính tự ái, ưa suy nghĩ nên nàng khổ. Cái khổ đó, nàng muốn vứt đi như vứt bỏ món đồ phế thải hoặc trả thù cho bố ghét, cho bố tức, tuy vẫn yêu chồng, thương bố mẹ, các em. Nghiễm, đôi khi dưới mắt nàng, cũng chẳng tốt đẹp gì, bê tha rượu chè, mê rượu hơn mê vợ, và có lần Nghiễm cho Khanh biết: trước chàng còn hút thuốc phiện nữa kia, bây giờ tu tỉnh lại rồi đó! Bỏ tám phần mười rồi đó, nhà văn mà! Có lúc Khanh giận quá đã phải nhờ Trâm viết thành văn hộ mình một dòng: *Hạnh phúc đôi khi là một tên cướp đuổi nàng chạy như chuột*. Nhưng đó chỉ do sự mất bình tĩnh trong chốc lát, vì *những góc râu của Nghiễm day trên môi Khanh vẫn làm nàng tê tái, khoái cảm!...*

Cái nếp sống chồng Bắc, vợ Huế, còn làm khổ mỗi người về miếng ăn, thức uống. Nghiễm thích bún riêu, chả giò, thịt bò xào cần v.v... nhưng gia đình Khanh lại chỉ ưa cá nục kho, mắm ruốc! Lấy chồng nhà văn lại còn ham đeo hột xoàn, tức là chọn nhầm cửa. Nhưng đàn bà lạ lắm, hay tự ái vật, thấy bạn có hột xoàn, tự nhiên trong lòng nảy sinh mơ ước cho được bằng người. Bích Khuê, một goá phụ trẻ, bạn của Khanh buôn hột xoàn, hay đánh bài với mấy ông tướng thất nghiệp qua vài cuộc đảo chính, chỉnh lý. Sự có mặt của Bích Khuê như lời khích động, lời mời chào vượt thoát. Nghiễm chỉ yêu vợ chứ không yêu gia đình nhà vợ, nên chàng thường mua lén thức ăn ngon chờ cả nhà đi ngủ, gọi vợ dậy ăn vụng. Sự ước mong một đứa con của Khanh rồi cũng đến. Nó hành nàng với một cơn đau chết giấc. Trong cơn mê vì độ nóng, Khanh nhìn thấy viên kim cương Culiman của hoàng gia Anh, và các trò chơi tình ái qua *ba hồi bảy hiệp* của đời con gái thẳng trâm.

Đứa con Khanh mong, nó đã ra đời: *mắt lớn, tai to, tóc rậm, xòm xoàm tiền sử*. Tên nó: Khanh Hiền. Mắt nó đen như satin để sau này lớn lên hợp hồn đàn ông như mọi cô gái Huế. Cuộc đời Nghiễm, Khanh, thêm đứa con vẫn cứ nằm chinh ỉnh ở căn phòng khách được ông bố vợ xây tường vôi vàng ngăn đôi cho cách biệt. Nghiễm vẫn vậy, uống rượu đều và đi Đêm Màu Hồng. Còn không khí vẫn bị quá khứ đi về giăng mắc. Những cuộc tình không có chiều dài, nhưng cũng đủ làm nên kỷ niệm. Dòng sông Hương nước chảy lững lờ xanh biếc, óng ánh ôm nhip chèo périssoire dòn dập. Ôi! Dòng nước cứ mỗi năm một lần bị đại dương lấp hiếp lại ghi dấu mặn nồng làm cả thành phố thiếu nước uống. Nào lãng tã, nào cửa biển Thuận An, nào đèo Vọng Cảnh, nào chùa Thiên Mụ và một hôm nàng thổ thê vào tai Nghiễm: *Anh Nghiễm ạ! Cá voi đực si tình lắm. Ngày xưa có một ông mê em như cá voi đực, mê kỳ lạ, mê đến mọc mọng ra*. Nghiễm: *Ừ!...* Nghiễm biết rõ quá khứ của Khanh nhưng đã thuộc về dĩ vãng. Chàng chỉ cần sự trong trắng của Khanh từ ngày cưới trở đi thôi. Nhưng, làm sao Nghiễm có thể kiềm chế Khanh không được suy nghĩ, không được đến thăm bạn bè? Bích Khuê đó và Sanh chẳng hạn:

... Tôi đứng lên chào về. Sanh nhìn tôi từ tóc tới chân, mắt chàng êm ái mát như lụa và ngọt sứt như quýt Hương Cẩn. Tôi sức nhớ một câu văn tôi đã ghi vào bìa cuốn vở giảng văn năm đệ nhị: “Đừng nhìn nhau lâu, sợ rồi thương mến nhau, chỉ cần quen biết thôi, tình đừng nên tìm sâu.” Hồi đó Bích Khuê nói: “Con Khanh hẳn yêu anh Sanh như sanh với sứa!...”

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 119)

Rồi con đường Phan Chu Trinh nằm bên dòng sông An Cựu ghi dấu kỷ niệm tuổi trẻ. Hôm nay Sanh còn đó, Khanh còn đó, mà xứ Huế thật xa vời. Hình ảnh con Khanh thẳng Sanh điên điên tàng tàng đã bị thời gian khoả lấp vào đời thay, nay chợt trong tiềm thức le lói ánh lên màu hạ cũ. Chuyện đến vay tiền Bích Khuê để mua máy rang ngô, biết đâu chẳng phải cuộc viếng thăm để giải toả kiềm chế:

“Bắt được cô bỏ nhà đi chơi đấy nhé, hết chối, hết cãi.”

“Phải rồi, tôi đi đánh tứ sắc đấy.”

“Này, liều vừa vừa nhé!”

“Anh sao cứ ra tay lớn vào những việc nhỏ.”

“Trước khi đi tôi đã buộc cô ở nhà trông con.”

“Em đi có việc cần.”

“Tôi đã bảo ở nhà, là ở nhà. Cấm không cãi.”

“Ai biết anh khó vậy. Nếu biết anh khó... khó... như vậy... biết vậy thà lấy chồng Huế cho sướng...”

... Con khóc khởi đầu bằng những cái chớp mắt nhỏ, nỗi buồn khởi đầu bằng tiếng thở dài ảm ướt, con điên khởi đầu bằng những sợi thần kinh hư, tôi thẳng thốt nghĩ rằng tôi đang ở trong một cái ống, mở thoáng hai đầu trông ra cuối trời mơ ước, cuối trời kỷ niệm. Tôi trông ra và tôi thúc thủ bó tay.

Thảo rướm giọng:

“Lấy chồng đôi khi là một sự lỡ tay.” Trăm ngừng viết ngừng đầu lên khô hài:

“Lấy chồng là tự sát...”

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 124-127)

Sự ngỡ ngàng tình cảm làm Khanh thấy nhức buốt trong mỗi ngày giờ, sống trong kích thước gia đình, nàng tìm phương kinh qua, bằng cách với Nghiễm cho mình theo học Văn khoa. Khuôn viên đại học đầy Khanh gặp Phi hípi. Khuôn mặt này, tác giả chỉ dùng như một ám ảnh, một buồn phiền, mà nhà văn cần giải toả ẩn ức trong đáy thăm tâm linh. Cái cuộc sống do Khanh chủ động hỏi con gái không còn nữa. Nó chỉ như một sợi tơ đứt mỏng manh bay phất phơ theo chiều gió. Phi như con dã thú, như một tội ác, như sự ghê tởm, như viết sâu Quảng làm lở lói ý nghĩ của nàng. Nó vượt má Khanh, cầm tay Khanh và xấu hổ chưa, nó còn đòi chết trên bụng nàng. Ôi! Cái bụng đam mê có vùng mơ ước! Nổi đốn đau chợt tới. Khanh mong vượt thoát ít phút cái lưới của Nghiễm giăng qua mau, quá dày lại bị cái lưới cuộc đời ô trọc bao phủ. Phi tráo lại nhà thăm Khanh. Cái mái tóc thời tiền sử của Phi, làm Khanh chợt nghĩ đến thời kỳ ăn lông ở lỗ, chưa lừa, chưa khời, chưa sát, chưa vải che thân...

Sự thực, tác giả đã nguyên rủa xã hội Việt Nam trong chiến tranh đau khổ, còn dung dưỡng những điều quái gở qua vóc dáng Phi đó! Câu chuyện Phi chưa xong, đến chuyện Ninh, chàng trai xứ Huế quen nhau ngày xưa ngày xưa. Mỗi khi Khanh gặp lại con trai Huế, như gặp đời sống của mình nên bao giờ nàng cũng vồn vã quán quít. Vì thế, nếu có ý nghĩ u ám trong đầu, đó cũng chẳng phải điều lạ. Các cô em trách Khanh về vấn đề này tuy chẳng thích gì Nghiễm, anh con trai Bắc kỳ khó tính. Tuy làm gì cứ làm, nghĩ gì cứ nghĩ, Khanh vẫn thương chồng lắm,

... Thương chồng, thương luôn những ly rượu của chồng. Thương chồng, thương cả chiếc miêng nói nhanh. Thương chồng, thương cả tạt rung đùi, thương từ ngón chân cái, ngón chân út đến sợi tóc sớm bạc trên đỉnh đầu, thương từ đầu gối thương lên đôi môi lười biếng tạo những chiếc hôn, đôi môi chỉ biết hôn khi có chuyện cần...

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 241)

Nhưng đôi khi quá giận, Khanh nói lên những lời chua hơn giấm, cay quá ớt, ngay vào mặt Nghiễm:

"Giết tôi đi, tôi không chấp nhận thứ chồng trâu ngựa đó... Những người bạn cũ của tôi vẫn có một giá trị, một sức nặng cụ thể cho tôi mền phục. Họ khốn khổ, họ trong sạch, họ thanh thản, họ uống nước với chó không biết uống rượu... Có lẽ họ tồi hơn anh ở những chỗ đó: họ thức khuya để học bài thi chứ họ không thức khuya để ngồi ngắm ca sĩ phòng trà..."

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 260)

Lời nói như những mũi kim châm, như từng chiếc lưỡi lê đâm phập vào da thịt rồi để nguyên đó. Nó chìm xuống vực sâu bao nhiêu ân nghĩa. Nó cắt xén từng tình vắn vít. Nó thắm. Nó đau. May quá còn chị Sương, một người đàn bà biết cư xử theo lẽ phải, tuy cũng bắt nạt chồng "một cây". Chị Sương nói: *Có ba thứ danh dự con Khanh không được chạm đến: danh dự của chồng, danh dự của cha mẹ, danh dự của tụi em mình chưa có chồng*; và chị nói với Thảo, *nếu thằng Nghiễm có lên đây (trên lầu) gây lộn với con Khanh, mình về phe thằng Nghiễm*.

Vì uống rượu và làm việc quá nhiều nên Nghiễm khạc ra máu. Khanh lo lắng chạy đến nhà Bích Khuê xin đơn thuốc gia truyền, gặp Sanh. Sanh trách Khanh, tự nhiên nhảy vào Sài Gòn lấy Nghiễm làm bao nhiêu thằng hồng cảnh, rồi hấn bùng một câu:

"Tại sao Khanh lại có thể đi kết hôn với Nghiễm nhỉ. Khanh có nhận thấy là Nghiễm không đáng xách dép cho Khanh không?"

(Tôi nhìn tôi trên vách, trang 273)

Cái anh con trai xứ Huế này thật nhảm. Đã thua cuộc còn làm tàng. Khanh giận, nhưng câu trả lời của nàng hơi yếu, tự an ủi rằng, không chấp làm gì thằng con nít điên.

Nghiễm ngã người vào cột đèn sau một bữa chả cá mời vợ, trong lúc chờ taxi về. Bệnh Nghiễm nặng thực, tưởng chết ngay, Khanh đưa chồng vào nhà thương Chợ Rẫy một đêm, hôm sau vào Grall, Khanh đang mang bầu đứa con thứ hai. Việc nuôi bệnh là điều khổ cực. Nghiễm bị chai gan vì rượu. Nghiễm phải kiêng thức ăn đặc, nên Khanh ăn phần cơm của chàng, trong nhà thương:

Tôi cười buồn miễn cưỡng nhấc chiếc nĩa xúc vài cuống "nui" cho vào miệng. Qua ba lần nuốt, tôi bỗng cảm thấy đĩa "nui" ngon, tôi gấp miếng sườn sang xé ăn hết cả, ăn hết đĩa xúp hết khúc bánh mì và sau cùng quả chuối dài. Tôi quay nhìn Nghiễm ngủ, tôi phát ngán tôi. Chồng đau nặng mình đỡ đủ thứ một cách khoái khẩu như thế này...

(*Tôi nhìn tôi trên vách*, trang 278-279)

Nghiêm đau nặng lắm, tự nhiên lại rung đùi, đấy là một điềm lành, là dấu hiệu tha thiết nhất của cuộc sống trước mặt Khanh lúc đó. Thời gian làm Nghiêm bình phục, nhưng Nghiêm không về nhà, nằm dưỡng bệnh tại một cao ốc do người bạn tốt cho mượn. Mỗi chiều Khanh đưa cơm và ngủ lại đó. Thời gian này có “cháu” Bích Vân lại thăm, Khanh ghen. Đi từ cơn ghen, Khanh quan niệm bọn đàn ông văn nghệ người nào cũng chia cuộc đời mình làm hai: một cho vợ con, một cho người tình và mỗi người đều có năm bảy lá gan để sẵn sàng đem cho gái. Còn Khanh, vô tình gặp Ninh, gã nói dối Bích Khuê cần gặp nàng. Khanh theo Ninh về nhà. Ai ngờ, có Phi hí-pi chờ sẵn, Bích Khuê không thấy. Hai đứa nó hành hạ nàng, đánh đập nàng, may có Sanh đến cứu. Hình ảnh Sanh lúc nào cũng lớn vờn bên cạnh đời Khanh. Nó không có đấy mà hiện diện trong mỗi góc sống của đời nàng. Nó là cõi trời đã mất, một phiến mây đã qua, một vùng tuổi trẻ nguyên vẹn với giao ước vượt khỏi vòng tay. Quá khứ nhức buốt làm Khanh ngất ngư trong vũng lầy tâm tưởng. Để cứu văn kinh tế gia đình vì Nghiêm đau, Khanh phải đi dạy học, nhưng nàng cũng không quên tìm vui cho riêng mình. Nàng theo Bích Khuê đi phòng trà, phấn son, giày dép, tóc tai hợp thời trang, ngồi xem thiên hạ đánh bạc và đi tắm biển với người con trai lạ mặt, tên Thế. Hắn đã ôm đại nàng giữa sóng biển dạt dạt cuốn xô hai thân xác!... Rồi cũng vì Bích Khuê mà nàng phải nổi nóng cầu xé Phụng vì bị nghi oan ăn cắp chiếc nhẫn kim cương trong lúc Phụng tắm. Thế có mặt như một bãi phân!

Tất cả những việc trên, tác giả chỉ dùng nhằm đưa nội dung vào “cao độ kỹ thuật”, nhưng đồng thời cũng để bày tỏ thái độ sống và sự phản tỉnh sau những chuỗi dài vật vã đam mê, buông thả tâm hồn, thân xác! Ngay cả vấn đề gia đình, Nghiêm còn đó, ba đứa nhỏ còn đó, bố mẹ và các cô em còn đó, ngày tháng còn đó, trước mặt. Nhưng hạnh phúc vợ chồng không thể hoà hợp khi mọi chuyện riêng tư còn được dò xét và phê bình bởi người ngoại cuộc, dù người đó là bố mẹ, chị em. Hạnh phúc cần được che đậy dưới một dung tích nào đó, kín đáo và riêng biệt. Nó nhỏ bằng bàn tay hay to bằng cái đình, miễn nó thuộc về mình. Chỉ có mình và nó. Sau cùng, nhờ trời Nghiêm và Khanh đã có một dung tích để giải toả mọi ám ảnh, phiền não. *Tôi nhìn tôi trên vách* hay *Tôi nhìn tôi trong hồn*, với hình ảnh quá khứ, hiện tại và còn đó, nỗi cô đơn nguyên vẹn. Những hình bóng nào đấy in chập chùng trên tấm-vách-đời-tôi như những vết thương không bao giờ kín miệng, ngày và đêm chỉ làm nhức nhối tâm tư...

Trong hơn bốn trăm trang sách, Tuý Hồng đã vẽ nên bao nhiêu hoạt cảnh vui buồn, với nhiều cay đắng, nhớ thương và giận dữ. Tuý Hồng viết như bút ra khỏi hồi những vương vít, như cầm lưỡi dao khứa vào da thịt mình, để nhìn từng giọt máu đỏ hồng chảy nhể nhại với tiếng cười tự ái. Những vết thương tình ái dù đã thành sẹo trong tâm hồn, nhưng vẫn là ngứa ngáy khó chịu mỗi lần nghĩ tới. Cuộc sống dù được trải rộng ra hay thu hẹp lại, lúc nào Tuý Hồng cũng tự mình bày vẽ, điểm trang cho mình nét đặc biệt, thật đặc biệt, thật riêng rẽ giữa những nhàm chán đến buồn nôn. Nói đến thân xác, không còn là nói điều cấm kỵ và những ngón tay *ngọ nguậy ái tình* cũng chẳng phải lời nói dâm ô, hoặc điều sỉ nhục. Đối với Tuý Hồng, cái khung trời tình ái mà tuổi trẻ tôn thờ, không đi ra ngoài thú vui nhục thể. Chính nó, mới là tình yêu chân thật. Hỡi tên gác rừng của văn hào D.H. Lawrence, mi đã bắt tử cùng với người đã tạo ra mi uống thay, mi đâu có biết!

Từ *Tôi nhìn tôi trên vách* Tuý Hồng đã đi vào *Những sợi sắc không* với sự đắm chìm của bao thân phận quay cuồng, vật vã trong lịch sử và cách mạng, ở đây tình yêu hiện diện như sự thách đố với đạo đức và định mệnh.

Huế nên thơ và trầm tĩnh? Huế e lệ và kín đáo? Không, Huế trong năm 1963 là sôi sục căm thù, Huế là môi lửa thứ nhất, là tiếng gào thứ nhất, là giọt máu thứ nhất, là cam đảm thứ nhất, là quyết tâm thứ nhất trong phong trào nổi dậy để xô đổ một chế độ đã 9 năm làm chủ miền Nam

nước Việt, khi nó không còn làm họ hài lòng. Các thanh niên trí thức đã cùng Phật giáo và toàn dân thành phố Huế nhất tề đứng lên tranh đấu. Một số trí thức bị bắt, bị tra tấn và bị truy nã. Tiếng súng cách mạng 1/11/1963 thành công. Họ reo hò vui sướng. Nhưng sau đó, những người cùng chung lưng đấu cật hôm trước lại không cùng nhau nhìn về một hướng. Một ngã ba sông thành hình. Từ đó là gãy vụn, chia lìa và tình yêu cũng chỉ được đánh giá qua lý tưởng cách mạng, hoặc bằng sự chụp bút nhục thể nếu có hoàn cảnh.

Những khuôn mặt chính: Trương, Lê Hùng, Sinh, Cỏ May, Trầm, quấn chặt lấy nhau trong không gian xứ Huế, và rất nhiều nhân vật phụ chạy xung quanh họ như quân đèn cù. Họ yêu nhau, làm khổ nhau, phản bội nhau, nhớ thương nhau, qua bao nhiêu trạng huống giày vò, qua bao nhiêu bước đi thời đại. Họ tựa vào cánh tay cách mạng để tạo một lý tưởng. Họ tựa vào tình yêu đều chìm họ xuống đáy vực của nghi ngờ, phản bội, ích kỷ, giả trá và lợi dụng. Bị kịch đối với mỗi số phận như những trang đời đen tối, như cơn giông gió thổi từ một vùng trời phần nộ, như một hang sâu chập chờn khua động màu xanh nhợt nhạt của những bàn tay giơ lên cầu cứu trong nỗi thất vọng!...

Tuý Hồng dàn trải cuộc sống trong một kích thước vừa đủ, ở đó tác giả đã góp mặt, đã say mê, và sống thực cái đời sống con gái từng tham dự vào trò chơi cách mạng. Tác phẩm *Những sợi sắc không* mở đầu bằng 21 kẻ trí thức buộc thành phần sinh viên, giáo sư, bác sĩ trong đó có 2 cô gái: Cỏ May và Trầm. Trong những ngày bị giam, một mối tình nhen nhúm giữa Cỏ May và Trương, giáo sư. Tuy bị mất tự do nhưng 21 “sách” vẫn nô giỡn, yêu đời vì họ tin rằng sự kìm hãm này chỉ tạm thời. Muối cứ đốt, rệp cứ cắn, họ cứ ngâm thơ Đường luật và đánh cờ tướng. Họ nói giỡn với lời lẽ như vỗ vào mặt nhau mà không sợ mất lòng:

"Bọn này ăn cơm nguội... đôi đàn bà quá nên thấy cô Trầm đẹp vội tán chơi... ồ ồ nếu cô Trầm không ưng ý thì bọn này quay sang cô Cỏ May. Ôi chà... đúng là một cuộc tán gái nảy lửa, cuộc tán gái sấm sét qua cơn giông là hết, là dứt tuyệt và mất tù ra thì ai đi đường nấy. Ở ở không biết khi được thả rồi còn có tán gái được nữa không? E rằng thiên tài bị rỉ sét ăn mòn đi rồi!... – Thôi đi cha... Khi nào lại có thứ khi không biết trèo..."

Cỏ May, cô gái vì lý tưởng mà tranh đấu, còn Trầm, viết văn, có mặt cho biết mùi đời vậy thôi. Trầm, cô gái phiêu lãng, việc đời đối với nàng cái gì cũng là nhỏ kể cả tình yêu.

Qua một đêm cách mạng, mọi người được trả tự do với sự hoan hô nhiệt liệt của dân chúng. Những buổi liên hoan được tổ chức liên tiếp. Những người ở tù hôm trước bây giờ được coi như có thành tích cách mạng. Họ hội thảo, họ ăn uống, họ cười nói, họ coi cuộc đời và sự thành công hôm nay một phần lớn do họ.

Mối tình của Trương và Cỏ May cũng lớn vui theo cách mạng. Trong khi đó Trầm vẫn cô đơn, sống theo ý mình, theo cuộc đời đã chọn lựa: nghề viết văn với tự do tuyệt đối. Trương, giáo sư đại học gia nhập phong trào chống đối chính quyền lúc đó, vì cảm thấy có bất công trong cách đối xử với Phật giáo và độc tài trong vấn đề cai trị, nhưng một khi nhiệm vụ đã thi hành xong. Trương muốn trở lại cương vị cũ. Từ Pháp về, Trương có mang theo vợ đầm tên Laura và một đứa con. Người vợ không hợp thủy thổ nên đã tự ý mang con trở lại Pháp. Trương lo thủ tục ly dị theo điều kiện của Laura và bắt đầu yêu Cỏ May. Cỏ May, cô gái Huế lạ lùng vừa yêu tình nhân, vừa yêu lý tưởng, cả hai thứ, nàng muốn phải cao đẹp ngang nhau. Vì lý do nào đó cần chọn lựa, nàng sẽ nghiêng về lý tưởng. Tình yêu giữa Trương và Cỏ May đã đi đến lễ hỏi, tuy Cỏ May khổ sở về bài bố cáo của Trương đăng báo ly dị vợ.

Cách mạng đã thành công, các cuộc hội thảo được tổ chức luôn luôn để gìn giữ khí thế đấu tranh vì:

Sau cách mạng không phải là một giấc ngủ vui. Người làm nó không ăn không ngồi rồi, không nhờn như bay bướm. Chúng ta có hai quả đấm bằng thép để nhieć bocc vào bao cát phong kiến, có chiếc lưới dài để nhieć móc vào những phần tử sâu mọt tai hại, bọn mật vụ cần lao phải ngã ngục. Đó là luật thiên nhiên, luật đào thải xã hội. Như cây phải trút lá như rắn phải lột xác...
(*Những sợi sắc không*, trang 18)

Những người trẻ tuổi đi vào cuộc sống như đi vào cuộc sinh sát, như đi vào cãm thù ngàn kiếp! Họ phải phá hết, phải đập đổ hết những gì họ không ưng. Họ bắt cuộc sống phải theo mình, mọi người phải theo mình, trong khi chính họ không cần theo ai cả! Ý thức cách mạng trong họ là cái gì vừa kiên cãm vừa tàn bạo, một chiều. Chẳng biết có phải thứ độc tài mới chẳng? Trương không đồng ý về đường lối đấu tranh đó, chàng bỏ về, bác sĩ Nghị bỏ về, nhưng Cỏ May ở lại. Cỏ May nhìn cách mạng như nhìn vào lý tưởng tuyệt đối. Tình yêu giữa Trương và nàng chỉ có thể nối liền bằng sợi dây cách mạng. Nếu Trương không thích đứng chung chiến tuyến với anh em nữa, chắc chắn nàng sẽ hy sinh tình yêu! Cỏ May càng tức giận khi thấy khuôn mặt nham nhở của Phiến và Trầm, những khuôn mặt không thể phân định rõ ràng lập trường: *trông ngoài thì như ngỗng, nhưng trong chát ngậm như chuối xanh, như sung sống!*

Buổi họp tan, Trầm về nhà Cỏ May ăn cơm, nàng được học khôn ở ông Thông, bố Cỏ May, đang sống theo phương pháp tân dưỡng sinh, gạo lức muối mè:

"Trầm biết không? Sinh ra trên vùng đất nghèo thì phải ăn cơm hẩm, cơm mốc, phải dễ nuôi, phải cực. Sống là phải cựa quậy, phải ngo ngoe nhúc nhích, phải vùng vẫy không để ai đấm lưng, lòi bụng mình được, trước phải không ai chèn cổ, sau phải không có ai ngáng chân. Phương pháp đấu tranh đầu tiên là phải biết kham khổ hoá cái bao tử, bắt nó phải thắt bóp, bắt nó cam go khổ cực..."

Nhưng trong lúc đó, những đứa con gái ông, không đứa nào chịu khổ cực được hết, Ngàn, Ngự, Nguyên v.v... vẫn cứ ăn uống theo phương pháp cựa dưỡng sinh, trừ Cỏ May mỗi tháng hai lần ăn theo bố mẹ. Không những thế, Nguyên còn ham lấy chồng qua câu nói nửa đùa nửa thật: *"Chị Trầm ơi! Biết bao giờ cha mẹ chịu thương thuyết với cha mẹ em để xin hỏi cưới em cho con trai họ hè?..."* Trầm dạy khôn: *"Muốn lấy chồng thì phải tấn công dồn dập, phải xuống đường liên miên để đón tàu tranh giựt, đừng khư khư núp kín trong nhà đợi người ta đi hỏi như ôm cây đợi thỏ..."*

Trầm, cô gái đã trao đời mình cho một ý hướng, quan niệm rõ ràng về cuộc sống có mình đang góp hơi thở:

Một đứa con gái viết văn, một ả giang hồ cầm bút, nói một cách hơn cả cộng sản tam cùng nói, phải theo đến mười ba và hai mươi bốn cái cùng của cuộc đời. Trước luân lý tôi là đĩ. Sống cuồng nộ bất kham. Sống kích động giành giựt. Lướt qua ngọn lửa, vọt theo lao, cuốn trong gió lốc, trườn mình trong sấm sét, hào hển, thờ đốc ngất ngư cãm giác...
(*Những sợi sắc không*, trang 27)

Đối với Trầm, cuộc sống chẳng là cái quái gì cả. Ái tình, cách mạng, lý tưởng cũng để che đậy sự ti tiện, bản thiêu, đê hèn và dâm dăng bên trong! Do vậy, nàng luôn luôn đùa giỡn, khinh bạc những thứ gì mà xã hội chấp nhận hay đề cao. Cái thân xác này, nếu có làm ai mơ ước cũng chỉ để giải quyết sự dồn nén của nhục dục, và tâm hồn, thứ tâm hồn bệnh hoạn luôn luôn đòi hỏi những gì làm no nê khát vọng. Tuý Hồng đã sòng phẳng trong vấn đề *ân oán giang hồ* và tôn trọng *luật chơi* với một thái độ vô cùng nghĩa hiệp! Cuộc ái ân giữa Hoán và Trầm cũng nằm trong khuôn khổ đó. Nào xá gì một chút tình đối với anh con trai nói khoác, cho rằng thiên hạ có

bao nhiêu con gái, mình có bấy nhiêu *bồ*! Không gã đàn ông nào lừa dối được Trầm cả trừ phi nàng muốn để bị đánh lừa. Sự lợi dụng thể xác cũng chỉ là điều ích lợi cho cả hai bên, vì nàng đã đánh hơi thấy sự phản bội cũng như khuôn mặt tình yêu nguy trang của Hoán, gã chỉ yêu Trầm từng phần, cái phần hấp dẫn nhất! Tình yêu, hò hẹn, tuyên thệ, kỷ niệm chỉ là giả dối. Mọi đũa đàn ông đều bước mau và quay mặt khi đã đi sâu vào thân xác của Trầm. Tình yêu của Hoán trôi sục như kinh nguyệt con gái. Hoán đã bao vây tình cảm của Trầm khi nàng làm préceptrice ở gia đình ông Phan, kèm học cho bé Hải, Hoán là chú bé Hải.

Trầm, nữ sĩ bụi đời, khi thôi kèm học bé Hải, nàng vô Nha Trang kiếm sống. Nàng cho rằng, đời đã hư, vữa, chua lè rồi, phá luôn! Cái ý tưởng điên cuồng, rồ dại ấy phát sinh tự đáy lòng chán chường thể cuộc vì thể cuộc chẳng có gì đáng cho ta gìn giữ. Trầm đã dấn thân vào đam mê đến tận tráo, nàng tự thú: *Tôi bây giờ hôn rất tài, hẹn hò rất tài, đi hoang rất tài, ân ái rất tài... dừng dừng như một cục sắt nguội, như bất cứ loài khoáng chất nào trong và ngoài vỏ trái đất.* Trầm như vậy đã trở thành một động vật vô tri. Nàng có đó, biết đó, thấy đó, nhưng không phải là mình!

Cuộc hội thảo lừa trại khai diễn giữa những người đang bị ánh sáng cách mạng làm loá mắt, rối loạn thần kinh, với sự có mặt của Lê Hùng, giáo sư trẻ, mới từ Pháp về, cuồng tín, đầy tham vọng chính trị,

Trương mấy lần dậm đứng lên đều bị Cỏ May níu lại. Cử tọa xôn xao vài tiếng ồn ào lè. Trương hát mạnh bàn tay Cỏ May bước ra ba bước lên tiếng:

"Thưa giáo sư Lê Hùng... như vậy là tôn giáo đã rõ ràng vào cuộc đời và tôn giáo của chúng ta đã công khai tự đặt mình trước một đối thủ rồi, đã mơ hồ thấy chân dung kẻ thù rồi... Vậy kẻ thù mà giáo sư đặt ra đó là ai?"

"Thưa giáo sư Trương... tại sao lại nêu vấn đề kẻ thù... tôi xin nhấn mạnh: độc tài, chia rẽ, đàn áp, bất công... ai đánh ta, ai tiêu diệt ta thì ta phải tự bảo vệ, tự dàn một thế thủ bằng khí giới bất bạo động mà thôi..."

... Ngôn ngữ giáo sư Hùng thao thao như rồng phun, như một dòng nước cuốn sạch mọi điều thối mốc vụn vặt. Những người chất vấn đều lần lượt về chỗ. Trương vẫn còn đứng, bác sĩ Nghị đứng đĩnh bước ra nhìn thẳng vào mặt chàng:

"Vấn đề đặt ra là tranh đấu, tranh đấu cho có tự do, dân chủ thật sự, cho giảm bớt chênh lệch giữa người và người trong xã hội... Kẻ thù chúng ta là ai?... Nó ở trước mặt, nó ở sau lưng, nó ở xa, nó ở gần, nó lảng vảng đây đó. Giáo sư Trương đã thấy và mọi người đều đã thấy."

"Tôi muốn kêu đích danh, chỉ đúng mặt. Tôn giáo của tôi là Phật giáo, đó là một sự rõ ràng và khi có người nhân danh tôn giáo tôi để nói có kẻ thù ở sau lưng, trước mặt, ở xa, ở gần thì tôi muốn biết kẻ thù đó là ai? Đó là một sự rõ ràng."

Một nữ sinh viên bước ra:

"Thưa thầy, con sẽ kể cho thầy một liên danh: độc tài, áp bức, chia rẽ, bất công, đàn áp... thầy nghe đủ chưa ạ?"

(Những sợi sắc không, trang 54-55)

Cuộc tranh luận cứ kéo dài, Trương đứng về phe thiểu số sáng suốt vì không muốn chấp nhận sự tình: một quốc gia trong một quốc gia, một quê hương trong một quê hương, một chính thể

trong một chính thể! Cuộc hội thảo đưa sang vấn đề chữ trí thức miền Nam bằng những câu thật cay độc;

... Trí thức, các ông đang ngủ hay đang thức, hay ông đang ngáy? Ông đang ăn hay đang uống? Ông đang tiểu tiện hay ông đang đại tiện? Ông đang hành lạc ở động phủ nào? Ở cửa động nào? Trên chiếc giường nào? Trên tấm nệm nào? Lưng ông ngã vào tựa do, tay ông chống trên công bằng, đầu ông ngã trên dân chủ, đùi ông gác lên bác ái. Ông được hưởng đủ hết, hưởng đủ các thứ đó. Bây giờ nhé, nếu những lũ dân cù đầy chúng tôi tranh đấu reo hò... tức nhiên ông cảm thấy bị nghe, bị rung động, bị gây huyên não, bị làm quấy phiền, bị mất an ninh ở cặp chân hay đôi tay gì đó... tức nhiên ông khoát tay im đi, im đi, bảo đừng có ồn... cảm hòng.

(*Những sợi sắc không*, trang 57)

Đó, đó là cách mạng, là tranh đấu, là bắt mọi người phải chấp nhận, tuân hành những gì mình nghĩ và nói. Trương đã bị cách mạng đẩy ra khỏi hàng ngũ về phương diện chính trị, Cỏ May đã đẩy chàng ra khỏi vòng tay tình ái, tuy chỉ tròn một tháng nữa làm đám cưới. Mấy cô em gái Cỏ May đang hy vọng chị đi lấy chồng, mình sẽ gặm giò heo, ăn bánh thật nhiều, được may áo mới để đi phù dâu... phù rể nữa. Một lá thư Cỏ May viết gửi Trương để cắt đứt mối tình, vì đường lối suy nghĩ của Trương hôm nay không còn thích hợp với nàng. Trương đau đớn nghĩ đến Laura với ba năm chẵn gối đoan tình và Cỏ May chưa có gì đã mất!

Cỏ May đến tìm Trầm than van: *Tau với Trương bỏ nhau rồi, nghỉ rồi, défiancer rồi, hồi hôn rồi, trả lễ rồi. Tau... bỏ Trương rồi, đá nhau rồi, hết trơn hết trụi tình nghĩa với nhau rồi!...*

Trầm, cô gái khôn ngoan và liêu lĩnh. Đối với nàng, chính trị chỉ như sấm sét... tuy long trời lở đất nhưng chỉ làm cho một thoáng sợ hãi rồi thôi. Trầm lấy đời mình ra khuyên nhủ bạn, không xong. Nàng đã sống như giồng đực, như Tarzan, đã làm các nhà đạo đức đồ mặt nhưng rất cuộc, đời vẫn vậy, chẳng phải vì mình mà nó chết, chẳng phải vì mình mà nó sống. Đừng có đại, đừng có đại Cỏ May! Nhưng Trầm quên, tạo hoá đã an bài!...

Trong ngày buồn xa vắng, chợt Sinh đến. Sinh, khuôn mặt yêu thương của Trầm. Chàng Đại úy này là chiếc cù lao nằm giữa biển lòng nàng. Sự thật, biển lòng Trầm có nhiều cù lao nhưng cù lao của Sinh lớn và bề thế hơn cả. Sinh yêu Trầm, muốn đi đến chung đôi. Mối tình của Sinh rất cụ thể, nhưng Trầm vẫn muốn làm kẻ lãng du rong chơi giữa cuộc đời để hưởng thụ, dù phải trả giá nào đi nữa. Sinh hỏi nàng, có thể coi chàng như ruột thịt được không? Trầm cười khịt khịt nói: *không được, không được... coi anh như "ngoài da" thôi!* Trầm đó! Trong hoàn cảnh nào nàng cũng ngổ ngáo và không ngần ngại, mỗi khi cần sỉ vả cuộc đời! Bút pháp của Tuý Hồng vô cùng linh động, viết tự nhiên nhưng thật sâu sắc, vì nó mang nặng phần đời của nhà văn, nếu không vậy, chẳng còn Tuý Hồng. Trầm đã yêu, đã dâng hiến thân xác cho nhiều kẻ đàn ông khác như Truyền, Lục, Siêu. Những bàn tay đàn ông đã trườn đi mãi miết trên thân xác nàng để khám phá da thịt. Nhưng càng yêu thì không được yêu, làm điếm thì không được con. Giờ đây nàng đã biến thành một vật xúc tác vô cảm, một đồng lầy da thịt vô tri giác!... Nàng cảm thấy mình mang thứ "đàn ông" trên thể xác đàn bà. Nàng đã bị loài ong độc và chất nam châm quái ác hút sạch mồ ma đời con gái. Bây giờ nàng chỉ còn là một cái khuôn đàn bà, có bộ ngực núm và thung lũng, một tử cung thâm u heo hút cùng hai buồng trứng rườm rà sai quả...

Trầm van xin người yêu – Sinh, hãy ngủ với nàng một đêm, đừng trọn đời!... Tâm trạng Trầm thật thác loạn, làm điên đầu các nhà luân lý học,

... Sinh liếm môi cười rồi chợt đâm bổ tới nằm nhào ra giường gối đầu lên đùi Trầm. Sinh ngửa mặt trông chiếc quạt điện một hồi ngắn rồi cầm vạt áo dài đắp để rúc đầu vào vùng tối âm hai

cột thịt đùi người đàn bà. Chàng chọt so sánh cơn cuồng nộ nhục dục với những viên thuốc trụ sinh. Một bên mặt chàng và một cái tai chà xát mạnh bạo vào miềm dưới của bụng người đàn bà. Vùng khoái cảm vỡ vụn ra thành từng hạt li ti hoà tan trong huyết quản hai người và cả một khu vực sung sướng không thể tích võ nhẹ lên bờ thân thể và muôn vàng máu nhỏ run rẩy...
(*Những sợi sắc không*, trang 86)

Như thế đấy, cuộc đắm say nhục thể được viết ra không chút e dè, ngượng ngập. Nhà văn đã sử dụng ngôn ngữ để mô tả, để kích động tâm tính trong mỗi cảm nghĩ. Một vùng trời chợt sáng lên, chợt u tối. Một cơn mê vừa chụp xuống, một thức tỉnh chợt bừng hoàng. Không nguy trang, không thềm dối trá, Tuý Hồng đi vào vùng đất cấm giữa văn chương và thân xác như đi vào nhà mình, đi vào phương vị đã dành riêng cho mình từ thuở nào, nên có viết, có nói đến nó, cũng như người khác viết về cái bàn, cái ghế v.v... Thường quá mà, việc gì phải giấu diếm, úp mở, che đậy? Việc đời thế cả, bốn bức tường đều biết!...

Giáo sư Lê Hùng miềm man cùng chính trị, cách mạng và đấu tranh. Vì cực đoan nên luôn luôn chàng kết tội kẻ khác. Vì kẻ nào làm chính trị cũng phải một *cục bước đại chàng* ở sau lưng. Hôm nay chúng ta phải mổ xẻ, phải vứt đi cái tật nguyền đó. Giải phẫu bằng cách nào? Bằng cách ra báo, vì bên cạnh chúng ta tờ *Lập Luận* (lập trường) đang có sức mạnh bật sơn. Chúng ta cũng cần khí giới để đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội! Trầm có tham dự cuộc hội thảo.

Nàng không chấp nhận sự có mặt của tờ báo, một cơ quan ngôn luận dùng để sỉ vả chính quyền và mị dân,

... Đối với tôi, tờ Lập Luận là một vũ khí tranh đấu của nhóm người cứu quốc miền Trung này... Dạ thưa quý vị, tôi xin nói thêm một tiếng nữa: thanh danh, mặt mũi, tư cách của người cai trị ở đâu mà lại để cho một tờ Lập Luận làm âm âm bừa bừa như thế được... và tại sao cái miệt đấu tranh này lại đi tôn thờ một tờ báo, lại đi triều bái một thứ chính phủ vớ vẩn, một thứ chính phủ nàng hầu, một thứ chính phủ vô hình, vô bóng như vậy được nhỉ? Và cái chính phủ chính thức bây giờ lại cũng rúm ró sợ sệt cái chính phủ hầu nong Lập Luận...

... Lê Hùng phát cánh tay: Khoan, khoan, tốp tốp cô Trầm... đối với một chính sách cai trị ngô chẳng ra ngô, khoai chẳng ra khoai như thế này thì chúng ta không thể căm như lúa được...

... Chúi mũi vào một tờ báo còn hơn ghé mắt nhìn guồng máy cai trị mình nó sa đoạ. Chúng ta phải nói với Nguyễn Khánh rằng: chúng ta không sống nổi với cộng sản nhưng miền Nam chưa có ai xứng đáng để chúng tôi tôn thờ...
(*Những sợi sắc không*, trang 102-103)

Trầm như thế đó, khi đắm chìm vào tình ái, đắm chìm tội độ, nhưng lúc cần đến thái độ, nàng cũng tỏ ra sẵn sàng chết vì nó. Nàng là thứ độc, thứ dữ. Cỏ May không thể bắt chước nàng. Ý kiến này của Phiền, gã thanh niên ăn nói ngổ ngáo, nhưng hiện hữu vô duyên trong tác phẩm. Cỏ May đã khước từ tình yêu với Trương, đã trả lễ hỏi nhưng trong lòng vẫn nhớ thương. Nàng kêu lên từng tiếng bi thảm,

"Thôi cho anh cả đầu tóc tôi đây, cho anh cả hai lít rưỡi máu trong người tôi, cho anh bộ xương, cho anh, cho anh... Tình yêu là một cuộc thẩm sát. Thôi thôi không thêm khát nữa, thôi thôi không còn gì nữa. Tôi chỉ còn ba mươi bảy ký lô. Chao ôi!..."
(*Những sợi sắc không*, trang 110)

Trầm không lý-tưởng-hoá tình yêu như Cỏ May. Nàng như con sóng đại dương còn đàn ông là

những chiếc thuyền nhỏ bé. Vùng sa mù nào đấy mà Cỏ May đã ôm mặt khóc oà, thương cho tình yêu chết yểu, đối với Trầm nó chỉ như cùi cọt, bông đùa. Chân lý tình yêu qua Trầm, được điểm danh sống sượng, được treo lơ lửng trên những hành tinh ân ái. Nó là những bóng ma lặng lẽ, câu kinh nhớ lại. Nàng vẫn là một cái gì, còn một cái gì mà không ai có thể định hình gọi tên được. Nó luôn luôn dở dang, mãi mãi bắt đầu. Một khung trời nửa cũ, nửa mới. Một hoạt cảnh nửa thật, nửa giả làm choáng váng những kẻ mê nàng. Chữ trinh chỉ là tấm màn phong kiến hết sức mỏng manh, hết sức phi lý!

Trương, nhà trí thức vừa bị tình yêu đá cho một cú đau tê, bị cách mạng bạt tai tím mặt, đến thăm Trầm. Một vóc dáng hư hư thực thực, lượn chập chờn trong tiềm thức Trầm qua Trương. Con một sách vở đã được cuộc đời cho những bài học, nhưng không vì thế mà nao núng. Trương tìm Trầm như tìm niềm quên, như tìm sự khuất chìm của thương hận! Một tình yêu mới, nhen nhúm trong tâm hồn Trương, nhưng còn giữ kín nơi lòng. Cuộc gặp gỡ giữa Trầm và Trương thật phát phơ, thật ngỡ ngàng. Trong khi đó, các em gái Cỏ May cho Trầm biết, Lê Hùng và Cỏ May đã có những liên hệ. Tác giả thắt thêm một “nút”. Trầm thẳng thốt chột nghĩ chuyện Trương đến thăm mình và Lê Hùng đi với Cỏ May. Trầm nghi ngờ, nàng biết tâm tính Cỏ May không hợp với Lê Hùng vì Cỏ May là kẻ đi tìm tuyệt đối, còn Lê Hùng, kẻ đầu cơ giai đoạn.

Tuý Hồng đã kết thúc phần I của tác phẩm *Những sợi sắc không* với những “nút” thắt dở dang, với những sự tình vừa sôi động, chầm bập vừa khốn khó. Các số mệnh còn đương vi hành trên lộ trình chung của tình cảm cũng như lẽ lối sinh hoạt, chưa tới mức quyết định tìm phương hướng cho mỗi thân phận. Tuý Hồng, nhà văn thích lý sự, hình như lý tính là đặc trưng cho phái nữ nên ở đâu, lúc nào có thể, tác giả không quên tìm về cho mình những trường hợp để cấu tạo lý luận và dùng nó để đặt vấn đề, trình bày lý do, dù thanh nhã hay thô sàng cũng được!

Phần II của cuốn sách được mở đầu bằng sự có mặt của Trầm trong ô vuông thành phố Sài Gòn, nơi có cuộc sống ồ ạt kinh niên, và có một bầu *kên kên văn nghệ* hể thấy đàn bà là bay lượn dáo dác như muốn cấu xé con mồi. Những cuộc họp mặt mỗi tối, không phải để thảo luận về đường lối đấu tranh cách mạng hay tìm chiều hướng sáng tác, mà để ăn, uống rượu và văng tục.

... Những tên đàn ông bỏ bàn ăn sang ngồi xếp bằng tròn ở sa lông nói ra những chữ tục thật ngon miệng. Chai Johnnie Walker mới uống xong dựng ở góc phòng, Chúng cúi xuống quẹt que diêm quăng vào trong chai đốt nghịch những giọt rượu còn sót lại. Trầm có cảm tưởng những câu nói tục của đàn ông đều phóng đúng tai nàng, nàng cười gằn cắn vào môi điếu Salem thấp tiếp, kéo một cái ghế trống gác chân lên nhìn Yến Ly gật gật đầu. Lý đi chân vòng kiềng đến trước mặt Thảo Trang coi người hớn hờ: này này bà Thảo Trang ơi... ông Chung ông ấy cứ xoắn xít bên cô Trầm hoài à... bà phải ghen lên chú! Nụ cười Thảo Trang nở ròn với vẻ trắng bóng khả ái của đôi hàm răng đều: ồ trường hợp cô Trầm với những người đàn ông đây... ai muốn tán cô thì cứ tán... đó là trường hợp một nữ sĩ độc thân. Nếu tôi không thành hôn với Chung... thì cũng vậy!...

... Yến Ly lắc đầu chỉ tay: nhưng cái bọn văn sĩ đực rựa này chúng nó là một bầy kên kên... mình lao đầu vào... vào... rồi tâm hồn mình mục rã, rồi xác thịt mình sẽ rữa ra... (Những sợi sắc không, trang 130)

Trầm vốn mang trong người nhiều chất đàn ông nên những lời nói tục không làm nàng thấy ngại, còn cho rằng ngôn ngữ đàn ông phải có tục, cũng như câu văn phải có chấm, có phẩy... Cái không khí cuồng nộ do rượu và đàn bà tạo nên nhức nhối, khác hẳn với không khí mà Trầm vừa xa cách nó. Tiệc tàn, Kiệt vì có xe, nên phải đưa Trầm cùng mấy người bạn về. Nửa

đường, hấn tức vì bị lợi dụng làm tài xế nên dừng xe lại, mở cửa bước xuống, đứng đái vào cột đèn, trước mặt mọi người. Xong, nhất định không lái xe nữa. Trầm và bốn tên đàn ông phải kêu taxi.

Vào Sài Gòn Trầm ở nhà Phi và Đào, hai cô gái Huế. Trầm kể lại chuyện Kiệt đái. Phi chép miệng: *đời tau bị đàn ông thay nhau phụ bạc nhưng, chưa lần nào bị đàn ông đã thương một cách tục tằn như vậy!* Rồi chiều hôm sau, Trầm lại sửa soạn đi ăn chơi. Một tiếng hỏi:

"Trầm, mi lại sửa soạn đi chơi với ai đó?"

"Thằng Chu say."

"Trời ơi! Cái thằng cha hỏi hôm đái trước mặt mày đó hả?"

"Không phải, thằng cha này đái trong buồng tắm..."

(*Những sợi sắc không*, trang 135)

Hoạt cảnh vẫn như hôm trước, chỉ thêm mấy tên cựu Bộ trưởng, cựu Đồng lý thất thế, gia nhập với tụi làm văn nghệ cho quên đời. Chu, hiện làm giáo sư đại học, đang tấp tểnh muốn làm Bộ trưởng. Hấn là tên trí thức đón gió, cũng đi chùa lễ Phật và biết nghe ngóng tình hình. Ở giữa khung cảnh này, Trầm chợt nghĩ đến Cỏ May và tự ví mình với nàng Kiều: *Kiều chỉ vì ngón đàn tương tưng mà đoạn trường, mình vì viết lách lãng lãng quăng mà gian truân!*

Sau những ngày dài kéo lê trong ăn chơi với mục đích để giải toả câu chuyện riêng tư. Trầm lại như cánh chim bay về tổ cũ.

Trở lại Huế với một thân, một phận, với chuỗi ngày đều đặn chồng trước mặt. Trương lại hiện diện trước mặt nàng. Tiếng lòng của Trương âm vang trong tiềm thức Trầm. Trương đứng đó, trải lớn trên khung cảnh hùng vĩ của tình yêu và bất ngờ chàng ôm gọn Trầm vào lòng. Nhưng Cỏ May còn đó, không cho phép nàng phản bội bạn, tuy trong lòng, những ngón tay tình ái đang ve vuốt trái tim căng máu. Cái khối hạnh phúc đã gần kề, nàng đành phải gạt lệ chối bỏ. Chối bỏ với nhức buốt tâm can,

Trương và Trầm cùng đứng bên chiếc ghế, Trầm bóp nhẹ bàn tay Trương nói:

"Cỏ May đi chơi với Lê Hùng thăm thiết lắm rồi, chính miệng mấy con em mắc dịch của nó tố cáo với tôi."

Trầm chợt nhận thấy một tạ gạo cũng chưa nặng bằng cái cười nhếch mép của Trương.

"Thế thì chúng ta đủ sức yêu nhau rồi Trầm nhỉ?..."

(*Những sợi sắc không*, trang 153)

Tuy không muốn, nhưng Trầm vẫn đi tắm biển Thuận An với Trương. Lúc về, được thư Cỏ May vút qua khe cửa. Cái thân thể nặng vì tội lỗi, do chuyện này nặng thêm chút nữa. Bài học cuối cùng vẫn chưa đến, còn đam mê thì như núi lửa mà tình dục thì chói chang, luôn luôn đói khát ái ân, như trẻ con ngựa răng bọ cái gì cũng cắn. Thân thể nàng đã bao lần bị chiếm và tái chiếm, nhưng tình yêu như loài ma quỷ ẩn hiện chum lấp mọi suy nghĩ. Cuộc sống trôi đi, cứ trôi đi với giăng mắc trong những trang sách của Tuý Hồng làm người đọc váng vất. Nhân vật

Trầm là ngoại lệ, là sự phản kháng tích cực đối với trật tự và luân lý xã hội. Nó là niềm đau xót của cánh chim bị giam hãm, tù túng. Nó là những dằn vặt của kiếp đàn bà từ lâu bị cầm chân đạo lý. Nhà văn dùng nó như một biểu tượng giải thoát. Trong khi đó nhân vật Trương, tượng trưng cho sự co rút cuối cùng của cố gắng, một thứ anh hùng thắm mệt, muốn được ẩn nấp che giấu dưới máy yêu đương cho lãng quên đời. Trương than thở:

Tường vôi đã vữa, những chiếc đỉnh đã long, tôi không còn móc nối niềm tin vào đâu nữa, không còn bầu vùi vào đâu nữa. Tất cả đã phai lớp phẩm màu thiêng liêng, tất cả đã tróc đi lớp nhựa bóng ngời cao đẹp, thánh thiện, hào quang lập loè đã tắt ngấm, tối đen... không còn gì... không còn gì, tất cả chỉ còn trơ lại đống lá đũa vừa mới quét. Lòng đau quặn thắt từng cơn vì sự phá sản, sự trước phế siêu hình, nên bây giờ, tôi một mình tiếp xúc với đấng chí tôn của tôi không qua một trung gian nào cả...
(*Những sợi sắc không*, trang 163-164)

Sự tranh đấu đã làm Trương chán ngấy, vì những kẻ chống áp bức hôm qua, hôm nay lại thi hành áp bức đối với người khác khi họ ở thế mạnh. Vì nhìn rõ cái trục của sự việc, nên sự việc đối với Trương chỉ như trò giả dối, họ lợi dụng số đông để mưu đồ tư lợi. Trương yêu Trầm cũng không ngoài mục đích tìm quên. Nhưng Cỏ May luôn luôn vẫn là ám ảnh, khổ não. Hằng đêm, những cái tên đàn bà thân yêu vẫn vang vọng trong tâm não. Trương cảm thấy mình bị giày vò đến khốn khổ về cả hai khía cạnh: tình yêu và cuộc sống. Giữa lúc ấy, đột nhiên vóc dáng Khả hiện ra trong đêm mưa gió. Trương tưởng kẻ gian, vội thủ thế bằng cây súng, khi nhận ra bạn chàng rấn giọng trách, đã say rượu còn đi mưa! Khả hỏi, còn rượu không? Còn chai rượu chất. Khả tu một hơi rượu ừng ực hỏi, con Trầm làm nghề gì? Viết văn, một nghề không vốn. Uống đã, Khả lên tiếng:

“Tôi nghi chị cậu với người ta thật nên tôi mới ra làm lớn được ba tháng.”

Trương giữ thân thể không nhúc nhích mắt nhắm tít, đầu gối chàng ngửa ngáy, chàng cũng không buồn đưa tay gãi. Khả nằm ngửa lập lại:

“Tôi nghĩ thiên hạ đồn đúng, chị cậu ngủ với người ta nên tôi mới nhảy ra chính trường được ba tháng!”

Trương đã ngủ tự lúc nào...
(*Những sợi sắc không*, trang 171)

Tuý Hồng viết không những chanh chua còn độc ác. Mỗi chữ như cục đá, do bàn tay búp măng trắng trẻo, nõn nà, ném vùn vụt vào mặt đối tượng như để trút hết căm hờn, giận dữ. Những lời Trương tự sỉ vả mình, chính thức, do Tuý Hồng nói: *Im, im đi những thù hận dài! Trí thức đều, trí thức gàn, trí thức lèo lá hàng chợ... Lý với luận... mình chỉ là hạng trí thức tôm cá... Lý với luận!* Hơn nữa, tác giả còn dùng những từ ngữ nghe chẳng êm tai chút nào như *“trí thức gián”, “trí thức chuột”* mà cũng nhân danh chiến tranh để tuyên bố chúng ta thân cộng. Người trí thức chân chính, khi đọc đến dòng này, chắc bụng mình không ít, cũng như Trương bị câu nói của Khả làm bấn loạn tâm trí. Chàng tự hỏi: *Ai là kẻ đáng cho chị Minh ngủ với nhỉ? Ông Việt cộng? Ông Mỹ? Ông Cần Lao?...* Vì chị Minh lộng lẫy oai phong đứng trên đỉnh đầu cuộc đời. Tầm nhan sắc ấy, cái trí tuệ ấy như một uy thế, không trí thức nào địch nổi. Trương càng lúc càng chán nản. Thời cuộc như thế, tình yêu như thế, nên cuối cùng chàng trở thành thứ *anh hùng thắm mệt!* Chàng hô hào anh em sinh viên, những người cùng cảnh ngộ: *lập bang hội không làm gì hết*, mở quán cà phê nhỏ để đấu láo và đọc sách. Ý tưởng tiêu cực đã làm băng hoại cả nguồn sinh lực, đáng lẽ cần đóng góp vào công tác xã hội để xây dựng ngày mai, mạnh

nha trong tâm trí một số đông trí thức miền Trung vì họ đã nhìn rõ “cái thể” của một quốc gia nhược tiểu trong vấn đề lớn quốc tế.

Sinh, chiếc *cù lao lớn* trong biển lòng Trầm lại có mặt lúc đó. Một thoáng hồn ghen chạy dài trong cái nhìn, câu nói:

Sinh bực dọc bỏ đứng lên đi những bước nặng:

“Lúc này nghe người ta nói Trầm còn luyến ái cả Trương nữa.”

Trầm cúi nhìn xuống đất:

“Anh kê tai nghe thiên hạ nói xấu tôi... Phải, tôi với Trương có lẽ mới bắt đầu vào cuộc.”

Sinh đứng thẳng ở bức tường ngậm thuốc, im tiếng. Trầm mỗi một lắc đầu:

“Mà có lẽ cũng đang phá cuộc... tôi với Trương...”

Miệng Sinh cười rộng:

“Tình yêu của Trầm là trò hề trong gánh xiếc.”

“Đúng em là bò lạc, em là ngựa hoang chưa về chuồng.”

Hai lông mày của Sinh nhăn lại gần nhau:

“Em dễ dàng ngủ với bất cứ một ai... Tại sao thế nhỉ? Trong khi em đâu phải...”

Trầm đưa tay lên gãi gáy:

“Cho phép anh mệnh danh em là dĩ. Dĩ tinh thần hay dĩ vật chất cũng là một, dĩ óc não rồi lay qua dĩ thể xác... cũng thế.”

(Những sợi sắc không, trang 184-185)

Sinh yêu Trầm thực, gã quân nhân đa tình này luôn luôn mở rộng hai cánh tay cao thượng đùm bọc lấy nàng như đùm bọc chính bản thân. Còn Trầm, như cánh thiêu thân không xa vò vùng ánh sáng đam mê của tuổi trẻ, dù tuổi trẻ được trả giá bằng muôn vạn đắng cay cả tâm hồn lẫn thể xác. Sinh đã nói, đã nghĩ, đã khuyên nhủ Trầm, đã bày tỏ hết sức mình những gì chân thành nhất, của đứa con trai đối với đứa con gái như Trầm,

Hối hận đi em, ăn năn đi em, tổn thương lòng tự ái đi em, mắc cỡ đi em, xấu hổ đi em, ê chề đi em, và hãy nghĩ rằng tình yêu phải có luân thường đạo lý, bớt đa tình, đừng đa dâm. Đàn bà trong cái xã hội này vẫn còn ngoan lắm, hư hỏng như em là một số rất ít. Em cũng nên tự vớt em ra khỏi dòng sông tình dục vì em không cho anh vớt, em hãy tự xuống đĩnh nhọn mê hoang vì em không cho anh đỡ em... Xã hội có làm gì em đâu mà em phá phách tạo phản...

... Trầm xô Sinh ra nói lớn: “Anh Sinh, thả cửa cho anh chửi em đó. Em chứ đâu phải ai. Không câu chấp, không nề hà, can đảm đến liều mạng, tự tin đến dửng dưng, bất cần thiên hạ, bất cần vũ trụ...”

(Những sợi sắc không, trang 191-192)

Tình yêu không cần lẽ phải, chẳng biết câu nói đó của danh nhân nào, nhưng thật thích hợp với Trầm, cô gái viết văn liêu mạng, chỉ tuân theo những gì mình nghĩ, bỏ mặc lẽ phải phía sau. Những khuôn mặt người tình số một, số hai, số ba, số bốn v.v... đối với nàng chỉ là con số, con số vô nghĩa đi đôi với sự cọ xát da thịt. Phút cảm khoái qua rồi là hết, nàng chỉ cần tắm rửa một lát, mọi ân nghĩa đều theo dòng nước bắn trôi xuống cống.

Nhưng có đích thực như vậy không? Trầm có hoàn toàn vô luân, dâm dăng như lời nàng tỏ bày không? Trong đêm dài, một mình đối bóng. Trầm tính sổ đời mình. Mỗi số phận Thượng đế đều ban cho một khoảng để sống và một khoảng để chết. Trong một thoáng. Trầm đã có ý định cầm lưỡi dao cạo cửa một nhát lên gân tay, để cho những giọt máu quý báu – bao nhiêu công dinh dưỡng – chảy vọt ra ngoài không khí và nhiễm từ từ đi vào giấc ngủ lãng quên đời! Chưa được, Trầm vẫn ham sống vì đời đang xinh, đang đẹp, đang được tô lục, chuốt hồng trong môi hôn, với ma xát thịt da gọi cảm...

Những lời nói chua chát của Sinh chưa có thì giờ ra khỏi trí não Trầm, thì Cỏ May lại lừng lững đối diện,

Cỏ May cười nức nở:

“Trầm ơi! Mi và anh Trương yêu nhau!...”

Tiếng nói vỡ oà cho bao nhiêu nước mắt cùng đổ lã chã. Nỗi sợ hãi ụp đến một cách thần tốc. Trầm không kịp run, Trầm không kịp tái mặt, Trầm không kịp hé miệng, Trầm đứng khựng như một cột trụ thẳng.

Hồi lâu Cỏ May nhếch môi chua chát:

“Tau không ngờ, cho đến bây giờ tau vẫn không ngờ...”

“... Lạy Trời không phải mi và Trương yêu nhau. Tau ngờ bậy và thiên hạ ác miệng đồn bậy. Trầm ơi! Mi hãy chính thức minh xác với tau là mi và Trương không yêu nhau đi. Tau đến đây để nghe một lời minh xác, mi nên nói một lời cải chính đi. Tau tin mi chứ tau không tin ai hết. Mi không bao giờ nói láo với tau hết!”

(Những sợi sắc không, trang 198)

Trầm choáng váng, im lặng làm Cỏ May càng tin rằng họ yêu nhau thiệt. Cỏ May rời bỏ Trương, trả lễ hỏi hôm trước vì bị ánh sáng cách mạng làm đui mù, nhưng sau những ngày đụng chạm với Lê Hùng, với thực tế, nàng đã hiểu rằng, tình yêu không như cách mạng, trái tim có lý lẽ của nó, lý trí không hiểu được. Đau thay, hai khuôn mặt bạn bè, hai vóc dáng con gái đang hầm hè nhau vì một con mồi. *Họ cùng chung một cơn khóc và không cùng chung một cơn cười!...*

Trầm hăm hờ đi rượt bắt mộng tình đến quên cả tuổi già, quên đời con gái, quên cái nhòm độc địa của người đời, quên dư luận tanh nồng khê khét. Nhưng nàng vẫn tỉnh táo để nhận định, Trương thương Cỏ May là đi vào tình yêu trường cửu, còn hẳn thương Trầm là để chờ cơ hội tụt quần nàng. Sau cùng, nàng xác nhận với Cỏ May giữa hai người chưa có gì hết, ngoài việc lợi dụng nhau chút đỉnh gọi là!... Trong nhà tù, Trầm, kẻ bại trận, ra ngoài đời, Trầm lại thắng Cỏ May, nó là cái vòng luẩn quẩn thật thâm do hoàn cảnh cấu tạo. Cỏ May yên tâm ra về với hờn hủ trong lòng vì mình vẫn là kẻ được cuộc. Trầm cảm thấy tự nhiên trở thành gỗ đá. Giữa lúc ấy, Trương hiện ra để gánh chịu những lời sỉ vả đáng cay:

... Trương bước vô. Trầm ngồi xuống ghé chống tay lên bàn:

“Đồ chồn! Anh là một con chồn! Đồ đầu người đuôi cáo... Đồ đểu! Đồ làm cho con người ta hoá đá!”

(Những sợi sắc không, trang 207)

Trương có mặt như tội nhân, như chiếc bia để Trầm ném mọi ngôn ngữ sỏi sảng vào mặt, không hồi tiếc. Con bão táp qua đi, Trầm nói với Trương để tự nguyện rửa,

“Tôi vô luân quá, anh Trương hí!... Đàn bà lấy một chồng mới không vô luân, đàn bà lấy hai chồng là đã hơi hơi vô luân rồi. Tôi bao nhiêu chồng. Trên thân thể tôi là cả trăm thằng đàn ông. Những thằng đàn ông lượn quanh thân thể tôi rồi đập xuống trúng ngay mục tiêu như kim chích vô thịt. Kim chích vô thịt thì đau. Thịt chích vô thịt nhớ nhau trọn đời. Tôi vào buồng tắm, tôi dội nước, tôi rửa là hết liền...”

(Những sợi sắc không, trang 211)

Tuý Hồng đó. Cái văn phong của Tuý Hồng rất sượng sần, tê điển. Nó cứng và sáng chói như kim cương đồng thời cũng khô ran và khó nuốt như đá cuội. Tuý Hồng không đi tìm cái tầm thường, cái chung chung. Nhà văn muốn rướn cao trên đỉnh đầu của ý tưởng, của ngôn ngữ. Các nhà đạo đức hãy nhắm mắt lại, hoặc xé những trang sách đó đi, vì nó đã phỉ nhổ vào luân lý và đạo đức. Nhưng nó là Tuý Hồng. Nó là chứng tích của thời đại. Và cái lũ kên kên đàn ông, đối với nhà văn luôn luôn như lũ đười đười, ba que, xỏ lá, thoả mãn rồi sẽ bay tít mù khơi!... Ở chương kết của *Những sợi sắc không*, nhà văn giải quyết vấn đề trong khung cảnh man rợ, thanh toán nhau để bao trùm ảnh hưởng và uy thế. Hình ảnh giáo sư Bình, đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng bị bắt mang ra hành hạ sỉ nhục, phải chăng là một vết nứt rộng lớn trong ý thức của con người quốc gia? Người đọc rùng mình, ghê tởm sự cuồng tín, u mê của lớp người đã nhân danh cách mạng để đối xử với những anh em cũng yêu nước, nhưng không đứng chung chiến tuyến:

“Ai dám rêu rao câu nói: Rượt Mỹ về nước tức là cống Việt cộng vô nhà?”

Một người đàn ông mũi bự từ vòng vây thứ hai xông lên nói:

“Quốc dân đang xả máu. Mà là đảng viên Quốc dân Đảng chó chết.”

Tức thì mấy cái miệng cùng hô:

“Đả đảo Việt Nam Quốc dân Đảng.”

Xẹt một cái, người đàn ông ở vòng vây thứ nhất lê loi một cú vào quai hàm giáo sư Bình rồi trở về chỗ cũ. Hai người ở vòng vây thứ ba lẹ tới đâm đá vào lưng, vào sườn non ông Bình, rồi giẫm chân lên ngực, giẫm chân lên bụng. Nạn nhân trợn mắt, thè lưỡi... Ông Bình nằm mềm nhũn trên nền gạch cổ rướn lớn giọng:

“Tôi không phục các anh, các anh thanh toán tôi, các anh độc tài hơn cả cái chính phủ các anh đang đả đảo. Các anh tranh đấu cho tự do, thế thì tự do của tôi đâu? Tự do ngôn luận của tôi đâu? Trong lúc các anh tranh đấu cho tự do, tôi mới biết tự do không có...”

... Ở tại nơi đây, người ta đã nhân danh tôn giáo để tranh đấu cho người, cho có một xã hội chủ

nghĩa. Bởi, người ta đã nhân danh tôn giáo để làm việc, nên tôi có quyền phản đối, có quyền không phục cái việc làm của tôn giáo. Khi tôi phản đối tôn giáo, tôi vẫn là người Việt Nam, là quốc gia văn minh.

... Tôi phản đối cả chính sách của Mỹ tại quê hương tôi, tôi phản đối cả toàn dân nước Mỹ, tôi phản đối ông Tổng thống Mỹ, Quốc hội Mỹ. Nhưng tôi không phản đối một người Mỹ trên quê hương tôi, vì người ấy cũng là nạn nhân của chính sách Mỹ như tôi, người ấy qua quê hương tôi để chết cho chiến tranh của tôi và chiến tranh của người ấy...
(*Những sợi sắc không*, trang 218-219)

Cái cảnh tra tấn này giống hệt như cảnh đấu tố tại miền Bắc. Cũng không khí ấy, cái không khí của máu và oán cừu! Trương cũng bị đội quyết tử đến thanh toán. Trương cùng cái quán cà phê vẫn đi theo ngày tháng buồn tênh. Tiếng loa phóng thanh dội vào tai chàng từng nhịp điệu hò hét phẫn nộ, hô hào đòi chính quyền phải trả tự do cho tăng ni ở Quảng Ngãi. Trương nói với cái cửa sổ: *Lại la hoảng nữa! Có gan làm thì có gan chịu thử đi cái nào. Chính trị thì làm mà ở tù thì không ở... khôn thế!* Cuối cùng, Trương vẫn phải tháo thân ra cửa hậu vì quán cà phê bị bao vây và mỗi lửa đang chập chờn tiến vào...

Tranh đấu và cách mạng tiêu diệt lần lần những gì chống đối họ, nhưng lẽ phải chẳng còn, nên mọi cố gắng đều vô ích. Cuối cùng, Cỏ May được Trương và Trầm già từ những ngày phiêu lãng để ngã vào vòng tay Sinh với tê mê cảm giác.

Tác phẩm *Những sợi sắc không* đã vẽ lại bối cảnh sôi động vừa hùng tráng vừa bi thảm của miền Trung trong những ngày sát cánh với Phật giáo tranh đấu, lật đổ nền Đệ nhất Cộng hoà và tiếp theo một thời gian nữa. Những nhân vật trình bày trong cuốn sách là những khuôn mặt thực, được tác giả nguy trang bằng danh tính khác, chẳng hạn như Lê Hùng chính là giáo sư L.V.H., người đã giữ chức vụ Chủ tịch Lâm thời Ủy ban Giải phóng Huế trong những ngày Việt cộng tạm chiếm đóng thành phố Tết Mậu Thân, hiện ở Hà Nội. Hãy gạt bỏ tất cả mọi đam mê tuổi trẻ sang một bên, nội dung tác phẩm có giá trị cao về phương diện phê phán cũng như phân tích khách quan từng dữ kiện thuộc lịch sử. Kỹ thuật dựng truyện rất chắc, phương pháp hành văn thật linh động, lúc đứng đắn nghiêm trang, lúc sàm sỡ buông thả, lúc ngưng đọng bị thảm. Tuý Hồng đã tận dụng khả năng thiên phú để tạo cho mỗi nhân vật một đời sống đặc thù, một hoàn cảnh khốn khó để thử thách sức chịu đựng của vai trò. Cái đặc tính vừa thông minh vừa lì lợm của Trầm phải chăng là hiện thân của tác giả? Dù đúng dù sai, nhân vật này được cứng nhất và chính “nó” đã làm sống cuốn sách. *Những sợi sắc không* còn đưa ra vấn đề căn bản của đạo Phật với bốn chữ: *sắc sắc không không*. Bốn chữ đó bao hàm một ý hướng thật rộng rãi, thật mộng mênh vì ở đời cái *có*, cái *không* làm sao phân giới, và ai dám khẳng định *không* và *có* là hai điều khác biệt? Do đó, mọi việc ở đời chỉ là mộng ảo và mỗi số phận được búng sẵn tự trời cao, nào ai biết?

Điểm đặc biệt, tác phẩm của Tuý Hồng mang nhiều địa-phương-tính qua ngôn ngữ và hành động, nhưng vẫn đi vào cái chung của văn học hôm nay, làm người đọc thích thú.

Tác phẩm *Những sợi sắc không* đã được trao tặng Giải nhất Văn học Nghệ thuật 1970. Tương đối, nó xứng đáng.

Từ đó, Tuý Hồng đi sang *Bướm khuya*, tác phẩm viết về cuộc đời chìm nổi của Nghi, nhân vật chính trong truyện. Nội dung *Bướm khuya* chuyên chở những sự tình bi đát với bối cảnh chiến tranh của năm 1946. Nghi, cô gái từ nhỏ ở bên ngoại với cha mẹ. Cuộc chiến đã manh nha, cha Nghi về bên nội một mình. Ít lâu sau gửi thư về bảo mẹ con Nghi phải trở về bên nội để tránh cảnh giặc giã. Ông ngoại không muốn để lũ cháu và con gái mình đi, vì biết về bên đó sẽ

khổ. Nhưng ông Tuần, em Ngoại, khuyên nên để cho đi vì *thuyền theo lái, gái theo chồng*. Thế là những ngày thần tiên bên quê ngoại chỉ còn là kỷ niệm. Nghi năm đó lên 9 tuổi còn 4 đứa em nữa. Quê nội xa lắm, đi nửa tháng sông nước mới đến nơi. Lúc đó cô Thương, em ruột cha Nghi, đang hoạt động cho Việt Minh kèm theo hộ tống. Cô Thương không đi chung đò với mẹ con Nghi, ẩn hiện không chừng. Cô có súng lục và lựu đạn. Trong chuyến đò, Nghi đã thấy cảnh giết người. Một ám ảnh nặng nề, sợ hãi đối với tuổi thơ. Mẹ Nghi buồn lắm khi phải về quê chồng, vì đã biết rõ những gì mình sẽ gặp ở hoàn cảnh khốn khó đó. Nghi và các em vì ngây dại nên vẫn vui đùa. Quê nội nghèo lắm, khổ lắm! Mẹ con Nghi sống những ngày dài tủi nhục. Cha không hỏi đến một lời. Ăn uống kham khổ, ngủ chật chội bẩn thỉu, trong lúc đó vợ chồng của chú Trí được ưu đãi, ở phòng rộng rãi khang trang. Cũng may còn chú Tân có tinh thần quốc gia, không theo Việt Minh, vui tính, vô tư và yêu quý cháu, nên Nghi và các em cũng được an ủi.

Mặt trận tràn lan. Cuộc chiến làm cho không nơi nào yên. Quê nội, Tây tràn về và hiếp chóc. Nghi tuy mới 11 tuổi, nhưng phỏng phao bằng cô gái 14, 15. Một bữa Tây vào làng càn quét, gặp mẹ Còm toan hiếp, mẹ sợ quá lạy van rồi chỉ chỗ vợ Trí trốn cho Tây, vô phúc, mẹ chỉ nhằm nơi Nghi núp. Thế là ba thằng Tây thay phiên nhau hại đời Nghi. Cha Nghi cũng bị giết, nhưng không do Tây mà bởi ái tình. Cha Nghi mê Lan, cô ta lại là nhân gái của tên công an trưởng, nên cái chết không toàn thân làm mẹ Nghi nhục nhã, điều này do cô Thương tiết lộ.

Sau khi nhặt thân chồng, chôn cất xong, mẹ con Nghi về quê ngoại. Quê ngoại đã bị Tây chiếm rồi. Sự sung túc và hiền hoà ngày xưa không còn nữa. Cảnh nhà tang thương tao loạn! Chiến tranh và chuyện ác độc. Lại thêm trong gia đình Ngoại, vợ Út cũng bị hiếp, sau đẻ ra thằng Tây đen. Vợ Út là con thứ tư của Ngoại nhớn. Còn bà Trưởng và bà Phủ là em thứ hai, thứ ba, cũng ở chung nhà. Bà Phủ chồng bị Việt Minh giết đã man, mổ bụng nhét đầy đá cục vào. Bà Trưởng goá đã lâu tuy đã có tuổi, nhưng nhan sắc còn mặn mà, mê anh thu thuế chợ bà Phủ cầm roi mây đánh, và cột tóc vào vào cột vì làm nhục gia đình. Đánh xong, bà Phủ xin lỗi chị rồi nằm úp mặt xuống đất cho chị đánh lại.

Nghi lớn dần lên theo năm tháng. Một chiều nàng đau bụng, sáng hôm sau đi tiểu thấy máu tháng. Nghi sợ quá, nhớ lại cảnh bị hiếp năm nào. Nàng mê man thảng thốt, mẹ dỗ rằng: *trong chiến tranh không người đàn bà nào thoát, mẹ cũng bị hiếp rồi!...*

Để vượt khỏi cơn túng quẫn, mẹ Nghi phải theo bà Út đi bán câu lạc bộ trong trại lính Tây. Nhà vắng vẻ không có ai, Nghi phải trông nhà, thay vì được đi học. Ít hôm, bà Út mượn được chị Chúc, người đàn bà nha quê đông con nghèo đói. Chị Chúc muốn lấy Tây để có nhiều tiền thay vì làm mướn, nhưng chị xấu quá, dù đã trang điểm môi son má phấn, Tây nó vẫn không thèm. Cái số may, chị Chúc vợ được ông bán rau, có đến hai xe vận tải.

Khi đã có tiền, mẹ con Nghi về Huế ở. Nghi vào học ở trường Jeanne d'Arc. Nghi muốn theo đạo, mẹ không cho. Một buổi Nghi gặp người đàn ông lạ trong nhà, ông Bút. Mẹ Nghi còn trẻ, không giữ nổi lòng mình. Ông Bút giới thiệu Thuý để kèm học thêm cho Nghi và các em. Thuý, cô gái bị chồng bỏ, buồn quá theo Việt Minh. Thuý dụ dỗ Nghi hoạt động. Nghi bị bắt. Cha dưỡng thăm nom chu đáo. Nghi thấy ông tốt hơn cha. Nhưng một tối có lệnh lên xe. Nghi được đưa vào căn phòng lộng lẫy có một bà đối đãi tử tế, cho ăn uống đàng hoàng. Ăn xong, lão quan già hiện ra trước mặt. Nghi nhìn trần trối nội dung cho lệnh bắt mình. Hấn cưỡng hiếp nàng, nhưng lạ thay, sao nàng lại thấy khoái cảm, tuy vẫn kêu gào chửi rủa! Hấn làm xong, đến lượt cha dưỡng nàng vào. Tên đàn ông khốn nạn này đã bày mưu cho lão quan già cưỡng đoạt thể xác Nghi, bây giờ lại nham nhở nói: vì yêu Nghi mà lấy mẹ nàng! Hấn chẳng ngại gì mà không mua vui trên thân xác nàng.

Ở trong tù, Nghi nhớ đến Thịnh, mỗi tình đầu thật đẹp. Nhưng hơi ôi! Số mệnh ác nghiệt chưa cho hưởng đã lấy đi. Được tha về, Nghi xuất huyết rồi chết. Lão Bút không còn ở với mẹ Nghi, sau khi đã bòn rút hết tiền và thân xác cả hai mẹ con.

Đoạn cuối tác phẩm nói về gia đình Thịnh, cùng mỗi tình của chàng đối với Nghi sau khi chết và kết thúc bằng những trang viết của Nghi, không ghi ngày tháng.

Với tác phẩm *Bướm khuya*, Tuý Hồng đã dàn trải câu chuyện trong kịch thước rộng lớn, thời gian rộng lớn. Sự rộng lớn đó đã làm cho vòng tay Tuý Hồng mệt mỏi. Cái thân phận của Nghi, con mồ, bị nhà văn bi thảm thái quá làm xa lạ với người đọc. Hơn nữa, cái bối cảnh chiến tranh của những năm 1946 đến 1954 nó không hoàn toàn nằm ở trong khung cảnh hiệp dân như nhà văn mô tả. Cái đó có, cũng chỉ phần nào thôi. Nó đâu phải cái trực chính để quân đội Pháp phải mang một lực lượng quân sự đông đảo như vậy, vượt vạn dặm trùng dương để rồi gánh chịu thất bại nhục nhã! Nhân vật Nghi là quá độ. Đoạn nói về gia đình Thịnh cùng những trang viết của Nghi cũng thừa. Nhưng bút pháp của tác giả thật vững, rất Tuý Hồng. Tác phẩm vẫn không kém phần cảm động, sâu sắc. Nhiều đoạn làm người đọc nghẹn ngào, tức thờ. Cái không khí thể lương trùm lấp cả vùng trời thơ đại, và nỗi niềm cay đắng như từng lưỡi dao rạch nát cõi lòng!...

Ngôi đền văn học Việt Nam đã dành sẵn cho Tuý Hồng chỗ ngồi thật xứng đáng. Dù ngày mai với con đường trước mặt còn dài, với nhiều bông hoa lạ đang vươn trồng trong dự tưởng nhà văn, nhưng hôm nay, Tuý Hồng quả thực, vẫn là một-cái-gì, còn một-cái-gì làm người đọc suy ngẫm.

Trích văn Tuý Hồng

... Trương ngồi im như ngồi trong bức tranh, rất thành thoi, thuốc lá cũng không hút. Trầm gào tiếp khi hai con mắt xoắn xang:

“Tôi tội lỗi, tôi có lỗi lớn không đối với ai cả. Bao nhiêu thằng đàn ông đã nhảy lên thân thể tôi tàn phá từng chỗ thịt cấm. Và bao nhiêu thằng đàn ông đã nhảy xuống thân thể tôi để nằm im như một tỉnh vật. Và bên họ, tôi cũng nằm im như một tỉnh vật, một con đĩa no nê. Tôi đã quyết định vậy và tôi đã nhận, đã làm. Tôi đã làm đĩ, đĩ thời gian rồi lây qua đĩ xác thịt. Tình cảm tôi giao hoan bừa bãi và xác thịt tôi cũng giao hoan bừa bãi... Anh ơi, có ngày đêm tôi đã kêu Thuý Kiều, Thuý Kiều con gái cụ Nguyễn Du đấy mà, tôi kêu Thuý Kiều như thế này: Kiều ơi, mình không yêu ai được lâu hết như Kiều vậy. Tiếng kêu của tôi đâm lui vào trong tôi quậy quậy cho tôi đau đớn tới chín chiều gan ruột, xông lên óc, xói vào não. Tôi bây giờ là một bãi lầy, một đồng sinh, một vũng bùn. Tôi biết, sở dĩ tôi hư như ngày hôm nay vì tôi đã làm từ đầu, làm từ một khởi điểm rất nhỏ, như đã làm to cho đến bao giờ: như người mắc bệnh ung thư cổ tử cung, bắt đầu chỉ là một khởi điểm 0, một đốm nhỏ nằm tại eo tử cung chưa có triệu chứng gì để tự phát giác, nhưng dần dần đốm nhỏ ăn ruồng đến những tạng khác vào toàn vẹn bụng dưới. Tôi đã hư vì cái nhận định đến sớm nhất trong tôi: ái tình không phải là tâm hồn gặp tâm hồn, mà ái tình là xác thịt gặp xác thịt. Tôi đã be be cái miệng với Cô May và với những người khác: ái tình là một cái không có... Niềm tin của tôi đã bị đánh cướp rồi. Anh Trương! Có một tí tạo lầm lẫn đó mà bây giờ như thế này, mà bây giờ như thế này, chữa không được nữa rồi...”

Trầm đứng dậy xoa tóc bước theo hình chữ nhất của gian phòng rồi đứng lại dưới bức vẽ truyền chân màu thệt bò tái của nàng:

“Anh Trương này, hình như giờ này ở ngoài đời có vô số con người đã đánh mất niềm tin rồi. Niềm tin đã mất sợ rằng rồi đây, lũ bác sĩ không còn tin ở thuốc Tây nữa. Lũ bác sĩ ngờ ngác,

nghe ngò cả nền y học Tây phương mất thôi.

Anh Trương ơi, hình như giờ này ở ngoài đời có rất nhiều người còn lương tâm, và lương tâm họ đang hẳn lên những nét tím bóng hồi hận.

Anh Trương ơi! Cỏ May chửi tôi quá! Cỏ May cao thượng với tôi quá! Cỏ May ăn ở đẹp với tôi quá! Tôi là một đũa ư kiếm chuyện, ư trừng mắt nhìn đời.”

Trầm ngó thẳng vào mặt Trương. Chiếc miệng người đàn ông vẫn ngậm cứng một cây tăm yên lặng. Người đàn bà bặm môi và tiếp:

“Tôi thấy tôi vẫn chưa ra khỏi cái dĩ vãng nguội, tôi bước hụt như bị hất cẳng trong hiện tại nóng... Còn tương lai, tương lai tôi là một cuốn phim hư. Tôi phải giơ tay lên vả vào mặt tôi, tôi phải tự cười, tự nói xấu tôi cho đã đời.”

Cánh cửa đẩy ra như bị mở trộm. Nắng bút rút bám vào tường, bám vào bàn ghế. Ly nước lọc Trương cầm ở tay thật hiền lành. Tiếng thờ dài của Trầm nghe nặng nước mắt. Một tủ nhục nhòn nhòn trườn quanh thân thể, một tức tối nghẹn ngào phản kháng như đầu mũi kim len vào mạch máu chạy theo đường tuần hoàn vào quả tim lạnh héo hắt bộ ngực hận đời. Trầm bỗng đứng bật dậy muốn trương vi, trương vẩy, muốn khua môi, múa ngón cho rộn bộ như hát bội, nhưng, Trầm lại ù xù ngồi xuống:

“Tôi vô luân quá anh Trương hí!... Đàn bà lấy một chồng mới không vô luân, đàn bà lấy hai chồng đã là hơi vô luân rồi. Tôi bao nhiêu chồng. Trên thân thể tôi là cả trăm thằng đàn ông. Những thằng đàn ông lượn quanh thân thể tôi rồi đáp xuống trúng ngay mục tiêu nhìn kim chích vô thịt. Kim chích vô thịt thì đau. Thịt chích vô thịt nhớ nhau trọn đời. Nhưng tôi không nhớ ai trọn một giờ. Tôi vào buồng tắm, tôi dội nước, tôi rửa là hết liền... Tôi không nhớ ai trọn một giờ mà. Những người đàn ông và lũ kên kên thêm tôi, rửa hết cả thịt tôi rồi đá lông lốc bộ xương của tôi đi. Ngày hôm nay, giữa cuộc đời, chỉ có một người đàn ông dám thú nhận yêu tôi, đòi lấy tôi làm vợ – Sinh đó – nhưng tôi đã liệt Sinh đồng hạng với những người đàn ông khác. Tôi đã tục tĩu hoá mối tình, tôi đã dơ dáy hoá mối tình, tôi chịu ăn nằm với Sinh, nhưng không chịu để Sinh lấy làm vợ. Tôi đã coi Sinh không ra một cái gì hết, tôi đã coi tôi không ra một cái gì hết. Tôi ăn nằm với Sinh ở khách sạn, tôi ngủ đờ sông Hương với Sinh, tôi ân ái với Sinh trên divan, ở phòng khách... Còn Sinh, Sinh yêu tôi vô tả vô tận, yêu bám lấy tôi như vẩy cá dính vào con cá. Xá tội mà yêu, nhắm mắt mà yêu, ở xa cũng yêu. Ở gần, chàng van xin tôi như hát về con cá, ở xa, chàng liên miên thú tội trên mặt giấy. Sinh khư khư nắm lấy tình yêu như cái lỗ mũi cố níu lấy hơi thở. Sinh yêu tôi cho đến giắc ngủ chung thân, chứ không phải như một kẻ níu lấy mạn thuyền bơi một hồi rồi bỏ. Yêu đến ngây thơ rồi dại, nhưng, cũng chín chắn lắm lắm, son sắt lắm lắm. Trên cuộc đời này, hầu hết đàn ông đều đều, chỉ còn lại Sinh và vài người là khác. Chàng dết mối tình từ đầu đến cuối, từ mặt tiền đến mặt hậu. Nhưng tôi đã coi Sinh giống như bất cứ người đàn ông nào khác.”

Trầm ngừng lại nuốt nước bọt, ngó qua Trương đang ngấm nghĩa mình rồi tiếp:

“Sinh là một người trẻ tuổi có ý thức lớn, ý thức không lồ, chàng không ngó tôi bằng cái nhìn cận thị, chàng biết trước những việc tôi làm nhưng đợi xá hết. Tôi làm gì chàng cũng tha thứ, chàng cũng chiều chuộng. Bởi, chàng là kẻ diệt mối tình từ đầu đến cuối. Bởi, chàng cố làm cho tôi thấy tình yêu là có, tình yêu bao giờ cũng có.

Tôi đã bảo chàng là một người trẻ tuổi có ý thức.

Sinh hành quân liên miên. Mỗi lần nghỉ phép, chàng về chạm trán với bầy con gái điên ở thành phố, một bầy con gái mất trí. Đi đầu là tôi. Mỗi lần nghỉ phép, chàng về gặp một bọn đàn bà đang làm loạn lên, bối rối, hốt hoảng. Đi đầu là tôi.

Cuộc đời mờ ám mất tấn công đàn bà. Chiến tranh mờ ám mất tấn công đàn bà, sự lo sợ làm nhão người họ ra, nhão trái tim ra, nhão óc não ra, nhão xác thân ra... Tôi đã la hét giữa bọn con gái không điên. Tôi đã giậm chân, giật tay giữa bọn con gái còn tỉnh. Bọn con gái bình tĩnh đó rồi sẽ hoá nhão hết, cái bọn con gái không chịu một ảnh hưởng gì của chiến tranh ám mất tấn công và của cuộc đời ám mất tấn công, chúng sẽ hoá đá hết, chúng sẽ biến thành các vật hoá thạch hết, nếu chúng không điên như tôi."

Trầm hí mũi đi thẳng lại trước Trương mắt đỏ nhìn chàng:

"Tôi là một đứa nghịch nữ, một đứa đàn bà ngược đời. Trời ơi và anh Trương ơi, trời đã sinh ra tôi sao trời còn sinh thêm những người đàn bà giống tôi nữa?"

Trầm khóc mũi, khóc ướt đầm, khóc nước nở cao thấp. Trương bước tới cầm vai Trầm lay mạnh, ấn xuống, giọng chàng ấm như hơi thuốc lá:

"Cô, cô Trầm... em Trầm, em không bao giờ là của tôi nữa!"

Cổ Trầm mềm gục xuống:

"Tôi, tôi là của Sinh, tôi là của Sinh."

Trương buông tay, giọng nói còn ám khói:

"Cô Trầm! Cô bây giờ đã xuống nước."

Trầm mềm tiếng nói:

"Không, tôi không xuống nước, dù chỉ một giọt."

Trương kêu nhỏ:

"Tôi thấy có một trái lửa đam mê vừa tắt."

"Tôi đang trong cơn động kinh tĩnh, cơn động kinh sáng suốt, cơn động kinh không nóng, không co giật."

Trương đứng xé Trầm ra, từ tốn đi bách bộ trong phòng chàng tiến lên dịu dàng, bước tới khoan thai, tay sờ lên mặt bàn, lên thành ghế, lên nóc tủ. Chàng đi sâu vào, dừng lại ở đầu giường, Trầm vội đưa tay:

"Khoan, khoan đừng đi tới nữa, đừng đi tới vị trí chiếc giường của dĩ."

Trương quay lại:

"Nếu em còn làm dĩ nữa, tôi sẽ lấy roi bò bắt em nằm xuống, đánh vào mông em, ngay trên chiếc giường mà em đã làm dĩ."

1. Văn Cao

*“Trên đường tối đêm khoả thân khiêu vũ
Kèn nhịp xa điệu múa Vô Luân
Run rẩy giao duyên khỏi nhạc trầm trầm
Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc
Kiếp người tang tóc
Loạn lạc đời nơi xương chât lên xương
Một nửa kêu than ma đói sa trường
Còn một nửa lang thang tìm khoái lạc...”*

(Trích: “Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc”)

Văn Cao: Viết văn, làm thơ, dựng kịch, soạn nhạc, vẽ. Sinh năm: 1922 tại Hải Phòng

Nhạc phẩm: *Buồn tàn thu, Suối mơ, Bến Xuân, Trương Chi, Thiên thai, Sông Lô* và nhiều ca khúc chiến đấu khác.

Văn Cao

Một tinh cầu giá lạnh

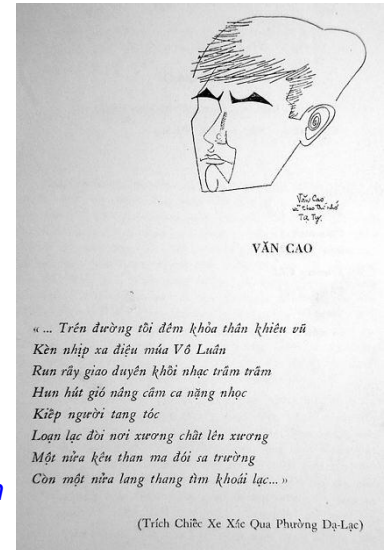
Dòng nước của đại dương luôn luôn đuổi nhau xoáy vào mỗi bờ cát, soi mòn chân đá, đắp dày từng lớp mặn chát trên mặt đất khô cằn quanh năm ảm mốc váng muối và sinh lầy. Cửa biển Hải Phòng với những ống khói đen sì nhấp nhô in lên nền trời, nhả từng vệt khói xám đậm vươn cao rồi vút biến vào lưng chừng một mỗi. Những nét mặt lem luốc tro than diễn hành từng chiều, rồi từng chiều trên các nẻo đường lờ lỏi, đầy bụi và rác. Thân phận con người đeo đuổi, dính chặt vào tiếng còi thét ngắt ngư từ một nhà máy hay tiếng động rầm rì, đều đều, của chiếc chân vịt cuốn sục sôi mặt nước. Con người sống trong cửa biển vật vã từng giờ, từng khắc, với lao khổ, tủi nhục và âm thầm bên cạnh vùng ánh sáng đàng điếm của giai cấp thống trị.

Cửa biển là nơi hẹn hò của những tay giang hồ hảo hớn, của bao thảm kịch đan kết thành dòng sống phức tạp, đớng đau. Cửa biển với vòm trời xanh thăm thẳm bồng bênh, với từng phiến mây phiêu du vô định, với từng con nước dạt dờ lồi cuốn số phận con người vào sự nổi trôi, mỗi lần nhỏ neo tạm biệt bến bờ. Cửa biển với cơn cuồng nộ tới tấp của giông bão giữa mùa biển động làm vỡ nát ước mơ, làm tả tơi hy vọng.

Cửa biển tượng hình uất hận. Cửa biển than khóc. Cửa biển nghẹn ngào.

Văn Cao đã khóc tiếng đầu tiên để chào cửa biển Hải Phòng với ngàn ấy gia tài. Văn Cao lớn lên và được dạy dỗ bằng nước mắt hơn là tiếng cười. Những khuôn mặt lem luốc của công xưởng, cửa hầm mỏ, cửa bến tàu đã khắc sâu vào tiềm thức, trở thành ám ảnh, dần vật khôn nguôi. Văn Cao đã sống với tiếng máy và thở cùng than bụi. Văn Cao đã biết đói, biết rét, biết đau khổ, trước khi làm người lớn. Vì thế, sự hiện diện của Văn Cao ở một hàng ngũ cách mạng nào đó trước năm 1945, người ta đừng lấy làm lạ, phải coi như một lẽ đương nhiên. Kẻ thù đã đẩy, chẳng riêng gì Văn Cao, mà cả dân tộc đứng lên đòi quyền sống.

Văn Cao là mẫu người đặc biệt. Với vóc dáng nhỏ nhắn. Với nụ cười lẳng chím không thành tiếng. Với hàm răng ngắn, đều. Với đôi mắt lạnh lùng dễ sợ lúc giận dữ, và dịu hiền khi tâm hồn chìm du vào dòng suy tưởng.



Văn Cao nhập cuộc không phải bằng tài năng đơn độc mà bằng một thác lũ nghệ thuật, chum lấp vòm trời Kinh đô Văn nghệ. Từng bước khoảng khoát, Văn Cao hiên ngang đi vào lòng Mẹ Việt Nam và được tiếp nhận nồng hậu. Chưa ai nghĩ tới và tưởng tượng nổi một Văn Cao trước những đối nghịch lớn, chứa đựng cái vóc dáng khiêm nhường ấy. Người ta có thể cho là huyền thoại khi nói về một Văn Cao vẽ giấy bạc giả để chi dùng trong khi *hoạt động* túng thiếu, đến lúc hành vi bị lộ, đã rút súng Colt 45 chĩa vào những người có mặt, bắt họ giữ nguyên vị trí, để mình rút lui, rồi sau ngày 19-8, mang giấy bạc thật đến hoàn lại số tiền đã trả bằng bạc giả với đôi lời xin lỗi. Cũng như ít ai biết tác giả *Thiên thai, Trương Chi* ở tổ chức ám sát nội thành Hà Nội dưới thời Nhật. Bị hoàn cảnh xã hội lúc đó đẩy vào con đường nghệ thuật, Văn Cao phải lao tìm một lối sống đặc biệt. Nhưng hôm nay tôi viết đến Văn Cao, không phải để đề cao điểm đặc biệt ấy, mà chính là để tìm hiểu Văn Cao ở khía cạnh Văn nghệ Tiên chiến và sự khuất chìm của một Văn Cao trong hiện tại.

Tâm hồn Văn Cao luôn luôn nghiêng về đau khổ. Văn Cao cố tìm cách tránh né nó bằng sự thoát du của trí tuệ. Trong mỗi sáng tác của Văn Cao tiên chiến, chúng ta nhìn thấy rõ quan niệm ấy ẩn nấp trong ca khúc *Thiên thai, Trương Chi* hoặc các đoản tác về nhạc cũng như văn thơ khác. Văn Cao lần trốn thực tại, một thực tại nhức nhối rã rời của cuộc sống phần nọ. Văn Cao tìm đến sự cứu rỗi linh hồn ở Lưu Nguyễn, ở tình yêu không phai tàn trong Sắc-Hương-Thiên-Giới, hay nỗi hờn ngàn kiếp giữa gã lái đò nghèo và cô gái đài trang. Chiếc chén tương tư đã tan thành nước và biến vào dòng suối đau buồn của cõi trần gian có từ khi trái đất hình thành. Văn Cao đã mượn hình thức cũ để nói lên tâm sự mình, một tâm sự chứa trọn nỗi bất bình xã hội. Nhưng đừng ai hiểu lầm Văn Cao đã sáng tác Trương Chi theo chiều hướng căm thù giai cấp. Trong nỗi bơ vơ của kiếp người, lớn lên với bao nhiêu cực nhọc, chịu thiếu thốn thường xuyên về cơm ăn, áo mặc, Văn Cao mong vượt thoát bằng sự ước mơ, bằng trở lui về quá khứ thơ mộng, bằng đắm mê với suy tư trong ảo ảnh xa lìa. Văn Cao muốn tự giải thoát bằng sáng tác. Ở Văn Cao, mỗi lời thơ là một hạt ngọc, mỗi tiếng nhạc là mỗi sợi tơ, mỗi màu sắc là một vùng hào quang diễm lệ. Sự vượt lên của Văn Cao trong một thành phố đục lấm cát bụi, trong tiếng khua rộn ràng của những sợi dây xích sắt khổng lồ trong tiếng nấc nghẹn ngào không thoát khỏi cổ họng, được coi như cố gắng phi thường của một tâm hồn sung mãn. Đối nghịch đã làm cho Văn Cao trở thành con người có phong cách riêng biệt.

Văn Cao muốn tạo cho mình một thế giới êm dịu đầy mộng mơ tuổi trẻ, nhưng thực tại tàn nhẫn đã đập vào trí não Văn Cao từng hình ảnh đọa đày, từng nỗi đau ngấm ngấm. Văn Cao dấy dựa trong những giăng mắc đó như con cá biển cố vùng vẫy thoát khỏi mắt lưới, để đừng bao giờ thân xác bị moi ruột ướp muối đem phơi khô, rồi trở thành phân bón. Văn Cao giờ đôi bàn tay khoả lấp vùng lưu đày tuổi trẻ bằng nghệ thuật.

“Thiên thai, ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian”.

Òi, trần gian, trần gian nào đó, thứ trần gian chỉ được cấu tạo trong tưởng tượng mà Văn Cao cố vói lấy để thấy – ít nhất trong khoảnh khắc – kiếp người chưa hẳn đã chịu chết chìm trong u ngục, đói rét, áp bức. Nhưng trong cõi sâu thẳm hun hút của vũ trụ trên kia, Văn Cao vẫn cảm thấy và nhận ra niềm cô đơn dằng dặc của thân phận mình. Trong nhạc phẩm Trương Chi, Văn Cao không phải chỉ than van cho khối tình oan trái, không phải chỉ oán hờn định mệnh theo nghĩa hẹp hòi, cũng không phải chỉ là nói lên cái đẹp thuần túy của thơ, nhạc; thực ra, Văn Cao đã *“Ngồi đây ta gõ ván thuyền, Ta ca trái đất chỉ còn riêng ta”.*

U uất bủa vây trùng trùng, điệp điệp làm Văn Cao ngỡ ngàng xoay quanh để kết đoàn. Niềm thống khổ như từng cơn sóng đại dương xô đuổi miên tục, phá phách đến tận đáy cùng thẳm của xã hội ung độc. Văn Cao buông rời cửa biển, gia nhập vào một không gian khác để mong tìm sự bình yên của tâm hồn. Nhưng dù đi đâu, đến đâu, thì hình ảnh của đói rét, khốn cùng

vẫn nằm kề sa đoạ. Cửa Ô Cầu Rền với xóm Dạ Lạc bốn mùa khai hội, từng đêm, tiếng sênh phách reo vui với xiêm y rực rỡ, với chuỗi tiền cười lạnh lẽo, vang dội vào khuôn gác nhỏ, không một ánh đèn, ánh nến, không cả tình thương. Trong khuôn gác nhỏ giữa xóm Vạn Thái, Văn Cao đã sống những ngày cuối cùng của tử nhục, đã phải chấp nhận cái đau của những con người rời bỏ ruộng vườn, ngược dòng sông Hồng, lần theo đường sắt, qua các ngã đường, từ sau lũy tre thân yêu, từ dưới mái nhà ấm cúng, từ chiếc sân gạch với hàng cau thẳng vút, đã kéo vào thành phố lũ lượt như lũ âm hồn dật dứu nhau đi đầu thai tập thể qua năm Cửa Ô Hà Nội.

Nhịp sống hờn tử mỗi giờ, mỗi phút cứ xiết chặt lấy mỗi kiếp người đói rét. Gió dào dạt rức buốt da thịt. Gió đập gãy từng thể xác lả xuống mặt hè như cành khô rơi rụng. Không một lời trời trăn, không một giọt nước mắt. Trong cái phờ phạc của mùa đông Hà Nội, bóng những con quạ đen thui chập chờn lượn vòng, đe dọa. Từng đêm tiếng bánh xe lăn lọc cọc đi xuôi về cửa Ô. Ngọn đèn dầu đỏ loe loét lác lư bên hông xe soi thấp thoáng những cẳng chân, cẳng tay đen đúa thò ra dưới manh chiếu nát. Vòng xe trôi, trôi mãi, đêm này qua đêm khác theo lộ trình định sẵn. Tiếng vó ngựa gieo rời rạc trong mưa phùn gió buốt, chen lẫn vào tiếng nói cười đàn ca rộn rã hắt ra từ hai lễ dâm đăng.

Văn Cao đã từng đêm nhìn qua khuôn gác nhỏ, xóm Dạ Lạc mờ đục dưới ánh sáng bạc phếch của điện đường. Niềm xót thương dấy động tự chiều sâu của tâm ta và lòng oán thù thân phận lại đẩy mạnh Văn Cao vào hàng ngũ chống đối. Tất cả nỗi giận hờn đó Văn Cao đã giải bày bằng những vần thơ đau thương nhất:

*“Cửa Ô ơi, cửa Ô đau khổ
Bốn ngã âm u
Nhà ta thuê, mái gác tự mùa thu
Gác cô độc hướng về phường Dạ Lạc
Đêm đêm dấy đài canh tan tác
Bốn vực nhạc động vấy người
Dãy đèn treo ánh đỏ quạnh máu đời
Ta về gác chiếu chẵn gào tự tử
.....
... Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khói Công Yên
Thấy băng khuâng lối cô hư huyền
Hương nha phiến chập chờn mộng ảo
Bánh nghiêng nhựa đường nghe xào xạo
Ai vạc xương đỏ sọ xuống lòng xe
Chiếc quỷ xa qua bốn ngã ê chề
Chờ vạn kiếp đi hoang ra khỏi vực...”*

Tâm trạng Văn Cao ở thời gian đó không phải là tâm trạng của kẻ làm cách mạng tích cực mà chính là tâm trạng của nghệ sĩ với tất cả rung cảm chân thành. Nhìn thấy thảm trạng xã hội Văn Cao bị phần thét lên *“Ta về gác chiếu chẵn gào tự tử”*. (Nhưng câu thơ này đến lúc được in trên tờ Tiền Phong lại đổi thành: *“Ta về gác gió cài then cửa rú”* có lẽ vì lý do nào đó hơn là tự ý tác giả). Văn Cao bị dồn ép, xô đẩy vào một ngõ cụt. Văn Cao vùng lên phá phách bằng nghệ thuật thấy chẳng ích gì, nên phải dấn thân vào ngã khác, chưa hẳn ngã ấy bây giờ đã hợp với tâm hồn và xoa dịu nỗi khắc khoải mà Văn Cao mang từ tuổi ấu thơ tới trưởng thành.

Với tài năng phong phú, Văn Cao không từ bỏ một hình thức nghệ thuật nào. Văn Cao vẽ, viết, làm nhạc và hoạt động cách mạng. Ở mỗi bộ môn Văn Cao đều xuất sắc.

Văn Cao gia nhập làng văn nghệ bằng một vài truyện và kịch ngắn đăng trong *Tiểu thuyết thứ Bảy*. Mấy sáng tác này hồi đó bị chìm đi trước những hào quang chói của những vì tinh tú như Nhất Linh, Thạch Lam, Thế Lữ trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn và Vũ Bằng, Thanh Châu, Ngọc Giao, Nguyễn Công Hoan, Bùi Hiền, Nam Cao, Tô Hoài trong nhóm Tân Dân. Thấy văn chương không thể đưa mình lên đỉnh cao nghệ thuật, Văn Cao rẽ sang âm nhạc. Tác phẩm *Buồn tàn thu* chào đời vào cuối năm 1943 gây một phản ứng tốt trong giới yêu nhạc. Lời và ý nhạc tuy chưa đạt so với những sáng tác sau đây, nhưng nó là điềm báo trước một cái gì sẽ và sắp đến. Quả thực vậy, sau đó ít lâu nhạc phẩm *Thiên Thai*, *Trương Chi*, *Suối mơ* và *Bến xuân* ra đời gây một ảnh hưởng lớn đến tinh thần thường ngoạn âm thanh của giới trí thức Hà Nội.

Hai nhạc phẩm *Suối mơ* và *Bến xuân*, Văn Cao cùng sáng tác với Phạm Duy. Vì giá trị hiển nhiên, nhạc Văn Cao đã vượt thoát qua cửa ải được trấn giữ lâu ngày bởi Lê Thương, Đặng Thế Phong, Đoàn Chuẩn, Hoàng Quý v.v...

Cánh cửa vinh quang đã mở cho bước chân thứ nhất của con người tài hoa tuổi trẻ. Nền âm nhạc Việt Nam hồi đó chưa phát triển mạnh, chỉ có một vài tên tuổi và vài nhạc phẩm quá quen thuộc, trong đó nhạc phẩm của Đặng Thế Phong với *Con thuyền không bến*, *Giọt mưa thu* và *Vạn cổ sầu* là được ưa chuộng nhất. Nói cho đúng, những nhạc phẩm của Văn Cao quá mới và hay, so với thời gian lúc đó nhất là lời ca.

*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước
Em đến tôi một lần
Bao lũ chim rừng hóp đàn trên khắp bến xuân
Từng đôi rung cánh trắng riu rít ca u ú ù u ú
Cành đào hoen nắng chan hoà...
... Tới đây, chân bước còn ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền soi nước
Tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng ngoài bến xuân...
... Tới đây, mây núi đòi chấp chùng
Liều dương hơ tóc vàng trong nắng
Gột áo phong sương du khách còn ngại ngần nhìn bến xuân...
(Bến xuân)*

Lời nhạc Văn Cao đặt như thơ, thật chọn lọc. “*Mắt em như dáng thuyền soi nước*” và “*Liều dương hơ tóc vàng trong nắng*” là những hình ảnh quen thuộc của thi ca, chưa ai dùng để đặt lời cho nhạc. Tứ nhạc phong phú, nét nhạc thanh thoát dịu người thường thức đi vào cõi mộng êm đềm, quần quít giữa sự giao duyên của thơ và nhạc. Nhưng chẳng phải chỉ có một lần mà hầu hết các nhạc phẩm của Văn Cao đều có lời đẹp và chất chứa cả một sức mạnh giông gió làm đổ vỡ những chương ngại cản đường. Tôi nhớ mãi năm xưa, mỗi lần gặp nhà văn Vũ Bằng, nói chuyện về Văn Cao, Vũ quân lúc nào cũng khen bài *Suối mơ* hay quá, tuyệt quá, và cao hứng khẽ hát:

*... Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối
Nghe suối róc rách trôi, hoa lừng hương gió ngát
Đàn ai đùa trong khóm lá vàng tươi...
(Suối mơ)*

“Anh có đồng ý với tôi câu: *Đàn ai đùa trong khóm lá vàng tươi* là nhất không?”, Vũ quân nhìn tôi gay gắt.

Có nhiều người cho rằng Văn Cao sáng tác hai bài *Suối mơ* và *Bến xuân* tại chiến khu trong thế gian hoạt động bí mật, vì đó là hình ảnh của miền Cao-Bắc-Lạng với núi đồi, rừng, suối – không đúng hẳn, Văn Cao có hoạt động bí mật ở chiến khu, nhưng Văn Cao làm ra hai bài ấy ngay lòng Hải Phòng, cùng soạn với Phạm Duy, và chính Phạm Duy là người hát đầu tiên. Văn Cao làm nhạc do tự học, về sau mới thụ huấn nhạc lý ở lớp nhạc Tạ Phước. Văn Cao không hát được, tất cả mọi nhạc phẩm phổ biến gây được ảnh hưởng, phần lớn nhờ tài trình diễn của Phạm Duy.

Những nhạc phẩm của Văn Cao được xưng tụng rầm rộ sau ngày cách mạng ôm trọn nước Việt Nam – một phần cũng vì tác giả đã làm ra bài *Tiến quân ca*, bài ca chính thức của cách mạng. Từ “*Chủ tịch*” đến thứ dân đều phải đứng nghiêm trước nét nhạc trỗi lên. Trong khoảng thời gian này, Văn Cao đã vươn lên tới đỉnh chót của ân thưởng cho tài năng và công lao đối với cách mạng.

Ngoài văn thơ, âm nhạc, Văn Cao còn là họa sĩ có tài. Tất cả những nhạc phẩm do Văn Cao xuất bản, đều tự trình bày với những nét vẽ của họa phái Lập thể. Văn Cao sử dụng cọ và màu cũng sắc sảo mặn nồng không thua gì các họa sĩ chuyên nghiệp, có khi hơn nữa. Về họa Văn Cao có học một hai năm ở mỹ thuật Hà Nội với tư cách dự thính viên tự do (auditeur libre).

Văn Cao vẽ tranh sơn dầu cũng bằng hình thức và nội dung mới. Bức họa “Cuộc khiêu vũ của những người tự tử” (Le Bal aux suicidés) mà Văn Cao trưng bày tại Phòng Triển lãm Duy Nhất (Salon Unique 1943) đã làm giới mỹ thuật ngạc nhiên về bút pháp và màu sắc.

Văn Cao là một nghệ sĩ trên nghệ sĩ. Một mình ôm mấy vùng ánh sáng.

Tôi biết Văn Cao trước khi biết Phạm Duy, qua hội họa nhiều hơn. Mỗi tình giao bắt đầu giữa tôi và Văn Cao trong một căn nhà ở phố Hàm Long vào năm 1944 nhân một buổi xem tranh của nhau. Lúc đó Văn Cao đã “*hoạt động*”, tôi đâu biết. Trong số anh em có mặt, tôi chắc cũng chẳng ai ngờ con người nhỏ nhắn ấy lại có gan to, mặt lớn.

Chúng tôi tranh luận về hội họa và phê bình tác phẩm của nhau, sau cùng chúng tôi đồng ý rằng, hội họa phải chuyển hướng không thể dùng để truyền thần sự vật. Bẵng đi một thời gian, tới cuối năm 1945 tôi mới gặp lại Văn Cao. Mỗi giao tình vẫn như xưa và quan niệm về hội họa của Văn Cao không thay đổi theo cách mạng. Văn Cao đã lấy vợ và hay lại nhà thi sĩ Hoàng Lộc (*chết trên đường số 5 trong trận đánh vào cuối năm 1947*), một căn gác rộng đối diện với dãy 24 gian, phố Huế. Lộc sống cùng với người anh. Cả hai độc thân, nên căn gác đã thành “*quán tha hồ muôn khách đến*”, thường dùng làm nơi họp mặt của anh em. Rồi thời gian cứ thế trôi đi, tới ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946.

Đầu năm 1947, nhân chuyến lên Việt Bắc cùng Phạm Duy, tôi gặp Văn Cao ở Yên Bái, trong buổi chiều nắng tàn xuân thoi thóp trên đầu núi ngọn rừng, trên nỗi điêu tàn của một thành phố bắt đầu tiêu thổ! Chúng tôi ngồi trong quán ăn giữa trời. Bữa đó, tôi chứng kiến lần thứ nhất tài uống rượu của Văn Cao. Văn Cao uống hai chai đế, da mặt cứ tái đi và thái độ vẫn ung dung hoà nhã như chưa uống giọt nào. Lúc trước, tôi đã nghe nói về tư lượng và sức hút thuốc phiện của Văn Cao. Theo anh em, Văn Cao có thể hút sáu, bảy mươi điều liền trong một tối và uống tối thiểu một chai “*Cổ nhát*” sếch. Lúc vui, tôi hỏi. Văn xác nhận: “Đúng! – “*Moa*” uống và hút như thế đó, nhưng không nghiện thứ nào cả. Có cũng vui, không cũng chẳng sao!”. Nói xong, Văn cười, nụ cười không thành tiếng, tôi chỉ nhìn thấy hàm răng nhỏ trắng đều lấp lánh bên ánh đèn dầu lửa.

Rồi chúng tôi xa nhau. Sự chia tay trong thời gian kháng chiến thật ngậm ngùi vì không ai dám

đoan chắc bao giờ gặp lại. Tôi quay về Âm Thượng, gia nhập một đoàn văn nghệ đi lang thang khắp núi rừng cho đến ngày cơn sốt rét ẩn tôi nằm liệt giường, tôi trở về quê nhà tại Liên khu 3 để chữa bệnh.

Vào mùa đông năm 1948, mặt trận đang sôi động, quân Pháp đóng cách nơi tôi ở chừng 6 cây số theo đường chim bay, trên con đê Đặng Giang, suốt từ Vân Đình xuống làng Phù-Lưu-Tranh, bỗng một chiều Văn Cao và Nguyễn Đình Thi đến tìm tôi. Sau bữa cơm, trời bên ngoài đen như than, mưa phùn, gió bắc. Rặng tre trước nhà rung lên kẽo kẹt như tiếng nghiêng rặng. Gió lùa qua khe cửa thổi buốt tê da thịt. Văn và Thi tưởng chỉ sang thăm tôi rồi về làng bên ngủ nơi có cơ quan, không ngờ mãi vui nên ở lại. Lên đèn được lúc lâu, lạnh quá, chúng tôi chui vào giường. Chiếc mền Mỹ mỏng teo làm chúng tôi rét không ngủ được. Văn Cao nằm giữa, ngâm bài thơ “Chiếc xe gác qua Phường Dạ Lạc”. Giọng ngâm làm da thịt tôi tê gợn. Nó âm u hơn cửa địa ngục. Nó rờn rợn như có ai đang cầm một miếng mảnh chai cạo vào chiếc lóng tre khô. Nó ai oán thê lương hơn một bãi sa trường sau giờ tác chiến. Nó thấm vào hồn mình như từng giọt cường toan. Tôi đang bị vây hãm bởi âm thanh ma quái đó, chợt nghe ngoài ngõ có tiếng chân đi rầm rập, rầm rập: đoàn quân đang di động ban đêm.

Khi tiếng ngâm vừa dứt, Nguyễn Đình Thi nhồm dậy hỏi tôi, *giờ này mua rượu ở đâu?* Tôi nói *đang chuyển quân ai cho mình đi!* Thi lại nằm vật xuống. Cả đêm chúng tôi không ngủ, phần vì lạnh, phần thảo luận văn nghệ và nhắc kỷ niệm anh em.

Sang đầu năm 1949, Văn Cao và gia đình về Khu 3 ở tại làng Hoà Xá gần chợ Đại. Chúng tôi gặp nhau luôn và chính ở nơi này Văn Cao đã sáng tác nhiều nhạc phẩm trong đó có bản “Tiến về Hà Nội”. Văn Cao dạy hoạ sĩ Bùi Xuân Phái và tôi hát bài này trước tiên. Trong thời gian ở Liên khu 3, chúng tôi có tổ chức một cuộc Triển lãm Hội hoạ. Văn Cao bày một bức sơn dầu mang tựa đề “Cây đàn đỏ” vẽ người bộ đội ôm “Cây đàn chủ nghĩa”.

Triển lãm xong, Văn Cao nhờ tôi giữ gìn hoạ phẩm đó, nhưng sau quân Pháp đã lấy hết, cả tranh của tôi lẫn tranh Văn Cao, trong một cuộc hành quân càn quét vào đầu năm 1950. Từ đó, chúng tôi không một lần gặp lại nhau.

Tính ra đã 20 năm rồi. Tôi đứng bên này vĩ tuyến nhìn qua vòm trời Bến Hải, nhìn qua Đòng Hới, qua Vinh, Thanh Hóa, Nam Định, Phủ Lý rồi đến Hà Nội, nơi Văn Cao đang có mặt với vụ án *Nhân văn - Giai phẩm*, với kỷ luật tập thể giết dần Văn Cao, biến Văn Cao thành công cụ. Cái không khí *“đính cáo sáng tác”* mà Văn Cao thèm khát đã trở thành nỗi ước mơ thật sự, ước mơ này chắc anh sẽ đem theo về cõi chết.

Dù sao, Văn Cao vẫn hiện diện trong tôi với hình dáng của một tinh cầu giá lạnh, với cô đơn dang dặc ở cuối khung trời ngăn cách.

Trích thơ Văn Cao **Chiếc xe qua phường Dạ Lạc**

*Ngã tư nghiêng nghiêng đóm lửa
Chập chờn ảo hóa tà ma
Đôi dây hồng lâu cửa mở phấn sa
Rũ rượu tóc những hình hài địa ngục
Lạnh ngắt tiếng ca nhi phách rục
Tình tang gỗ nhịp khóc đàn sương
Áo the hoa lả lướt lượn đêm trường
Từng mỹ thể rạc hơi đèn phù thế*

Ta đi giữa đường dương thế
Bóng tối âm thâm rụng xuống chân cây
Chiếc xe ma chở vội một đêm gầy
Xác trụy lạc gục bên thềm lá phủ
Ai hát khúc Thanh Xuân hờ ơ, phấn nữ
Thanh Xuân hờ Thanh Xuân
Bước gần ta bước nữa thêm gần
Khoảng giữa tuổi xuân nghe loạn trùng hút tuỷ
Ai huỷ đời trai trên tang trống nhỉ?
Hay ác thần gỗ quác nạo mồ khuya
Đảo điên mê say thể phách chia lia
Nghe reo mạnh chuỗi tiên cười lạnh lẽo
Tiền rơi, tiền rơi...
Chùm sao huyền diệu
Lấp lánh hằng hà gạo rơi tiền rơi
Ta lả nhìn cửa sổ mắt mờ rồi
Vàng mấy lá thừa đãi thây phủ chiều.
Ngã tư nghiêng nghiêng chia nẻo
Đặt diu cung bậc âm dương
Tàn canh nhể nhại mưa cô tịch
Đầm đĩa rả rích phương Đông
Mang mang thờ dài hồn đất trích
Lưới thép trùng trùng khép cổ đô

Cửa Ô đau khổ
Bốn ngã âm u
Nhà ta thuê mái gục tự mùa thu
Gác cô độc hướng về phường Dạ Lạc
Đêm đêm dầy dài canh tan tác
Bốn vực nhạc động vẫy người
Dây đèn treo ánh đỏ quạnh máu đời
Ta về gác gió cài then cửa rú
Trên đường tối đêm khoả thân khiêu vũ
Kèn nhịp xa điệu múa Vô Luân
Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm
Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc
Kiếp người tang tóc
Loạn lạc đời nơi xương chất lên xương.
Một nửa kêu than ma đói sa trường
Còn một nửa lang thang tìm khoá lạc.

Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khói Công Yên
Thấy băng khuôn lối cô hư huyền
Hương nha phiến chập chờn mộng ảo
Bánh nghiêng nhựa đường nghe xào xạc
Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe
Chiếc quý xa qua bốn ngã ê chề
Chờ vạ kiếp đi hoang ra khỏi vực.

Mưa, mưa hằng thao thức

*Trên phố lội đìu hiu
Mưa, mưa tràn trên vực
Hang tối gục tiêu điều
Mang linh hồn cô liêu
Tiếng xe càng ám ảnh
Tiếng xe dần xa lánh
Khi gà đầu Ô kêu.
(1945)*

Những ngày báo hiệu mùa xuân

“Những ngày báo hiệu mùa Xuân” là một đoạn trong bài thơ dài “Những người trên cửa biển” của Văn Cao, in trong tập thơ của bốn người: Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần và Lê Đạt, do Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

*Nước biển đổ vào quanh Hải Phòng ngày bão
Làng mạc bỗng bênh trời đất bênh bỗng
Ở những ngọn tre xác xơ mọc lên chất muối
Còn lại ít rơm khô của mái nhà trôi
Những mảnh lưới thuyền ai bay tan tác
Xe gạo ngày đêm từ Hải Phòng về các xóm
Chúng tôi đêm ngày vét nước nổi đê
Tươi ngọt lại ruộng đồng, dựng lại từng thôn xóm
Tìm lại những nụ cười ở môi người sống sót
Lửa đỏ đêm đêm trên bãi biển bập bùng
Trong những ngày khó khăn chống chọi
Kẻ thù của chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lẩn trong hàng ngũ
Những con bói cá*

1. Vũ Hoàng Chương

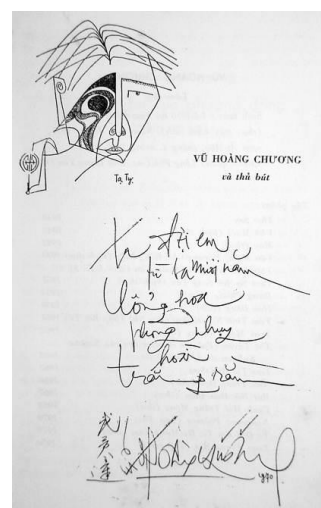
Nội dung thủ bút:

*Ta đợi em
từ ba mươi năm
Cồng hoa
phong nhụy
hoài
trắng rằm*

*Vũ Hoàng Chương
1970*

Vũ Hoàng Chương: Làm thơ. Sinh ngày: 5-5-1916 tại Nam Định (Bắc Việt, theo giấy khai sinh). Năm sinh đúng: 1915, năm Ất Mão, tháng 4, mồng Một. Chánh quán: Làng Phù Ủng, tỉnh Hưng Yên (Bắc Việt)

Tác phẩm: *Thơ say* 1940, *Vân Muội* (kịch thơ) 1942, *Mây* (thơ) 1943, *Vân Muội*, *Trương Chi*, *Hồng Điệp* (kịch thơ) 1944, *Thơ lửa* (cùng với Đoàn Văn Cừ - Liên khúc



3), *Tâm sự kẻ sang Tần* (kịch thơ) 1951, *Rừng phong* (thơ) 1954, *Hoa đăng* (thơ) 1959, *Tâm tình người đẹp* (thơ Nhị thập bát tú) 1961, *Trời một phương* (thơ), *Thi tuyển* (Poèmes choisis) tựa của Simone Kuhnen de la Coeuillerie 1963, *Lửa từ bi* (thơ) 1963, *Ánh trăng đạo* (thơ) 1966, *Bút nở hoa đằm* (thơ) 1967, *Cành mai trắng mộng* (thơ) 1968, *Nouveaux Poèmes* (Tân Thi) 1970, *Ta đợi em từ ba mươi năm* (thơ) 1970, *Loạn trung bút* (tạp văn) 1970

Vũ Hoàng Chương

Tiếng thờ dài của phương Đông trầm mặc

“Ôi, Lý Bạch, Trang Chu đường chim nẻo Nguyệt
Đời họa còn ta là theo vết người xưa...”
(Vũ Hoàng Chương)

Nói đến Vũ Hoàng Chương là nói đến dòng thời gian xa thẳm trước tầm mắt, là nhắc nhở đến vùng bao la như lớp khí quyển vây quanh trái đất tạo nên ứ đọng với từng ngón hoài nghi, với niềm dằn vặt khôn nguôi giữa sự bứt ròi và níu kéo trong một thể xác nửa mệt lả vì yêu thương, nửa giận hờn nổi thất bại của tâm linh trước sự chia lìa của Thơ với Thực tại.

Sinh ra đời dưới một ngôi sao tốt, từ nhỏ, Vũ được bọc đùm trong nhung lụa, được dạy dỗ ở cả hai phía, Tây học và Hán học. Vũ đã hấp thụ văn học Tây phương đồng thời do sự giáo huấn của bà mẹ, Vũ cũng say mê Đông phương và sớm suy tư triết thuyết Lão, Trang với cổ thư Trung Quốc.

Sự ám ảnh của thời đại hoàng kim chìm khuất với vóc dáng chàng Tư Mã áo xanh trên bờ sông Dương Tử, hay khuôn mặt nàng ca kỹ bên Tầm Dương “*tay ôm đàn che nửa mặt hoa*”... đã làm phai mờ tất cả kích thước các nhà thơ lớn Tây phương: Hugo, Lamartine, Musset, Baudelaire, Verlaine, Rimbaud đang chiếu sáng trên vòm trời thi ca Việt Nam khoảng 1935-43 với từng người thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm kỹ thuật, nhất là tư tưởng vay mượn của nền thi ca miền tóc vàng, tuyết trắng.

Vũ là tượng hình đứng cô liêu trong vòm trời quá khứ. Ánh sáng của ngọn hải đăng le lói giữa đêm khuya mịt mù sóng vỗ, Vũ lắng nghe hồn mình trải rộng trên mỗi con nước đại dương và thẳm ước sẽ tìm được trong sự luân lưu đó, chút hơi thở của người xưa vọng đến. Nhưng ánh sáng của ngọn hải đăng vẫn le lói hàng đêm và đại dương cứ luân lưu theo chu kỳ miên viễn, hơi thở của quá khứ trôi đi biệt không để lại vết tích gì trong vũ trụ bao la, có chăng chỉ còn lại niềm tưởng vọng giữa sự-sống-hôm-nay gửi về cõi-chết-hôm-qua bằng môi trường suy cảm. Vũ đã suy cảm và lựa chọn khổ đau, với đam mê huỷ diệt. Vũ khước từ cái công danh phú quý mà đời đã trao tặng sau những năm đèn sách, để tự dán thân vào thế giới thi ca, tức là mang lấy nghiệp. Sự “*đầu thai làm thế kỷ*” mà Vũ đã viết ra, hét to lên trong cơn mê loạn của thể xác, trong nổi vò xé của tâm linh trước cuộc sống nghẽn lối, trước cơn bi phần của con chim bị trúng tên rã cánh, nhìn trời cao mà không vút lên được, nhìn trái ngọt mà không vừa an hưởng, nhìn thân phận trôi đi, trôi đi như ảo ảnh để nuôi tiếc giấc mơ thành bướm thuở nào.

Thế đó, dòng sông với ngàn ấy tê liệt, ngàn ấy giận hờn trong một xã hội đốn mạt, trong một quốc gia nô vong, Vũ cảm thấy mình đã nhiễm độc và để giải độc, Vũ tìm quên trong chiều sâu của ảo giá, của men khói. Ở đó, Vũ đón nhận về phần mình tất cả đau thương, qua từng sợi khói lung linh, qua lời hò hẹn chênh vênh, qua tình yêu gục mặt, qua niềm tin đổ vỡ để thoát vào cảm thông với hơi thở mỗi mồn. Vũ tiếp thu những giá trị bi thương ấy, những nghẹn ngào câm tiếng ấy bằng niềm sáng khoái vỡ bờ. Vũ từ bỏ thực tại như từ bỏ chính bản thân. Vũ lững thững đi vào xứ Mộng. Trong cõi mộng lung của tiềm thức, từng hình ảnh xa lìa, khắc khoải bám riết lấy suy tư, xiết chặt thân phận Vũ vào chiếc nôi bằng tơ có móc đầy gai nhọn. Sự lìa

bỏ bản thân, lia bỏ thực tại phải được coi như những chứng tích, mỗi ngày mỗi nỗi hằn như vết roi định mệnh.

Hành trình vào thế giới thi ca của Vũ, người ta không thể không xuyên qua bản chất thực thể của Vũ với tấm lòng rộng mở, với ý hướng chói loà chiếu rọi vào mỗi dòng, mỗi chữ để cùng đau, niềm đau tâm sự! Vũ, mẫu người thơ đặc biệt, không giống với bất cứ thi nhân nào đã và đang có mặt. Vũ làm thơ để cất lên lời chào, tiếng khóc. Vũ làm thơ để trôi trắng ý tình, để tiếp nối hơi thở gửi từ kiếp trước. Cái đau, Vũ khóc ngất trong thơ không phải cái đau của Huy Cận với *“Chàng là con một người mẹ hay sầu. Nên trọn kiếp mắt chàng thường đầm lệ”*. Không, không, cái đau của Vũ cao rộng và siêu thoát. Nó có đấy, nhưng nó cũng vô vàn xa vời như chiếc bóng hồ ly, như tiếng nhạc lên đèn dội từ cung Hằng thăm thẳm. Phong độ trong thơ Vũ là phong độ của cánh chim hồng học bay suốt vạn dặm dài, qua bao nhiêu không gian ước định. Thơ Vũ hiện diện như loài hoa quý, ngạo nghễ rung rung từng cánh mỏng cho phần hương tan vào thinh không gửi đến mọi phương trời, mọi góc cạnh tâm tư đang chói với trong mê muội, trong dục vọng thấp hèn giữa cuộc sống buông trôi.

Hành trình vào thơ Vũ, mỗi con người tự cảm thấy lâng lâng như lạc vào giấc mơ kỳ thú. Thời gian, không gian xáo trộn, quý với người là tình nhân, gỗ đá cũng mặc áo linh hồn. Nhưng muốn hiểu thơ Vũ đến cùng, người ta phải tìm hiểu cả cái dòng sống phức tạp xuyên qua từng khía cạnh ngọt ngào và cay đắng, đã làm Vũ chết điếng sâu đau, tê rời cảm xúc.

Tình yêu và đam mê

Đi vào tình yêu là đi vào nguồn vui đau khổ. Từ khung trời hy vọng đổ sang vùng địa ngục tối tăm. Từ ánh mắt sáng ngời do lửa yêu đương thấp sáng đến nắm mộ u uất dựng lên giữa cõi sống như một sĩ nhục. Khuôn mặt người đàn bà mang tên Kiều Thu mà Vũ đã ôm ấp mười năm, mười năm nhen nhúm với ước vọng, với chờ đợi náo nức, với dặm dài mệt mỏi. Kiều Thu, Kiều Thu hỡi! Người đàn bà may mắn đã được Vũ khóc trong thơ, đã được Vũ vuốt ve với vằn điệu gấm nhung, đã được Vũ tôn lên ngai thờ Nữ Sắc, nàng có biết chăng, dung nhan đó đã trở thành bất tử. Người đàn bà ấy giờ đây đang có mặt ở phương nào, đang ẩn mình trong góc cạnh nào của cuộc sống, sung sướng hay khổ đau, đã già hay còn trẻ, hãy ngẩng mặt lên đón nhận nơi đây lời chúc tụng.

Tình yêu mà Vũ đã gửi tặng làm nơi không phải thứ tình yêu qua nhanh như gió thổi, như làn chớp ngang trời. Nó day dứt sượng sùng. Nó tái tê cuồng dại đến nỗi Vũ phải kêu la:

*“Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư!”*

Biết rằng thất bại và biết được giá trị khổ đau, Vũ muốn tìm quên bằng cách đắm chìm thân phận vào trời say, nhưng không được:

*“Say đã gắng để khuấy sầu lê gỏi
Mưa, mưa hoài rệu chẳng ám lòng đau
Gấm thế nào từ buổi lạnh lùng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc?
Tình đã rời đi riêng mình tường tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
Lá, lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
Say chẳng ngăn những đêm dằng dặc nhớ...”*
(Lá thư ngày trước, *Mây*)

Như thế đó, tình yêu đối với Vũ là hình phạt nặng nề hơn ân thưởng. Những khuôn mặt đàn bà đi qua đời Vũ, được Vũ nhắc đến trong tác phẩm, đều chập chờn như những bóng ma. Cô gái tóc vàng đến từ miền tuyết trắng hay ả ca kỹ nổi danh phòng Dạ-lạc cũng chỉ là hư ảnh. Vết thương tình ái làm Vũ nhức nhối đến bây giờ, trong buổi xế chiều của cuộc đời, vẫn là Kiều Thu. Nó là ung thư đục khoét ở chiều sâu cơ thể. Nó làm cho con người chết mỗi mòn vì ám ảnh, sầu đau. Vũ mang vết thương đó đi lang thang trên mọi nẻo đường đời như mang một số kiếp phụ thuộc.

*“Trăng của nhà ai Trăng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ở đêm tháng sáu mười hai nhĩ
Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương...”*

Ngày 12 tháng 6 là ngày người yêu sang ngang. Sự dứt bỏ này làm tổn thương đến danh dự người trai ngoài hai mươi tuổi. Nhưng nàng bỏ ta không phải là hết. Ta vẫn mê nàng. Ta là gã si tình ngàn kiếp:

*“Tháng sáu mười hai từ đây nhé
Chung đôi từ đây nhé lia đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa Tố của tôi...”*

Rồi Vũ thét ngất:
*“Kiều Thu hê Tố em ơi
Ta đương lửa đốt toi bời mái Tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hò Xứ Xang Xế bàn tay điên cuồng
Kiều Thu hê trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô
Xứ Xang Xế Xứ Xang Hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên...”*
(Mười hai tháng sáu, Mây)

Niềm bi thảm của tình yêu cứ kéo lê trong tâm linh Vũ như vết hằn khổ nhục. Khuôn mặt và vóc dáng người đàn bà đó đã gây nên ấn tượng khốc liệt làm Vũ choáng váng đến run sợ. Chính vì không đủ can đảm, Vũ chạy trốn thất vọng đi tìm đam mê để giết nỗi buồn đắng dặc. Vũ chìm đời mình vào dòng sông Mê khoái cảm. Vẫn điệu trong thơ Vũ ngất ngư như ử say men khói, lãng đãng lạc vào cõi u huyền mộng mị.

Thi phẩm *Mây* chào đời năm 1943 là thi phẩm sáng chói nhất của Vũ, vì ở giai đoạn này, Vũ đã sống trọn vẹn với hơi thở thi ca, với quê Nâu lửa đóm bằng máu và hồn. Vũ thiêu dần thân xác chẳng những với ngọn dạ đắng chập chờn hoa bắc mà còn đắm say tiếng cầm ca, sênh phách rộn ràng trong từng đêm dài cửa Ô đau khổ. Vũ muốn xé tan thân phận mình và tiêu huỷ cái số kiếp bi đát để tìm về giải thoát, sự giải thoát nào đó có mâu nhiệm hay không, Vũ chẳng cần biết. Vũ nhìn chòng chọc vào cõi Hư Vô mong soi tỏ bản chất mình qua đóm lửa lung linh mờ ảo.

Ngày rời đêm, khúc vui, cung buồn cứ đuổi theo nhau chạy luôn trong huyết quản Vũ để biến Vũ thành một tù nhân của đam mê vọng tưởng. Niềm thương nhớ chắc chẳng bao giờ nguôi,

từng nổi khắc khoải, phân vân hiện hình trong thơ Vũ như chứng minh sự buông thả lênh đênh của một tâm hồn đã quá no đầy oan nghiệt:

*“Phơi phới linh hồn lỏng khóa then
Say nghe giọt nhựa khóc bên đèn
Mê ly cả một trời Đông Á
Sực tĩnh trong lòng nắm mộ đen...”*
(Hơi tàn Đông Á, Máy)

Ảnh hưởng và đối thoại

Tâm hồn Vũ là những sợi dây tơ được căng thẳng trên vòm trời ảo mộng. Một hơi gió, một chớp mắt, một va chạm con con cũng đủ làm cho đường dây rung lên nức nở. Vũ treo cuộc sống của mình trên những sợi dây mong manh đó và để mặc cho âm hưởng reo vang tự đáy lòng cô độc. Vũ không nhìn vào cuộc đời có đây để tìm vị trí thực thể của mình. Vũ xoay mặt đối diện với quá khứ, đối diện với những ước mơ tự ngàn xưa xa vút. Sự đối diện này tạo cho Vũ niềm tin tưởng vì Vũ cho rằng đã tìm thấy ở vóc dáng dĩ vãng, cái-qua-rồi, hình ảnh bản thân hiện rõ trong lăng kính tâm tư. Vũ vẽ lại tiền thân bằng vần điệu. Cả một vòm trời nặng trĩu mây mù, Vũ dùng tâm linh chiếu sáng để nối lại đường dây giao cảm, để khoả lấp sai biệt của khoảng cách vô cùng rộng lớn. Vũ mơ giấc mơ thành bướm của Trang Chu và đổi theo từng bước chân khoảng khoát của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Bạch Cư Dị. Vũ say mê bờ liễu Hàng Châu lả lướt, hoặc sóng nước xanh rờn vỗ bên Tầm Dương, hoặc nét nguy nga, cao trọng của lầu Hoàng Hạc ngàn năm sừng bóng. Vũ chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền thi ca Trung Quốc thuở thịnh Đường và mê triết thuyết Vô Vi của Lão Tử. Cái “Có” cái “Không” phải chăng là mâu nhiệm? Đêm đêm Vũ thường đốt đèn lên trang sách hỏi người xưa về Ý Thức Huyền Vi để mong tìm ra lối thoát cho bản ngã, tài năng:

*“Phải chăng muôn kiếp nặng nề
Từ hư Không lại trở về Không hư
Lẽ nào mộng cả thôi ư?
Người ơi! Giọt bể chứa dư tang điền...”*
(Bài ca siêu thoát, Rừng phong)

Không tin vào giá trị của cuộc sống, Vũ nghiêng về hoài cảm. Từ hoài cảm tiến tới hờn giận sự hiện diện của thực tại nhúc nhối, như bản. Vũ vượt lên, thoát mình vào ảo giác, trộn lẫn cái “Còn”, cái “Mất”, cái “Có”, cái “Không” để đi vào quan niệm bi thương, giận dữ. Vũ vẫy vùng trong mớ hư ảnh, kêu gọi từng hình thể xa vời trở về đối thoại.

Vũ cho rằng, cuộc đời hiện hữu không phải là chỗ đứng của mình nên thay vì đối thoại với người sống, Vũ trò chuyện với những vóc dáng mơ hồ chạy lờn vờn trong tiềm thức, hay ẩn hiện sau mỗi cơn say dài men khói. Từng chấm sáng lân tinh xoay quanh đốm lửa hắt hiu toả hương mê hoặc. Vũ gọi về tâm sự! Vũ diu nhẹ thời gian trở ngược vòng vận chuyển. Vũ mơ về thời đại hoàng kim xênh xang nhạc ngựa, gỗ, đá giao duyên. Vũ đối thoại với linh hồn, ma quỷ bằng lời thơ tiếc nuối:

*“Khí thiêng chừng sớm lia nhân thế
Dương thịnh rồi chẳng Âm đã suy
Quạnh quẽ thu phân thơ bật tiếng
Lầu hoang chìm dấu cỏ hồ ly*

*Còn đâu thuở ấy niềm khăng khít
Quỷ với người chung một mái nhà
Trăng bạn, hoa em trằm mối lái
Đèn khuya diu dặt bóng yêu ma...”*
(Cảm thông, *Mây*)

Ma quỷ, Hồ ly đối với Vũ như những người bạn chí thiết. Vũ trao đổi tâm sự với chúng như trò chuyện với các danh nhân, cao sĩ. Vũ mặc áo linh hồn cho gỗ, đá, cỏ, cây.

*“Ai đó – Phải chăng hồn cỏ cây
Bắc thơm dầu quánh nhựa hây hây
Dầu voi bắc mỏng manh gầy
Bước chân vào bợ ngợ
Hoa đèn lung lay...”*
(Nửa truyện Hồ ly, *Mây*)

Nhưng niềm cảm khái của Vũ không nhất thiết phải đứng nguyên ở vị trí tiếc thương quá khứ với giấc mộng đẹp qua đi không bao giờ trở lại, đôi khi, nó vùng lên hào khí. Sự vùng lên để chứng tỏ một thái độ và cũng để tìm không khí mới cho cuộc đối thoại, vì đối thoại không hẳn là phải chung thủy với một lập luận, chính thực để hiểu thêm những điểm khác biệt với chính mình. Từ truyện người tráng sĩ Kinh Kha với đường gươm lờ dờ không thành việc lớn, với tiếng sáo u buồn của Cao Tiệm Ly tiếc thương người bạn đời, đến vị anh hùng ái vải đất Quy Nhơn đã làm đẹp lòng Vũ bằng vắn điệu gieo vàng, chuốt ngọc.

*“Hãy dừng lại thời gian
Trả lời ta! Có phải,
Dưới vầng nguyệt lạnh lòng quan ải
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san
Lớp hưng phế xô nghiêng triều đại...
Mà chí lớn dọc ngang
Mà nghiệp lớn huy hoàng
Vấn ngàn thu còn mãi
Vấn ngàn thu người áo vải đất Quy Nhơn...”*
(Bài ca Bình Bắc, *Hoa Đăng*)

Đó, tâm hồn Vũ rung lên từng cung bậc uyển chuyển, nhịp nhàng. Tình yêu, hồi tưởng, đam mê, đau khổ, hờn giận đã bủa vây dòng sông nội tâm Vũ, biến Vũ thành một biểu tượng đặc biệt trong thế giới thi ca hiện đại.

Niềm cô đơn và dung nhan

Mỗi con người là một hoang đảo, nếu không có sự liên hệ do cuộc sống tạo nên để ràng buộc nhau trở thành xã hội, quốc gia hay nhân loại. Từ thuở sơ sinh, thanh âm thứ nhất chào đời là tiếng khóc chứ không phải nụ cười. Cái vòng sinh, lão, bệnh, tử như mỗi dây oan nghiệt thắt chặt mỗi cá nhân vào nghiệp chướng không để ai thoát khỏi. Vũ vào đời với từng bước nhỏ nhẹ, với thân phận tiền oan. Màu áo xanh Tư Mã, Vũ khoác lên vai mỏng manh như một biểu hiệu cố định, đồng thời Vũ cũng mang luôn niềm cô đơn giữa đời sống – một đời sống nô vong – đang đuổi theo sự an hưởng vật chất trước mặt, hay gục đầu trong vũng lầy hoàn cảnh. Vũ ngẩn ngơ giữa cõi đời với túi hành trang chất đầy hoài vọng lẫn bi thương. Vũ hoài vọng đến một khung trời bỏ ngõ có bươm vàng, lá thắm tình tự suốt bốn mùa giao hưởng, ở đây, con người được tự do trút bỏ mọi câu thúc hình hài, nhõn nhơ giữa muốn tiếng đàn ca, với thiên

tiên vui múa Nghê Thường. Vũ có thể tâm sự trực tiếp với “gỗ danh sĩ”, “đá thuyền quyền” như thuở nào trái đất mới hình thành mầm sống. Nhưng Vũ đã sinh ra giữa thời đại cơ khí, giữa hoàn cảnh phức tạp của xã hội Việt Nam nô lệ, nên hoài vọng và niềm bi thương ấy bị dồn nén vào trong để kết tụ thành khối đau buồn dằng dặc. Vũ nhìn lên vòm cao rồi cúi mặt xuống đất. Vũ không tìm thấy lối thoát ngoài thi ca. Vũ cô đơn. Mọi cánh cửa đều khép chặt trước mặt. Ba chiều không gian đã đóng kín, Vũ đành đốt tâm tư để mở một chiều riêng cho mình. Ấy đó, niềm cô đơn mà Vũ đã mang trọn kiếp người bật khóc trong thơ:

*“Ai biết gì đâu một cuộc đời
Nhớ thương hờn hận chẳng hề nguôi
Chẳng thương xuân sớm phai màu tóc
Chẳng nhớ mình đang sống kiếp người
Chẳng đắp non cao hờn chót vót
Chẳng thương mà biến hận đầy vơi
Hỏi chi sự nghiệp cùng thân thể
Sông núi – kia xem – đã lở bồi...”*
(Giấc mơ tái tạo, *Trời một phương*)

Từ hờn, hận Vũ đi vào bi phần:

*“Ai đó mách giùm ta với
Quần gót thể nhân như đàn quạ kia chẳng
Hay như mây cao đơn chiếc cánh chim bằng
Áp úng cân đai hề trôi giam tài năng
Vỡ mộng buông câu hề kho trời gió trắng...”*
(Tuý hậu cuồng ngâm, *Mây*)

Chính vì cô đơn quá đỗi nên Vũ bi quan, muốn rẫy bỏ nguồn sống đi tìm dung nhan cõi chết. Vũ phác họa cõi chết như một đồ vỡ toàn diện. Con người, sự vật mất hẳn. Ý thức về cõi chết là ý thức thực tế: mỗi người đều muốn có được cái chết yên lành cho riêng mình. Vũ không nghĩ thế. Vũ hình dung cõi chết như huỷ diệt, một tai nạn hãi hùng khủng khiếp với phi thuyền gãy lái, với trận lụt Hồng Thủy do cơn mưa đổ tự trời cao không bao giờ tạnh, hoặc cái chết do chính tim óc mình đòi ly khai với thể xác. Cõi chết mà Vũ tin rằng không ai được cứu rỗi dù Ma Vương hay Phật Như Lai, dù quỷ Sa-tăng hay Chúa Trời! Các vị thần linh đều bất lực vì cái chết này do chính con người tạo ra, con người phải chấp nhận hậu quả. Nói đến cái chết là nói đến niềm hoài nghi cuộc sống. Vũ nói về nó cũng tha thiết, cũng chìm đắm như nói chuyện yêu thương. Một đôi khi sự giả tưởng đưa suy nghĩ đi quá trớn, phóng đại ý nghĩa thực tế, mặc dầu trong thực tế có đôi lúc ngẫu hợp, nhưng nó không mang giá trị tuyệt đối. Nó cần thời gian và chứng nghiệm.

Vậy cõi chết Vũ hình dung thấy, phác họa ra, chỉ là ảo tưởng, nếu vạn nhất có thật, chắc chắn không phải là cõi chết con người thèm khát hay tình nguyện. Có chăng, nó chỉ liên hệ đến một mình Vũ với ưu tư thầm kín:

*“Cả trái tim tôi
Cũng đòi biệt thế
Nó quyết đi tìm Thượng Đế
Trên con đường không giới hạn bằng tiếng khóc trong nôi
Và điệu vãn trước mộ
Nó hy vọng sẽ đích thân làm nhạc trưởng
Đánh nhịp tung bùng cho nước lửa hoà âm trắng đen hợp xướng*

*Cho bản đồng ca ảo tưởng
Hiện hữu vang lừng sân khấu Hư Vô...”*
(Thản nhiên, *Trời một phương*)

Và cơn mưa không bao giờ tạnh:

*“Còn mưa rồi sẽ đến vô cùng
Khối nước đè lên bẹp Thủy cung
Ngũ đại dương thành tên gọi hão
Năm châu vùi xuống đáy mồ chung”.*
(Kiềm toả, *Trời một phương*)

Sự bùng tình và ý thức khổ đau

Sau mấy chục năm đằng đẵng, Vũ ngập lặn trong hoài vọng và ước mơ thảng thốt mong tìm siêu thoát. Hình ảnh quá khứ trôi lều bều với dư âm buồn thương lãng đãng ở cuối trời mộng tưởng. Vũ khóc đã khô cong nguồn lệ. Vũ ôm bên lòng một mối hận cùng thảng năm cách trở. Màu áo xanh năm trước đã tàn phai ý mùa Tư Mã. Bến Tầm Dương nào đó, lệnh đèn dăm bảy con thuyền nát, vài nàng ca kỹ già của Bồ Tùng Linh trôi về dưới mái Liêu-Trai. Cảm thông ngàn xưa vướng mắc, Vũ bùng tình và nhận thức cuộc sống với giá trị thực thể của nó đi theo nhịp tiến hóa. Vũ không phải sống, phải ăn, phải thở, phải chịu nhiều phiền muộn về vật chất như mọi người. Vũ đau đớn tháo gỡ từng mảnh xiêm tòn vắn vương tâm tưởng. Vũ nhìn thẳng vào cuộc sống ở mỗi góc cạnh suy tư. Vũ chấp nhận thực tại tức là Vũ đã nhìn rõ vị trí kiếp người. Do đấy, lời và ý trong thơ Vũ đã chuyển hướng. Nó trình bày những hình ảnh mới với thể thơ Nhị thập bát tú.

*“Cánh tay đô thị vươn dài
Báo hoa cọp gấm tàn phai mộng rừng
Một thời hương sắc trên lưng
Đổ theo dòng suối rưng rưng bóng tà”*
(Rừng hết mùa thiêng, *Nhị thập bát tú*, Tập 2)

Hoặc:

*“Dấu mũ trên chữ A
Là chim bay lộn ngược
Trên nền giấy trắng bao la
Trùng dương dịu dàng in lấy bóng
Chim bay diu mây bay...”*

.....
*Hoả sơn cười sặc sụa
Rung chuyển vòng đai biển Thái Bình
Một lần nữa uốn cong lưỡi lửa
Ngùn ngụt thi nhau tập đánh vằn
Một phụ âm và hai nguyên âm...”*
(Khai sinh, *Trời một phương*)

Vần và ý thơ rất mới chẳng những đối với Vũ mà còn làm ngỡ người quen đọc Vũ với hàng thơ đẹp, reo vang như tiếng vó ngựa đập lưng đèo. Nhưng không phải cứ đổi mới, cứ thoát xác là xong nhiệm vụ, là tước bỏ được mặc cảm. Vũ càng đi sâu vào cái mới bao nhiêu thì niềm khổ đau lại dâng lên bấy nhiêu. Ý thức khổ đau không buông tha con người đã quá chiều ước

vọng. Trong cõi mộng lung của Vô Cùng, Vũ lại mập mờ nhìn thấy hình ảnh mình thất thểu trên tấm màn vân cầu. Thời gian cứ trôi bình thản theo nhịp chuyển dịch của Vũ Trụ. Con người cứ mòn mỏi theo tháng năm vô nghĩa. Sự góp mặt tạm bợ này Vũ đã biết, đã suy luận về nó rất nhiều. Bởi vậy, Vũ vẫn coi nguồn khổ não như ân sủng thiêng liêng và giá trị cõi sống không sao thoát được vùng kiềm tỏa của bầy dây tình oan nghiệt. Vũ đối diện với lửa bắc hàng đêm để soi tỏ bản thân trước số phận con người lê thê bào ảnh. Vũ uống từng giọt mật đắng chảy qua tâm trí, ngấm vào huyết quản làm khô dần ý sống. Vũ giận dữ, vùng lên nắm chặt lấy khổ đau mà nguyên rủa. Nhưng tiếng thơ oán hờn vẫn vang lên nhịp điệu thê thiết ngàn kiếp không phai:

*“Đo màu mây sớm nét mưa chiều
Đo cả hơi đàn cả tiếng tiêu
Con số ra tay đê nén mãi
Con người phận mỏng đến bao nhiêu”.*
(Phương trình số phận, *Nhị thập bát tú*, Tập 2)

Con người phận mỏng lắm nếu đem so với phương trình vũ trụ. Con người chỉ là *“hạt cát bên sông Hằng”*, cái chớp mắt, cái vi-ti-sinh-vật đối với thế giới bên ngoài. Khoa học đã chứng nghiệm sự thực bằng phát minh, bằng con số bắt mọi người chấp nhận. Vũ tức giận sự lũng đoạn của khoa học trong địa hạt tâm linh, chính vì vậy, Vũ phải mang ý thức khổ đau, có lẽ, tới khi vắng mặt!

Tiếng thở dài và ý niệm giải thoát

*“Từ khi trái đất ra đi
Lệ chia phối đã xanh rì trùng dương...”*

Thơ Vũ là tiếng thở dài của phương Đông trầm mặc. Tiếng thở dài đó cất lên giữa vòm trời rất đổi buồn thương, ray rứt trong mỗi vần điệu. Sau những cố gắng đi tìm cho chính mình luồng sinh khí mới, nếp suy cảm mới, rốt cuộc, tiếng nói của Vũ vẫn nguyên vẹn là niềm u uất, mệt mỏi, chán chường! Vũ muốn chìm chết dĩ vãng trong Trời-Quên-Lửa-Khói, nhưng sau mỗi cơn say tự dưới đáy vực, Vũ cảm thấy tâm hồn mình càng lún sâu xuống Địa-Ngục-Quá-Khứ. Nó quật ngã Vũ lúc nào nó muốn. Nó là định mệnh. Nó bám riết lấy Vũ với dằn vặt trường miên, với hờn thương vô độ. Nó nhập vào thơ Vũ. Nó chứng minh sự phai tàn của một thế hệ. Nó ghi dấu thời gian như vết xe lướt qua mặt đường lầy lội. Thật vô ích và xiết bao đau đớn, đêm đêm nhìn nhớ thương toả dài theo lửa khói rồi chìm lắng vào Hư-Vô câm tiếng.

Thơ Vũ là cơn đau đứt nối với số phận riêng lẻ. Thơ Vũ không chuyên chờ những món hàng hợp thời trang cùng chân dung thê thảm của chiến tranh có đây, hoặc tỏ bày thái độ trước cuộc đời hôm nay. Thơ Vũ đơn côi giữa nguồn sống đang dâng trùng trùng lớp lớp. Chính vì thế thơ Vũ tồn tại.

Niềm chia ly cách trở do núi sông, nhân thế cộng với tháng năm tủi nhục, Vũ đi tìm vùng an nghỉ cho tâm linh. Vũ muốn được giải thoát bằng ý niệm siêu hình, bằng cách phóng hồn vào *hư-không-tuyệt-đối*. Vũ đi tìm Đạo. Vũ muốn dứt bỏ cái xác phàm hệ lụy bởi cơn áo, yêu thương, hờn giận này đi. Cõi sống làm Vũ chán ngán. Vũ đã uống nó đau khổ, hút say phiền muộn! Cuộc đời nào đó có gì cho ta mong đợi?

*“Bụi đỏ phai màu nhân sự
Trang đạo lý thom tho từng nét chữ
Mười ngón tay đan díu cõi Vô hình*

*Xác tục lằng lằng chờ cơn gió hiền linh
Ai xưa quên ngày tháng hát vong tình
Kìa phương Nam, hoa nở ngát lời kinh
Dằng dặc trầm luân mấy độ
Thuyền ta trôi hề ý ta bay
Sương in bóng nguyệt không mà có
Hay có mà không nhĩ gã say?...
(Bài ca siêu thoát, Rừng phong)*

Ngọn lửa Từ Bi cháy ngùn ngụt giữa đường nhân thế làm sáng ngời cửa Phật, soi đường cho Vũ tìm thấy chân lý cuộc đời. Vũ dâng hiến linh hồn mình cho đấng Thích Ca, cho cõi Vô-Cùng-Siêu-Thoát. Từ lâu, Vũ nghe được tiếng cá thờ than, hôm nay, Vũ đã sôi tiếng rừng cây, Vũ chỉ chờ ngày hiểu được bề sâu của lòng đất là thoả nguyện ước mơ cuối đường.

*“Nghe được từ lâu cá thờ than
Hôm nay mới sôi tiếng cây ngàn
Bao giờ tôi hiểu sâu lòng đất
Là thấy đường lên cõi Niết Bàn”.
(Nhị thập bát tú, Tập 2)*

Là đây, niềm hoài vọng của con người Thơ qua bao nhiêu hệ lụy giờ đây còn lại người gì? Cuộc đời có, không, không, có, nào ai biết được, hay cũng chỉ như:

*“Ca trùng lửa đóm
Cũng hoàn phần hư không dù lãng ngà cỏ khâu...”
(Tụng kinh kha)*

*

Cách đây 27 năm, vào buổi tối đầu thu, thành phố Hà Nội vừa lên đèn. Gió từ bờ Hồng Hà thổi nghe thấm lạnh. Những chiếc lá đầu mùa đã thả xuống lề đường làm duyên cho thành phố. Nguyễn Đức Nùng, người bạn cùng trường đưa tôi đến gặp Vũ Hoàng Chương tại một căn nhà cổ, sau đến Bà Kiệu. Đến nơi tôi gặp thêm Đinh Hùng, Lê Trọng Quý cùng vài ba bạn khác. Căn nhà thấp, rất thấp, tối om om. Đó đây từng ngọn dạ đăng cháy lập lòe không soi tỏ mỗi khuôn mặt. Tôi được giới thiệu với Vũ và các bạn. Hình ảnh đầu tiên ghi nhận ở Vũ, đến hôm nay còn in rõ trong tôi như vết tích không phai với thời gian, đó là một thanh niên mảnh mai chìm khuất dưới bộ bà ba trắng đã ngả màu, nằm nghiêng bên ngọn dạ đăng ma quái. Vũ đưa mắt nhìn tôi mà tôi tưởng như Vũ nhìn vào khoảng trống. Đôi mắt ấy toát ra ánh sáng kỳ lạ. Nó lóe lên giống tia chớp rồi vụt tắt giữa màu mây nặng trĩu hơi mưa. Vũ nằm bất động như thiếp vào cơn mơ bỏ dở. Hương nha phiến chập chờn quẩn rữ. Lát sau nghe chùng đã hả cơn say, Vũ mời tôi vào thăm quê Nâu. Tôi từ chối. Vũ nhếch môi cười – *“Toa” không chịu vui với anh em thì đến đây làm gì?* Tôi định trả lời, tôi đến vì mê thơ chứ không vì mê khói. Nhưng Nùng đã vội nói – *“Moa” biết, nó chỉ thích thể thao và con gái thôi. Mặc nó!* Tôi bèn lên ngồi như cậu bé bị kẻ tội. Lê Trọng Quý nằm gần đây, cất tiếng ngâm thơ. Giọng ngâm của Quý sang sảng, ấm lạ thường. Tiếng thơ diu theo khói thuốc gây cho tôi ấn tượng là lạ vì chưa một lần được biết. Quý ngâm bài “Mười hai tháng sáu” trong tập *Mây* của Vũ, do nhà Đời Nay vừa xuất bản. Chính thi phẩm này đã đưa Vũ lên tột đỉnh của trời Thơ thuở ấy. Vũ gõ que sắt vào thành chén giữ nhịp, đôi mắt nhắm lại như không muốn thấy sự vật xung quanh. Tôi biết Vũ đang trở vào giấc ngủ mười năm lỡ dở. Tiếng ngâm của Quý vút lên nhưng bị ngăn trở bởi kích thước không gian nhỏ hẹp nơi đây nó dội lại, trở thành chua chát, nẫu nề. Tôi choáng váng rồi thoát mình nhập vào không khí cuồng say lúc nào chẳng biết.

Từ buổi ấy, chúng tôi là bạn. Chúng tôi thường gặp nhau, nhưng không một lần, Vũ mời tôi chung say nữa. Tôi mê thơ Vũ đến nỗi thuộc hết tập *Mây* lúc nào không hay. Tôi còn thích Vũ ở lối ăn mặc đặc biệt. Vũ thường mặc áo gấm màu lam, đi giày ta, mang khăn xếp, tay cầm quạt và luôn luôn có đem theo cuốn *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh bằng chữ Hán. Vũ đi thất thủ, chậm rãi với phong độ nho gia. Sau đó ít lâu Vũ về quê nhà ở Nam Định.

Bẵng đi một dạo, cho tới năm kháng chiến thứ ba, tôi mới gặp Vũ tại Đống Năm thuộc tỉnh Thái Bình, nhân buổi họp mặt Văn Nghệ. Vũ vẫn thế, chiến tranh không làm Vũ đổi thay từ bản thân tới suy nghĩ. Chiếc áo gấm năm xưa đã phai màu gió bụi trường chinh, nhưng phong cách Vũ vẫn y nguyên. Trong thời gian ấy, Vũ làm thơ một phần để tỏ bày thái độ, một phần để nguôi ngoai tâm sự.

*“Mới hôm nào gác Dì Năm
Lời thơ ai đẹp tiếng cầm ai say
Tang thương một cuộc ai bày
Giấc Thiên Thai để trắng tay Lưu Thân
Xa Cổ đồ vắng cổ nhân
Trái tim mềm trĩu hai lần nhớ thương...”*

Lần này chính Vũ ngâm cho tôi nghe trong một quán nước bên bờ đê. Giọng ngâm của Vũ âm đục, thâm thiết như vướng nghẹn bởi sương khói quê Nâu. Vũ ngâm thơ như khóc, như hờn tủi, như cơn đau xé ruột.

Qua những giờ giao cảm ngắn ngủi đó, chúng tôi lại chia tay với bụi ngùi cách trở, kháng chiến vẫn kéo dài bước chân tuổi trẻ.

Đến năm 1951, chúng tôi lại thấy nhau ở Hà Nội. Vũ cho biết đang viết vở kịch thơ *Tâm sự kẻ sang Tần*. Trong vở kịch thơ này Vũ đã gửi gắm tâm sự mình không ít xuyên qua nhân vật Cao Tiệm Ly. Vũ đã viết 6 vở kịch thơ, mới in 4 và 14 thi tập. Trong số có tập *Cảm thông* do Nguyễn Khang dịch sang Anh ngữ và *Nhị thập bát tú* được Simone Kuhnen de la Coeuillerie dịch sang Pháp ngữ với lời tựa của thi hào Ý Lionello Fiumi, cùng một tuyển tập cũng do S.K. de la Coeuillerie dịch với minh họa của Suzanne Bomhals và phụ bản của Ysabel Beas. Cuốn *Tuyển tập* được giáo sư André Guimbretière đề tựa. Thơ Vũ đã vượt biên giới để hoà mình với thi ca thế giới.

Nhưng viết về Vũ mà bỏ quên hình ảnh người đàn bà mang tên Oanh – người bạn đời của Vũ – kể như thiếu sót. Người đàn bà ấy nổi danh tài sắc một thời – đã cùng lên đê, chìm nổi theo số phận Vũ. Người đàn bà ấy có tình thương yêu vô lượng, có sức chịu đựng phi thường. Sự nghiệp của Vũ hôm nay được thành quả, một phần cũng bởi lòng hy sinh cao cả và ý chí sắt son của tâm hồn khả kính ấy. Trong suốt mười mấy năm thi phẩm, Vũ chỉ nhắc đến tên Oanh có một lần, trong tập *Hoa đăng*. Nhưng thật ra, bóng dáng ấy phảng phất có mặt trên mọi trang thơ vì nó đã dính liền vào thịt da, vào huyết mạch Vũ từ lâu rồi. Vũ rất nhạy cảm nên dễ giận hờn. Thực phẩm trần gian quá đắng cay, Vũ phải ẩn nấp vào trời *Mây* để tìm hương vị ngọt ngào cho cuộc sống riêng tư.

Việc nhận diện Vũ Hoàng Chương không mấy khó. Cái khó là viết về người bạn thân. Tôi băn khoăn, phân vân trước khi viết vì tự nghĩ mình không đủ sáng suốt để tìm hiểu Vũ với cái nhìn vô tư chẳng?

Nhưng đến lúc này, tôi cảm thấy vui nhẹ đôi vai.

Trích thơ Vũ Hoàng Chương Nửa truyện hồ ly

Giàn dưa mưa lát phát
Mênh mông sâu xứ đêm dài
Hư vô động tiếng giày ai
Mình ta buồn đặc đặc
Say giữa hai tờ Liêu Trai
Rún rẩy hoa đèn rung ngọn bắc
Không gian đàn mãi tiếng giày ai
Dầu cạn lưng chừng phao
Sợ nhỏ thon mềm đáng liễu
Hài son phơi phơi lửa đào
Khói biếc màu xiêm yểu điệu
Ai đó – phải chăng hồn cỏ cây
Bắc thơm dầu quánh nhựa hây hây
Dầu vơi bắc mỏng manh gầy
Bước chân nào bợ ngỡ
Hoa đèn lung lay
Ai đó – phải chăng hồn cỏ cây
Mộ vắng lầu hoang ngỡ ngác sợ
Cùng đêm nương về đây
Nửa truyện Hồ Ly trang sách giờ
Lung linh tiếng giày.

Dâng tình

Bốn trời sương lạnh
Đường xanh bóng trắng
Lửa đào lung lay phát phới
Thi nhân ôi xin đừng bước lại
Đây Hàng Châu thường mơ ước đêm Hoa Đăng
Đêm Hoa Đăng đường xanh bóng trắng
Đêm Hoa Đăng đèn quanh lối xóm
Đây cầm ca người mộng gái xưa Kim Lăng
Hãy dừng đây Chàng Say
Mà điên cuồng lời lẽ
Đón muôn đời thanh sắc ngã trong vòng tay
Nhịp trúc buông khoan
Sóng tơ dòn chậm
Môi nồng tươi da mịn ấm
Liễu xinh xinh thoa đáng liễu cong đôi nét mày
Lũ chúng em chờ Chàng qua chín kiếp
Tình giang hồ phong nhụy vẫn nguyên hương
Rượu dâng nồng đây son phấn mùi phương
Khói lên biếc và đây hồn tứ xứ
Trên cánh Nhạc đề mê Chàng hãy ngự
Đàn tơ mây theo phách gõ trầm hương
Nhịp lời ca lời lẽ bóng nghề thường

Âm điệu sẽ ru Chàng say đến cuối
Lũ chúng em ca nhi
Đón dâng Chàng một buổi
Nỗi yêu mê cuồng dại nén từ lâu
Rồi mai đây Chàng rong ruổi
Thuyền buộc sông mưa
Ngựa dừng trăng khuyết
Tình nhân thể chua cay người lịch duyệt
Niềm giang hồ tan tác lệ Giang Châu
Xin bẻ thuyền quay hướng
Xin giục ngựa quay đầu
Về cùng chúng em
Buồng xuân chờ cửa ngõ
Khóm trúc đợi xanh màu
Họp cùng chúng em
Cổ nàng tiên má hồng nâu
Giúp đôi cánh biếc dâng sâu lên khơi
Hãy dừng đây Chàng Say ơi
Cùng lặn đạn bên trời một lửa
Đêm Hoa Đăng vắng chàng thoi thóp lửa
Tiếng đàn xênh rời rạc khúc Thiên Thai
Hãy dừng đây sương gió lạnh bên ngoài.

Một phút ngừng say

Bác trĩu hoa đèn nhựa úa nâu
Phai say nằm khóc mộng ban đầu
Bước chân song sóng vòng tay mở
Dạo ấy người xưa xa lắm đâu
Chớm nụ tiếc cho tình quá ngát
Mà thương trời bể quá cao sâu
Tiếc thương lên khói vào tâm trí
Mưa gió tàn đêm lộng quán sầu.

Lá thư ngày trước

Yêu một khắc để mang sâu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư
Mộng băng quơ hò hẹn cũng là hư
Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mỏng mảnh
Rượu chẳng ấm mưa hoài chần chiếu lạnh
Chút hơi tàn lay lắt ngọn đèn khuya
Giấc cô miên rùng rợn nẻo hôn mê
Gió âm tường bay về quanh nệm gối
Trong mạch máu chút gì nghe vương rối
Như tơ tình thắt mắc buổi chia xa
Ngón tay run ghi nét chữ phai nhoà
Hồi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp
Yêu mê thế để mang sâu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này đây
Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay

Còn e ấp thưở duyên vừa mới bén
Ai dám viết yêu đương và hứa hẹn
Lần đầu tiên ai dám ký "Em Anh"
Nét thon mềm run rẩy gặng đưa nhanh
Lòng tự thú giữa khi tim trốn nắp
Mười hàng chữ đơn sơ ô ngược ngật
E dè sao mười hàng chữ đơn sơ
Màu mực xanh tươi ngát ý mong chờ
Tình hé nụ bưng thơm trong nếp giấy
Ồi thân mến nhắc làm chi thưở ấy
Đêm nay đây hồn xé nẻo thu tàn
Khóc chia lìa ai níu gọi than van
Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối
Say đã gặng để khuây sầu lẽ gỏi
Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
Gấm the nào từ buổi lạnh lùng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc
Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
Lá lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
Say chẳng ngán những đêm dằng dặc nhớ
Trăng nào ngọt với duyên nào thắm nở
Áo xiêm nào rục rở ngựa xe ai
Đây mưa bay mờ chậm bước đêm dài
Đêm bất tận đêm liền đêm kế tiếp
Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này thôi
Lá thư xưa màu mực úa phai rồi
Duyên hẳn thắm ở phương trời đâu đó.

Mười hai tháng sáu

Trăng cửa nhà ai trắng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ờ đêm tháng sáu mười hai nhĩ
Tổ của Hoàng ơi hồi nhớ thương

Là thế là thôi là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan tàn
Mười năm trăng cũ ai nguyện ước
Tổ của Hoàng ơi Tổ của Anh

Tháng sáu mười hai từ đây nhé
Chung đôi, từ đây nhé lìa đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tổ của Hoàng xưa Tổ của tôi

Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bia đề tháng sáu ghi mười hai
Tình ta ta tiếc cuồng ta khóc
Tổ của Hoàng nay Tổ của Ai

Tay gõ vào bia mười ngón rập
Mười năm theo máu hận trào rơi
Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bồn Ca gõ hát chơi

Kiều Thu hề Tổ em ơi
Ta đang lửa đốt toi bời Mái Tây
Hàm Ca nhíp gỗ khói bay
Hồ Xương Xế bàn tay điên cuồng

Kiều Thu hề trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô
Xương Xế Xương Hồ
Bàn tay nhíp gỗ điên rồ khói lên

Kiều Thu hề Tổ hồi em
Nghiêng chân rồn bể mà xem lửa bùng
Xế Hồ Xương khói mờ rung
Nhíp vươn sầu toả năm cung ngút ngàn.

Tuý hậu cuồng ngâm

Ôi lòng ta sao buồn không nguôi
Niềm u uất dâng cao hề thảng ngày trôi xuôi
Há vì cơm áo chẳng no lành
Há vì đời không mất ai xanh
Nhớ thuở không có ta hề đường đi thênh thênh
Kịp khi có ta hề chông gai mông mênh
Cuồng vọng cả mà thôi bốn phương hề vướng mắc
Ba mươi năm trên vai hề trống không bình sinh
Lều nát hề trơ trơ ngõ mưa lâm lợi
Trăng lạnh đèn mờ hồn đơn hề le lói
Đọc truyện cổ nhân hề lòng ta quặn đau
Gió bụi xôn xao hề thương vay người sau
Càng xót thân mình vô dụng
Thiên hạ chê bai hề lạc nẻo sang giàu
Ta chỉ tiếc cho thân hề vô duyên bấy lâu
Bá Nhạc đời không ai hề ngăn ngõ vó câu
Gươm sắc uống cho gươm hề Phong Hồ có đâu
Ai đó mách giùm ta với
Quần gót thế nhân hề như đàn quạ kia chẳng
Hay như mây cao đơn chiếc hề cánh chim bằng
Áp úng cân đai hề trời giam tài năng
Vỡ ruộng buông câu hề kho trời gió trắng
Ôi đường gai góc là bao hề sóng cồn mặt bể
Thương cho tay lái non hề con thuyền lao đao
Tiếc cho cơ hội muộn hề chặt gai được sao
Lá úa cành khô thu đông hề nổi gót
Chuyển choáng giang san hề còn say hát ngao
Mây hồng tím phương tây hề tà huy thoi thóp

Đời sắp tàn chẳng hề bắc lu dầu hao
Ngõ hẹp giường tre giấc mơ hề chơi với
Thôi hết mùa tươi
Hết thôi chờ đợi
Rượu hề rượu hề giùm quên nhé người

Sao lòng ta đêm nay buồn không thể nguôi
Niềm u uất dâng cao hề tháng ngày trôi xuôi.

1. Vũ Bằng

Nội dung thủ bút:

Có lẽ mình phải đóng một cái khung để giữ bốn câu thơ cậu tặng mình.

Có bằng nói lão bốn mươi năm,
Vũ ấy sao mà giọng vẫn cãm
Hay tại đa ngôn đa báo hại,
Giường tiên trời phật chẳng cho nằm!

Sài Gòn, 21-12-1969
Vũ Bằng

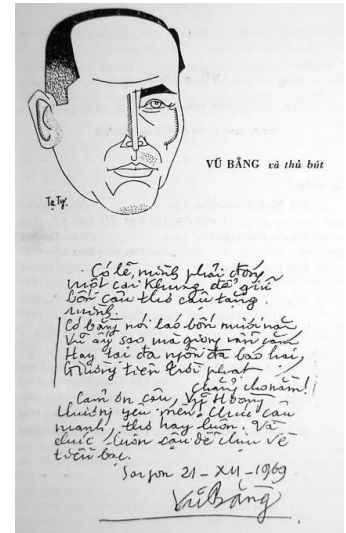
Vũ Bằng: Làm báo, viết văn. Sinh ngày: 3-6-1913 tại Hà Nội

Tác phẩm: *Một mình trong đêm tối* (tiểu thuyết) Trung Bắc tân văn (Hà Nội) xuất bản 1937, *Chuyện hai người* (tiểu thuyết) Tân Dân (Hà Nội) xuất bản 1940, *Tội ác và hối hận* (tiểu thuyết) Phổ thông Bán nguyệt san (Hà Nội) xuất bản 1940, *Để cho chàng khỏi khổ* (tiểu thuyết) Phổ thông Bán nguyệt san (Hà Nội) xuất bản 1941, *Khảo về tiểu thuyết* (loại sách "Học và Hiểu") Phạm Văn Tươi (Sài Gòn) xuất bản 1955, *Miếng ngon Hà Nội* (tạp văn) Nam Chi Tùng Thư xuất bản 1960, *Phủ dung ơi! Vĩnh biệt!* (Thế Giới xuất bản) 1969 (tức tác phẩm *Cai*, Tân Dân xuất bản tại Hà Nội) 1942, *40 năm nói lão* (Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai) 1969

Vũ Bằng

Người trở về từ cõi đam mê

Vũ Bằng là một hiện tượng. Trong suốt dòng sông của cuộc đời có mặt, Vũ Bằng đã đánh đổi tất cả chỉ để xin lấy về phần mình hơi thở của nghệ thuật. Nghệ thuật làm báo cũng như viết văn. Về làm báo, Vũ Bằng đã tự vẽ chân dung mình, chân dung thế hệ, trong cuốn *40 năm nói lão* do cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai ấn hành cuối năm 1969. Trong tác phẩm đó, Vũ Bằng đã thành thực chẳng những với lòng mình mà còn với người đọc. Những điều mà Vũ Bằng viết ra tôi tin rằng chẳng có ích bao nhiêu đối với những người chưa hoặc không nghĩ tới chuyện làm báo, nhưng nó rất cần thiết cho lịch sử báo chí và những ai muốn sống đời kỷ giả. Bán cả một cuộc đời để được trả bằng mấy trăm trang sách kể là quá đắt. Cuốn hồi ký *40 năm nói lão* đã nói lên tất cả mọi khía cạnh đặc thù – trong đó – Vũ Bằng đã ký thác tâm sự mình, ký thác “nghịệp chương” mình một cách quá đầy đủ về mặt báo chí, nên ở bài này, tôi chỉ viết về “Vũ Bằng nhà văn”.



Cách đây từ 40 năm, Lãng Nhân đã tìm thấy Vũ Bằng trong một bài lai cáo gửi cho báo *Đông Tây* và được đăng vào mục *Bút Mới* cũng như ngày nay một vài tờ báo hay tạp chí mở mục “*Cây viết mới*”, “*Tài năng mới*”, “*Mầm non văn nghệ*” v.v... Tôi tin rằng khi Lãng Nhân, với tư cách chủ bút báo *Đông Tây* chọn văn của Vũ Bằng, hẳn đã có con mắt tinh đời, cũng như Vũ Bằng, một thanh niên chưa đến 20 tuổi, đang học “*sơ-gông*” ở “*Lýt-xê*” không ngờ cánh cửa đời văn của mình lại do “*một người mặt lạnh như tiền*” mở cho vào một cách thông thả.

Nghề văn đối với Vũ Bằng là một cái nghiệp. Chính vì say mê đời văn, Vũ Bằng đã dim những tháng, những năm của tuổi trẻ vào đam mê, vào sa đoạ làm vỡ nát một ước của bà mẹ muốn cho con học thành bác sĩ, và làm khổ lây đến người cô già lận đận suốt đời cô độc bên cạnh đứa cháu hư, bị gia đình ghét bỏ. Cũng may, vì tình thương vô lượng của người cô khả kính đó – mẫu người đàn bà Việt Nam cổ – mà thay vì Vũ Bằng chôn sâu thân thể và sự nghiệp văn chương vào sọt khói phù dung với muôn vạn cơ lụy có thể đi đến tuyệt vọng cả thể xác lẫn linh hồn, Vũ Bằng đã “*kinh qua*” hệ lụy nhục nhằn một cách dững cảm so với khả năng chịu đựng của một con người.

Đã 40 năm qua, biết bao nhiêu hưng phế, có bao nhiêu giá trị bị mất đi, được bao nhiêu con người còn hiện diện để chứng minh với lịch sử văn học, với thời gian, cái ý chí sắt son của kẻ nghệ sĩ dám sống chết với nghệ thuật? Vũ Bằng, một nhà văn lớn trong số các nhà văn tiền chiến và ngay cả bây giờ. Vũ Bằng viết văn với một phong thái riêng, thật riêng biệt. Những truyện của Vũ Bằng đã đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy* khi Vũ Quân còn là chủ bút, đều mang nội dung mới, đi đôi với lời văn ngắn, gọn, sắc. Trong lúc đó, đa số độc giả còn mê đọc lối văn bay bướm của Ngọc Giao, hay nhẹ nhàng của Thanh Châu, hoặc “*người hùng*” của Lê Văn Trương v.v...

Cần phải nói thẳng, hồi đó Vũ Bằng chịu ảnh hưởng kỹ thuật hành văn của tác giả Tây phương nói chung. Nhưng điểm đáng quý ở Vũ Bằng, là không bao giờ áp dụng tư tưởng Tây phương vào sáng tác của mình, trừ kỹ thuật. Từ cuốn *Một mình trong đêm tối* qua *Chuyện hai người* đến *Ba chuyện mổ bụng* và *Bèo nước* là tác phẩm được in thành sách trước lúc toàn quốc kháng chiến, tất cả đều có nội dung rất giản dị, giản dị đến nỗi người đọc cảm thấy không có cốt chuyện mà chỉ có lời văn với nhân vật “*trình diện*” độc giả qua ngôn ngữ và hành động hết sức đặc thù, hết sức *Vũ Bằng*.

Lối dựng truyện của Vũ Bằng cách đây trên 30 năm làm nhiều người ngỡ ngàng vì không ngờ, nó “*chẳng có gì*” cho ta thắc mắc hay có thể tìm thấy chút ít tâm sự mình qua nội dung tác phẩm. Đại loại “*nó*” như thế này.

- a. Truyện tả một người say rượu rơi xuống hố, kêu gọi không ai cứu cả. Hắn đứng một lát, sau nhớ rằng hố không sâu, bèn trèo lên đi về nhà... (*Một người rơi xuống hố*)
- b. Một người đàn bà có cái áo mới. Người đàn ông hàng xóm sang xem, sờ vào. Không ai nghi ngờ. Nhưng vì người đàn ông sợ chồng người đàn bà có áo mới giận, sang xin lỗi... (*Chuyện hai người*)
- c. Một người thư ký mê gái, ăn cắp tiền của chủ đi đánh bạc được, lại đem tiền hoàn lại cho chủ v.v...

Đó, cái phong cách sáng tạo của Vũ Bằng trong suốt như vậy và nhiều lúc tưởng không thành truyện, nghĩa là không phải tiểu thuyết vì có vẻ “*dễ*” quá. Xin ai đừng hiểu lầm mà tội nghiệp, vì nền tiểu thuyết bây giờ chẳng những không có truyện mà đôi khi còn không phân định cả vai trò nhân vật của tiểu thuyết nữa. Chẳng hạn như tác phẩm của Yves Berger, Claude Simon hoặc

Samuel Beckett. Vì lý do đó, người ta có thể nghĩ rằng, Vũ Bằng là nhà văn Việt Nam thứ nhất đã có cái nhìn xa để vươn tới sự hoà đồng tiến bộ trong địa hạt tiểu thuyết từ mấy chục năm trước.

Vũ Bằng “vào nghề” với sự “tìm khôn” một mình. Qua bao nhiêu ngày tháng lăn lóc với bút mực, Vũ Bằng muốn đem chút vốn liếng riêng tư để làm của chung thiên hạ. Nghề văn ở nước Việt Nam không ai dạy ai cả. Chỉ có nghề dạy nghề. Vũ Bằng muốn giúp ích cho những người đi sau tránh được một phần cực nhọc khi bước chân vào “nghề”. Vũ Bằng đem cái “đọc” và cái “hiểu” của mình viết thành sách. Cuốn *Khảo về tiểu thuyết* xuất bản tại Sài Gòn năm 1954, thực ra, đã được đăng tải từng kỳ tại báo *Trung Bắc chủ nhật* từ năm 1941-42. Nói cho đúng, cuốn *Khảo về tiểu thuyết*, không phải là sách gối đầu giường của những chàng tuổi trẻ muốn trở thành nhà văn ngày mai, vì nội dung tập sách đề cập tới nhiều vấn đề quá, mà không vấn đề nào đi sâu vào chi tiết, để cho người đọc có thể nghiên cứu và tìm hiểu rộng rãi phần chuyên môn đến nơi đến chốn. Nhưng chẳng phải vì thế mà nó không mang theo những giá trị hiển nhiên xuyên qua 170 trang sách với các phần trọng yếu nhất của nghề viết văn:

“Về loại văn tiểu thuyết... người viết truyện không có trường, không có thầy mà văn tiểu thuyết của ta được đến địa vị ngày nay kể đã là một sự đáng mừng. Duy chỉ đáng phàn nàn, văn tiểu thuyết của ta bắt chước của Âu, mà những người theo Âu Tây chưa từng có viết qua một quyển sách nào nói về tiểu thuyết để cho những người học cũ biết qua cái loại văn mới đó và giúp những người viết truyện ít học hay không có sách Tây đọc biết thế nào là quyển tiểu thuyết, kết cấu một cuốn tiểu thuyết, nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết...” (*Khảo về tiểu thuyết*, trang 15)

Bởi quan niệm một cách rõ ràng như trên, nên Vũ Bằng mới có can đảm ghi nhận lấy những nhân tố quan trọng một trình bày khúc chiết về một vấn đề thật rộng lớn trong phạm vi nhỏ hẹp hơn trăm trang sách.

Ở Chương III của tập sách, Vũ Bằng thử “phân loại” tiểu thuyết:

“Tiểu thuyết chia làm mấy loại? Ta cũng nên tìm biết. Người mình thường không phân biệt chữ ‘thể’ văn tiểu thuyết với ‘loại’ văn tiểu thuyết.

Theo tôi có hơn một chục thể văn tiểu thuyết khác nhau, nhưng kể về loại tiểu thuyết, chỉ có hai loại: một loại truyện ‘làm cho ta quên cõi đời này đi’ có thể gọi là truyện ‘quái đản bất kinh’ và một loại truyện ‘giảng cho ta cõi đời này’ ra thế nào, có thể gọi là truyện ‘gần đời thiết thực’.” (*Khảo về tiểu thuyết*, trang 21)

Việc phân loại trên, người đọc nhận thấy, có lẽ Vũ Bằng căn cứ vào sự hiểu biết của riêng mình và do nghề nghiệp nhiều hơn là ý nghĩa thực tế mà cuộc đời đã tạm thời coi như có giá trị, vì cho đến hôm nay chưa ai xác định được rõ ràng về hai chữ tiểu thuyết.

Vậy tiểu thuyết là gì, có mấy loại?

Theo Tự điển Larousse du XX^e Siècle thì tiểu thuyết là một tác phẩm tưởng tượng, được kể lại thành văn với sự phiêu lưu tưởng tượng sáng chế ra và phối hợp để gây sự chú ý cho người đọc”. (Roman, œuvre d’imagination, récit en prose d’aventures imaginaires inventées et combinées pour intéresser le lecteur). Nếu theo đúng nghĩa trên, tiểu thuyết chỉ có một loại thôi, vì dù là truyện “quái đản bất kinh”, dù là “gần cõi đời thiết thực”, người sáng tác vẫn phải phóng hồn mình để tìm hiểu, để tưởng tượng, sáng chế và phối hợp với đầy đủ mọi yếu tố quan trọng lồng trong một khung cảnh, một bố cục “quái đản” hay “gần đời” để gây sự cảm thông, và “bắt cầu liên hệ” giữa tác giả – độc giả trong không khí nghệ thuật, cho quên “cõi đời ô trọc” này đi

được phút nào hay phút ấy.

Trong cuốn *Khảo về tiểu thuyết*, Vũ Bằng đã làm việc hết sức cẩn thận và đề cập một cách có hệ thống diễn tiến của từng mục trong 16 chương, từ: “*Mới, mới luôn luôn*”, “*Viết truyện gì?*”, “*Truyện quái đản bất kinh*”, “*Chủ đề với truyện*”, “*Tiểu thuyết mới!*”, “*Tiểu thuyết với thuật tả chân*”, “*Một nhân vật sống*”, “*Thuật tả chân ngôn ngữ*”, “*Thuật tả chân tư tưởng*”, “*Tiểu thuyết nên viết bằng giọng văn gì?*”, “*Nhà tiểu thuyết có nên làm văn không?*”, “*Viết tiểu thuyết nên dùng ngôi thứ mấy?*”, “*Nghề viết tiểu thuyết*” để đi tới một kết luận nhằm xác định thái độ trước vấn đề được đặt ra về phía người viết tiểu thuyết cũng như người đọc tiểu thuyết.

"Sinh ra trong cõi đời vật chất này, văn nhân, thi sĩ, tiểu thuyết gia không còn thể là những ông Tolstoi được nữa, họ cũng phải sống, họ cũng cần phải có tiền, nhưng chúng ta không nên vì thế mà giảm lòng kính họ.

Bao giờ và ở nước nào cũng vậy, địa vị của văn nhân cũng đặc biệt trong một nền văn minh thường thường, cái sứ mệnh của văn nhân cũng được định đoạt rõ rệt bởi chính những sự nhu cầu của người dân. Văn nhân sẽ là, và chính bây giờ cũng đã là một chuyên gia trong một xã hội có toàn những chuyên gia..." (*Khảo về tiểu thuyết*, trang 165)

"Tuy vậy, cũng nên biết rằng tiểu thuyết sở dĩ gây nên được những ảnh hưởng to, tiểu thuyết đã tạo nên những bóng mây hơi nước khả dĩ nuôi được tâm hồn đất nước, công đó không phải là toàn của những nhà tiểu thuyết đâu, nhưng còn là công của những người đọc tiểu thuyết và những người yêu tiểu thuyết nữa.

Nhà tiểu thuyết viết ra để làm gì? Chúng ta đã biết họ viết bởi vì cần phải viết, nhưng nói như thế chưa đủ, bởi vì viết thì phải xem, mà họ viết thì họ không xem bao giờ. Họ cần viết vì độc giả. Họ đã nghĩ đến các ông, các bà và các cô. Các bạn có biết sự liên quan mật thiết, lạ lùng giữa nhà tiểu thuyết và độc giả ra thế nào không? Một nhà tiểu thuyết đem mình phơi bày ra trong truyện, hạnh phúc của nhà tiểu thuyết là làm cho mọi người đọc trông thấy lý tưởng của mình, gửi tấm lòng mình cho độc giả tất cả những cái kết tinh trong hồn mình, nói tóm lại, tiểu thuyết tin độc giả, cũng như một xử nữ dâng cái trinh tiết cho người yêu vậy." (*Khảo về tiểu thuyết*, trang 167)

Đoạn văn thật tha thiết đã nói lên tất cả tâm sự Vũ Bằng, thứ tâm sự vừa kiêu sa, vừa nhún nhường, gói ghém đầy đủ sứ mệnh của người cầm bút và bổn phận người thường ngoạn văn chương.

"Hỡi, hỡi vị tinh tú to lớn kia ơi – Zarathoustra vừa tiến lên ngẩng nhìn mặt trời vừa kêu lên như vậy – nếu mi không có những người mà mi soi sáng thì chẳng hạnh phúc của mi sẽ ra thế nào?" (*Khảo về tiểu thuyết*, trang 168)

Đúng, Zarathoustra đã nói đúng, vì nghệ thuật làm ra mà không có ai hưởng ứng cũng như mặt trời kia soi sáng trên vùng đất chết, không sinh vật, thì nguồn ánh sáng thiêng liêng đó cũng chỉ vô ích. Vũ Bằng chủ trương làm văn nghệ cho con người và chỉ vì ý nghĩ đó, Vũ Bằng đã kêu gọi đến các đại văn hào thế giới như Tolstoi, Balzac, Stefan Zweig, A. France, Proust, André Maurois v.v... để chứng minh cho lập luận của riêng mình về vấn đề tiểu thuyết, trong một tập biên khảo khiêm nhường, rất khiêm nhường.

Nhưng, đích thực, Vũ Bằng không phải là nhà khảo cứu, trường hợp cuốn *Khảo về tiểu thuyết* là trường hợp “*chẳng đặng đừng!*” Cái tài hoa của Vũ Bằng, nó tập trung ở sáng tác. Nó phản ánh trung thực cuộc sống nội tâm của Vũ Bằng. Nó là nổi xao xuyến thường trực trong các vi-ti

tế bào tạo thành sức sống. Nó hiện diện trong mỗi dòng, mỗi chữ. Nó chiếu rọi vào từng góc thầm kín, u uẩn của chiều sâu tâm thức. Nó khơi động lại sự khuất chìm của thời gian vắng mặt. Nó tầm thường như một miếng ăn, thức uống. Và nó cũng vô cùng cao trọng khi sự tầm thường đó được Vũ Bằng nâng lên thành nghệ thuật. Đó là cuốn *Miếng ngon Hà Nội* do Nam Chi Tùng Thư xuất bản năm 1960. Vũ Bằng viết một phần tại Hà Nội (1952) và sửa chữa, hoàn tất trong thời gian 1956-58 và 59 tại Sài Gòn.

“Vào khoảng năm tàn, tháng hết, ở miền Nam nước Việt có những buổi tối đầu hiu lạnh như mùa Thu đất Bắc.

Gió buồn đuổi lá rụng trên hè. Mây bạc nặng nề trôi đi chậm chậm như chia mối buồn của khách thiên lý tương tư.

Người xa nhà đột nhiên thấy trống trải trong lòng. Lê bước chân trên những nẻo đường xa lạ, y thấy tiếc nhớ một cái gì không mất hẳn, nhưng không còn thấy. Nhớ vẫn vợ, buồn nhẹ nhẹ. Cái buồn không se sắt, cái nhớ không day dứt, nhưng chính cái buồn và cái nhớ đó mới thực làm cho người ta nhọc mệt, thần thờ. Lòng người cũng như cánh hoa, chóng già đi vì thế...”

Chính cái không gian và thời tiết đã làm Vũ Bằng nhớ tiếc, nhớ tiếc khoảng không gian cũ trong đó Vũ quân đã sinh ra, lớn lên, rồi đi học và trở thành con-người-Vũ-Bằng hôm nay với tất cả những phụ thuộc của kiếp nhân sinh. Cái thú ăn uống cũng làm khổ con người không ít. Sự nhớ nhưng quả thực không tốn kém gì, nhưng nó làm ta nghĩ ngợi, tiếc nuối gần như thất bại trước thực tế. Cái nhớ của Vũ Bằng nào có cao xa đâu, nó chỉ là *“một chén trà sen do nhà ướp, mấy cái bánh Tô Châu nhám nháp vào một hôm mát trời, một nồi cơm gạo tám ăn với thịt rim, bát canh cần bấc khói nghi ngút, mấy quả cà Nghệ giòn tan hay mẻ cốm Vòng vẫn với chuối tiêu trứng cuốc”*. Nỗi ước mơ chỉ có thế, thật dễ dàng thực hiện nếu người mơ ước ở một không gian khác, nhưng ở đây, những thứ kể trên có thể coi như vọng tưởng, không thể có món quà thích khẩu, thăng hoặc nếu có, thì tìm đâu ra hoàn cảnh và khí hậu thích hợp cho mỗi thứ vào đúng mùa trời đất luân hành.

Do đó, Vũ Bằng mới khổ, phải viết ra cho đỡ khổ, đỡ nhớ. Tập tạp văn *Miếng ngon Hà Nội* không đi ra ngoài cái nhớ, cái khổ thật tầm thường mà cũng vô cùng sâu đậm, chẳng những ở Vũ Bằng mà còn ở bao nhiêu con người *“mang nặng trong lòng những biệt ly xứ sở”* nữa.

Miếng ngon Hà Nội thực ra không đắt, nó chỉ là những món quà bình dân, vì ăn quen nên *“khẩu cái”* bắt thèm, một cái thèm chỉ làm ứa nước miếng chứ không hành hạ con người như chất ma tuý. Bởi vì, phàm thức quà gì ngon nhất đều *“có mặt”* ở Hà Nội cả. Nhưng không phải Vũ Bằng chỉ nhớ có quà Hà Nội, mà Vũ quân còn nhớ quê hương miền Bắc nước Việt qua các món quà đó, vì trong hương vị của từng món, hình ảnh một dải đồng bằng phì nhiêu có sáo sậu nhảy trên lưng bò, có người nông phu vạm vỡ, có những cô gái vừa hát vừa quay tơ, làm lòng kẻ *“vạn lý tha hương”* buồn phiêu phiêu nhìn vào tâm tư để tìm dĩ vãng.

Cứ kể về *“ăn chơi”*, Vũ Bằng là tay sành sỏi, nếu không, làm sao Vũ quân có thể viết ra và viết rất hấp dẫn đến nỗi đọc đến đâu, bắt thèm đến đó. Từ bát phở bò – món quà căn bản, ăn ở đâu, ăn thế nào cho ngon, nhất nhất Vũ Bằng đều thành thạo.

“Cứ nhìn bát phở không thôi, cũng thú, một nhúm bánh phở, một ít hành hoa thái nhỏ, điểm mấy ngọn rau thơm xanh biêng biếc, mấy miếng ớt mỏng vừa đỏ màu hoa hiên vừa đỏ sẫm như hoa lựu... ba bốn thứ màu sắc đó cho ta được cái cảm giác được ngắm một bức họa lập thể của một họa sĩ trong phái văn nghệ tiên tiến dùng màu sắc hơi lố lỉnh, hơi bạo quá, nhưng mà đẹp mắt.

Trên tất cả mấy thứ đó, người bán hàng buổi tối mới thái thịt bò từng miếng bày lên." (Miếng ngon Hà Nội, trang 21)

Quả thực, đọc văn đã thấy ngon. Vũ Bằng pha trộn thật khéo giữa nghệ thuật viết và nghệ thuật làm phở, đến nỗi người đọc có thể vừa ăn phở vừa đọc mà vẫn cảm thấy cả hai thứ đều “ngon” cả. Ở đâu có món quà nào, Vũ Bằng đều tìm đến thưởng thức. Nào bánh cuốn Thanh Trì ăn với đậu rán sốt và các thứ phụ thuộc như một chai nước mắm, một chai giấm, một chén ớt khô v.v... Bánh thì thơm, nước mắm vừa độ, không chua quá, không cay quá. Ta chấm chiếc bánh tráng vào trong nước chấm màu hồng phách đưa lên miệng chưa nhai đã tưởng như bánh “*chưa đến môi đã trôi đến cổ*” mất rồi.

Còn bánh cuốn nhân thịt, Vũ Bằng đưa người đọc xuống phố Lê Lợi – hiệu Ninh Thịnh – để ăn bánh cuốn nguội, thật dẻo và thật mát, ăn dăm ba chiếc, rõ thực là “*thần tiên đấy*”.

Ngoài ra nào bánh đúc, bánh khoai, bánh Xuân Cầu ăn trong ba ngày Tết cho tiêu bớt chất mỡ của nhân bánh chưng, thịt kho, giò thủ v.v... Bánh Xuân Cầu vuông bằng hai ngón tay và mỏng như giấy bản, có nhiều màu, chiên mỡ cho giòn rồi phết mật lên trên, mà theo Vũ Bằng, ăn bánh Xuân Cầu ta sẽ có cảm giác như đang nghe thấy *trong lòng dạo lên một bản nhạc có tiếng đồng chen tiếng sắt*.

Nhưng món quà được Vũ Bằng ve vuốt bằng ngôn ngữ trang trọng nhất là món cốm Vòng. Vũ Bằng không nhớ Tết, không nhớ những ngày vui và những tình ái đã qua bằng nhớ mê cốm Vòng ngày nhỏ, mẹ mua cho ăn lót dạ trước khi đi học.

“Không, cốm Vòng quả là một thứ quà đặc biệt nhất trong mọi thứ quà Hà Nội – đặc biệt vì cứ mỗi khi thấy gió vàng hiu hắt trở về thì lại nhớ đến cốm, mà đặc biệt hơn nữa là khắp các ‘nẻo đường đất nước’ chỉ có Hà Nội có cốm thôi.

Có những hình ảnh đẹp quá, thoáng qua trước mắt một giây, mà ta nhớ không bao giờ quên được.

Bây giờ nghĩ lại cái đẹp nào nùng của cốm Vòng xanh màu lưu ly để ở bên cạnh những trái hồng trứng thắm mộng như son tàu, tôi thích nhớ lại một buổi chiều đã xa lắm rồi, có một nhà nọ đưa hồng và cốm sang sêu một người em gái tôi.

Trên một cái khay chân quỳ, khảm xà cừ, đặt ở giữa án thư, hai gói cốm bọc trong lá sen được sắp song song, còn hồng thì bày trong một cái giá, dưới đệm những lá chuối xanh nõn tước tơi, để ở trên mặt sập.”

Vũ Bằng đã vẽ lên những nét sắc sảo với màu sắc chói chang cân đối làm nổi bật đề tài và kích động lòng thèm muốn của kẻ muốn ăn ngon. Vũ Bằng còn cho ta biết cốm ở đâu có và cốm ở đâu ngon quý, cùng cách làm cốm của con trai làng Vòng.

Từ chuyện cốm, đi sang chuyện rươi, món này chỉ có mấy tỉnh miền duyên hải như Hải Dương, Đông Triều, Thái Bình và Kiến An. Rươi là một loài sâu sống ở chân lúa, cuống rạ. Đến mùa, đất vỡ ra, rươi hiện lên trên mặt ruộng. Mỗi mùa rươi xuất hiện theo định kỳ: ngày 5 tháng 9, hai năm tháng 10 và tháng 9 đôi mươi, tháng 10 mồng 5 mà thôi. Món này các tay *nhậu* thích lắm. Cách làm hơi cầu kỳ nhưng vì hiếm nên trở thành quý.

Chẳng phải Vũ Bằng chỉ thích miếng ngon và đất đầu, có những thứ rẻ rẻ như ngô rang, khoai

lùi, quà bún riêu, bún ốc, bún bung, bún chả cũng được xếp ngang với món gỏi, chả cá, thịt cày, tiết canh, cháo lòng và sau cùng đến món “*hầu lốn*”, tức là những thức ăn dư của ngày Tết đổ “*hầm bà lằng*” vào nồi đun nóng có gia giảm thêm rau cỏ.

“Ngoài sân, mưa lăn tăn làm ướt giàn thiên lý. Mấy con ngỗng trời, bay tránh rét, buồng ở trên màn trời xám màu chỉ mấy tiếng điu hiu. Cơm vừa chín tới, ‘hầu lốn’ lại nóng hổi, bốc khói lên nghi ngút, mà ngồi ăn ở trong một gian phòng ấm cúng với một người vợ má hồng hồng vì mới ở dưới bếp lên, có họa là sát phu lắm mới không cảm thấy cái thú sống ở đời!” (Miếng ngon Hà Nội, trang 196)

Sự thực, cuốn *Miếng ngon Hà Nội* Vũ Bằng chưa nói hết về miếng ăn Hà Nội, còn nhiều thứ và tùy theo khẩu vị của từng người, nhưng phải nhận rằng qua những món quà mà Vũ quân nói đến, đều là món quà trứ danh cả. Trước Vũ Bằng, nhà văn Thạch Lam đã nói về quà Hà Nội qua loạt bài đăng ở *Ngày nay* dưới tựa đề: *Hà Nội 36 phố phường*. Loạt bài của Thạch Lam cũng hay và tinh tế lắm, nhưng không gợi lên trong lòng người đọc những cảm giác nấn nủi, chua cay vì lúc Thạch Lam viết, người đọc bắt thèm có thể ăn được ngay, còn bây giờ đọc Vũ Bằng, chỉ để “*tưởng nhớ suông*”. Do vậy, chữ nghĩa của Vũ quân có ma lực hút người đọc đi vào một không gian khác – ở đây - có dĩ vãng với những món quà ăn chơi quen thuộc.

Vũ Bằng là nhà văn không sợ sự thực, dù cho sự thực đó có thể gây ngộ nhận. Chính vì thế nên trong cuốn hồi ký *Phù dung ơi! Vĩnh biệt!* do nhà Thế Giới xuất bản mới đây, Vũ Bằng đã nói hết về mình với tất cả thành thực và lương tâm của người cầm bút đã gần 60 tuổi trời. Tập hồi ký này trước mang nhan đề *Cai* in thành sách vào năm 1942, nhưng chính ra, đã được đăng tải từng kỳ trên báo *Trung Bắc chủ nhật* từ năm 1940. Cuốn này ở trong Nam ít người biết: khi in ra, phương tiện giao thông bị trở ngại vì Nhật chiếm Bắc Việt, phần nữa, khan giấy nên số ấn bản không nhiều.

Vũ Bằng cho tái bản để thoả mãn đòi hỏi của độc giả một phần, còn mục đích chính là mong cảnh tỉnh giới thanh niên nam nữ bằng bài học nha phiến do chính bản thân tác giả đã trả giá khá đắt. Cái tâm sự bi thương ấy, Vũ Bằng đã trải ra trên 300 trang giấy với tất cả nỗi niềm đau đớn, đôi khi tàn bạo trong từng giờ phút đam mê với ác mộng không rời.

Vũ Bằng đã nghiệm và nghiệm nặng vì một lý do rất đơn giản là đang tuổi thanh niên mà không có lý tưởng để tranh đấu, để nhìn vào cuộc sống với niềm tin yêu. Vũ Bằng bước chân vào văn nghiệp với một thế hệ “*đàn anh*” sa ngã, truy lạc trong những đêm dài ca quán, trong hương khói quê nâu, trong vòng môi ân tình dĩ điểm. Vì muốn tỏ ra mình cũng xứng đáng là tay “*tiểu tướng*” trong chốn “*giang hồ lạc phách*” của “*trường văn trận bút*”, Vũ Bằng, với tự ái tuổi trẻ, lao đời mình vào đam mê để huỷ hoại đời sống và tin rằng mình đã làm một việc đáng làm, không ân hận gì hết, nếu ngày nào đó thân xác mình bị vùi lấp bởi ô nhục thì cũng cứ được đi.

Cái tâm trạng chán đời của lứa tuổi thanh niên những năm 1930-40, nó là mẫu số chung cho bài toán của một dân tộc bị đô hộ. Thêm vào đó, có những chàng trai hoặc con quan, hoặc giàu có, hoặc vì lý do nào đó, như Chu Mậu, Nguyễn Đình Thấu, Dương Thiệu Thanh v.v... từ Pháp trở về mang theo cái văn minh nửa mùa với lề lối ăn chơi “*cấm*” như Tây, nào khiêu vũ, nào bar, nào mốt này mốt nọ, hơn nữa, họ nói chuyện toàn bằng tiếng Pháp và chuyên dùng xảo thuật để chim gái làm cho thanh niên đã hư hỏng càng hư hỏng thêm. Ở giữa cái không khí ấy, chả riêng gì Vũ Bằng “*bị*” mà có rất nhiều thanh niên làm văn nghệ “*bị*”, nhưng họ không có cái can đảm và sự may mắn kinh qua như Vũ quân, cũng chính vì thế, họ chết đập vùi ở một xó xỉnh nào đó, giữa cuộc đời ngàn vạn lối đi vào quên lãng.

Vũ Bằng đã tự biết mình cũng như ảnh hưởng của cuốn *Phù dung ơi! Vĩnh biệt!* trong đám độc giả trẻ, nên ở bài Dựng, Vũ quân đã nói với họ bằng những lời chân thực nhất:

“Nếu bất ngờ trong các thanh niên, thiếu nữ có người nào cầm xem cuốn sách này, tôi chỉ mong ước một điều là đừng bao giờ nghĩ rằng tôi đem việc cai của tôi ra phóng đại để do đó chúng tỏ thuốc phiện là nguy hiểm. Tôi chỉ mơ ước một điều là đọc xong sách này, họ sẽ thấy rằng họ không phải là những người đơn độc trên con đường đời muôn ngã, trước chiến tranh, cha anh của họ cũng đã mắc bệnh thời đại, u buồn, trống rỗng và đau xót cái đau xót của họ ngày nay.”

Vũ Bằng cũng tự coi mình là tên đào ngũ đối với giới nghiện, nhưng tên đào ngũ không phản bội, tuy thoát ra mà vẫn có lòng thương xót anh em. Sự thương xót ở đây, Vũ Bằng không đặt nó vào vị trí tôn ti mà đích thực nó bộc lộ tận đáy lòng kẻ đã vượt chết.

Lần thứ nhất, Vũ Bằng giao duyên với phù dung tiên nữ bằng mười hai điều thuốc. Vũ quân đã say thực sự và bị nàng tiên nâu hành hạ thể xác đến khốn khổ ở giữa cầu Thê Húc.

“Nửa giờ đi qua, tôi cứ đứng vịn thành cầu mà rỏ dãi xuống hồ. Toàn thân tôi không còn phải bằng da, thịt hay gân, sụn. Nó là một cái gì rỗng mà nhẹ. Bảo là một con búp bê nhựa có lẽ đúng, bởi vì chân tôi như không còn bám được trên mặt đất. Giá lúc đó có một vài ngọn gió to, tôi đến bay lên không mất rồi!”. (Phù dung ơi! Vĩnh biệt! trang 1)

Chất ma túy đã ngấm vào từng tế bào trong cơ thể của Vũ Bằng làm cho văn nhân chịu cực hình đến nỗi Vũ quân đã thề không hút nữa, thế rồi chỉ vì lòng tự ái của tuổi trẻ, anh lại hút. Lần thứ nhì, thứ ba “*nó không sao cả*” vì con trai thời đó, không nổi tiếng ăn chơi thì là thằng quých! Do đó, chẳng những Vũ Bằng hút thuốc phiện mà còn uống rượu nữa. Nhưng có điều lạ, sau mỗi cơn say thuốc, Vũ Bằng chỉ gặp toàn ác mộng mà sao Vũ quân vẫn mê được nó để làm khổ mẹ già và nhất là người cô tận tình thương mến cháu, dù đưa cháu hư.

Nhưng ngày người cô già nua và đau khổ đó chết, cũng chính cái chết của một người đã hy sinh hết cả đời mình cho kẻ khác làm Vũ quân hối hận và có ý định cai. Cai đâu phải chuyện dễ vì phù dung tiên tử có muôn vạn phép màu để giữ chặt linh hồn kẻ nào muốn thoát ly khỏi bàn tay sắt bọc nhung. Vũ Bằng đã thực sự nhìn thấy cái nguy khốn của ma túy, nó làm cho thân xác nửa chết, nửa sống, nó làm cho con người càng lúc càng xuống thấp. Tôi nhớ có một nhà văn Tây phương nào đó đã viết cả một cuốn sách triết lý về thuốc phiện và cho rằng Đức Chúa, Đức Phật, và Phù Dung là ba Đức Tin. Người nào đã trở thành tín đồ khó mà bỏ đạo, Vũ Bằng cố gỡ mà sự thoát ly vẫn còn ở dang cuối con dốc với rất nhiều chướng ngại vật. Do đấy, trong lúc chờ đợi “*kinh qua*” Vũ Bằng vẫn hút và hút hăng hơn bao giờ hết.

Cuộc đời có những sự việc thật tình cờ, nếu không do định mệnh an bài sao lại có thể xảy đến được. Như trường hợp Liên Hương, một cô gái miền sông Hương núi Ngự có mái tóc cánh phượng, đầu đội nón bài thơ, chân đi trên cầu Bạch Hồ mà bỗng vì một lý do đặc biệt trôi giạt ra Hà Nội để vướng mắc vào ái tình và hệ lụy cùng với Vũ Bằng. Mỗi tình thật đẹp và cũng thật tội lỗi. Liên Hương, người con gái có giọng hò thể thiết, có tâm hồn lãng mạn yêu văn nghệ, thoát đầu chỉ “*xem Vũ Bằng hút*” và “*thấp thuốc lá cho Vũ Bằng hãm*”, dần dà trở thành nghiện hút.

*Chao ôi!
Biển rộng âm thầm
Thấy trời sâu mù mịt
Bốn bề sóng vỗ*

*Từ phía mây giăng
Đó có thương đây nhờ sợi xích thằng
Nhất tâm như thiết thạch, chớ có cợt gió trên trăng tôi buồn...*

Từ dưới nhà, trong cảnh mưa đêm lai rai, một tiếng hò nổi lên:

*Thuyền chìm đáy nước
Con cá lừng đờng lặn lội
Ngáng mặt trông trời
Nhạn ngẩn ngơ sa
Ví dầu thiếp có đắm nguyệt say hoa
Có ông trời cao soi xét, anh chớ thiết tha mà đau lòng.*

Tri kỷ phương trời... Hai con đò nát gặp nhau... Mặc cho trời cứ đổ...

Thế là xong, bàn tay định mệnh đã thắt mỗi cuối cùng để ràng buộc hai kiếp người chung số phận. Phù dung và nhan sắc đã chìm đời Vũ Bằng chìm sâu nữa vào quê nâu hương khói. Tương lai, tương lai là của kẻ khác, đối với Vũ Bằng trong thời gian đó chỉ có nhan sắc tan vàng nát đá của Liên Hương và Phù dung diễm ảo sương khói vây quanh. Biết bao oan khổ do thuốc phiện gây nên, đã có bao nhiêu người cai thuốc. Ai cai được, ai không và ai còn, ai mất?

Vũ Bằng sau mấy năm “bê bối” thuốc sai luôn luôn bị hình ảnh người cô chập chờn ám ảnh hoài trong tiềm thức làm nhức nhối đời sống. Vũ Bằng quyết định phải cai. Vũ Bằng cai thực. Sự chia tay giữa Vũ Bằng với nguồn thương nhớ Phù dung tiên nữ quả thực có đau đớn, day dứt. Vũ quân uống thuốc cai rồi thả cuộc đời vào đam mê đàn bà và rượu, mong tìm quên trong vui mới. Không được, không thể nào được vì thuốc phiện có ma. Đôi lúc giận quá, Vũ Bằng đã oán trách ông Trời sao lại cho mình gặp Liên Hương, nếu không có nhan sắc ấy thì đâu đến nỗi nào. Nhưng người oán trách ở đây, đích thực phải là Liên Hương mới đúng, vì sau này nàng nghiện hút không sao bỏ được, chính tại Vũ Bằng.

Rồi thời gian cứ đẩy đưa từng nhịp, sau cùng dồn Vũ Bằng đến đoạn chốt của quyết định: Cai. Vũ Bằng tự nhủ: “*Ta sẽ can đảm. Ta sẽ can đảm*”. Lần này Vũ Bằng can đảm thực sự. Vũ quân đã chọn đúng ngày Tết để cai thuốc phiện. Trong căn phòng nhà thương trắng lạnh với những “*ma-lát*” và các thứ bệnh khác nhau, bệnh nào cũng ghê gớm cả. Vũ Bằng đã chịu đựng một cách can đảm sự hành hạ hung hãn của thuốc phiện: nào đau bụng, nào nhức xương, nào đau đầu hàng bao đêm dài như thế. Có lúc sự chịu đựng đã yên, Vũ Bằng toan hút lại nhưng nhờ sự may mắn là không có ai đưa đi, nên lại phải nằm trên giường bệnh để nghe “*rõ ràng ở chính trong bụng mình, dưới chỗ mở ác, có một tiếng kêu khe khẽ đưa ra. Một tiếng kêu kỳ quái, rùng rợn. Một tiếng kêu như giun như dế. Một tiếng kêu không to lắm nhưng tỉ tỉ như tiếng ve sầu kêu mùa hè, thê thảm náo nùng, rồi kéo dài ra, rồi kéo dài mãi mãi.*”

Thật rùng rợn, con ma thuốc phiện nó hành hạ mọi cách để buộc chặt thân phận người nghiện vào uy quyền ma quái, nhưng, nhờ trời chuyển này Vũ Bằng đã “kinh qua” được, “kinh qua” vĩnh viễn sau muôn vạn nhọc nhằn, đau đớn. Để tránh sự mềm yếu của ý chí, Vũ quân đã phải tự vệ bằng cách viết lên đầu giường những khẩu hiệu: “*Cha ta sống lại mà bảo ta hút thuốc phiện, ta cũng không được hút*” và “*Thuốc phiện giết hại cả dân tộc mày, làm cho bao nhiêu người ở xung quanh mày sống ai oán, chết khổ sở, mày có nhớ không?*”. Đó, con người sự thực, còn có quyền năng hơn mọi ma lực ở đời, chỉ cần dũng cảm. Vũ Bằng đã cai được và từ đó Vũ quân thay chất khói bằng chất men. Có điều làm Vũ quân ân hận, đó là Liên Hương, nàng đã nghiện thực thụ. Trong một đêm mưa riêu riêu về tiết hoa vàng, cùng người bạn đi vào

tiệm hút để thử lửa lòng mình, Vũ Bằng bắt gặp Liên Hương nằm nghiêng bên ngọn đèn đăng và lần này Vũ quân tiêm cho nàng hút.

“Đôi đũa chúng tôi vẫn nằm bên khay đèn như hồi trước. Ngọn đèn dầu lạc vẫn soi bóng tờ mờ vào đôi mái đầu xanh. Nhưng Liên Hương thực của tôi đã đi đâu mất rồi? Nằm đối diện tôi bây giờ chỉ còn lại một Liên Hương gầy guộc, xanh xao, mà phấn trát son tô không đủ che được một làn da quá bủng. Chung quanh cặp mắt bỏ câu, những đường nhăn, những đường nhăn đã bắt đầu và những nét buồn. Gân chằng mạng nhện ở cổ. Tay nàng khô hanh và bé như xương gà. Toàn thân tiết ra một sự tàn phá làm cho ta ghê rợn”.

Vũ Bằng vẽ chân dung Liên Hương bằng những ngôn ngữ thâm trầm. Thuốc phiện tàn phá hết, cả nhan sắc lẫn tư cách. Nó là ma, là quỷ, là thuốc độc, bùa mê. Nó là hình phạt của tội lỗi. Nó là sự sỉ nhục quá đáng đối với mỗi số phận vào tròng. Nó là lời nguyện rửa ngàn kiếp không phai. Nó là địa ngục trần gian. Nó là từng lóng đau buồn bứt đi từ cõi u mê gục mặt. Nó là sự thất bại của những tâm hồn yếu đuối. Nó giết dần, giết mỗi mòn hơi thở con người.

*

Vũ Bằng, thuộc dòng họ Vũ Hồn, đất Lương Ngọc, Hải Dương. Dòng Vũ Hồn là dòng họ túc nho. Vũ Bằng là nhà văn Việt Nam lớp trước, theo ý riêng tôi, đã không sợ sự thực. Vũ Bằng đã nói thực, viết thực những gì anh nghĩ, cũng như đã sống. Ngoài những cuốn *Lọ văn, Một mình trong đêm tối, Truyện hai người.v.v...* Vũ Bằng khi ở kháng chiến có viết một phóng sự *Cái đói 1945*, một cái đói kinh khủng làm chết gần một triệu dân miền Bắc. Lúc về Thành anh tiếp tục viết sách *Trăng lên hoa nở* và dịch truyện quốc tế *24 giờ trong đời một người đàn bà* của Stéfan Zweig, *Tết Thủy Tiên* và *Sống đời giản dị* (The Importance of Living) của Lâm Ngữ Đường. Ngoài ra, dưới những bút hiệu khác như Lê Tâm, Vũ Tường Khanh, Đồ Nam cho loại sách tìm hiểu về y học và chuyện vui. Bút hiệu Tiêu Liêu chỉ ký cho những phóng sự, hoặc những sách trào phúng như *Tôi ghét đàn bà*. Bút hiệu Tiêu Liêu được dùng lần đầu ở báo *Đông Tây* 1931-32, mục *“Cuốn film”* và bút hiệu Vịt Con khi làm Chủ nhiệm tuần báo trào phúng *Vịt đực*, cũng như bút hiệu Cô Ngã Ngựa, Thiên Thủ, Vạn Lý Trình khi viết đả kích.

Trong lúc mạn đàm tôi hỏi anh về ý nghĩa bút hiệu Tiêu Liêu mà anh đã chọn khi mới bước vào nghề, anh cho biết cụ cử Mai Đăng Đệ đã lấy ở Trang Tử, thiên Tiên Dao: *“Tiêu Liêu sào lâm, bất quá nhất chi, yển thử ẩm hà bất quá mãn phúc”* (Chim Tiêu Liêu làm tổ trong rừng chẳng qua một cành cây, cũng như chuột đồng uống nước sông chẳng qua đầy một bụng nhỏ – câu này lấy cái ý khiêm tốn để chữa lại cái to lớn của tên mình). Còn bút hiệu Vạn Lý Trình là do anh tự chọn, dựa vào điển *“Bằng trình vạn lý”* với ý *“Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong”*.

Vũ Bằng đã có trên năm chục cuốn sách được xuất bản do anh và các nhà Trung Bắc Chủ Nhật, Tân Dân, Phạm Văn Tươi, Thế Giới, Nguyễn An Ninh, Nam Chi Tùng Thư và cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai. Vũ Bằng, nhà văn rất nhiều đam mê, đam mê các thú vui phong lưu cũng như nghệ thuật. Anh chơi thứ nào cũng đến nơi đến chốn. Vũ Bằng rất thận trọng trong vấn đề giao tế. Vũ Bằng viết dí dỏm và khoẻ thế mà thực ra anh lại ít nói, lúc nào cũng giữ ý tứ, không hay suồng sã. Vì là cái “nghiep” nên không lúc nào Vũ Bằng rời bỏ nghề văn, nghề báo. Theo anh cái nghề này nó mới lạ luôn luôn và được giao thiệp rộng rãi với mọi giới. Cái vui của đời viết văn, làm báo tuy không được sung sướng về vật chất, nhưng về tinh thần thì sáng khoái lạ lùng, nhất là thời kỳ làm báo *Công dân, Vịt đực*. Nhưng nói vậy không có nghĩa tuyệt đối, vì cái gì cũng có mặt trái của nó. Vũ Bằng đau khổ về “nghiep” cũng lắm, chẳng phải chỉ có thuốc phiện hành hạ anh mấy năm trời, mà chính thực, nghề văn không nuôi nổi kẻ làm văn, nhất là lại *“đèo bồng một gánh thế nhi”*. Vũ Bằng thường buồn vì sinh kế, chỉ lo chạy tiền, không

có thì giờ viết lách. Bản chất Vũ Bằng thích hưởng lạc hơn làm việc. Anh thường nại lý do để tự bào chữa: không tiền chán quá, không viết; lúc có tiền, no rồi viết làm gì cho mệt xác; tiền ít, cũng không viết, cho rằng ít tiền thì giải quyết được gì? Có một thời gian, Vũ Bằng bỏ viết. Sau này viết lại cũng chỉ vì túng thiếu; nếu thừa ăn, thừa mặc tội gì viết, viết thế đủ rồi!

Vũ Bằng thích sống một đời sống nhiều đam mê, dù là tội lỗi, hơn đạo đức. Theo anh, đã sống phải nếm đủ mùi đời mới thực là sống, còn bốn ba theo đuổi danh lợi rồi chết im lìm thì chỉ là sống một cách què cụt, thiếu sót. Vũ Bằng cho rằng một số nhà đạo đức sẽ chê trách anh về lối sống hưởng thụ đó, nhưng không vì thế mà Vũ Bằng từ chối bản chất đích thực mình. Anh nghĩ, mình có tội ác nói trắng ra, chẳng sợ gì mà giấu. Do đó các tội lỗi, nếu thật là tội lỗi, Vũ Bằng đã viết ra và viết thành thực trên giấy trắng mực đen trong *40 năm nói láo* và *Phù dung ơi! Vĩnh biệt!*

Tuy nói vậy, chứ Vũ Bằng còn ham làm việc lắm. Anh thường nói với tôi, anh ước mong viết một quyển truyện dài trường giang nói về chiến tranh Việt Nam bắt đầu từ lúc ta đánh Pháp tạm đề là *Xóm Mả Đổ*, câu truyện lồng trong một gia đình di cư giữa bối cảnh lịch sử đấu tranh mấy chục năm trời của toàn dân nước Việt. Nói xong anh nhìn tôi – *"Này, nói thế thôi, chứ vấn đề cơm áo thế này, có lẽ đến chết cũng chả viết nổi. Nhưng phải nói thực, nếu trời còn cho sống lâu, tôi sẽ viết 2 cuốn sách, một cuốn mang tựa đề Rận ở trong chăn báo chí và Chân dung của một người tên là Tôi. À, còn điều nữa, tôi không có ước vọng lớn lao, nhưng nếu hoàn cảnh cho phép, tôi sẽ làm một tuần báo lớn như tờ Gringoire, Candide về hình thức, phần nội dung, bài vở thì mới lạ hơn và bình dân hơn, kể cả về các mục đến cách trình bày"*.

Đó, chân dung Vũ Bằng với ngàn ấy ước vọng ở mức tuổi gần 60. Ước vọng tuy không lớn lao nhưng thời gian và cơm áo có cho phép Vũ Bằng thực thi dự định? Riêng tôi, tôi cầu chúc cho ước vọng của Vũ Bằng thành sự thực, nhưng khi nhìn thẳng vào đời sống của Vũ Bằng, dưới mái nhà nhỏ bé bên chân cầu Tân Thuận, tự nhiên trong lòng tôi thấy xót xa. Tôi biết rõ hoàn cảnh và trường hợp ra đời cuốn *40 năm nói láo*. Nếu Vũ Bằng không cần tiền để trang trải tiền hộ sinh cho vợ đẻ và trả nợ thì còn lâu độc giả mới được nghe Vũ Bằng *nói láo*. Chính vì cần tiền nên cứ vào khoảng 3 giờ sáng, Vũ Bằng một mình một bóng vừa viết *40 năm nói láo* vừa ngồi hứng từng chậu nước đổ vào bể chứa cho vợ nấu cơm và giặt giũ. Buổi trưa đến cây xăng "Cống bà xép" ngồi giữa hơi xăng và đóng dầu mỡ mà viết, vì về nhà con còn nhỏ, la hét um sùm không viết nổi. Có lúc nhà in giục gấp quá, Vũ Bằng viết luôn tại nhà in, được trang nào đưa sếp chữ ngay trang ấy. Nhiều khi Vũ Bằng viết ở ghé đá công viên, nghĩa là chỗ nào và lúc nào anh cũng viết được vì chữ nghĩa đã có sẵn, chờ dịp trút xuống. Trong đời, tôi được biết có hai nhà văn viết bản thảo một mạch ít khi sửa chữa, đó là Vũ Bằng và Đào Trinh Nhất. Đào Trinh Nhất viết còn tài nữa, là tính ngay được số dòng, số trang cứ chấm hết, bài vừa đủ in.

Hiện nay Vũ Bằng vẫn viết và còn phải viết vì đời sống áo cơm bắt buộc. Đó là cái khổ của Vũ Bằng, cũng là cái may của nền văn học Việt Nam.

Trích văn Vũ Bằng Cổm Vòng

Ở hậu phương, mỗi khi thấy ngọn gió vàng heo hắt trở về, người ta tuy không ai nói với ai một câu nào, nhưng đều cảm thấy cõi lòng mình se sắt.

Không phải nói thế là bảo rằng ở Hà Thành, mỗi độ thu về, người ta không thấy buồn đâu. Ngọn gió lạ lùng! Ở đâu cũng thế, nó làm cho lòng người nao nao; nhưng ở hậu phương thì cái buồn ấy làm cho ta tê tái quá, nảo cả lòng ruột. Nhớ không biết bao nhiêu! Mà nhớ gì? Nhớ tất cả, mà không nhớ gì rõ rệt.

Bây giờ ngồi nghĩ lại, tôi nhớ rằng tôi không nhớ Tết, không nhớ những ngày vui và những tình ái đã qua bằng nhớ một ngày nào đã mờ rồi, tôi hãy còn nhỏ, sáng nào về mùa thu cũng được mẹ mua sẵn cho một mẻ cốm Vòng, để ăn lót dạ trước khi đi học.

Thế thôi, nhưng nhớ lại như thế thì buồn muốn khóc. Tại sao? Chính tôi cũng không biết nữa.

Và thường những lúc đó, tôi thích ngâm khế mấy dòng thơ trong đó tả những nỗi sầu nhớ Hà thành, nhất là mấy câu thơ của Hoàng Tuấn mà tôi lấy làm hợp tình hợp cảnh vô cùng:

“... Đầu trùm nón lá nhớ kinh thành,
Anh vẫn vui đi trên những nẻo đường đất nước.
Lúa xanh xanh, núi trùng điệp, đèo mấp mô...
Qua muôn cảnh vẫn sen Tây Hồ
Sông vẫn sông Lô, cốm cốm Vòng”.

Ờ, mà lạ thật, chẳng riêng gì mình, sao cứ đến đầu thu thì người Hà Nội nào, ở phiêu bạt bất cứ đâu cũng nhớ ngay đến cốm Vòng? Chưa cần phải làm ăn gì vội, cứ nghĩ đến cốm thôi, người ta cũng đã thấy ngát lên mùi thơm dịu hiền của lúa non xanh màu lưu ly đặt trong những tàu lá sen tròn cũng xanh muôn muốt mà ngọc thạch!

Không, cốm Vòng quả là một thứ quá đặc biệt nhất trong mọi thứ quà Hà Nội – đặc biệt vì cứ mỗi khi thấy gió vàng hiu hắt trở về thì lại nhớ đến cốm, mà đặc biệt hơn nữa là khắp các “nẻo đường đất nước” chỉ có Hà Nội có cốm thôi.

Cốm là một thứ quà của đồng ruộng quê hương mang đến cho ta nhưng hầu hết các vùng quê lại không có cốm. Tôi còn nhớ lúc tân cư ở vùng Hà Nam, mỗi khi tiết hoa vàng lại trở về, người ta gặp nhau ở chợ vẫn thường chỉ nói một câu: “Bây giờ ở Hà Nội là mùa cốm!”. Thế rồi nhìn nhau, không nói gì nữa, nhưng mà ai cũng thấy lòng ai chan chứa biết bao nhiêu buồn...

Thực thế, cốm chỉ là một thứ lúa non, nhưng bao vùng quê bạt ngàn san dã lúa mà không có cốm... Chỉ Hà Nội có cốm ăn... Và mỗi khi tiết hoa vàng lại trở về, người ta nhớ Hà Nội là phải nhớ đến cốm – mà không phải chỉ nhớ cốm, nhưng nhớ bao nhiêu chuyện ấm lòng chung quanh mẻ cốm, bao nhiêu cảm tình xưa cũ hiu hiu buồn, nhưng thấm thiết xiết bao!

Tôi còn nhớ, lúc bé, mỗi khi có cốm mới, những nhà có lễ giáo không bao giờ dám ăn ngay, nhưng phải mua để cúng thần thánh và gia tiên đã.

Vì vậy, riêng việc ăn cốm đã được “thần thánh hóa” rồi; do đó, cốm mới thành một thứ quà sang trọng dùng trong những dịp vui mừng như biếu xén, lễ lạt, sêu Tết – nhất là sêu Tết. Do đó, chàng trai gặp cô gái, nói đôi ba câu chuyện, biết là đã bắt tình nhau, vội vã bảo “em”:

Để anh mua cốm, mua hồng sang sêu.

Làm như sêu Tết mà đem hồng, đem cốm sang nhà gái là... nhất vậy! Mà thật ra thì nhà trai đem sêu Tết nhà gái, còn gì quý hơn là cốm với hồng?

Từ tháng Tám trở đi, ở Hà Nội, là mùa cưới... Gió vàng động màn the, giục lòng người ân ái... Cũng có đôi khi chàng trai đưa hồng và cốm sang sêu thì mới biết là “người ngọc” đã có nơi rồi:

Không ngờ em đã lấy chồng

Để cốm anh mốc, để hồng long tai;
Tưởng là long một, long hai,
Không ngờ long cả trăm hai quả hồng!

Nhưng thường thường thì hồng, cốm đưa sáng nhà gái như thế vẫn là báo trước những cuộc tình duyên tươi đẹp, những đôi lứa tốt đôi cũng như hồng, cốm tốt đôi...

Có những hình ảnh đẹp quá, thoáng qua trước mắt một giây, mà ta nhớ không bao giờ quên được.

Bây giờ, nghĩ lại cái đẹp của cốm Vòng xanh màu lưu ly để ở bên cạnh những trái hồng trứng^[1] thắm mọng như son tàu, tôi thích nhớ lại những chiều thu đã xa lắm lắm rồi, có một nhà đưa hồng và cốm sang sêu một người em gái tôi.

Trên một cái khay chân quỳ, khảm xà cừ, đặt ở giữa án thư, hai gói cốm bọc trong lá sen được xếp song song, còn hồng thì bày trong một cái giá, dưới đệm những lá chuối xanh nõn tước tơi, để ở trên mặt sập.

Đến bây giờ tôi hãy còn nhớ trời lúc ấy hơi lành lạnh; nhà tôi kiểu cổ, tối tăm, lại thắp đèn dầu tây; nhưng trong một thoáng, tôi vẫn đủ sức minh mẫn để nhận thấy rằng cốm Vòng để cạnh hồng trứng, một thứ xanh ngấn ngắt, một thứ đỏ tai tái, đã nâng đỡ lẫn nhau và tô nên hai màu tương phản nhưng lại thật “ăn” nhau. Rõ là một bức tranh dùng màu rất bạo của một họa sĩ lập thể, trông thực là trẻ, mà cũng thật là sượng mắt!

Tôi đó ai tìm được một thứ sản phẩm gì của đất nước thương yêu mà biểu dương được tinh thần của những cuộc nhân duyên giữa trai gái như hồng và cốm!

Màu sắc tương phản mà lại tôn lẫn nhau lên; đến cái vị của hai thức đó, tưởng là xung khắc mà ngờ lại cũng thấm đượm với nhau! Một thứ thì giản dị mà thanh khiết, một thứ thì chói lọi mà vương giả; nhưng đến lúc ăn vào thì vị ngọt lừ của hồng nâng mùi thơm của cốm lên, kết thành một sự ân ái nhịp nhàng như trai gái xứng đôi, như trai gái vừa đôi... mà những mảnh lá chuối tước tơi để đệm hồng chính là những sợi tơ hồng quấn quít.

Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường phố, thấy những cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu đương?

Đó là những cô gái mộc mạc ưa nhìn “đầu trùm nón lá” vắt vẻo đi từ tỉnh mơ lên phố để bán cốm cho khách Hà Nội có tiếng là sành ăn.

Nhưng tại sao lại chỉ có con gái, đàn bà làng Vòng đi bán cốm? Mà tại sao trong tất cả đồng quê đất Việt ngút ngàn những ruộng lúa thơm tho lại chỉ riêng có làng Vòng sản xuất ra được cốm?

Đó là một câu hỏi mà đến bây giờ người ta vẫn còn thắc mắc, chưa nhất thiết trả lời phân minh bề nào. Là tại vì đất làng Vòng được tưới bón với một phương pháp riêng nên ruộng của họ sản xuất ra được thứ lúa riêng làm cốm? Hay là tại vì nghệ thuật truyền thống rất tinh vi của người làng Vòng nên cốm của họ đặc biệt thơm ngon?

Dù sao, ta cũng nên biết rằng làng Vòng (ở cách Hà Nội độ sáu, bảy cây số) chia ra làm bốn thôn là Vòng Tiền, Vòng Hậu, Vòng Sở, Vòng Trung; nhưng chỉ có hai thôn Vòng Hậu và Vòng Sở là sản xuất được cốm quý.

Cốm nguyên là cái hạt non của “thóc nếp hoa vàng”. Một ngày đầu tháng tám, đi dạo những vùng trồng lúa đó, ta sẽ thấy ngào ngạt mùi lúa chín xen với mùi cỏ, mùi đất của quê hương làm cho ta nhẹ nhõm và đôi khi... phoi phới.

Hỡi anh đi đường cái, hãy cúi xuống hái lấy một bông lúa mà xem. Hạt thóc nếp hoa vàng trông cũng giống hạt thóc nếp thường, nhưng nhỏ hơn một chút mà cũng tròn trặn hơn. Anh nhắm thử một hạt, sẽ thấy ở đầu lưỡi ngọt như sữa người.

Người làng Vòng đi ngắt lúa về và nội trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ phải bắt tay vào việc chế hóa hạt thóc ra thành cốm.

Ngoài cốm Vòng ra, Bắc Việt còn hai thứ cốm khác nữa, không quý bằng mà cũng kém ngon: đó là cốm Lũ (tức là cốm làng Kim Lũ, một làng cách Hà Nội 8 cây số trong vùng Thanh Trì – Hà Đông) và cốm Mễ Trì (tức là cốm làng Mễ Trì, phủ Hoài Đức (Từ Liêm) cũng ở Hà Đông).

Hai thứ cốm này khác thứ cốm Vòng một điểm chính là thóc nếp hoa vàng khi vừa chín thành bông ở làng Vòng thì được ngắt đem về, còn ở Lũ và Mễ Trì thì người ta gặt lúa đã bắt đầu chín hẳn.

Kể lại những công trình vất vả từ khi còn là bông lúa đến khi thành hạt cốm, đó là công việc của nhà khảo cứu. Mà đó cũng còn là giá trị của những tập quán truyền thống của người làng Vòng nữa.

Người ta kể lại rằng, về nghề làm cốm, người làng Vòng có mấy phương pháp bí truyền giữ kín; bố mẹ chỉ truyền cho con trai, nhất thiết không truyền cho con gái, vì sợ con gái đi lấy chồng phương xa sẽ đem phương pháp làm cốm đi nơi khác và do đó sẽ đem tai hại đến cho làng Vòng.

Lúa ngắt đem ở cánh đồng về, kỵ nhất là không được vò hay đập, nhưng phải tuốt để cho những hạt thóc vàng rơi ra. Người ta cho rằng bí quyết của cốm Vòng là ở lúc đem đảo ở trong những nồi rang.

Tất cả cái khéo tay, cộng với những kinh nghiệm lâu đời xui cho người đàn bà làng Vòng đảo cốm trong những nồi rang vừa đều; lửa lúc nào cũng phải đều; nhất là củi than phải là thứ củi gỗ cháy âm, chứ không được dùng đến củi rơm hay củi đóm.

Công việc xay, giã cũng cần phải gượng nhẹ, chu đáo như vậy: chày giã không được nặng quá, mà giã thì phải đều tay, không được chậm vì cốm sẽ nguội đi, thứ nhất là phải đảo từ dưới lên, từ trên xuống cho đều, không lỏi.

Những hạt thóc nào vừa hái vừa vụn thì dẻo; hơi già, ăn cứng mình; mà non quá, hãy còn nhiều sữa thì quánh lại với nhau từng mảng. Thứ cốm sau đó gọi là cốm dót.

Thóc giã xong rồi, người ta sàng. Trấu bay ra cùng với những hạt cốm nhẹ nhàng nhất: cốm đó là cốm đầu nia. Còn các thứ cốm khác thì là cốm thường, nhưng tất cả ba thứ đó không phải sàng sẩy xong là đã ăn được ngay đâu; còn phải qua một giai đoạn nữa là hồ.

Người ta lấy mạ giã ra, hoà với nước, làm thành một thứ phẩm xanh màu lá cây rồi hồ cốm thật đều tay: cốm đương mọc mầm, nổi hẳn màu lên và duyên dáng như cô gái dậy thì bỗng tự nhiên đẹp trội lên trong một buổi sáng mùa xuân tươi tốt.

Bây giờ chỉ còn việc trình bày nữa là xong: cốm được tãi ra thật mỏng trên những mảnh lá chuối hay tàu lá sen (người ta gọi thế là lá cốm hay mẻ cốm) rồi xếp vào thúng để gánh đi bán, tinh khiết và thơm tho lạ lùng. Đặc biệt là hàng nào cũng có một cái đòn gánh cong hai đầu: người bán hàng bước thoăn thoắt, hai cái thúng đều đưa, trông thật trẻ và thật... đấy!

Hỡi các bà nội trợ lưu tâm đến miếng ăn ngon cho chồng cho con! Hãy gọi hàng cốm lại và mua ngay lúc cốm hãy còn tươi, kéo quá buổi thì kém dẻo và kém ngọt, phí của trời đi đấy!

Đã có lúc ngồi nhìn người hàng cốm xếp từng mẻ cốm sang chiếc lá sen to để gói lại cho khách hàng, tôi đã tần mẩn ngẫm nghĩ nhiều. Ờ mà thật vậy, sao cứ phải là lá sen mới gói được cốm? Mà sao cứ phải là rơm tươi của cây lúa mới đem buộc được gói cốm? Có một khi tôi đã thử tưởng tượng người ta dùng giấy bóng kính tốt đẹp để gói cốm, nhưng mới thoáng nghĩ như thế, tôi đã thấy tất cả một sự lố lằng, tất cả một sự thô kệch, nói tóm lại là tất cả một sự... khó thương! Còn gì là cốm nữa! Làm vậy, cốm có còn là cốm đâu!

Cốm, một món quà trang nhã của Thần Nông đem từ những đồng quê bát ngát của tổ tiên ta để lại cho ta, không thể khứng chịu được những cái gì phàm tục.

Vì thế, ăn miếng cốm cho ra miếng cốm, người ta cũng cần phải tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý; phải biết tiếc từng hạt rơi, hạt vãi, và nhất là phải ăn từng chút một, lấy ngón tay nhón lấy từng chút một, chứ không được phũ phàng.

Ta vừa nhai nhỏ nhẹ, vừa ngẫm nghĩ đến tính chất thơm của cốm thoang thoảng mùi lúa đồng đồng, tính chất ngọt của cốm phiêu phiêu như khí trời trong sạch và ta sẽ thấy rằng ăn một miếng cốm vào miệng là ta nuốt cả hương thơm của những cánh đồng quê của ông cha ta vào lòng. Dịu dàng biết chừng nào! Mà cũng cảm khái biết chừng nào!

Tôi không thể nhịn được cười khi thấy những ông gập buổi giao thời, mời người Âu Mỹ dùng cốm mà lại xếp vào từng bát để họ lấy "cùi dĩa" mà xúc! Thật là ai oán cho hạt cốm!

Lại có nhiều người khác, có lẽ cho rằng bơ sữa ở Hà Nội này chưa đủ để làm tăng gia cái đồng cân của con người, lại bày ra trò ăn cốm với chả, giò hay thịt quay.

Tôi thiết tưởng như thế thì thà lấy ít gạo tám thơm lên ăn với những thứ thịt đó còn hơn, tội gì phải ăn cốm cho phí tiền!

Trong tất cả các thứ ăn đệm với cốm, có lẽ dung thứ được nhất là cái thứ chuối tiêu "trúng cuốc" ăn thơm phưng phức, nhưng ăn như vậy chỉ có thể coi là ăn chơi ăn bời.

Muốn thưởng thức được hết hương vị của cốm, phải ăn cốm không, và chỉ ăn cốm không thôi. Có thể, ta mới hưởng được chân giá trị của cốm và càng thấy rõ chân giá trị của cốm, ta lại càng tiếc cho đồng bào ở những nơi xa, tiếng là cùng sinh chung đất nước với ta, mà không được hưởng thứ quà thơm dẻo của đồng lúa dâng cho mọi dân con.

Tôi ngẫm lại trước kia đường sá còn diệu vợi, một người ở Nghệ An ra thăm Hà Nội muốn đem ít cốm Vòng về làm quà cho bà con, thực quả là vất vả.

Cốm tãi ra trên một cái mâm đồng phải được sấy thật kỹ bằng hơi nước sôi để khỏi mốc rồi cho vào trong một cái thùng sắt tây đậy kín. Người ta lại còn kể chuyện vào thời Nguyễn, người làng Vòng mà mang cốm tiến vào được đến Huế để dâng lên Ngài Ngự thì lại còn công trình khó

nhọc hơn nhiều: cốm không được đóng vào thùng sắt tây, nhưng phải gánh bằng quang, hai bên hai thúng, và trong mỗi thúng có một cái hoả lò âm ỉ trên đặt hai cái nồi đất đựng cốm.

Hơi nước bốc lên sẽ làm cho cốm được dẻo luôn, dù phải đi tới hàng năm bảy ngày đường.

Bây giờ sự đi lại dễ dàng, người ở các tỉnh gần Hà Nội nhớ cốm vẫn thường về tận Hà Nội để ăn vào những ngày đầu thu. Coi chừng mùa cốm tàn lúc nào không biết đấy! Danh tướng và người đẹp tự nghìn xưa vẫn thế, không để cho người đời được trông thấy mình lâu...

*

Để tận hưởng món quà trang nhã, người ta ăn cốm rồi lại còn chế biến ra nhiều món khác, không kém phần thích thú.

Cổ kính vào bậc nhất là cốm nén. Có lẽ vì cốm là một thức quà quý mà lại không để được lâu, nên người ta mới nghĩ ra cách nén cốm, để cho cốm không bị mốc mà ăn vẫn có thể ngon và dẻo.

Điều cần là trước khi cho cốm vào nước đường, phải vẩy một tí nước vào cốm cho mềm mình; lúc xào, phải khuấy đều tay kéo cháy. Riêng tôi, ăn cốm nén, tôi sợ cái thứ ngọt sắc nó làm mất cả vị của cốm đi; nhưng nếu một đôi khi có chỗ cháy ăn xen vào, cũng có một cái thú vị lạ, vì nó thơm mà lại làm cho gờn gợn da ta lên, như tuồng ăn phải mẻ cốm khô thì khổ.

Muốn cho đĩa cốm “đẹp mặt” hơn, có nhà rắc một tí phẩm lục vào. Khi đó, cốm xanh thắm hẳn lên, nhưng ta có cảm giác ăn vào đau bụng.

Tôi nghĩ rằng nén cốm mà bắt đắc dĩ phải dùng đến phẩm lục là chỉ khi nào người ta dùng cái thứ cốm Vòng mộc, hay cốm Lũ màu xám nhạt. Đó là hai thứ cốm mà các cửa hiệu bán bánh cốm vẫn thường dùng gói bán đi khắp mọi nơi để người ta làm quà cáp cho nhau hay đem biếu xén trong những dịp cười chung, khóc mướn.

Cốm nén gói thành bánh cũng được ủ rồi xào như đã nói trên kia, nhưng ngoài thứ không nhân, còn một thứ nhân làm bằng đậu xanh giã thật nhuyễn với đường, điểm mấy sợi dừa trắng muốt. Hai thứ bánh này được gói trong lá chuối, vuông vắn, buộc bằng dây xanh hoặc đỏ tùy theo trường hợp khóc hay cười.

Những vị nào thích ăn thứ cốm nén này mà cháy và cứng mình hơn có thể tìm đến các cửa hiệu cốm nén để mua từng lạng các thứ cháy cốm ăn cứ quánh lầy răng. Cháy nhân cũng được nhiều người thưởng thức nhưng có lẽ thích nhất thì là các ông “ăn thuốc” có tính ưa của ngọt.

Ít lâu sau này, có nhiều bà hàng giò, chả, lại chế ra một thứ chả cốm (chả lợn trong có cốm) ăn bùi, mà lại béo ngậy ngậy, thử dùng một hai nắm ăn vã cũng ngon – ăn thứ chả này phải thật nóng mới thú, nguội thì không còn ra trò gì...

Nhưng nội các thức quà làm bằng cốm, thanh nhã và dễ ăn nhất có lẽ là chè cốm, một thứ chè đường có thả những hạt cốm Vòng. Sau một bữa cỗ béo quá, ăn một bát chè cốm trong muốt, ta thấy nhẹ nhõm ngay vì hết ngấy; cuống họng cứ lừ đi; nhưng cái lừ đây không phải là chỉ ngọt lừ, mà lại còn thơm cái lừ của cốm trương hạt, ăn đã trong giọng mà lại không quánh lầy răng như bánh cốm.

Dù sao, bánh cốm, cũng như chè cốm, cũng chỉ có thể coi như là “một chút hương thừa” của cốm Vòng mà thôi. Có ăn hai thứ đó, ta lại càng thấy rằng quả cốm Vòng tươi quý thật, mỗi một

hạt cốm thật là một hạt ngọc của Trời. Và người ta càng thấy quý hơn nữa mỗi khi đến mùa cốm mà tản cư, không được trông thấy cốm và ăn cốm...

Phù dung ơi! vĩnh biệt!

... Ông như mất trí. Ông buồn rũ người ra... Ai hỏi bên cạnh tai, ông tưởng người ta quát. Ông thấy ông là thừa. Bụng ông thừa, cả mắt cả mũi, cả tai và đầu ông nữa đều là thừa cả. Ông gắt ngầu nhà lên. Cái gì nhà bếp cũng làm tôi cả. Ông ăn một quả chuối cho đỡ đói: chuối có vị chua. Ông phập phồng hai cánh mũi đánh hơi: ô này lạ! Sao ở trong buồng ngủ lại có hơi thuốc phiện? Thế là thân trí ông đưa ông đi khắp đó thì đây. Ông đến tiệm. Ông mần một câu tuồng: “Đuổi dê ra ải bắc, lòng luống những sầu tây... cảm Hán hoàng còn ngự đài mây, thân chi xá nài bao lao khổ... hà!”. Ông thấy rằng cái tiệm mới chính là nhà ông vậy. Vui lắm! Đẹp lắm! Ông sẽ “sang nam” ngay, nếu lúc ấy tâm can tí phé ông không giục ông cho chúng làm dầm điếu. Không thể, người mệt lắm. Lập tức, ông cởi giày, để nguyên bí tất, nhảy lên giường mà nằm co quắp lại như một con tôm kho. Đệm êm lắm. Ông có rét thì lấy cái chăn mỏng hay cái ba-đờ-suy mà đắp. Nào, ai dám bảo cõi đời này là vô vị? Đời có một vị lạ lắm: nó thơm mà lại béo, mà lại bùi, mà lại bổ. Một điếu chưa mùi gì. Hai điếu. Tiêm nhanh lên một tí, anh Ba! Ba điếu. À, đã khá đấy. Đời lại càng đẹp đẽ. Vạn tuế à Phù dung! Vạn tuế à Phù dung! Ông đứng lên trên giường, hét một câu: “Như mỗ đây...”, xoay một vòng, rồi giơ chân phải lên đá vào áo giáp, kiêu một viên tướng nhảy lên lưng ngựa băng mình ra trận...

Than ôi, tôi xin chia buồn: ông rơi đánh bịch một cái từ trên trời xuống. Ông có sống ở thực cảnh đâu? Ông đương tưởng tượng đấy mà. Thực cảnh đây này, tối hôm nay, ông chưa hút. Ông đương nằm ở trên giường ngủ của ông. Ông nhớ đến cái cảnh linh lung ở tiệm, đây đó có mấy ngọn đèn dầu mờ tỏ, đẹp như con đường lên Nam Giao. Cảnh đó “gợi” lòng người nghiện lắm. Thế mà ông không được hưởng. Lòng ông rộn rã như có ai vô xé. Tai ông ùm lên những tiếng trống hô đề. Thật quả nhà ta không hiểu nước mắt ở đâu cứ bò nhòai ra. Ông nhớ đến tiếng nói của ông chủ tiệm? Đến tên bồi tiêm mỗi khi làm xong điếu thuốc lại cầm tiêm gõ vào độc tẩu mời ông xơi? Đến tiếng hát của bà Lucie mỗi khi no thuốc lại ngân lên như tiếng than thở của Chiêu Quân lúc ở Phiên Bang sầu nhớ cung điện Hán hoàng thuở trước?

Ông nhớ tất cả, nhưng không nhớ rõ một cái gì. Cái gì cũng như phảng phất mung lung trong một màn sương muối. Chán lắm, đời ơi! Ông ngáp. Ông ngáp một cái. Ông không ngáp hai cái. Ông không ngáp ba cái. Ông ngáp một lúc tới hai mươi cái. Rồi ông ngáp nữa. Có ai đã từng ngáp hàng thoi hàng thốc như ông mới hiểu rõ được cái ngáp ra thế nào. Cũng lại. Cái lạ đó như thế này:

Hôm qua ông làm việc đến hai giờ khuya mới ngủ. Sáng nay, ông lại phải đi làm. Mười một giờ về, ông ăn quấy mấy bát cơm. Rồi ngáp. Ngáp một cái. Cùng lắm là hai cái. Ngáp được thế, ông thấy dễ chịu trong người đôi chút, tuy người ông vẫn mệt. Nhưng đến cái ngáp thuốc, ngáp luôn một lúc hàng vài chục cái, thì người ông lại mệt hơn. Ông giữ cho cái ngáp thứ nhất không kêu thành tiếng. Tốt. Cái thứ hai cái thứ ba cũng được. Nhưng đến cái thứ tư, thì tôi đoán ông giữ không kêu được đấy. Ông vừa ngáp, vừa vắn mình. Ông vừa ngáp, vừa vươn vai và giơ tay lên trời. Ông vừa ngáp, vừa kêu. Người ta bảo “ngáp học lên” là thế. Ông không có một tư tưởng gì nhất định. Mỗi một trong mình thì người ta ngáp chứ sao! Lý đó cứng lắm. Nhưng chỉ một lát sau, ông thấy như ròn rợn. Mỗi khi ngáp, chính ông lại nghe thấy hai cái quai hàm kêu đánh “khục”. Thế là gân kêu hay bắp thịt kêu? Hay sai xương vậy? Có phải “ngáp sái quai hàm” là thế không?

Lúc đó, ông thật muốn làm một nhà khoa học để giải phẫu xem cái tiếng “khục” ở đâu ra. Mà không hiểu quai hàm có cái gân gì nối liền với mũi chằng mà cứ mỗi khi ngáp kêu đánh “khục” thì nước mũi lại chảy ra như tưới? Ông vừa chùi nó đã ra rồi. Đồng thời, ở chỗ yết hầu ông, lại có một cái gì vương vương. Thoạt đầu, ông tưởng là buổi chiều ông xoi cá, mà ăn vội, nên hóc phải cái xương. Rồi ông lại tưởng rằng vừa rồi ông tráng miệng bằng một phẩm oản bánh khảo nên bây giờ cái bột nếp hãy còn mắc trong cuống họng. Mãi về sau mới vỡ lẽ ra rằng bao nhiêu điều ông tưởng đó đều không đúng. Cuống họng ông nghẹn chỉ là để báo hiệu một cơn ho sắp tới. Cơn ho đã tới rồi. Nó tới như một cỗ chiến xa hạng nặng. Nó làm bật cả những làn da mỏng trong cuống họng lên. Ông nuốt nước: vô ích. Ông ngậm gừng: vô ích. Ông nằm ép bụng xuống giường rồi lấy dầu quất thân ra uống: vô ích nốt. Ấy là may mà ông biết trước rằng chỉ có đàn bà chữa mới “ho mọc tóc” thôi. Không thế, tôi cam đoan rằng ông sẽ tưởng là ông ho mọc tóc – mọc tóc trong cuống họng. Cổ rát quá. Hẹ hèm! Hẹ hèm! Ông đứng dậy đi đi lại lại. Mắt ông nẩy đom đóm. Tai ông vẫn ù. Ông không thể bình tĩnh nữa. Ông giận hết cả sự vật. Ông giận hết cả mọi người. Và ông giận cả... ông. Ông bịch vào ngực ông. Ông vật ông lăn ra giường. Quái, rõ ràng có ai hút thuốc phiện ở trong buồng ngủ ông. Ông đánh hơi nữa. Ông đánh hơi nữa. Thôi, có lẽ ông Ba Cặng bên cạnh, đắm vào cái nghiện từ bao giờ không ai biết, đã đem bàn đèn về nhà rồi, chưa biết chừng. Ông mở cửa ra bao lơn, vọng về cái gác ông Ba Cặng y như nhà thơ Đỗ Phủ lúc bị đày ra làm quan Tư Công ở Hoa Châu đêm đêm vọng về Thiều Lăng. Đỗ Phủ vọng về Thiều Lăng để làm thơ. Ông vọng về cái gác ông Ba Cặng để tìm thuốc phiện, nhưng cần gì! Cái cần là làm thế nào để ngủ được một hơi thuốc phiện. Thế là thoả một kiếp người. Trời hại ông! Chẳng đâu có thuốc phiện cả. Và chỉ cần thiếu một thứ ấy, đời thành ra sa mạc! Ông thờ dài. Ông nằm thẳng cẳng ra như chết. Ông nhắm mắt lại và nghe thấy từng bước đi của thằng bếp ở dưới nhà. Vợ ông mắng con: ông thấy tiếng nói của bà ấy như cửa vào gân ông vậy. Giá ông Ba Cặng mà hút, lúc này, quyết là ông có thừa can đảm để trèo tường qua, gõ cửa gác ông ta, vào nói chuyện. Nếu ông ta mời ông làm dăm điếu, nhất định là không chê. Làm khách làm gì, phiền lắm! Thôi. Ông hút thuốc lào, thuốc lá, thuốc xì-gà để xem có thể thay được thuốc phiện không. Rồi ông theo phương pháp của các bác sĩ người Âu, tập trung tư tưởng mà nói một trăm lần câu này: “Tôi không nghĩ gì nữa. Tôi ngủ. Tôi phải ngủ”. Từ một trăm ông đã đếm đến một nghìn. Hai con mắt “thất giá” của ông cứ long lên xòe xóc, không chịu nhắm. Ông vẫn ho. Nước mắt và nước mũi vẫn chảy. Tai vẫn ù. Ấy là ông đã nghiện mất rồi. Bè bạn, vẻ mặt buồn như đi phúng đám ma, bảo với ông như thế. Họ tưởng tượng nhiều chuyện xấu xa, bi đát nữa. Ông hét lên một tiếng, không để cho họ nói dằng dai: “Đời nào!”. Và ông lại nhắm mắt lại, không buồn đuổi muỗi. Cho nó đốt! Ông là tiên đây, ông không thèm để ý đến những cái thấp hèn của thế nhân. Vợ ông lên, thấy thế, cho rằng ông ngủ. Bà ấy rón rén đi nhẹ xuống nhà. Thế là bà ấy bị lừa ông vẫn có ngủ được đâu! Ông đương nghĩ. Ông nghĩ rằng: “Minh hôm nay đỡ giới, chứ có phải lên cơn nghiện, cơn thuốc gì đâu! Khó lắm! Minh thế này mà lại nghiện? Còn soi!”.

Đánh cho chết, chúng ta vẫn không chừa tự phụ. Biết bao nhiêu đêm trần trọc không ngủ được, tôi cũng nghĩ như ông. Tôi tự bảo “Không, nghiện không phải là chuyện dễ như đàn bà vẫn tưởng. Có thể nào mới nghiện được chứ! Hút chơi hút bời như mình thì mỗi lúc đã việc gì! Chẳng qua là họ dọa”. Nghĩ thế xong, tôi giơ tay lên tập võ. Nhìn xuống, thấy ngực mình và bắp đùi mình cũng khá, tôi cũng thấy nở lên trong lòng một mối tự phụ không tên. Tôi cho rằng tôi khoẻ lắm. Và khôn nữa. Tôi chơi thuốc phiện chứ thuốc phiện không chơi tôi được. Tôi còn đi xa hơn thế nữa. Nằm bên bàn đèn, biết bao lần tôi quắc mắt lên nhìn vào dục tẩu mà tự nhủ với mình rằng: “Ta không nghiện được. Nếu vạn nhất, trời có bắt tội ta nghiện, xin chào cõi đời này! Mà sông Cái! Mà sẽ thấy ta đắm đầu xuống lòng mây để cho sóng nước của mây cuốn ta đi mất tích. Chứ không ư? Một kẻ như ta mà nghiện! Không đời nào!”.

[¹]Hồng ở Bắc Việt có thể chia ra làm hai thứ: a. Một thứ ăn chín như hồng nôi, hồng the, hồng trứng, hồng hột. b. Một thứ ăn không cần chín như hồng hạc, hồng lạng, hồng ngâm, hồng vuông.

1. Võ Hồng

Sinh ngày: 5-5-1921 tại Ngân Sơn, quận Tuy An, tỉnh Phú Yên (Trung Việt). Viết văn từ năm 1959.

Tác phẩm:

Hoài cổ nhân, Ban Mai xuất bản, 1959

Lá van xanh, Thời Mới xuất bản, 1962

Vết hằn năm tháng, Lá Bối xuất bản, 1966

Con suối mùa xuân, Lá Bối xuất bản, 1966

Khoảng mát, An Tiêm xuất bản, 1966

Hoa bướm bướm, Lá Bối xuất bản, 1966

Người về đầu non, Văn xuất bản, 1968

Bên kia đường, Mặt Trời xuất bản, 1968

Gió cuốn, Lá Bối xuất bản, 1968

Những giọt đắng, Lá Bối xuất bản, 1969

Trầm mặc cây rừng, Lá Bối xuất bản, 1971

Như cánh chim bay, Lá Bối xuất bản, 1971

Đã cộng tác với: Bách Khoa, Văn Hữu, Mai, Giáo Dục Phổ Thông, Văn, Giữ Thơm Quê Mẹ, Tin Văn, v.v.

Võ Hồng và quê hương bất hạnh

Trong không khí sinh động của văn nghệ miền Nam Việt Nam mười năm qua, vóc dáng Võ Hồng như một khiêm nhượng, một trầm lặng vì chiều hướng sáng tác cũng như kỹ thuật hành văn của nhà văn không nằm chung với ước lệ thời đại, thời đại cháy bỏng môi hôn, vòng tay bán loạn và thể xác cuồng mê!... Võ Hồng cô đơn di hành trên lộ trình nghệ thuật do mình chọn lựa. Nhà văn không dễ dàng chấp nhận sự thiếu chân thành, không chạy theo thị hiếu độc giả, không thỏa mãn đòi hỏi nhất thời của thị trường chữ nghĩa. Nhận định về Võ Hồng, quả thực Trần Thiện Đạo, đã soi sáng đúng mức giá trị và cương vị của Võ Hồng trước cuộc đời và văn học:

... Có những kẻ mà mỗi lời nói, mỗi cử động, mỗi hành vi chừng như được trời phú cho một thứ tiềm lực tự tại, đủ sức làm chấn động dư luận một thời, nhưng, cũng hết như bong bóng thổi

phông nhờ bầu khí giả tạo, lời nói ấy, cử động ấy, hành vi ấy thường chỉ chiếm mặt tiền thời sự trong giây lát để rồi cùng với thời gian mà mất dạng vĩnh viễn.

Võ Hồng không thuộc thành phần minh tinh ngấn ngời ấy. Chúng ta ít nghe nói tới anh, nhưng đồng thời, chúng ta lại chùng như hiém khi thấy anh vắng bóng lâu dài trên trường chữ nghĩa xứ này sắp tròn mười năm qua. Là vì bản tính của anh vốn mang thứ sắc thái vừa âm thầm, vừa tế nhị của hạng người chùng mực, và văn phẩm của anh biểu lộ tính chất mực thước, mực thước đến độ khiêm tốn và e dè.
(*Hoài cổ nhân*, Nghĩ về Võ Hồng T.T.ĐX, 67)

Đúng, Võ Hồng một nhà văn mực thước, không thiếu phần trang trọng, cẩn thận trong mỗi sáng tác. Nhưng chính cũng vì thế, tác phẩm của Võ Hồng chỉ có ảnh hưởng với một lớp độc giả nào đó, ưa suy nghĩ, thích trở lại quá khứ để tìm về kỷ niệm, tìm khoảng thời gian đã mất để thấy có mình. Võ Hồng sáng tác rất đều, như nhà điêu khắc cần cù đục, giũa để biến tảng đá xù xì thành một công trình mỹ thuật. Xuyên qua hơn mười tác phẩm, người đọc, rất ít gặp những thoáng đam mê rực lửa, những hung cuồng ân ái với ngất ngây mùi da thịt. Người ta thấy từng dòng u buồn lên nhẹ, từng xót xa đắm chìm tâm trí, từng băng khuâng tiếc nuối, từng cơn đau úp mặt, từng đắng cay tủi nhục của kiếp người bơ vơ giữa cuộc chiến tàn khốc đã và đang tiếp diễn trên quê hương bất hạnh này.

Võ Hồng viết, như kể lể nỗi buồn thương lãng đãng, như gửi gắm ở mỗi dòng chữ sự chán mỏi đến tận cùng, nhưng vẫn làm vẻ thản nhiên, dung dị. Võ Hồng viết nhiều thể truyện, nhưng có lẽ, chỉ những truyện viết về cuộc chiến, dù thuộc quá khứ, mới thể hiện đúng bản chất Võ Hồng. Vì ở đây, qua đây, nhà văn đã đi vào chiều sâu ý thức, để nói lên những gì cần nói qua lời văn, qua từng hoàn cảnh khốn khó. Võ Hồng đã sống và trải qua những buồn vui thế cuộc, đã say mê lý tưởng với nhiệt tình. Nhưng cuối cùng, cánh chim rã rời tìm về tổ cũ, tìm về bao tháng ngày xa lác trong tâm tư và đối diện thường trực với thực tại nhức nhối phía trước. Tất cả những thâm kín đó, được trải rộng trong kích thước vừa đủ, với những sự tình giằng co qua tâm trạng mỗi nhân chứng, cùng câu cười tiếng khóc âm vang trong tiềm thức người đọc. Việt Nam, ôi! Việt Nam, hai tiếng đó như gieo vào lòng mỗi người yêu nước những giày vò với nhiều hưng phế do lịch sử đầy đọa: 80 năm nô lệ Pháp, bao nhiêu đối kháng nổi lên qua Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàng Hoa Thám, Việt Nam Quốc Dân Đảng, v.v. đều đi vào thất bại. Sự thất bại thể thảm giữa sức mạnh tinh thần và vũ khí tối tân, thất bại giữa tổ chức khoa học với nếp sống tùy thời. Nhưng dù sao, các chứng tích lịch sử ấy cũng đã thức tỉnh phần nào cơn mê muội của một lũ người cầu an hưởng lợi, để "gây vốn" sau này cho cuộc vùng lên vĩ đại của dân tộc.

Võ Hồng, con người tha thiết với quê hương, đất nước, đã dấn thân trong suốt 9 năm khói lửa, chịu bao nhiêu gian khổ, bao nhiêu cay đắng, chỉ dành cho phần mình ít ỏi kỷ niệm và một chút niềm tin. Kỷ niệm và niềm tin, được Võ Hồng trải trong hai tác phẩm *Hoa bướm bướm* (1966), *Như cánh chim bay* (1971) cùng vài ba truyện ngắn in rải rác trong các tập truyện.

Tác phẩm *Hoa bướm bướm*, bắt đầu bằng khoảng thời gian báo trước sự chuyển mình của lịch sử. Khuôn mặt của Quý và Thức với những lời đối thoại sắc và khô đã tạo nên không khí nặng nề của một khung cảnh sắp đi vào môi trường khác với bất trắc không thể lường đoán. Những người trẻ tuổi đã ý thức được vai trò của mình trước lịch sử. Quân Pháp đầu hàng Nhật sau đêm mồng 9 tháng 3-1945, người Pháp thua không phải là hết, không phải do đó, nước Việt Nam được an hưởng thái bình. Trái lại, với hành động thất nhân tâm của quân phiệt Nhật, người thanh niên Việt Nam lúc ấy đã nhìn ra nhiệm vụ, một nhiệm vụ thiêng liêng. Họ không tin Nhật có thể thắng trận chiến này, nhưng vì hoàn cảnh chúng ta phải hợp tác với Nhật để chờ thời. Cái thời đó đến mau hay chậm còn tùy vận nước:

... Má tôi cứ nghĩ rằng ba ngàn mẫu ruộng ở An Hòa và dãy lầu đường Mayer nuôi dưỡng tôi sung túc hơn mọi bằng cấp.

"Người ta đi học không chỉ vì bằng cấp".

"Cố nhiên là chị nói đúng và tôi cũng đồng ý như chị".

Sinh viên ở lại Hà Nội có nhiều việc để làm lắm. Giai đoạn này là giai đoạn của thế hệ chúng ta. Thăng Thanh, thăng Hiệp vào trường Thanh Niên Tiên Tuyển ở Huế. Ban xã hội của Tổng hội Sinh viên hoạt động đặc lực trong việc cứu đói. Các tổ chức chính trị lớp công khai, lớp bí mật làm sôi nổi không khí của Thủ đô.

"Nhưng chúng tôi không tin là quân Nhật thắng trận".

"Nhiều người cũng tin như vậy, nhưng hoạt động chính trị đâu có phải vì tin rằng quân đội Nhật thắng trận? Cuộc đảo chánh mồng 9 tháng 3 là cái dịp tốt để dân tộc ta giải quyết lấy vận mệnh của mình. Vận mệnh của mình không phải do quân Nhật giải quyết".

Thức nhắm nháp tách nước trà vừa đưa mắt nhìn lên đầu tủ. Bức ảnh Thống chế Pétain treo lấp sau lọ hoa cúc trắng. Thức chỉ lên bức ảnh:

"Chị vẫn còn trung thành với Thống chế?"

Quỳ mỉm cười:

"Đâu có, bà nội đã hạ bức ảnh xuống hôm 9-3, nhưng tôi ngăn lại, muốn giữ bức ảnh đó một thời gian để nhìn chơi. Ít nhất nó cũng nói với mình nhiều hơn là một mảnh tường trống trơn hay một bức tranh tầm thường. Cốt nhất là mình hết nghe nó nói".

"Phải, tôi vừa nghe nó nói rằng: đừng tin ở một sự huy hoàng nào hết. Cái gì rồi cũng qua đi..."

(*Hoa bướm bướm*, trang 8-9)

Những khuôn mặt của Thức cũng như Cẩn – sinh viên kiến trúc – hiện diện trong tác phẩm *Hoa bướm bướm*, như một thoáng qua. Tác giả dùng họ trong khoảnh khắc, để thực hiện một ý tình nào đó, được nhà văn xác định rõ ràng trước khi viết. Thức yêu Quỳ, muốn cùng nàng kết tóc, nhưng Quỳ cô gái trí thức, học trường đêm, không yêu Thức mà cũng chưa yêu ai ở giai đoạn này, kể cả Cẩn và người sinh viên luôn luôn sốt sắng mỗi khi Quỳ nhờ vả. Tác giả đã dùng thị xã Đà Lạt, nơi nghỉ mát của nhà giàu, với những chiếc va-li sang trọng, với khung cảnh nên thơ của núi rừng cao nguyên để ghi nhận những đổ vỡ, hận thù cũng như khí thế vùng lên của đám dân thị xã, từ lâu được an hưởng thanh bình và khí hậu ưu đãi.

Chính trong khuôn khổ thị xã này, do thực dân tạo nên, những người Pháp đã sống vô cùng khốn khó trong trại tập trung (Cité Decoux) dưới quyền kiểm soát của quân Nhật, dưới sự khinh khi của người dân nô lệ hôm qua, nay được dịp trả thù cho hã cơn tức giận, mỗi thù 80 năm mất nước! Nhưng không phải mọi người đều như thế, trường hợp Quỳ đã giúp đỡ Caroline – người bạn gái cùng học Philo ở Lycée – trong lúc khốn khó, bằng cách mua giúp thức ăn, để ít ngày sau, Quỳ đã mang lụy với Ủy ban Cách mạng Thị xã Đà Lạt. Hình ảnh người Pháp, trong những ngày bị hạ bệ, thật thâm thảm, dưới nét mực Võ Hồng:

... Một người Pháp già đi ngược chiều với nàng, mặt cúi xuống nhìn đất và hai tay xách giỏ nặng. Những gói bọc giấy chen lấn với cải su, khoai tây, hành. Một bó kiệu tây thò đầu ra ngoài miệng giỏ. Quý có cảm tưởng ông ta mang nặng 80 năm tội lỗi trên vai. Hai giỏ thức ăn trĩu nặng hai bên tấm thân gầy, cao ngẩng cúi về trước khiến nàng liên tưởng đến cái dấu chấm hết. Chấm hết những trang sử do Courbet, Rigault de Genouilly, Varenne, Decoux viết ở trên đất này...

(*Hoa bướm bướm*, trang 25)

Nhưng trong khi ấy, miền Bắc thiếu gạo. Một triệu người vừa gục xuống lòng đất. Chính phủ Trần Trọng Kim, dù là bù nhìn của quân phiệt Nhật, cũng vẫn phải tìm đủ mọi cách trợ giúp miền Bắc, để cứu những người dân quê sống thoi thóp chờ vụ lúa sắp tới. Sự chuyên chở lúa gạo trong thời gian đó phải xin phép cơ quan Nhật dù chở từ tỉnh nọ qua tỉnh kia. Một triệu người miền Bắc chết đói cũng do tội của Nhật và Pháp. Nhật bắt bỏ ruộng trồng đay, Pháp cấm chuyên chở gạo từ miền thừa sang miền thiếu.

Trong các hình thức trợ giúp cứu tế, có cuộc tổ chức văn nghệ. Quý đóng góp cho đêm văn nghệ đó bài ca *Chùa Hương*, thơ Nguyễn Nhược Pháp, Hoàng Quý phổ nhạc. Quý đã thấy Luân, bí thư của Tổng Đốc, và nàng tức giận vì dáng điệu Luân khinh khỉnh dễ ghét. Luân, một thanh niên có học mới ra đời, ném mình vào công việc của chính quyền lúc ấy, với mơ ước thức thức cứng ngắc qua sự hiểu biết về luật lệ hành chính, luôn luôn nghiêm minh trong vấn đề giao tế. Luân người Trung, học ở Hà Nội, đã trải qua những giờ phút căng thẳng nhất của cố đô Thăng Long khi quân Nhật đe dọa Đông Dương bằng vũ lực, cũng như đã chứng kiến những trận oanh tạc của phi cơ Mỹ xuống Hà Nội hồi quân Nhật chiếm đóng. Võ Hồng viết rất chính xác về không khí miền Bắc trong thời gian đó:

... Trên bãi đất trống cạnh hồ Thiên Quang, người ta đào những hầm hình chữ Chi, rộng bốn tấc và sâu không hơn tám tấc. Người đứng lẩn trốn dưới hầm (gọi là hào thì đúng hơn).

Trên bãi chợ hàng Da, người ta không đào hào mà lại đắp hào cao trên mặt đất. Hào xây bằng gạch. Có còi báo động, kẻ mua người bán và đồng bào ở mươi đường phố lân cận, đội nón, che ô, chen chúc nhau vào ngồi trong hào. Luân có ý nghĩ thú vị, giá mình là phi công oanh tạc, ở trên máy bay nhìn xuống thấy cảnh tượng ngổn ngang và ngớ ngẩn này, chỉ thương hại và buồn cười và không nở bắn phá gì hết...

(*Hoa bướm bướm*, trang 38)

Vì an ninh chung, Luân cũng phải tản cư ra khỏi thành phố Hà Nội, về miền quê, tránh bom đạn. Miền quê đất Bắc được nhà văn vẽ lại bằng những nét thật duyên dáng, thật nên thơ, qua ruộng mạ xanh non, qua cánh đồng phẳng thấp, qua con đường làng quanh co rợp bóng tre với ao bèo, ao rau muống có chiếc cầu ván nhỏ bắc ra lòng ao. Đoạn văn này, chắc chắn tác động sâu xa vào tâm thức những người di cư đã gần 20 năm nay, không nhìn thấy quê hương yêu dấu cảnh vật thân thuộc như hàng cau, mái rạ, đụn rơm, v.v. nhưng sự thật chúng vẫn sống mãi trong lòng những con người "thiên lý tương tư".

Dù bom đạn có rơi xuống mỗi ngày mọi người cũng không vì nó mà bỏ quên sự sống. Lúc nào có máy bay, chui xuống hầm, máy bay đi, lại công nào việc nấy.

Những yếu điểm của thị xã Đà Lạt do quân Nhật trấn giữ. Việc sung công nhà cửa được thi hành bừa bãi. Nhà của bà nội Quý cũng bị niêm phong trưng dụng vì nó nằm trong vòng đai phòng thủ. Quý nhờ Hảo – cô bạn gái – đến cầu cứu Luân, người của chính quyền Việt Nam, mong can thiệp với cơ quan Nhật trả nhà. Luân từ chối khéo vì sợ bị nghi ngờ không trong

sạch. Quỳ hậm hực trong lòng. Nhưng rồi nàng vẫn lấy lại được nhà, do Cẩn giới thiệu với Mai Trang, người đàn bà quen lớn với Tòa sứ Nhật. Người ta đồn đại, Mai Trang là tình nhân của ông Sứ Nhật Ishikawa, ông này đã du học ở Ba-lê, nói tiếng Pháp giọng *parisien*, và nhiều chuyện bí mật xoay quanh thân phận Mai Trang cùng thế lực của nàng. Mai Trang làm Trưởng đoàn Hồng Thập Tự do Tòa Sứ Nhật đỡ đầu, vì sự giao dịch công việc, nàng quen Luân và có nhiều cảm tình với chàng. Luân, gã thanh niên trí thức ngây thơ, tin tưởng vào sự giúp đỡ thực tình của Nhật cho Việt Nam, nên chàng không muốn có sơ hở nào về tư cách, có thể làm mất tín nhiệm đối với họ. Luân không giúp ai việc gì để lụy đến mình. Ngay cả với bạn thân, muốn chàng giúp đỡ trong vấn đề chuyên chở gạo, Luân cũng thẳng thắn từ chối, để nhận những câu trách móc gần như chửi rủa:

... "Thôi, tao bắt tay mày. Đừng tưởng tao giận vì số lợi hai mươi tấn gạo ấy đâu. Vì tao sẽ vẫn cứ chở như thường. Nhưng bằng cách khác. Bằng cách gì mày biết không?"

"..."

"Bằng cách này".

Tiến móc ví trong túi áo, rồi ra dấu đếm tiền bằng ngón tay.

"Tao đi liền bây giờ, xuống Tòa Sứ Nhật Bản. Tao sẽ có chữ ký nửa giờ sau. Mày cứ ngồi yên đấy mà làm ông Không Tử đời nay..."

(Hoa bướm bướm, trang 63)

Tiền và đàn bà là nhất, bất cứ ở thời đại nào. Nó có sức mạnh thay đen đổi trắng, làm đảo lộn những giá trị. Nó làm cho con người thăng hoa đời sống hay chịu ô danh, nhục nhã suốt đời. Nó là luật chơi, kẻ nào từ chối, tức là từ chối luật chơi, không biết sống, trước sau gì cũng bị nó nghiền nát.

Lời ước đoán của Thức ở đầu cuốn truyện đã thành sự thực. Nhật thua trận sau hai trái bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Lợi dụng thời cơ, phong trào Việt Minh từ bóng tối nhảy vọt ra ánh sáng chính trị, với thành tích ám sát, tuyên truyền thuộc thời gian bí mật, để kích động quần chúng tham gia vào công việc cướp chính quyền toàn quốc. Những cuộc mít-tinh, biểu tình được tổ chức đại quy mô với đông đảo thành phần tham dự. Những khẩu hiệu yêu nước được hô to. Những bàn tay nắm chặt giờ cao. Luồng gió Cách mạng đã hất Luân ra khỏi chính quyền thị xã. Luân đứng trên ban-công nhìn đoàn biểu tình, trông rõ từng nét mặt quen thuộc, bạn bè và đám công chức tuy không hăng hái lắm, nhưng đi thẳng hàng ngay lối. Điều này chứng tỏ tinh thần kỷ luật mà "các nhà nước" đã thay nhau dạy họ. Cuộc cướp chính quyền của Việt Minh tại thị xã, không gặp khó khăn nào cả. Hôm sau, nhà Luân bị chính quyền Cách mạng niêm phong. Chàng phải đi ở nhờ nhà Hảo. Căn nhà đó là của Chính phủ cũ cấp cho Luân, nay Chính phủ chết rồi, chàng không có quyền ở lại. Mất căn nhà ấm cúng, trong khung cảnh thơ mộng, thực tình Luân cũng tiếc, nhưng không tiếc bằng chiến thắng của Cách mạng mà không phải trả bằng máu.

Sau khi cướp chính quyền, Cách mạng miền Nam cũng không có thời gian để tổ chức chu đáo guồng máy cai trị. Dưới Sài Gòn súng đã nổ, quân đội Pháp đã theo chân quân Anh vào đất cũ. Từ đó, những chuyện lộn xộn bắt đầu xảy ra, giữa chính quyền Cách mạng và quân đội Pháp. Dân chúng sôi sục căm thù, muốn dùng sức người để tiêu diệt đoàn quân Cécile với súng ống tối tân, máy bay, xe tăng nồm nợp. Còn quân Nhật tuy bại trận nhưng vẫn còn đủ sức mạnh để làm khó chính quyền Cách mạng lúc đó.

Mai Trang đến thăm Luân trong một hoàn cảnh không mấy thuận lợi. Qua câu chuyện, Luân mới biết nàng là cán bộ Việt Minh "nằm vùng" trong lòng địch. Nếu quân Nhật không bại trận sớm, có lẽ nàng đã bị "*Kem-pei-tai*" bắt. Mai Trang ngỡ ý mời Luân tham gia Ủy ban, nhưng Luân e dè. Nhân dịp này, nàng cũng cho Luân biết luôn thân thế mình. Mai Trang cô gái miền Nam, ra Hà Nội học ở Couvent rồi lấy chồng làm Tham Tá, người Bắc. Lấy nhau 6 năm, chưa sinh con, theo tục lệ cổ, gia đình bắt chồng nàng phải lấy vợ lẽ, để có người nối dõi. Nàng không chịu, đành ly dị, tuy hai vợ chồng vẫn yêu thương nhau. Bây giờ nàng cô đơn, hoàn toàn cô đơn trước cuộc đời này.

... *Mai Trang chột rùng mình. Giọng nàng nhỏ lại như một hơi thở, run run:*

"Trang thấy lạnh lạnh. Mát hết cả rồi. Tuyệt vọng rồi. Còn dè dặt để đợi chờ gì nữa? Luân, anh hãy ôm vai Trang đi. Trong năm phút".

Luân nhìn Trang, bỡ ngỡ vì lời đề nghị bất ngờ.

"Kìa, Trang bảo thật mà. Vas-y mon enfant, ne fais pas l'idiot".

Luân quàng tay ôm Mai Trang. Nàng ôm choàng lấy Luân, siết chặt giữa vòng tay rồi gục đầu vào vai chàng. Ngón tay Luân bấm vào vai, vào lưng. Thịt mềm, ấm dưới ngón tay. Mùi thơm của tóc, của phấn, của làn áo mỏng làm chàng ngây ngất. Mai Trang ngẩn mặt lên. Đôi mắt nàng ướt đầm:

"Anh hôn Trang đi. Hôn cho rõ dài".

Luân cúi xuống hôn trên đôi môi...
(*Hoa bướm bướm*, trang 86-87)

Câu chữ Pháp, Mai Trang dùng để ra lệnh cho Luân, vừa yêu mến vừa trịch thượng, nhưng sở dĩ nàng phải dùng nó, nhằm che lấp sự trợ trên của ngôn ngữ. Đoạn văn trên, rất hiếm hoi trong các tác phẩm của Võ Hồng. Nó được ghi nhận như một ngoại lệ.

Không khí sinh hoạt của dân chúng thị xã Đà Lạt như ứ nghẹn bởi sự đe dọa của chiến tranh Pháp - Việt. Các thanh niên bắt buộc phải tập quân sự và tham gia đoàn tự vệ. Các công sở lặng lẽ rời thành phố. Dân chúng đã được lệnh tản cư. Có người quá nghèo không còn tiền để sinh sống nên vấn đề tản cư làm họ lo lắng, nếu không đi, bị coi là Việt gian tính mệnh khó mà an toàn. Võ Hồng đã viết rất đúng tâm trạng và hoàn cảnh xã hội trong giai đoạn ấy, dù hoàn cảnh được thu hẹp trong một gia đình:

... *Anh bếp cũ của nhà Quỳ, gập nàng bệu bạo khóc:*

"Dù có lệnh tản cư nhưng nhà cháu nghèo quá, lấy tiền đâu mà mua vé tàu ra Bắc cả gia đình. Còn nếu ở lại, thì thành Việt gian cũng chết".

Bà nội nhất định không tản cư.

"Con bảo nội tản cư về đâu bây giờ? Quê hương ở dưới Tân Châu, Hồng Ngự mà bây giờ về đó sao được? Giặc đã dậy ở dưới đó rồi. Chạy xuống trại hầm, trại mát thì nội ở nhờ nhà ai? Thôi nội cứ ở đây".

"Nhưng ở đây người ta bảo là Việt gian".

*"Nội già rồi. Làm Việt ngay hay Việt gian gì cũng được".
(Hoa bướm bướm, trang 97)*

Bà cụ nhất định không đi chỉ vì sợ cảnh ăn nhò, ở đậu khổ lắm, không chịu nổi. Giữa lúc ấy, Quỳ đang bị ban Đặc vụ theo dõi vì nàng tiếp tế cho Caroline ở Cité Decoux, trại tập trung người Pháp dưới thời Nhật. Mai Trang lại hiện ra cứu nàng, bằng cách bảo làm đơn xin gia nhập Đoàn nữ cứu thương. Hai ngày sau, Quỳ đã mặc *blouse* trắng với chữ thập đỏ trên mũ.

Tình hình căng thẳng, mọi người lũ lượt ra khỏi thành phố, trong đó có Luân. Cái cảnh tản cư lê thê, lếch thếch, đi chỗ này, nghe tin địch đánh chỗ kia với tâm trạng vô cùng hoang mang. Những ngày tản cư là những ngày sống tạm với nhiều lo âu phiền muộn cho mỗi số phận, mỗi gia đình. Nhất là tản cư ở vùng rừng núi càng chán. Chẳng biết làm gì kiếm sống, ngày ngày nhìn rừng núi, đêm đêm nghe hổ "à ùm, "lép lép" với vượn kêu, chim hú, muỗi, vắt như châu làm sao chịu nổi?

Luân được mời tham gia vào Ủy ban Cách mạng vì chàng quen biết lớn với quân Nhật khi còn ở Tòa Tổng Đốc. Người ta mời Luân, nhằm để giải quyết các khó khăn giữa tàn quân Nhật và Ủy ban trong vấn đề đặng chạm về quân sự. Luân nhận lời, để tránh những ngày tản cư buồn nản.

Thị xã Đà Lạt thật sự đi vào không khí chiến tranh. Quỳ đã vượt thoát được nguy hiểm qua bốn trạm kiểm soát của quân Nhật. Nàng phải hóa trang thành cô gái nghèo khổ, lem luốc để tránh sự háo sắc của lính Nhật. Nhưng không may cho Quỳ, khi đến trạm kiểm soát của bên ta, nàng bị giữ lại, do lệnh của Ban Chỉ huy. Cuộc điều tra được thực hiện với những câu cật vấn như bắt buộc phải nhận tội. Quỳ choáng váng vì không ngờ sự tình có thể xảy ra như vậy. Chuyện nàng mua giùm thức ăn cho Caroline, chỉ do tình thương đối với người bạn học, hơn nữa, việc đó ở dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim, nay người ta khép tội nàng tiếp tế cho địch, trong khi nàng vì Cách mạng ra khỏi thị xã.

Khi cuộc chiến mới bắt đầu, vấn đề kiểm soát thật gắt gao đối với người thành phố. Mặc chiếc áo popeline có hai sọc xanh đỏ, mang một tấm gương nhỏ soi mặt, cũng đủ yếu tố kết tội làm do thám cho địch.

Cái cảnh xử tử Việt gian trong thời kháng chiến được Võ Hồng viết thật xúc động. Nó như bản cáo trạng. Nó thảm thiết và tàn nhẫn. Nó là số đông mù quáng:

... Hôm đó là chiều Chủ nhật, các nhân viên nghỉ việc, phòng giấy đóng cửa. Một người đội viên nói với bạn đồng đội:

"Hôm kia mình mới đi coi xử tử Việt gian".

"Xử ở đâu?"

"Ở bãi cỏ sân vận động dưới Dran. Thằng cha can tội lừa bò về bán cho Pháp. Nó khôn, lừa đi toàn bằng ngà Ankroet. Bị đặc vụ của ta bắt dẫn về dưới này. Ban Chỉ huy Mặt trận xử tử".

"Nó có sợ không?"

"Sợ như cha chết. Dẫn nó ra cột ở cây xử bắn, nó khóc lặc giọng, khản tiếng. Giọng nó khan

đặc và cứ gào: Trăm lạy chính phủ! Chính phủ tha con. Trăm lạy đồng bào, đồng bào xin giùm với chính phủ tha cho con, con đội ơn đồng bào. Con đội ơn chính phủ".

"Đồng bào đi coi có đông không?"

"Đông như kiến... Lần đầu tiên xử bắn mà!"

"Nó lạy đồng bào rồi đồng bào nói sao?"

"Mỗi lần nó kêu khóc nhờ đồng bào xin giùm với chính phủ thì đồng bào lại hô to: Bắn! Bắn!..."
(*Hoa bướm bướm*, trang 126)

Đó, cái mạng con người trong chiến tranh nó như vậy và tòa án nhân dân chỉ tượng trưng cho một quyết định đã xếp đặt trước.

May mắn, Quỳnh được tha để sung vào Ban Tuyên truyền, vì họ đang cần một người giỏi Pháp ngữ để phiên dịch tài liệu. Luân có lại thăm Quỳnh trong trại giam một lần. Vì cơ sở ở gần nhau, nên họ thường gặp. Sự hiểu lầm giữa hai người lúc trước, đã dần dần tan biến. Tên Đạo, Trưởng ban Tuyên truyền mê Quỳnh, nằng nói chuyện này với Luân. Quỳnh ghét Đạo, nhưng vẫn phải làm việc dưới quyền hắn. Luân cảm thấy bâng khuâng vì bắt đầu yêu Quỳnh thầm kín. Quỳnh cũng vậy, nhưng khi nói chuyện nằng vẫn gọi Luân bằng ông, xưng em. Một buổi chiều, Đạo giữ Quỳnh ở lại bàn giấy vì lý do công tác, nhưng mục đích để tỏ tình. Quỳnh chống cự. Đạo toan dùng bạo lực, Luân chọt vào. Đạo căm thù, tìm cách đưa mỗi người đi một ngả. Luân ở lại với toán liên lạc. Quỳnh theo cơ sở đến Tháp Chàm.

Trong mấy ngày Luân công tác đặc biệt tại Fimmon để điều đình với quân Nhật về vụ Vệ Quốc bắn chết tên lính Nhật, Mai Trang tìm đến chỗ ở của Luân. Không gặp, nằng viết thư để lại. Nội dung lá thư đầy lời lẽ âu yếm và nói sơ qua về đời sống với gian truân, cũng tỏ ý lo ngại cho số mệnh Luân. Trang đã yêu Luân thật rồi.

Những ngày chịu áp lực quân sự nó nặng nề hơn cả khi giao chiến. Con người sống với lo âu, chán nản. Túng thiếu, bệnh tật luôn luôn đe dọa. Súng đạn như chờ sẵn để kết liễu đời mình. Mới khởi đầu chiến tranh mà thương binh đã thiếu thuốc men, ngác ngoài trong tay tử thần. Những thanh niên yêu nước gục ngã mỗi ngày. Tin tức mặt trận đưa về, chẳng mấy khích lệ. Tiếng súng đến đâu, Ủy ban và dân chạy đến đấy. Từng đêm đen dày đặc giăng ngang tầm mắt mỗi người lìa quê hương, lìa thành phố với tiện nghi quen thuộc.

Rồi định mệnh đẩy đưa, Luân lại gặp Quỳnh ở một sân ga, khi toàn bộ cơ sở rút khỏi tầm đạn. Luân đã mệt mỏi, Quỳnh cũng mệt mỏi. Nhiều người mệt mỏi, dù mới phiêu bạt mấy tháng. Nhưng tình yêu làm tuổi trẻ dựa vào nhau mà sống, mà tin tưởng. Hai bàn tay lỏng quắt trong đêm tối với hơi nóng thân xác tỏa ra làm tan đi giá lạnh đêm dài lưu lạc.

Mai Trang đã xuôi về một làng miền biển. Nằng mua đĩa cá tạo phương tiện sinh sống. Quân Pháp chiếm dần từng nơi, như vết dầu loang. Trang nghe tin Luân chết trận, nhưng không đúng. Một chiều, Luân và Quỳnh gặp lại Mai Trang. Cả ba đều mừng rỡ. Câu chuyện vui buồn, gian khổ vì chiến tranh được kể lại. Những người chạy loạn bắt đầu túng thiếu vì chỉ ăn mà không sản xuất. Đồ quý giá bán dần mòn cũng hết, kể cả áo quần. Thuốc lá thơm, cà phê phê phởn trong những ngày đầu tản cư, bây giờ không còn. Có người phải giã gạo thuê đổi lấy miếng cơm. Có người xoay xở buôn bán quanh quẩn để sống qua ngày. Cuộc chiến chẳng biết đến bao giờ chấm dứt. Chiến tranh không những làm chết người ở tiền tuyến, còn ở hậu phương, chết vì ốm đau thiếu thuốc, thiếu cơm. Nghiêm, một nghệ sĩ 22 tuổi đời, chết chẳng

trối trắng một lời, sau những ngày nằm bệnh. Bốn nhạc sĩ đã khiêng chiếc quan tài ra khu đất trống đầu làng, nơi trẻ vẫn thả bò ăn cỏ rải rác trên những ngôi mộ cũ.

Võ Hồng viết đơn sơ nhưng vô cùng mê thiết. Thân phận con người trước súng đạn như thế đó. Nếu chàng nghệ sĩ 22 tuổi đời kia sống ở nơi có đầy đủ thuốc men, hoặc được nuôi dưỡng tử tế chắc thoát khỏi lưới hái tử thần. Thằng hoặc, nếu vì đoàn số, ít nhất, anh ta cũng không đến nỗi mang xuống tuyền đài sự căm nín đau buồn như vậy!

Những ngày Quỳ và Luân sống với Mai Trang thật thần tiên. Mai Trang lo liệu chu đáo vì yêu Luân. Nhưng đau thay, một tối nàng đã nhìn ra sự thực. Trong đêm vắng, dưới bụi chuối, Luân ghì chặt Quỳ giữa vòng tay, và cánh tay Quỳ cũng như những sợi dây leo quấn chặt lấy thân xác đàn ông. Thế là hết! Bao nhiêu yêu dấu, vỡ về cũng bằng thừa. Mai Trang thua cuộc, nhưng vì lòng quảng đại, đã giúp hai kẻ yêu nhau vượt thoát được hoàn cảnh, một hoàn cảnh khôn khó trong lúc chiến tranh tràn vào khu vực Phương Cựu, nơi họ đang có mặt. Hành động tàn bạo của quân Pháp như hiếp dâm, đốt nhà được nhà văn mô tả rất sát, rất sinh động làm người đọc vừa hứng thú, vừa tức giận, oán thù!

Luân và Quỳ đã thoát, diu nhau đi vào khung trời tình ái với mận nồng hoa bướm ở phương nào đó, chiến tranh chưa in dấu. Còn Mai Trang, nàng dần thân vào cuộc chiến để tìm quên, có lẽ.

Hoa bướm bướm, tác phẩm đã lấy giai đoạn đầu của cuộc chiến địa phương làm bối cảnh, ở đó, nhà văn phác họa những nét chính và sử dụng những mẫu người tượng trưng cho mỗi thành phần xã hội lúc ấy. Võ Hồng viết rất nhiệt tình, trung thực. Với cái nhìn tinh tế và trí xét đoán minh bạch nhằm mục đích đưa người đọc tìm về quá khứ oai hùng nhưng đau xót, qua nhiều đổ vỡ, qua bao nhiêu xác người trai trẻ gục xuống, bao nhiêu dòng lệ đã tuôn trào! Có điều đáng tiếc, nhân vật Mai Trang quá lý tưởng, và sự có mặt của một bóng đàn ông trong buổi tối ở nhà nàng ở làng Phương Cựu, dù hình ảnh này chỉ được dùng như biểu tượng Cách mạng, nhưng nó không đủ chứng minh sự dần thân của Mai Trang vào "tổ chức" qua lá thư cuối sách. Vả lại, nếu Mai Trang đã "hoạt động bí mật" cho Mặt trận từ hồi Nhật, trên thực tế, ai cho phép nàng có được một thời gian tương đối thanh thản để mơ mộng, rượt bắt tình yêu? Sự việc tuy nhỏ nhưng có thể vì nó, cuốn sách mất đi một phần tác dụng.

Võ Hồng lúc nào cũng bị quê hương, chiến tranh bủa vây suy nghĩ. Cũng chính ở môi trường này, Võ Hồng viết thoát và đạt nhất. Nó là mảnh vườn màu mỡ nhưng có nhiều gai nhọn mọc ngầm dưới thớ đất, đôi khi làm đau chân người chăm bón. Chuyện quê hương và chiến tranh đã hai mươi lăm năm rồi, nước Việt Nam bất hạnh đã kinh qua quá nhiều đau khổ, quá nhiều tan nát. Những con người may mắn thoát chết, nhìn trở lui con đường đã đi, không khỏi kinh hãi, nhưng nó vẫn đủ sức làm mình nhớ thương vơi vơi. Nó đã ghi dấu khoảng đời đẹp nhất của tuổi hoa niên. Cuộc chiến ngày hôm qua, còn ướt đẫm máu người dân vô tội, kéo lê trong hồn những lần roi khổ nhục. Hôm nay, cuộc chiến còn đó, súng đạn còn đây, tan vỡ còn đây, chỉ thay đổi mục tiêu, đối tượng. Người dân Việt Nam qua mấy lần đau thương, nên chẳng còn gì để đau thương hơn nữa. Nó đã chai sạn trong trí não. Nó băng giá trong mọi suy nghĩ về số phận làm người. Cuộc chiến hôm qua, để đuổi quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, khôi phục nền độc lập cho dân tộc. Cuộc chiến hôm nay, sự tranh thủ giữa hai ý thức hệ trong một quốc gia. Nhưng dù nội dung cuộc chiến có vì gì đi nữa, trên thực tế, hình thức của nó vẫn là trò chơi tàn bạo, lấy cái chết mặc cả sự sống!

Truyện *Bên đập Đòng Cháy*, in trong tập *Những giọt đắng* (1969) đã nói lên trọn vẹn nỗi lòng người dân quê nước Việt. Mặt trận tràn lan, bom đạn liếm dần vào ruộng vườn, làng mạc. Thân phận mỗi người tùy thuộc vào may rủi, muốn an toàn tính mệnh bắt buộc phải rời bỏ nơi chôn

nhau cất rốn. Sống, ai cũng muốn, mà xa lia mái nhà yêu mến với nhiều kỷ niệm chẳng ai nỡ. Sự giằng co, níu kéo như một cực hình vô xé nội tâm con người. Bà Xự trong truyện *Bên đập Đồng Cháy*, nạn nhân của sự giằng co đó:

... Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má.

Bỏ nhà bỏ cửa mà đi. Bỏ ruộng nương, bỏ vườn tược, bỏ khúc sông và cái bến nhỏ này mà đi. Không, tôi không muốn đi đâu hết. Năm mươi tuổi trên đầu rồi, tôi muốn ngồi yên một chỗ, nằm yên một chỗ mà chết cũng được. Chết là gì? Nhắm hai con mắt lại, nhẹ nhàng buông xuôi hai tay. Khỏi đi cấy. Khỏi cầm quạt gié lúa. Khỏi phải gánh nước đổ vào chum. Khỏi quơ củi nhay vào bếp. Khỏi làm khô ăn khô lo khô tính. Thôi cứ để cho tôi chết. Bà con cứ đi đi. Tôi lớn lên ở trên mảnh đất này, bắt đầu ngắt lá táo, lá keo bỏ vào mẻ sành mảnh chén làm trò chơi nấu cơm với chị em bạn. Rồi cúi lưng xuống tập quơ cỏ lúa, cầm cái cuốc nhỏ tậ dầy cỏ bắp. Đợi thúng đi mót lúa, ôm cái rổ đi mò ốc.

Không, không. Tôi muốn chết trên mảnh đất này...
(*Những giọt đắng*, Bên đập Đồng Cháy, trang 79-80)

Muốn chết ở trên mảnh đất này, mảnh đất đã chứng kiến thân phận mình từ thuở sơ sinh đến bây giờ. Nhưng ngoài kỷ niệm trên, đích thực còn có ám ảnh khôn nguôi khác. Bên đập Đồng Cháy, bà đã gặp ái tình. Năm Xự đã cho bà những giây phút đắm say của thời con gái, khi còn mang tên Lụa. Biết đến bao giờ bà mới quên được, một buổi xế chiều êm đẹp, bà đang cắt cỏ ở bờ soi mía kia. Gió đồng thổi thổi vật vã những thân mía như thổi vào lòng tuổi trẻ niềm yêu và Năm Xự đẹp trai, khỏe mạnh, có đôi lông mày đen rậm đã làm xiêu lòng trinh nữ. Rồi từ đấy hai tâm hồn kháng khí. Hạnh phúc lứa đôi dịu họ đi vào vùng trời ân ái. Nhưng uổng thay, số Lụa lận đận, chỉ một trận cảm thương hàn Năm Xự chết! Lụa ở vậy nuôi con khôn lớn, mong sau có phận nhờ. Thằng Xang lớn lên, cầm cày thay bố, không thích lấy vợ, tuy bà Xự muốn nó yên bề. Đến tuổi, thằng Xang đi quân dịch. Ở nhà, bà Xự tính mua hoa xoan, đợi ngày nó mãn lính. Nhưng hỡi ơi! cây xoan trước cửa nhà mới nở hoa một lần, nó đã gục ngã nơi chiến trường vì bị phục kích ở Phù Cát. Thế là hết, bà Xự chẳng còn gì để mong đợi, hy vọng! Do đó, mảnh đất này dù có thành bãi chiến trường, thân xác dù có tan hoang, nát bấy vì bom đạn, bà vẫn cứ ở lại chôn đây với đối với và kỷ niệm. Bà Xự đi tìm kỷ niệm thật. Bà trở lại đập Đồng Cháy, chỗ hẹn hò thuở ban đầu, nơi bờ soi, bên đập nước, có hai mái đầu xanh kề nhau tình tự:

... Bà Xự chợt nhìn xuống lòng nước, soi thấy bóng mình. Hình ảnh cô Lụa tan biến vun vút.

Hết rồi! Hết rồi! Không! Tôi không đi đâu hết. Tôi đã mất hết cả rồi. Tuổi xuân xanh. Chồng tôi. Con tôi. Chỉ còn đập nước này mà tiếng ào ào tuôn đổ không hề thay đổi. Nó đã nhìn thấy tôi tóc đen mượt và má tròn phúng phính. Nó đã nhìn thấy tôi trẻ đẹp và được thương yêu. Chỉ có nó. Nó nhắc nhở đến chồng tôi. Đến hạnh phúc của tôi. Mọi người khác đều nói: Chiến tranh. Chạy giặc. Súng nổ. Bệnh. Đói. Chết... Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ.

... Thôi bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tôi nghiệp thân tôi. Tôi đã...
(*Những giọt đắng*, Bên đập Đồng Cháy, trang 98-99)

Bà Xự tự chọn cho mình cái chết ở nơi mà thiên nhiên đã cùng bà tạo nên nhiều kỷ niệm nhất. Trong khi ấy, đoàn người tản cư chạy dón dác ra khỏi vùng lửa đạn. Nhưng dù nguy hiểm, không ai nỡ bỏ bà Xự, họ quay lại tìm, gọi. Tiếng gọi của họ bị khóa lấp vào tiếng bom và tiếng đập nước đổ ào ào! ...

Võ Hồng vì đã phiêu bạt trong cuộc chiến quá lâu, nên những gì viết ra đều căn cứ một phần vào sự thực. Đi từ những sự thực, nhà văn dần trải suy tư của mình trên mặt giấy. Mỗi chữ Võ Hồng viết về chiến tranh như một giọt đắng. Giọt đắng ấy thấm dần vào hồn người làm ngất ngư hình dáng cuộc đời!

Trong những ngày dài kháng chiến, không phải lúc nào nhà văn cũng được ưu đãi và hoàn cảnh cho phép thành thời suy nghĩ. Đi kháng chiến, không phải ai cũng là "đảng viên" mà đa số vì lòng yêu nước, muốn đóng góp chút gì cho dân tộc, để khỏi thẹn với lương tâm. Tác giả đã dạy học, đã tham gia tổ chức, nhưng một ngày, chính phủ chủ trương biên chế mới, nhà văn bị đẩy ra ngoài "cuộc chơi". Trong lúc bơ vơ chờ học nghề mới kiếm sống, nhà văn được một gia đình học sinh cũ, mời về tá túc. Thân phụ học sinh, trước làm Chánh Tổng, giàu có, tính tình phóng khoáng hào hiệp, nhưng sau những năm "ủng hộ" cũng chẳng còn gì ngoài cái xác dinh cơ rộng lớn. Người học trò cũ, tên Phùng đã đi bộ đội và chiến đấu ở Đông Miên, Hạ Lào gì đó. Ông Chánh tiếp đãi nhà văn rất tử tế vì tình sư đệ với con ông một phần, một phần đồng cảnh ngộ. Ông bị chính quyền cô lập vì thuộc thành phần địa chủ, còn nhà văn bị gạt ra ngoài vì "biên chế":

... Ông Chánh bảo tôi:

"Thầy ở đây chơi, bao lâu cũng được. Chỗ này quê mùa, ăn tiêu ít tốn kém. Chỉ cần có gạo và mắm".

"Tôi còn đủ sức để mua được gạo".

"Thầy ăn mỗi tháng cho mạnh nhất là bốn gia lúa. Nhiều lắm thì sợ tôi không kham nổi chớ bốn gia, tôi có thể giúp thầy".

"Cám ơn ông, nhưng xin để tôi tự lo liệu phần gạo mắm".

"Trước ngày Cách mạng thì tha hồ, nhà tôi có thể cung phụng cho mười người một lúc cũng không nao núng. Nhưng bây giờ thì phần lúa giảm tở, phần ruộng bỏ hoang vì nông dân ly khai nhập bộ đội thiếu người canh tác".

... Rau cỏ thì dễ. Người ta thường dùng củ mì hay khoai lang nấu ghé với cơm. Có ăn ghé như vậy một thời gian rồi được ăn bữa cơm mùa – nghĩa là cơm nấu toàn gạo – mới thấy ngon... (Trầm mặc cây rừng, trang 178)

Trên thực tế, nhiều vùng trong nước, quanh năm đói kém, phải ăn cơm trộn ngô khoai là thường, nói chi đến giặc giã. Nhưng gia đình ông Chánh thuộc giai cấp phú hào, nên chuyện thiếu thốn là điều cực nhọc. Trong thời gian dài thất nghiệp, ngày ngày nhìn xung quanh dãy núi cao chón chở bao vây, nhìn thân cây bồ hòn cao vút với những tổ quạ, tổ ác lót bằng những chà cây lồi sồi, nhìn từng buổi chiều đi cô đơn, nhớ quê hương cách trở với lo sợ tương lai trước mặt.

Nhưng một buổi, người con gái quê mùa hiện ra như niềm an ủi. Tình yêu len nhẹ nhàng vào hai tâm hồn, thứ tình yêu ỡm ờ chỉ nhìn bằng mắt và nói chuyện băng quơ. Thịnh, tên cô gái, con bà Chức Bẩy, có quen với gia đình nhà văn. Thịnh có học đôi chút và trời phú cho thông minh nên lời nói ngụ nhiều ý tứ, khác hẳn với các cô gái cùng vùng. Nhà văn càng lúc càng lâm vào thế kẹt của sinh sống, phải bán cả đồng hồ tay và có ý định hồi cư. Thịnh biết chuyện nên buồn.

Tết năm đó quân Pháp mở chiến dịch lớn tấn công tỉnh Phú Yên, Đèo Cả và mặt Tây Nguyên. Nhà văn đeo ba-lô tìm đường tháo chạy theo đoàn cán bộ xã. Quân Pháp đánh bất ngờ làm mạnh ai nấy trốn, nhà văn không có dịp chào Thịnh một câu, một câu thôi, vì tự thâm tâm, mình đã yêu nàng, chắc Thịnh cũng vậy. Có ngờ đâu, cuộc chạy giặc đưa nhà văn về thành. Từ đấy, nhớ thương vời vợi. Ít lâu sau, vùng đất của Thịnh bị khuất phục dưới sức mạnh của súng đạn. Một hôm, ông Chánh đưa vợ vô Sài Gòn chữa bệnh ghé thăm, kể chuyện quê hương, có nói về Thịnh. May quá, nàng chưa lấy chồng. Nhà văn gửi quà: một xấp hàng vải, gương lược và nhiều lọ nước hoa!... Thương nhớ theo thời gian lãng đãng!...

Chẳng may, vợ nhà văn mất vì chứng hoại huyết, sau ba tháng nằm bệnh. Không chịu được cảnh chăn đơn gối chiếc, sau ngày đoạ tang, nhà văn nghĩ đến một người đàn bà. Có nhiều đàn bà được giới thiệu nhưng Võ Hồng chỉ nghĩ đến Thịnh, cô gái quê chất phác:

*... Trong những hồi cô đơn, tôi hay nghĩ đến Thịnh. Tôi còn nhớ tâm hồn tươi mát của nàng, yêu dao động và không đòi hỏi quá nhiều ở cuộc đời. Nàng sống hiền hòa thanh thản và tôi muốn đem những tiện nghi hiện tại có được chia sẻ cùng nàng. Tôi cảm thấy cuộc đời của tôi sẽ được bình ổn hơn. Tâm hồn trong sáng yêu đời mang lại cho nàng một năng lực tự tại khó lay chuyển... Sống giữa một vùng rừng núi xa xôi, tôi có cảm tưởng nàng chịu ảnh hưởng cái vóc dáng uy nghi của thiên nhiên hoang dã và nét uy nghi đó in dấu trên mọi cử chỉ nhỏ của nàng. Tôi yêu quý sự nghiêm cẩn trì trọng đó của loài đá tảng, của thân cây rừng hơn là sự bén nhạy linh hoạt của giống lau sậy...
(Trầm mặc cây rừng, trang 193)*

Nhưng tiếc thay, mơ ước của nhà văn không thực hiện được, vì sống ở đời, mỗi người đã được an bài theo cung số, do đó mới có đau khổ và oan trái. Tuy đã lấy chồng, nhưng Thịnh còn đó, nhớ thương còn đó, mặc cảm nghèo hèn và định mệnh đã đẩy nàng vào khung trời khác, vĩnh viễn thành một kỷ niệm in dấu trong tâm hồn. Thịnh nghĩ mình quê mùa nên sự gặp gỡ ngày trước đối với nàng chỉ là ước mong trong tuyệt vọng. Những giọt nước mắt không phải để chứng minh lòng thương yêu, mà để tiễn đưa cuộc tình chết yểu với hồi tiếc ngàn năm!

Võ Hồng, nhà văn tình cảm. Tất cả mọi suy nghĩ, dù nhớ thương sâu hận, dù căm thù uất ức, bao giờ sự việc cũng do tình cảm hướng dẫn chớ không bởi lý trí. Người ta thường cho rằng, các văn nhân thi sĩ đều là những người nhiều cảm tính, nhờ đấy họ mới biết rung động trước mọi nghịch cảnh do cuộc đời hoặc thiên nhiên đẩy tới, cộng vào sự hiểu biết riêng tư, mới tạo nên tác phẩm. Điều này chỉ đúng một nửa. Nghệ thuật hôm nay, đòi hỏi nhiều hơn thế. Nó không còn là những rung động tâm thường và ước lệ. Nó khơi động tự chiều sâu ý thức, bắt mỗi người làm văn học nghệ thuật phải tra vấn lương tâm, phải suy luận về mỗi dữ kiện được trình bày, phải có một chức năng và nhiệm vụ trong cung cách sinh hoạt văn nghệ. Nó chính là ý thức đời sống trên đời sống vậy. Vì thế, sứ mệnh của văn nghệ không còn nằm ở môi trường riêng biệt thuộc tâm cảm, nó tỏa rộng trong đời sống thứ hai, ở đó, người nghệ sĩ đóng vai trò điều hợp.

Tác phẩm *Như cánh chim bay*, là sự tiếp nối lịch sử dân tộc đã được Võ Hồng khơi động trong *Hoa bướm bướm*. Đời sống của các nhân vật như Luân, Quý, Tịch, v.v. lại trình diện độc giả với hoàn cảnh khác, ở đây, mỗi số phận như bị ném vào một môi trường không mấy khích lệ. Trong *Hoa bướm bướm* nhà văn mới đề cập tới giai đoạn đầu cuộc chuyển mình của lịch sử và bối cảnh chiến tranh chỉ được dàn trải trong một kích thước tương đối nhỏ. *Như cánh chim bay* diễn tiến trong khung cảnh bề thế hơn, vì cuộc chiến không còn nằm ở phạm vi cục bộ. Ở tác phẩm này, Võ Hồng viết công phu, nghiên cứu kỹ về khía cạnh tâm lý cũng như hoàn cảnh, vị trí của mỗi phần hành có mặt trong những trang sách. Cái trục chiến tranh đứng sừng sững như uy quyền Cách mạng bắt mọi số phận phải chấp nhận dù muốn, dù không.

Luân tượng trưng cho lớp trí thức trẻ, tuy không dấn thân vào Cách mạng, nhưng sẵn sàng thi hành một cách nghiêm chỉnh phần vụ của mình, dù cho phần vụ đó chẳng phải điều mơ ước. Quỳ, cô gái học trường đêm, khi trước, nói chuyện bằng tiếng Pháp gọi người làm trong nhà là "La nhà quê" để tỏ ý khinh bỉ, thuộc thành phần giàu có trong Nam, nay bỗng nhiên phải gánh chịu cùng với Luân, những khốn khó của chiến tranh, tuy không nói ra, nhưng chắc chẳng vui gì, dù có tình yêu hỗ trợ. Còn nhiều khuôn mặt khác nữa, tác giả đưa lên rồi xóa đi sau khi "nó" đã thi hành xong phần vụ. Nó như những chiếc bong bóng bơm hơi khinh khí, bay lên, bay lên đến độ cao nào đó, sức ép sẽ làm nổ tung, không để lại vết tích nào. Người đọc bắt gặp những chiếc bong bóng ấy bay rải rác đó đây, chờ lúc người đọc sơ ý, nó biến mất như những bóng ma. Võ Hồng viết *Như cánh chim bay* rất sống động, sâu sắc. Từng niềm đau được nghĩ tới, nói tới, vừa đủ để người đọc cảm thấy có chứ không vì nó mà bài hoại ý nghĩ. Võ Hồng cũng không quên vẽ vài nét tươi vui, dí dỏm để làm vui nhẹ cái u uất, bi phẫn của mỗi trạng huống khốn khó, đang bủa vây những thân phận trong cuộc chiến cũng như tình yêu. Nội dung tác phẩm *Như cánh chim bay* đặt nặng về phần vụ công tác Bình dân giáo dục. Có lẽ, nhà văn đã hoạt động cho nó, vì nó, suốt thời gian kháng chiến, nên vấn đề được trình bày thông suốt, khúc chiết, chẳng những ở nhân vật mà còn ở lề lối hoạt động dưới hệ thống chỉ huy của Trung ương. Các vấn đề khác như quân sự, kinh tế, chính trị, tôn giáo, v.v. được đề cập vừa đủ, hầu chỉ để chứng minh cho mỗi sự việc ở hoàn cảnh chung, đã tạo nên hành động. Người đọc tin rằng, những ngày phiêu bạt trong kháng chiến đã giúp vốn cho nhà văn rất nhiều, tuy rằng câu chuyện và sự tình cũng chưa vượt ra ngoài kích thước hạn định nơi quê nhà yêu dấu!...

Chính vì viết về nơi mình đã sống từ ấu thơ đến trưởng thành nên nhà văn thuộc lòng từng địa danh cũng như nếp sống địa phương. Yếu tố này giúp Võ Hồng kinh qua được rất nhiều trở ngại trong vấn đề điều khiển nhân vật và dàn trải không gian.

Luân và Quỳ ở đoạn kết trong *Hoa bướm bướm* đã rời Phương Cựu – vùng chiến trận – bằng đường biển. Luân đưa Quỳ về nhà mình ở vì nơi đây tương đối còn yên ổn. Cuộc chiến vẫn lắng xuống. Tin đồn lúc đánh, lúc đàm. Hội nghị Đà Lạt và Fontainebleau vẫn được khai diễn. Quân Pháp không từ bỏ mộng xâm lăng nên tìm đủ cách gây khó khăn cho Chính phủ Cách mạng bằng chính trị và quân sự. Cuộc sống ở những vùng chưa có khói lửa cũng được điều hành theo quy tắc cách mạng. Công tác phát triển Đời Sống Mới trong các thôn ấp được áp dụng triệt để qua việc bài trừ mê tín dị đoan, gây ý thức vệ sinh chung trong làng xã. Luân sống trong hồi hộp, lo âu vì là con địa chủ lại thuộc thành phần trí thức. Cách mạng không mấy ưa thành phần này. Luân và Quỳ mỗi người ở mỗi nơi, thỉnh thoảng ghé thăm nhau. May mắn, Luân gặp Bường, đang giữ công việc Hiệu trưởng Trường Lục quân Trung học Ngân Sơn. Bường mời Luân hợp tác. Để tránh sự nghi ngờ, chàng giúp Bường một thời gian. Sau đó, vì một tai nạn xảy ra tại Trường Lục quân, Luân chuyển qua làm Trưởng ban Bình dân Học vụ Huyện và sau này giữ chức vụ Trưởng Ty. Ông Chánh muốn Luân lấy cô Tuyền, con gái ông Ấm giàu có vì hai nhà đã có giao ước với nhau từ trước. Luân không chịu. Ít lâu sau, đám cưới giữa Luân và Quỳ, do ông chú ruột đứng làm chủ hôn. Tuy đã lập gia đình, nhưng Luân phải theo cơ quan di chuyển để bảo toàn bí mật và tránh mặt trận. Rồi những chuyện rắc rối về tình cảm giữa Nương và Phượng. Quỳ sống trong hạnh phúc nhưng lòng vẫn nhớ thương thành phố cũ. Quỳ được các cán bộ địa phương quý mến vì uy tín của Luân, hơn nữa, nàng vô hại. Khi sinh nở, Quỳ được săn sóc chu đáo. Đột nhiên Tịch đưa Thức (hai nhân vật trong *Hoa bướm bướm*) đến thăm. Thức, chàng thanh niên Quỳ yêu lúc trước bây giờ làm Tư lệnh phó Liên khu Bảy. Tịch xin đi theo Thức vô Nam để thăm gia đình và xem con vợ nó còn chờ mình hay lấy chồng khác rồi. Luân và Quỳ ở lại với khắc khoải. Luân lúc này đã thôi làm Trưởng ty Bình dân Học vụ, chờ ngày nhận nhiệm vụ mới bên Trung học.

Cái "trục" *Như cánh chim bay* giản dị như vậy. Nhưng bên trong cái giản dị ấy, nhà văn đã gói

ghém biết bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu mắt lưới. Ở mỗi mắt lưới lại hiện ra những sự việc, những mâu thuẫn làm câu chuyện biến đổi không ngừng lôi kéo người đọc vào ý muốn của người viết. Nhà văn đưa người đọc trở về thời gian đã mất, để tìm kiếm cái tuổi trẻ hào hùng trong lòng quê hương bất khuất. Võ Hồng viết chân thực không những với mình còn với người. Những gì được biểu hiện dưới nét bút Võ Hồng đều sống đầy đủ, nguyên vẹn. Mỗi sự việc đưa vào truyện như cuốn vào một chứng tích xác tín chứ không ngụy tạo, do đó, người đọc như bị hút vào một không khí sống động và các vai trò như chập chờn trước mặt với vóc dáng và ngôn ngữ đặc biệt. Chủ tịch Quang xuề xòa, Phó chủ tịch Trương Thực tạo vẻ nghiêm trang, xã Mãi Ủy viên tài chánh cẩn thận, tin có ma quỷ, Tràng, Ủy viên thanh niên bộ chấp, Ký, Hành và Tuyển hăng hái quá đà. Ngần ấy khuôn mặt làm sôi động hẳn những trang đầu cuốn sách trong vấn đề phát động công tác Đòi Sống Mới:

... Xã Mãi, Ủy viên tài chính đang lóc cóc gõ bàn toán miệng không ngừng đọc cừu chương: tứ thất nhị bát... lục bát tứ chi... ngũ cửu tứ ngũ ... ngừng đầu lên:

"Linh lắm mấy ông ơi! Khi khiến Tướng đi trấn đóng, thầy rót cho ly rượu đổ lên đầu Tướng rồi đưa một bàn tay tựa sau lưng Tướng, thế mà Tướng tự động lúc la lúc lắc đi ra tới phương trấn đóng của mình".

Chủ tịch xua bàn tay:

"Mê tín! Mê tín! Ủy ban phát động phong trào bài trừ mê tín dị đoan thế mà ủy viên lý luận kiểu đó thì chết. Phản Cách mạng".

"Là mình nói nhỏ với nhau nghe riêng".

Xã Mãi cười gượng:

"Vả lại chuyện gì chớ chuyện ma quỷ không tin sao được? Cái nhà từ đường ông Chánh Lộc có ma đó. Thầy Bài không tin tới nằm ngủ bị ma nó đánh bầm mình. Cậu Năm cũng không tin, tới nằm ngủ bị ma nó khiêng quăng lên quăng xuống cả đêm".

"Uờ! Biểu thôi. Tốp lại. Phản Cách mạng vừa vừa chứ".

Tràng, Ủy viên thanh niên đang nghe hào hứng chợt bị bắt tốp lại, nằn nì:

"Thầy kệ nó, Bác. Để ông Ủy viên tài chính kể tiếp nghe chơi. Đang tới chỗ hay mà. Đang hồi gay cần..."

"Không được. Ở đây nhĩ mục quan chiêm. Có muốn nghe bữa nào xuống nhà ông, ông nói cho nghe".

Vừa lúc ấy, ba người thanh niên quần vải xita xám, áo sơ-mi trắng ồn ào bước vào, lại gần bàn Chủ tịch:

"Xin báo cáo với Chủ tịch: Bọn cháu đã làm "vườn không nhà trống" cái thủ kỳ của ông thầy Ba rồi. Đêm qua ba đưa cháu lên vô nhà thầy Ba khiêng tất cả tượng đá, bài vị đem ném xuống sông hết. Còn cái chuông và cái mõ... Kỳ ơi, móc đưa cái chuông này. Còn thầy Hành, đưa cái mõ..."

(Như cánh chim bay, trang 9-10)

Kỹ thuật hành văn ở đoạn này vui vui cốt đưa người đọc đi vào những trang sau với từng sự tình khốn khó đã được ấn định trong tâm thức nhà văn. Cuộc nói chuyện đi lan man sang vấn đề thánh tổ của mỗi nghề như hát bội, hành khất, v.v. Chủ tịch Quang có bằng Tiểu học, xuất thân Đội Trạm, tức trạm phát thư dưới thời Pháp thuộc. Phó Chủ tịch Trương Thạch, nắm hết quyền hành trong xã vì còn trẻ và học hơn Chủ tịch. Phong trào phát triển Đời Sống Mới còn hào hào đốt hết tàn tích nô lệ và phong kiến như sắc Vua ban hoặc bằng Cửu Phẩm Văn Giai. Lúc phát động, có người mù chữ Nho, sợ quá, đốt cả văn tự điền thổ để phi tang. Khi biết đã muộn!

Đúng thời gian đó, Luân và Quỳ có mặt, liền bị nghi ngờ. Dù có lời xác nhận hạnh kiểm và cương vị chính trị của Phó Chủ tịch Thạch, Luân vẫn bị xã Mãi, thứ "răng đen mã tấu" buộc vào thành phần khả nghi vì Luân đã hợp tác với chính phủ Trần Trọng Kim. Còn Quỳ, được gán cho vai trò nữ gián điệp! Trong giai đoạn đầu của Cách mạng thành phần trí thức về quê, ít nhiều gì cũng bị ở vào trường hợp này, nếu không tham gia bí mật từ trước, hoặc có anh em, họ hàng hoạt động trong "mặt trận" lúc đó.

Quỳ ở An Thổ với buồn thương, lo lắng, gặp ông bà Thành Mỹ cũng ở Đà Lạt, bắt ngờ "bị tấn công" ở đấy, trong chuyến về thăm bà già, kẹt luôn. Quỳ băn khoăn nghĩ đến tương lai, không hiểu rồi cái gì sẽ đến với mình? Vì cuộc đời không phải là chiều dài của con đường, để có thể đo lường được mức đi, mức tới. Nó là một không gian có nghìn vạn ngã đi, do đó Quỳ cảm thấy choáng váng, như con chim nhỏ lạc đàn giữa bão tố. Nhưng cũng may, trong cuộc sống còn đó những người tốt như Nữ, cán bộ phụ nữ Huyện, tuy con nhà quan, nhưng sớm giác ngộ và ý thức được sự chuyển vận của lịch sử, nên tích cực phục vụ. Luân biết tâm trạng của người yêu, nên luôn luôn tìm cách an ủi, khuyến dụ bằng những lý lẽ, tuy không mấy vui tươi, nhưng thực tế: *Không còn con đường nào khác hơn là phải sống với những người làm Cách mạng một cách hồn nhiên và yêu mến cả ưu lẫn khuyết điểm của họ.* Quỳ ngoan ngoãn vâng lời như đứa con nít, tuy rằng trong lòng nàng không nguôi quên cái nếp sống quen thuộc thuở xưa, với căn phòng đầy đủ tiện nghi, với tiếng xe hơi rú mỗi lần leo dốc ngang hông nhà, và tiếng cổng sắt rít ở chiếc villa bên cạnh. Nay khung cảnh trước mặt, đối với Quỳ như một hờn tủi: cái giường tre ọp ẹp, nhà tranh vách đất và rui mè xám mốc, mạng nhện giăng lưới thả tơ đen rơi lòng thòng!...

Luân đã lao đầu vào công tác Bình dân Học vụ, sau một thời gian ngắn giúp việc điều hành tại Trường Lục quân Ngân Sơn. Công tác này ở dưới khả năng của Luân, nhưng tính vốn dè dặt, hơn nữa không phải người của "Mặt trận" nên mọi hành động, mọi ngôn ngữ, Luân hết sức giữ gìn, tránh né. Võ Hồng viết rất đúng, rất sát về tâm lý cũng như cương vị của vai trò thanh niên trí thức không đảng phái nằm trong guồng máy chính quyền Cách mạng lúc đó.

Vấn đề phát động phong trào chống nạn mù chữ, cũng có nhiều lý thú, các xã nhất tề đóng cổng đổ chữ vào ngày Rằm âm lịch. Lực lượng giáo viên được huy động đông đảo tham gia công tác. Ai không thuộc hai mươi bốn chữ cái, khỏi đi chợ. Đó là giai đoạn đầu, còn những giai đoạn kế tiếp, sẽ trắc nghiệm khó hơn:

... *Giáo Khiết thuyết trình về kết quả của biện pháp đó:*

"Quý ông tưởng tượng một chị gánh cá mù chữ từ An Ninh gánh chạy lên chợ Trùng Lương. Ở Tiên Châu chị ta gặp một cổng. Giáo viên chặn lại hỏi chữ, bắt chị học thuộc một chữ T chẳng hạn rồi mới cho đi. Lên Diêm Điền phải học thêm một chữ nữa. Giả dụ rằng chị có quen với anh giáo viên ở Diêm Điền, nhưng không sao. Lọt tới xã An Thạch thì giáo viên An Thạch đóng cổng ở nhà thờ Màng Lặng, rồi một cổng ở chợ Lò Gốm, một cổng ở cầu Phụng Lụa. Vượt qua xã An Ninh thì một cổng ở xã Long Hòa, một cổng ở Nhất Trí, một cổng ở đèo Cây Cam. Tiếp đến xã An Nghiệp lại..."

"Thế thì ươn cá của mẹ ta rồi. Về nhà chồng đánh" – lời một đại biểu.

"Ai biểu trốn học? Bình dân Học vụ đã thành lập hơn nửa năm rồi, giáo viên chỉ đóng công hai mươi bốn chữ cái. Có làm biếng lắm mới không thuộc..."

"Lỡ mẹ ta chữa đẽ hay đau bệnh nửa năm đó thì sao?..."
(*Như cánh chim bay*, trang 69)

Cuộc thảo luận bị cắt đứt ngang đây, vấn đề đóng công khảo chữ được tiến hành theo đúng kế hoạch.

Trong khi Quỳ đang sống yên lành với gia đình ông bà Thành Mỹ, chủ tiệm may, thì Trần Chấn, tên tùy phái Ty Ngân Khố Đà Lạt, trước có quen với chị bếp của Quỳ hiện ra định làm hỗn với nàng trong lúc gia đình vắng vẻ. Nữ tình cờ bắt gặp và cho Quỳ biết gốc gác tên Chấn với tư cách bề bối của hắn. Nó ve vãn, mồi chài với ẩn ý hiến Quỳ cho tên Ninh Pồ, gã thanh niên con nhà giàu, bê tha nghiện hút, đánh bạc và chơi gái.

Nhưng, sự có mặt của vai trò Trần Chấn, Ninh Pồ có thực sự cần thiết cho diễn tiến của nội dung tác phẩm? Chắc không, vì mục đích của cuốn sách không nhằm vào việc đả phá các phần tử đó. Vả lại, trên thực tế, những bộ mặt Trần Chấn, Ninh Pồ không có đất sống dưới thời Cách mạng. Bởi vậy, chúng là chứng tích vô ích, làm hại không ít đến toàn bộ tác phẩm. Nó là hạt cát của Pascal đó.

Tuy không được sự chấp thuận của gia đình, nhưng đám cưới Luân – Quỳ vẫn tiến hành tại nhà ông Trợ, chú Luân. Ông Trợ là nhà Nho, nhưng có tâm hồn phóng khoáng, thông cảm được với lớp người trẻ, nên đứng chủ hôn cho cháu, sau khi cố gắng thuyết phục ông anh không xong. Tiệc cưới được tổ chức trong lúc tình hình đất nước chửa ra làm sao. Hội nghị bế tắc. D'Argenlieu tách miền cao nguyên thành Tây kỳ, trong Nam có Chính phủ Nam-Kỳ-Tự-Trị. Song song với Hội nghị Liên-Bang-Đông-Dương cũng họp tại Đà Lạt gồm: Nam-Kỳ Quốc, Ai Lao và Cao Miên. Nhưng không vì thế mà đám cưới của Luân bớt phần vui vẻ. Các cấp thuộc Ban Bình dân Học vụ đều tham dự đông đủ để chia vui:

... Giáo Khiết không đợi mời lâu, đẩy ghế đứng dậy khề khà nói:

"Hôm nay là ngày vui nhất trong đời của ông Trưởng Ban tôi. Tuy ông nhỏ tuổi hơn tôi nhưng mà ông làm lớn hơn tôi. Tôi không có món quà nào xứng đáng để mừng ông nên xin có mấy câu thơ kính tặng. Nếu cử tọa cho phép, tôi xin đọc".

"Cho phép! Cho phép!"

...

Giáo Khiết chậm rãi móc túi lôi ra một mớ giấy tờ. Rồi lại mò ở túi áo bên kia, vớ ở túi áo ngực. Có tiếng hỏi:

"Sao đó? Mất bài thơ rồi hả?"

Giáo Khiết cười toe toét hàm răng đen:

"Dạ đâu có. Kiểm cái gương".

Khi mò lên túi áo ngực lôi ra được cái gương, đặt ngay ngấn lên mũi rồi thì lại đến lượt phải chọn lựa trong mớ giấy tờ xếp tư xếp tám đó để kiểm cho được bài thơ.

Cuối cùng khi đã nắm được tác phẩm văn chương của mình, ông đằng hắng liên tiếp ba, bốn tiếng:

"Bình dân Học vụ có dâu hiền"

Giáo Khiết cúi gằm mặt xuống, nhìn cử tọa qua khoảng trống trên gọng gương, giải thích:

"Đây ý nói là bà Trường Ban về làm dâu gia đình Bình dân Học vụ".

"Được rồi. Hiểu rồi".

"Gái sắc trai tài sánh tựa tiên"

Có tiếng hỏi:

"Ông đã thấy tiên chưa mà nói "sánh tựa tiên"?"

Giáo Khiết lại toe toét cười:

"Dạ thưa chưa. Nhưng mà "xưa bây nay làm", thuở ông bà mình nói "đẹp như tiên" nên tôi nói theo".

"Được, giảng nghe thông. Xin đọc tiếp".

"Xây dựng gia đình cùng tổ quốc"

"Hay, đúng chính sách. Cần lao, gia đình, Tổ quốc. Đọc tiếp câu nữa!"

"Dạ tôi mới làm tới đó. Câu chót nghĩ chưa ra..."

(Như cánh chim bay, trang 93-95)

Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Đồi Quý đã vĩnh viễn bước qua giai đoạn mới. Căn nhà gỗ với bờ tre, bãi mía, ruộng vườn, từ nay quán riết lấy đồi nàng. Còn "quê hương của chị" với Đà Lạt, Sài Gòn, villa Les Fauvettes, dãy nhà ở đường Sabourain trở nên xa xôi, nó không thuộc về nàng nữa.

Tiếng súng báo hiệu chiến tranh đã nổ ở Hải Phòng, rồi một tháng sau, lệnh toàn quốc kháng chiến được ban hành. Đêm 19-12-1946, hồi 20 giờ 00 nhà đèn nổ, cả thành phố Hà Nội đắm chìm vào bóng tối. Tiếng súng giao chiến bắt đầu ở những khu phố, do Tự vệ Thành bắn ngăn cuộc tiến quân của Pháp. Cả nước Việt Nam bắt đầu từ giờ phút đó mới thật sự lâm chiến toàn diện. Ở những miền cuộc chiến chưa lan tới, đều tổ chức mít-tinh, biểu tình hô hào toàn dân tham gia cứu quốc. Các đoàn thể: Phụ lão cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc, được huy động đóng góp vào cuộc kháng chiến với mọi nỗ lực. Phong trào tòng quân diệt giặc được phát động mạnh mẽ. Các thanh niên hăng hái xung phong, cũng có người lẩn tránh bằng cách nhảy vào các cơ quan Xã, Huyện làm việc hành chính cho yên thân. Bộ mặt địa phương thay đổi hẳn vì lớp người tản cư. Đồi sống tỉnh thành và nông thôn hòa hợp

một cách bất đắc dĩ. Người dân quê có dịp để làm khó người thành phố trong một vài vấn đề ăn ở và tập tục. Nhưng người thành phố họ khôn lắm, họ biết lựa chiều đón gió, nên lần lần họ vượt qua mọi trở ngại. Có người chạy mãi ăn hết tiền, mở quán nước kiếm sống. Chẳng may vợ con lại đau yếu vì không hợp thủy thổ nên bực tức gắt gỏng lung tung, ngay cả trước mặt khách hàng. Tâm trạng đó sờn dĩ có, vì quá chán chường hoàn cảnh, đến khi biết khách hàng là cán bộ cao cấp của Huyện, lại khúm núm, sợ sệt:

... Được biết kẻ đối diện là Phó Chủ tịch Huyện, chủ quán bỗng đứng rón rén, và cánh tay trái tự nhiên để gập trước bụng. Xếp ly, lau bàn, anh ta chỉ dùng tay mặt. Thấy bấy nhiêu cử chỉ đó chưa đủ chuộc lại những sự vô lễ lấc cấc lúc nãy, chủ quán dùng tay lau, gãi đầu lí nhí nói:

"Dạ thưa ông Phó Chủ tịch, bữa nay ông ra chủ tọa lễ xung phong nhập ngũ?"

"Ờ".

(Như cánh chim bay, trang 111)

Uy quyền Cách mạng to lắm, nhất là lúc mới bắt đầu kháng chiến. Mọi người nên dè chừng, kéo mát mạng oan vì hai chữ: phản động. Chính sách tiêu thổ, vườn không nhà trống, được thi hành thật khẩn thiết. Những dãy phố bị triệt hạ chỉ còn trơ lại vài mảnh tường chơ vơ lở lóe, trông thật thảm. Người có nhà tiếc đứt ruột, vẫn phải gượng cười.

Mặt trận miền Trung, quân Pháp đã đánh vào đèo Cả. Quân kháng chiến rút. Dân chúng chạy tán loạn, vợ quàng vợ quàng được cái gì hay cái nấy, có người vội quá lúc nhìn lại, toàn đồ đáng vứt đi. Chỉ riêng các gia đình "Ba Tàu" bình chân như vại vì họ thuộc phe Đồng Minh thắng trận. Đau đớn hơn cả là những người trước có liên hệ với Pháp, làm giàu nhờ Pháp đến lúc này, tính mạng coi như "ngàn cân treo sợi tóc", dù đã dâng hiến cho Cách mạng tất cả tài sản của mình như ông Vạn Lợi. Ông Vạn Lợi sợ bị thủ tiêu nên đêm đêm nằm sợ cả tiếng chó sủa. Nương là con ông Vạn Lợi, thuở nhỏ Luân thường đến thăm ba nàng. Nương yêu Luân từ lâu, không có cơ hội tỏ tình, bây giờ chỉ còn oán trách! Chiến trận lại đưa Tính, Trưởng ban Trinh sát, người đã bắt Quý ở trạm kiểm soát Đà Lạt (trong *Hoa bướm bướm*) và đã tặng nàng bốn cái tát! Nhưng thời gian làm họ hiểu nhau, dần dà. Tính kể chuyện Đà Lạt làm Quý quên khuấy hận xưa. Chiến trận vẫn lan dần, từ địa điểm này qua địa điểm khác. Quân Pháp hành quân vũ bão để mong thanh toán con mồi. Nhưng càng đánh, càng cảm thấy còn lâu mới đạt được kết quả.

Vóc dáng Mai Trang cũng được nhắc nhở đến, với những nghi vấn như hồi nàng hoạt động dưới thời Nhật. Người nói, nàng về thành lấy tên Sứ Tây, người nói, nàng đang cưới ngựa chỉ huy mặt trận Djiring, Đa Nhim. Nàng biến thành một ám ảnh của nhà văn, bỏ thương vương tội, nên sự nhắc tới cũng chỉ để nói lên một ảo ảnh, không thực, nhưng đẹp. Trong thành phần tản cư, có mặt các công chức làm việc từ hồi Pháp thuộc. Họ không được Cách mạng ưu đãi hay tin cần lễ đương nhiên. Họ chỉ được dùng như các chuyên viên, vì họ thuộc lâu thủ tục hành chính. Giai cấp họ, được nhà văn nói đến qua vai trò Tham Huy và Phán Liễn. Tham Huy làm việc rất siêng năng, cần mẫn, không kêu ca về đời sống kháng chiến kham khổ, cũng như công tác nặng nề. Nhưng một buổi Tây càn quét một vùng gần đấy, mọi người không thấy Tham Huy nữa, thì ra hắn đã chuồn theo Tây về Nha Trang. Còn Phán Liễn làm phán sự tòa Sứ Sông Cầu từ năm 1935. Hắn có tật hay la lối. Làm việc với Cách mạng mà động một chút nhắc tới "hồi xưa... hồi còn tụi Tây... mấy năm trước... hồi trước". Những câu nói này, chỉ được phát biểu sau khi thấy Cách mạng đối xử dễ dãi. Tuy nhớ tiếc hồi xưa như vậy, mà hắn không chuồn theo Tây, có lẽ vì chưa gặp dịp, hoặc thiếu khôn ngoan như Tham Huy. Khi nghe tin Tham Huy về thành, hắn nói như kẻ công: *Đấy, bây giờ mới biết, ai ngay, ai gian!*

Vì tình hình chiến sự, một số cơ quan thuộc miền Nam phải điều động ra Trung. Sự hiện diện của các cán bộ miền Nam được nhà văn viết ra nhằm mục đích nói lên sự hòa đồng nếp sống. Có những gia đình thôn quê, không muốn cho cơ quan đóng ở nhà mình, làm phiền, mất tự do, phần nữa, sợ do thám địch biết, báo máy bay bắn phá thì cơ nghiệp ra tro. Đi theo đoàn cán bộ miền Nam, có Tịch (nhân vật trong *Hoa bướm bướm*).

Kháng chiến càng kéo dài, đời sống càng kham khổ. Ruộng vườn bỏ hoang không ai cày cấy. Buôn bán không được. Tiền nông khó kiếm nên người dân phải tiết kiệm phòng thân. Hình ảnh đó được nhà văn khoác lên vai Hương Năm Dồn, người nông dân suốt ngày ở trần, hà tiện áo. Chẳng cứ gì Hương Năm Dồn, còn nhiều vùng vì quá thiếu thốn cũng phải hà tiện vậy. Thành Tang con Năm Dồn, tuy nhà chưa đến nỗi nghèo, nhưng phong trào khóa thân lan rộng nó cũng làm theo:

... Một buổi trưa ở nhà mãi đùa nghịch với lũ bạn, trống trường đánh lúc nào không hay. Khi chị giục đi học, cu cậu lật đật chạy vào ôm sách phóng xuống trường. Đường xuống trường bình yên. Vào lớp ngồi, cu cậu gật gù nghĩ đến cuộc chơi lý thú vừa qua, miệng tủm tỉm cười. Chợt có ngọn gió mát từ cửa hông lọt qua, luồn xuống bàn chân trống mát mẻ. Tiếp theo, những ngọn gió mát nữa. Mát quá! Nhưng hình như mát có... hơi nhiều. Cu cậu cảm thấy có cái gì khang khác. Cu cậu nhìn xuống:

"Chết cha".

Cu cậu vội phóng nhanh ra cửa, chạy ù một mạch về nhà để... mặc quần...

(*Như cánh chim bay*, trang 202-203)

Đoạn văn dí dỏm trên cho độc giả nhìn thấy, hoặc hồi tưởng quãng thời gian đã trôi mất vào quá khứ nhưng thực ra, nó vẫn có đó, còn đó, ở nhiều nơi, ngay hôm nay, với cuộc chiến khốc liệt hơn, tàn bạo hơn mà nông thôn đang gánh chịu. Vì quá thiếu thốn nhu cầu, người ta bắt thèm đủ thứ từ cục đường, chiếc kẹo. Nói ra, nghe có vẻ tầm thường nhưng thực tế, nó làm khổ con người không ít.

Đoàn cán bộ miền Nam đóng đô ở nhà Hương Năm Dồn. Ông ta thích thằng Tịch lắm, muốn nó làm rể ông. Nhưng con Lé xấu quá, thằng Tịch chê. Con Lé lại bất tình với anh cán bộ nào đó, viết quốc ngữ chưa thông. Trong thư tổng tình lại thông thêm: "*Tái bút. À, nhớ đem theo cho anh mượn một trăm hai rồi bữa nào anh sẽ trả lại*". Một bữa, Hương Năm Dồn vớ được lá thư trong túi áo con Lé, ông tưởng thư của thằng Tịch gửi nó, ông mừng rơn. Lúc tra hỏi, biết không phải, ông đánh con Lé một trận gần chết.

Luân vẫn hoạt động theo nhịp đi của kháng chiến. Công tác cứ thăng tiến điều hòa, nhưng cơ sở phải di chuyển luôn để bảo mật. Có lẽ, do sự sắp xếp của định mệnh (?) Ty Bình dân Học vụ lại đóng ở nhà Phụng. Huỳnh Bộ, chồng Phụng không ưa gì kháng chiến, vạn bất đắc dĩ mới phải để cho cơ quan mượn nhà, nhưng hẳn luôn luôn tìm cớ la lối về những chuyện lật vạt với dụng ý làm mọi người chán mà dời đi nơi khác. Phụng quen biết với Luân từ lâu, một cô gái thông minh lấy được chồng giàu nhưng ngu đần nên nàng khổ. Nàng chưa biết Luân đã lấy vợ. Phụng muốn bỏ chồng theo Luân. Thấy không thể dối Phụng mãi được, Luân đã nói cho nàng biết sự thực:

... Nước mắt Phụng chảy thành dòng trên hai má, nàng cung cánh tay lên lau:

"Phải như anh chưa cưới vợ... Ừ, phải như anh chưa cưới vợ thì em sẵn sàng đập bỏ hết, đập bỏ những ruộng, những vườn, những lúa má đường đê, những bó giấy bạc. Em yêu anh âm thầm trong những ngày anh lui tới chơi với ba em. Em không dám nói. Em đinh ninh là anh đã hứa hẹn với ai rồi, khi anh còn học ở Hà Nội. Em yêu trong tuyệt vọng. Em đâu có ngờ, người vợ của anh là người anh gặp sau em". Phượng cầm bàn tay Luân:

"Anh còn nhớ, bàn tay này đã một lần săn sóc cho em không?"

Luân nhìn nàng không nói:

"Chắc anh quên..."
(*Như cánh chim bay*, trang 271-272)

Quá khứ, lúc nào có dịp là Võ Hồng lại đưa hồn mình vào quá khứ. Từng hình ảnh, từng kỷ niệm như nằm chết giả trong tiềm thức chờ dịp thuận tiện lại vùng dậy hành hạ nhà văn. Quá khứ làm cho mỗi người không mất đời sống và thời gian dù có bay đi, cũng chỉ để tạo thành kỷ niệm. Kỷ niệm bao giờ cũng đẹp, dù đau đớn, tan vỡ! ...

Vốn con người chân thực, Luân không muốn tự mình gây nên rắc rối tình cảm nên chàng tìm mọi cách tránh né Phượng. Quỳ đã mang thai, nàng được Nữ và các cán bộ phụ nữ Huyện quý mến. Nhưng làm sao nàng quên được dĩ vãng, mỗi khi nàng cùng Nữ ra ngồi ở bờ sông nhìn trời nước, tìm về quá khứ:

... Buổi chiều trên sông thật buồn. Những ngọn núi, những bờ sậy, bờ tre in ngược bóng xuống mặt sông im lặng. Tiếng một con cá quẫy, những tiếng mơ hồ nào chọt dấy lên, chọt im đi ở từ bên kia bãi đưa sang, cách trở, xa xôi như một cõi nào khác. Một cánh chim đêm bay vụt qua, nhẹ nhàng rồi trong một thoáng, lẩn mất vào màn tối sẫm của doi núi Hà Bằng...

(*Như cánh chim bay*, trang 295)

Lời văn thật nhẹ, thật thấm. Nó là thiên nhiên với sự chuyển động của vạn vật. Nó là tiếng lòng Quỳ đang trải rộng trong nhớ thương mịt mù. Nó là nỗi cô đơn xa vắng của tương lai mất hút. Nó là sự thật, buồn vui có đấy. Dù nó là gì nữa, Quỳ vẫn cứ mãi mãi là nàng, đang bị cuộc chiến đẩy đưa theo định mệnh.

Luân đã quyết tâm rời trụ sở khỏi nhà Phượng sau chuyến đi công tác tại Xuân Phước, có Phượng đi cùng. Luân nghĩ, phải thoát ra cái lưới giăng quanh mình. Mình là con chim đang đậu ngang tầm tay của Phượng. Nàng muốn chụp bắt. Quyết định dời trụ sở được thi hành. Luân đi công tác để tránh gặp Phượng. Hôm dọn trụ sở, Phượng như điên dại, nàng lục trong ba-lô của Luân, thấy một tấm ảnh. Phượng nhìn thật lâu rồi bỏ trả, hai tay ôm mặt khóc. Thật không may cho Luân, Ty vừa dời sang chỗ mới được hai ngày thì bị máy bay oanh kích. Một nhân viên bị thương. Hồ sơ thất tán. Một cuộc kiểm thảo được tổ chức. Theo quyết định, Luân bị giải nhiệm chức vụ Trưởng Ty, chờ giữ nhiệm vụ khác bên Trung học. Đứa con gái đầu lòng ra đời như một an ủi. Luân và Quỳ vẫn sống trong hạnh phúc, thứ hạnh phúc tương đối trong cuộc chiến đang tiếp diễn đó đây.

Một buổi, Tịnh đưa Thức đến thăm Quỳ:

... Quỳ thật bối rối về sự hiện diện đột ngột của Thức. Nàng vụt nhiên lẩn lộn những việc quá khứ và hiện tại. Như những lớp thủy tra đang nằm ngủ yên lành thứ tự chọt những chuyển động tạo sơn dữ dội gây thành nếp gấp, lớp này trượt lên lớp kia, xáo trộn vị trí. Thức nhắc nhở quá

khứ. Thức là quá khứ, một quá khứ dồn dập biết bao nhiêu là biến cố. Lùi xa về trước qua khỏi một cái mốc nào đó... Ừ, cái mốc giới hạn bởi một sự hiện diện cũng của Thức một ngày tương đối thanh bình ở Đà Lạt nơi căn phòng khách nhà Nội, có một lọ hoa cúc trắng thật lớn, có anh Cẩn – anh Cẩn là tượng trưng cho những biến cố bắt đầu ...
(*Như cánh chim bay*, trang 374)

Cái gì đến sẽ đến. Tịch và Thức đã vô Nam, tức là trở về quê hương của Quỳ mà tự thâm tâm, nàng vẫn mơ ước quay về nó. Nhưng lúc này, nàng như cánh chim bay, bay xa mãi qua bao nhiêu trùng lớp núi non không biết ngày nào mới trở về tổ cũ. Để an ủi Quỳ, Luân cho rằng trước sau gì, không phải hai ba cánh, mà bốn năm cánh chim, cũng sẽ lũ lượt bay về tổ cũ, cành xưa!...

Tác phẩm *Như cánh chim bay* mới chỉ nói đến một phần của kháng chiến cả sự việc lẫn không gian, thời gian. Biết bao nhiêu khuôn mặt đã mất đi vĩnh viễn trong quên lãng. Biết bao nhiêu số phận bị dập vùi, bao nhiêu oan uổng, bao nhiêu buồn vui trong 9 năm khói lửa, để Việt Nam chia đôi huyết lệ? Gần 20 năm rồi đó. Gần 20 năm với cuộc chiến vẫn kéo dài, còn bao nhiêu khuôn mặt nữa đang mất hay sắp mất? Và khuôn mặt của Chung trong tác phẩm, thời nào cũng có. Họ chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng mình với những tính toán ti tiện, còn tìm đủ mọi lý lẽ để bào chữa. Cũng như Luân và Quỳ tượng trưng cho đông đảo nhân dân có mặt trong kháng chiến, không phải do chủ nghĩa, mà chính thực, bị cuốn theo chiều gió! ...

Như cánh chim bay, tác phẩm có giá trị chẳng phải vì văn chương, mà chính do những dữ kiện được đề cập tới, nó là một phần nhỏ lịch sử oai hùng của dân tộc mà Võ Hồng đã sống, đã biết. Chỉ tiếc, ở vài chỗ tác giả đã dùng "ngôn ngữ hôm nay" để cho các nhân vật thuộc 25 năm qua nói, nên nó mất đi cái nguyên thể của thời gian, không gian cũ.

Võ Hồng, có lẽ, chỉ sống bằng kỷ niệm chất đầy trong tiềm thức, nên có thể xác định, những gì Võ Hồng viết về quá khứ bao giờ cũng cảm động, dễ lôi cuốn người đọc, bởi lẽ đơn giản, nhà văn, hơn một lần, vì nó mà gian truân, khổ đau hành hạ con người và quê hương Việt Nam một phần tư thế kỷ rồi đó. Nó như nỗi ám ảnh đến chết không rời trong mỗi ý thức mền yêu tổ quốc.

Muốn hiểu Võ Hồng, không gì hơn là nghe nhà văn tâm sự với Trần Thiện Đạo, trong lá thư đề ngày 5.4.1967:

... Tôi tự nói là chiến tranh làm khổ tôi, thì tôi phải lợi dụng lại chiến tranh, ghi những điều mà chỉ kẻ nạn nhân mới biết được...

Sống ở ngoài đời cũng như khi viết, tôi vẫn thường giữ cốt cách vô tư, yêu cái đẹp tự nó mà không lý luận, để cho lòng mình thật rung động, rồi tìm chữ mà diễn tả...

Với 12 tác phẩm ngắn dài, Võ Hồng đã diễn tả đời mình và tình yêu dù có cho nhau cay đắng hay ngọt bùi, lúc nào Võ Hồng cũng tha thiết, cũng say mê, như say mê một sắc đẹp được hình dung qua dự tưởng miên man giữa hai miền: Thực, Mộng.

Trích văn Võ Hồng

... Giặc Pháp đổ bộ càn quét một trận lên xã An Chấn. Dân chúng chưa quen chuẩn bị, hơ hải bạ gì cũng chèn chặt vào quang gánh thành ra một số lúng túng chạy không kịp. Một số chạy kịp thì khi tai qua nạn khỏi, tháo quang gánh ra chỉ thấy toàn những đồ đáng vất đi. Trái lại, những đồ vật quý giá thì bỏ lại, bị giặc thu vét hoặc bị giặc đốt cháy theo ngôi nhà. Đồng bào rút kinh nghiệm, phát triển việc may ba-lô.

Trước 1945, cái ba-lô thịnh hành mới đánh đai một cách trường giả trên vai Hương đạo sinh đi cắm trại. Người ta gọi nó là cái xắc. Sau 1945, nó xuất hiện ở khắp mọi gia đình. Sau vài lần bị giặt càn, mỗi gia đình phát triển đến ba, bốn cái. Ban đầu ba-lô còn may bằng vải kaki, sau thay bằng vải xita, sau đó được may bằng vải ta mỏng. Cũng chẳng ai bảo sao, có điều cần nhớ là khi gùi lên chạy thì hai tay phải đỡ lấy nó, hoặc nếu không thì phải ôm nó kè kè bên hông. Vì nếu không thì mỏng quá nó toạc mất. Sau đó, có người nghĩ đến dùng bao tải, bao bố cũ để may. Được thể, thôi thì gặp vải gì cũng may được. Còn kiểu thì tự do. Từ cái xắc rập kiểu Âu châu, sang đến Việt Nam nó tha hồ thêm túi, bớt túi, bỏ nắp, thay đai, to bề ngang, cao bề đứng, lớn thì bằng cái bồ con, nhỏ thì bằng cái gối. Và nó ngang nhiên thay cái va-li kiểu cách, lạc hậu, thay đôi nùng, đôi thúng kền càng nặng nề. Mỗi người một ba-lô, trẻ con tuổi nào thì may cho cái ba-lô cỡ ấy, tất cả gia tài tổng kỹ vào ba-lô lên vai, chân lên đường. Còn đến đâu thì cán bộ xã sẽ cho biết.

Ở các nước khác, ba-lô đi với khăn quàng, mũ kaki, can, tất cao cổ, giày đinh. Ở Việt Nam, bạn đồng hành của nó là ruột ghé. Ruột ghé là một cái túi vải đựng gạo. Thật là tiện lợi: cho gạo đầy ruột ghé, quàng ngang bụng rồi cột gút hai đầu. Cái ruột ghé mắc nghẽn ngang xương bàn tọa. Cái ba-lô sau lưng, cái ruột ghé ngang bụng, thế cứ trước mặt mà đi. Thịnh hành đặt hai cùi chỏ nghỉ trên vòng ruột ghé, y như một cuộc đi ngoạn cảnh!

Cái ruột ghé thật là tiện lợi. Đi đâu mà có nó ngang hông tức như là đồng dục bảo chủ nhà rằng:

"Bạn ơi, tôi có đủ cơm ăn cho tôi rồi. Bạn đừng lo. Tôi không làm phiền bạn đâu. Hột gạo lúc này quý lắm, tôi biết rõ". Quả thật như vậy, chạy tản cư vào nhà người quen mà có đem theo ruột ghé gạo thì ta mạnh ghé vào lắm vì ta chắc chắn là người quen của ta họ sẽ mạnh bạo đón tiếp ta. Cuộc chiến tranh càng kéo dài thì hột gạo càng quý. Lý do vì công việc đồng áng bị công tác kháng chiến làm trở ngại một phần. Một phần nữa là vì bom đạn mà nương đập bị phá, nhiều đồng lúa bị bỏ hoang. Khi lúa gạo dư đủ, được khách đến chơi nhà là một cái thú, đôi khi là một vinh dự, nhưng khi gạo phải tính từng ký, từng lon thì dù có hiếu khách đến đâu người ta cũng bị bắt buộc phải tính từng bữa ăn. Thế thì không còn cử chỉ nào đẹp bằng khi đi đến đâu mà cần tới nhà quen ở lại đôi ba ngày thì cứ thành thật tháo ruột ghé đựng mỗi bữa sét lon gạo gửi ngay bà chủ nhà. Chạy tản cư không biết rõ con đường phiêu lưu dài ngắn thế nào thì cái ruột ghé gạo là món bảo đảm tối thiểu.

Quý sắp lại ba-lô của mình, loại bỏ những món không cần thiết và sắp xếp các món đem theo, theo thứ tự ưu tiên. Nếu lâm vào trường hợp mà cái ba-lô coi như quá nặng, quá cồng kềnh thì nàng sẽ bỏ lại hết mà chỉ rút mang theo một cái xắc. Trong cái xắc đó lại có một cái túi nhỏ đựng những vật quý giá như nữ trang, vàng, tiền, giấy tờ hộ tịch để phòng khi phải chọn lựa đem theo rất ít thì nàng cũng đã sẵn sàng.

Khi moi túi ba-lô ra, nàng suýt bật cười vì gói Zênxaquine bật tung trước mặt. Những viên tròn lăn chạy trên mặt bàn như bánh xe. Đó là thuốc nội hóa dùng trị sốt rét do Ty Y tế bào chế. Từ khi kháng chiến bắt đầu, Trung ương đã đề ra khẩu hiệu: "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi" nên khuyến cáo các ngành sinh hoạt hãy đặt nặng vấn đề tự túc, cố gắng thay những món ngoại hóa nhập cảng bằng hàng nội hóa: giấy nội hóa, lụa nội hóa, bông gòn thấm nước nội hóa. Bác sĩ Quốc, Trưởng Ty Y tế được báo cáo ở miệt Phong Thắng, Phong Thái đồng bào hay lột vỏ cây dền nấu nước uống trị sốt rét liền thì đua với các ngành xin kinh phí mua về hàng trăm ký vỏ dền. Vỏ đó đem giã nát, rây nhỏ rồi cho vào khuôn in ra thành từng viên to bằng viên Aspirine và dày gấp đôi. Uống mỗi lần năm viên, thứ bột cây này hay nằm lì bám chặt ở nơi yết hầu làm rát mặt da và phải chiêu đến vài ly nước mới tống nổi chúng xuống dạ dày. Thuốc phát

không cho cán bộ và đồng bào nên sức tiêu thụ rất mạnh. Có điều uống vào dường như chẳng có công hiệu gì cả nên sau chừng ba tháng phổ biến, đến kỳ thuốc chót chẳng ai thèm xin và đem cho cũng chẳng ai thèm nhận nữa. Quý không hiểu đã đặt tên cho loại thuốc đó "Zên" là dền, điều đó dễ hiểu, nhưng sao không gọi là Zénaquine cho tiện mà gọi là Zênxaquine trẹo họng rắc rối? Đối với cán bộ không biết chữ Pháp thì tên của món thuốc được nỉ non là Dền-xa-kin, nỉ non như tên một bản nhạc, một bài thơ, một lời than tuyệt vọng kiểu Hoàng xa Tâm, Anh xa em.

Ủy ban kháng chiến hành chính Tỉnh và các Ty dọn về An Định. Thường cứ cách bốn, năm tháng, lâu nhất là chín, mười tháng, cơ quan phải dời chỗ để phòng ngừa gián điệp địch đã dò biết được vị trí và báo cáo về đến tận bộ chỉ huy địch. Thường có trường hợp cơ quan vừa dời đi một ngày là hôm sau máy bay địch nhào xuống đến bốn năm chiếc bắn phá tan tành ngôi nhà. Dân chúng chuyên tai nhau không biết bao nhiêu là tin tức liên quan đến việc đó, nào là gián điệp gởi tin về Nha Trang bị chậm, nào là nhờ Công an bên ta chặn bắt được gián điệp. Đồng bào đồn rằng cơ quan không phải đột nhiên mà dời trụ sở mà thường là sau khi bắt được tin tức cho biết tình báo địch đã tìm ra vị trí trụ sở của mình. Thành ra mỗi khi cơ quan dời đi là chủ nhà cũng lo kiếm chỗ bà con tị nạn vài ngày.

Phán Liễn gửi ba-lô lếch thếch dẫn đi đầu, chân căng mỗi rã, chửi thề luôn miệng. Vấp hòn đá cũng chửi, bị cành tre quất vào mặt cũng chửi. Tham Huy đi kể sau, cười hì hì:

"Chửi chi cho uổng hơi? Để dành sức mà đi".

Tá, Nghị, Chất, Sang, những nhân viên trẻ tuổi nói chuyện luôn miệng rì rầm suốt cả chặng đường.

"Đi ra An Định nghe nói có sông phải không mày?" – Nghị hỏi. "Tao chịu thua xứ Phú Lộc rồi. Ba ngày mới tắm một lần".

"Ai như mi làm biếng? Chịu khó xách nước mà tắm chớ ai hầu hạ mi?"

"Giếng sâu cả mười thước, ngó xuống hun hút như đường đi Âm phủ".

Sang gọi:

"Tá ơi! Sao nãy giờ cứ câm miệng như hén vậy mày? Nhớ "em" hả? Tao biết nội đây chỉ có mày là muốn ở lại Phú Lộc hơn hết. Chắc giờ này "em" cũng đang ngồi nhớ mày vừa ngâm ca dao kháng chiến:

*Thương chi cho uổng tấm tình
Nấu về quê nấu, bỏ mình bơ vơ.*

Ba người tùy phái gánh ba đôi nùng cao trong đựng hồ sơ, máy đánh chữ và bút chì văn phòng. Sức nặng làm còng lưng họ và họ im lặng chạy những bước ngắn, không nói một lời. Tiếng Phán Liễn oang oang ở đằng trước:

"Nghe nói ở An Định con gái đẹp lắm... Để..."

Câu nói ngắt ngang đó và người ta thấy Phán Liễn đứng dừng lại, ngời chồm xuống đất, né một bên nhường đường cho người sau đi tới.

"Sao đó? Tụt quai dép rồi hả?"

"Chớ còn gì nữa? Từ sáng đến giờ cứ thấy lùa kéo quai dép hoài".

"Giày dép như rứa, ném cha hấn xuống ruộng cho rồi".

Phán Liễn không nói, mò túi ba-lô lấy ra dụng cụ xỏ dây dép của mình, hì hục sửa lại. Đôi dép lốp cao-su bị mòn còn mỏng lét, lỗ xỏ dây lại quá rộng nên dây cứ tụt hoài. Phán Liễn biết cổ tật của dép nên đi đâu cũng mang theo cái dụng cụ xỏ dây dép gồm một miếng thiếc mỏng, dài, bẻ ngang một phân và xếp làm đôi. Không có tiền để mua dép mới. Chín đứa con và một bà vợ tiểu thơ năng đau yếu.

...Sau khi sửa xong dây dép, Phán Liễn đứng dậy lúp xúp chạy theo, chạy kịp người chót rồi lại len lỏi muốn chạy lên đầu hàng.

"Coi chừng đó! Coi chừng sút dây dép nữa đó!"

Phán Liễn không trả lời. Tham Huy vẫn giọng lững lơ:

"Thằng cha ni già rồi mà nhát gan dữ. Sợ ma lắm sao mà không dám đi sau?"

"Ma gì? Có "ma phẫm" thì đây mới sợ".

"Rứa sao lại cứ đòi vọt lên trước? Đi tản tản ra để nhờ có máy bay thì lùì vào ruộng mía. Chứ đi cái kiểu chi mà kéo dài cả đoàn hàng mười lăm hai mươi thước thế này? Có máy bay thì nhất định cả Ủy ban dọn lên Thiên Đàng hết".

"Sợ gì? Bộ đội người ta hành quân đi cả đoàn dài, người ta còn không sợ. Hễ nghe tiếng máy bay gần quá chạy không kịp thì cứ ngồi im xuống đất, không nhúc nhích. Máy bay nó tưởng lầm là một bờ đê, một dãy bụi bờ".

"Nói nghe có giọng huấn luyện viên dữ. Người ta đồng phục màu xám, màu tím than thì máy bay nó mới lầm, đằng này áo trắng, quần xanh, áo xanh, quần xám, lộn xộn lộn xộn lại hai cái nón trắng hếu của thằng Tá và anh tùy phái".

Cả bọn giật mình la lối:

"Quý ơi! Sao hai con quý không lấy cây ngụy trang? Vậy mà từ xế tới giờ không ai để ý".

Tùy phái nhe răng cười trừ.

"Chiều rồi mà, máy thầy. Tàu bay đâu có lối giờ này?..."

(Trích Những cánh chim bay, từ trang 173-183)

Gửi

Trong suốt thời gian làm việc để thực hiện cuốn sách, kẻ viết như bị ám ảnh bởi những vui buồn không phân định. Vui vì mỗi tác phẩm mở ra trước mắt một khung trời riêng biệt, lại trình bày một cảnh trí thật linh động lôi cuốn kẻ viết vào cơn mê kỳ thú.

Những người làm văn nghệ hôm nay – nhất là những người trẻ tuổi – nhờ hoàn cảnh, họ đã có được môi trường thuận lợi và nhiều cơ hội có thể phát triển tài năng qua nghệ thuật. Đời sống nghệ thuật bây giờ không thu nhỏ trong chu vi hạn hẹp của một vài nhóm, tóm trọn uy quyền sinh sát trong tay như thời tiền chiến. Nói đến văn nghệ tiền chiến là nói đến cái gì ghê gớm, cao siêu, cách biệt, là nói đến thứ văn nghệ đóng kín, đầy mặc cảm tự tôn của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Trung Bắc Chủ Nhật, v.v. Những người làm văn nghệ trẻ lúc ấy, không dễ gì lọt qua được cửa ải của một trong mấy nhóm đó. Họ tự cao, tự đại không muốn ai tham dự vào sinh hoạt ngôn ngữ của họ, trừ một vài người có tài năng thật đặc biệt và cũng phải giao du rộng, họa may! Cái "văn phiệt" ấy, mừng thay, nó không hiện diện ở vùng trời nghệ thuật hôm nay, thắng hoặc nếu có, nó cũng không dám hoạt động công khai.

Sự thực, các nhóm văn nghệ nói trên, đứng từ cái nhìn hôm nay để nhận định, cũng chẳng có gì ghê gớm, vĩ đại, mà sao thời đó nó khiếp đảm đến thế? Mỗi bài văn, mỗi dòng chữ của họ có ảnh hưởng sâu đậm, làm độc giả thời ấy mê cảm đến kính phục. Nhưng, thời gian đã đẩy lui họ vào dĩ vãng. Họ đã làm xong nhiệm vụ đối với lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam. Có người còn sống, có người đã khuất bóng. Có người để lại danh thơm, có người chìm vào hư không vĩnh viễn! ...

Sở dĩ kẻ viết phải nói đến, khơi động lại dòng thời gian chìm khuất vì trong lòng có mối thương xót riêng tư. Mối thương xót đó, từ mấy chục năm rồi, làm kẻ viết đau đớn vô cùng, lại càng đau đớn hơn, từ khi nuôi ý định về mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay. Nguyên kẻ viết có người anh ruột, vì say mê văn nghệ mà chết cô đơn lạnh lẽo trong vòng đai đờn điền cao-su Lộc Ninh cách đây gần ba mươi năm. Khi mất anh mới 29 tuổi, còn trẻ hơn cả người ít tuổi nhất, viết trong cuốn sách này. Anh tên Thức, con thứ ba trong gia đình có tám anh em (7 trai, 1 gái). Kẻ viết đứng thứ sáu. Anh Thức trông đẹp trai và thật dễ thương. Anh rất thông minh, ưa mơ mộng. Anh đi vào nghiệp viết văn, làm thơ từ năm 18 tuổi. Kẻ viết lúc ấy còn nhỏ, nên không đủ khả năng tìm hiểu sâu xa về văn nghệ nhưng rất thích hai bài văn: *Trịnh chúa Lê nương và Đông về thu cúc rụng* viết theo đề tài dã sử do anh sáng tác, đăng tải trong tờ tuần báo Tiểu thuyết thứ bảy (vào năm 1938 hay 1939 gì đó), dưới bút hiệu: Bảo Cầm.

Chẳng biết vì lý do nào, sau đó ít lâu, đương đi làm cho một hãng buôn Pháp với lương tháng 30 đồng (bây giờ vào khoảng 40 ngàn), anh xin thôi việc, để dấn thân hẳn vào cuộc đời văn nghệ mà không cho gia đình biết trước. Bố mẹ thật buồn phiền, nhưng đã lỡ đành chịu.

Từ đó, ngày ngày anh đọc sách và viết. Anh dịch thơ của Vitor Hugo, Lamartine và tập *Les Nuits* của Alfred de Musset cùng nhiều tập truyện của Guy de Maupassant, Alphonse Daudet và Pierre Loti nữa. Chữ anh tốt và bay bướm. Bản thảo anh viết cũng cầu kỳ, cẩn thận, trang nào trông cũng sạch sẽ, không tẩy xóa lem nhem.

Trong gia đình, anh thương mến kẻ viết nhất, vì cho rằng kẻ viết có "tâm hồn". Mỗi khi sáng tác hoặc dịch xong bài nào vừa ý, anh thường đưa cho xem. Lúc ấy, kẻ viết chỉ biết phục tài anh qua những câu văn hoa mỹ. Ban ngày, anh viết liên miên, nhưng sau bữa cơm chiều, anh đóng bộ thật đẹp đi chơi tới khuya, có khi suốt sáng mới về.

Có nhiều sáng, kẻ viết nhìn da mặt anh tái mét, nhợt nhạt, chột la lên. Anh vội ra dầu bảo im, rồi vào buồng riêng đóng chặt cửa, đánh phấn bôi môi để lấy lại sắc diện hồng hào. Bố mẹ la rầy hoài về chuyện đi đêm, nhưng anh không làm sao bỏ được tật đó. Mẹ không như bố, tuy mắng mà vẫn dấm dúi tiền cho anh tiêu. Dù đi chơi đêm, anh vẫn viết đều gửi các báo. Nhưng bài gửi thì nhiều mà chẳng thấy đăng mấy, trừ vài tờ hàng ngày, cho đăng vào trang ba. Lâu dần, nản chí, anh đi lu bù cả mấy ngày mới trở về nhà. Quần áo lúc đi thẳng nếp, trông tươm tất, khi về, nhăn nhúm tang thương, cổ áo sơ-mi vàng khè dơ dáy. Mẹ phải cho tiền đưa tiệm

giặt, ủi lại cho ngay ngắn, dễ coi.

Thời gian qua đi, hết mùa lạnh sang mùa nóng. Một bữa, kẻ viết nhìn thấy anh gói bộ đồ dạ mà mẹ mới cho tiền may hồi Tết. Vô tình, kẻ viết hỏi: "*Anh mang đi đâu?*" Anh bảo: "*Mang đi hấp*". Tuy thắc mắc vì bộ đồ còn mới nguyên nhưng cũng đành tin như vậy.

Dạo sau anh ít viết. Đêm đi, ngày ngủ, trông anh phờ phạc hẳn. Mẹ chửi mắng chán rồi ôm mặt khóc, bố giận không thèm nói tới.

Một buổi mẹ bảo: "*Con thử theo anh, xem nó đi những đâu mà tối nào cũng đi vậy? Mẹ nhìn sắc mặt nó độ này xấu quá!*" Nghe lời mẹ, tối đó, kẻ viết leo đèo theo anh, giữ khoảng cách độ 50 thước. Anh vô tình cứ đi không quay đầu nhìn lại. Anh đi mãi lên phố hàng Quạt, rồi dừng bước trước căn nhà lợp xúp, đẩy cửa bước vào. Ánh đèn mờ nhạt từ bên trong hắt dài bóng anh xuống vỉa hè một thoáng. Cánh cửa khép nhanh, nhưng không kín, để lộ một đường ánh sáng nhỏ chảy dài từ trên xuống dưới. Kẻ viết lướt nhanh đến, ghé mắt nhòm qua khe cửa. Trong nhà vắng hoe. Ở góc chiếc cầu thang gỗ nhỏ, một đứa bé đang cắm cúi học bài. Mùi nha phiến thoang thoang đâu đây. Đứng một lúc lâu, kẻ viết hiểu sự tình gì đã đến với anh. Nhưng vì tò mò, kẻ viết se sẽ đẩy cửa lách vào. Đứa bé không ngẩng đầu lên. Kẻ viết bước nhẹ lên cầu thang. Hương nha phiến tỏa ngào ngạt. Căn gác thấp và tối om. Cái cửa độc nhất vào buồng lại đóng kín. Kẻ viết cố tìm khe hở để nhòm nhưng không thấy. Giữa lúc đó, có tiếng giày nặng nề bước lên. Kẻ viết vội nép người sát vào tường. Hai gã trai trẻ khệnh khạng nhô dần lên, toát nồng hơi rượu. Gã đi trước cho tay xoay núm cửa: "*A, thằng Thức đây rồi!*" Kẻ viết tự nhiên thấy tim mình như có sợi dây thắt lại. Họ xăm xăm bước vào. Kẻ viết ngó mắt nhòm theo, thấy anh mình đang nằm nghiêng, mắt nhắm lại, mồm ngậm chặt chiếc dục tẩu kéo ro ro. Dưới ánh sáng lờ mờ, mấy thân người nằm bất động chung quanh vài ngọn đèn dầu lạc.

Về đến nhà mẹ hỏi: "*Sao con?*" Kẻ viết không dám cho mẹ biết sự thật, đành nói dối: "*Con thấy anh đi ci-nê*". Mẹ bảo: "*Ci-nê gì mà suốt đêm?*" Kẻ viết nói loanh quanh để mẹ yên lòng vì lúc ấy, mặt mẹ đã long lanh giọt lệ, tóc mẹ đã ngã màu dưới ánh đèn.

Những tối kế tiếp anh vẫn đi. Trong nhà có thứ gì quý, tự nhiên biến dần. Do đó, mẹ càng nghi ngờ, nhưng không bảo kẻ viết theo nữa, cho người khác đi rình. Lần này, gia đình biết rõ sự thực. Bố chửi, mẹ khóc, anh em đều buồn, nhà như có đám tang. Trước anh còn chối, sau nghe mẹ nói đúng quá, anh đành nhận có hút vì vui với anh em. Cả nhà xúm vào dỗ dành khuyên nhủ, anh hứa chữa. Mẹ nói, cần bao nhiêu tiền uống thuốc cai mẹ cho. Mẹ mua của ngon vật lạ cho mình anh ăn thôi. Lúc này anh làm thơ giải sầu. Những vần thơ lục bát nghe buồn đứt ruột. Ở nhà uống thuốc độ nửa tháng, trong anh béo tốt hẳn ra. Ai cũng mừng, nhất là mẹ.

Một tối, anh rủ kẻ viết đi ci-nê, vì đi một mình mẹ không cho, sợ hút lại. Hai anh em lững thững lên rạp Olympia ở chợ Hàng Da xem phim "*Je suis un évadé*" do tài tử Henry Fonda đóng. Anh chỉ mua có một vé đưa cho kẻ viết, bảo vào xem một mình để anh đi thăm bạn bè, lâu ngày không gặp. Trong lòng kẻ viết thật bối rối, toan trả vé đi theo anh, sợ có gì mẹ lại khóc, khổ lắm! Nhưng khi nhìn thấy nét mặt anh, bỗng thương hại. Anh nói: "*Tan ci-nê cứ chờ đây, anh đón cùng về*".

Buổi tối đó, trong khi kẻ viết đang mê mải với tài diễn xuất của Henry Fonda, anh đi hút lại. Rồi những hôm sau, anh tìm có ra phố mỗi ngày. Năm ấy, anh mới 24 tuổi. Bố mẹ thấy không xong, bèn mắng nhiếc đuổi khỏi nhà. Việc này chỉ nhằm dọa cho anh sợ để bỏ hút, nhưng hình như định mệnh đã bắt anh phải gian truân, làm sao anh cưỡng chống?

Kẻ viết nhớ như in trong đầu, tối đó trời mưa lạnh, anh lí nhí chào bố mẹ rồi xách chiếc va-li cũ mềm làm lúi ra đi. Kẻ viết lên lầu đứng trên ban-công nhìn theo anh, tối đầu phố anh rẽ ngang, mắt hút. Hai dòng lệ lăn tròn trên má tự lúc nào!

Rồi một buổi chiều chạng vạng, kẻ viết đang đứng trên lầu ngó trời buồn, trước khuôn cửa, bỗng nhìn thấy anh đứng nép dưới mái hiên một căn nhà phía bên kia đường giơ tay vẫy. Kẻ viết vội xuống lầu, đi nhanh đến phía anh, nhìn sửng sờ. Mới xa gia đình có gần một tháng mà sao anh xơ xác quá vậy? Khuôn mặt anh gầy rộc hẳn đi, râu anh tốt, lâu không cạo, mọc tua tủa như râu Lý Thiết Quài. Kẻ viết ôm chặt lấy anh, khóc ngất. Anh cũng khóc. Toàn thân anh hôi hám, vì quần áo lâu không giặt quện vào mùi dầu lạc và khói thuốc phiện làm buồn nôn. Sau cơn xúc động, kẻ viết hỏi: *"Bây giờ anh ở đâu, làm gì để sống?"* Mắt anh đục ngầu bờn bờn, vẻ tinh anh hôm nào không còn nữa. Anh nói thì thào *"Mấy bữa nữa, vào Sài Gòn làm báo!"* *"Anh quen ai trong đó? Thôi về nhà, từ hôm anh đi, mẹ khóc hoài, khổ lắm!"* Anh lắc đầu: *"Không, anh không về nhà nữa!"* Nói xong, anh cúi xuống nhìn màu đất xám ngoét dưới chân. Kẻ viết thấy anh mặc bộ đồ cũ, hỏi: *"Bộ đồ mới may hồi Tết đâu, sao anh không mặc lại mang bộ này trông nhom nhếch quá!"* Anh nói: *"Bộ đó đã đem cầm ở nhà Vạn Bảo rồi, chưa có tiền chuộc!"* Kẻ viết muốn hỏi anh nhiều, nhiều nữa rằng, vì sao anh nghiện? Tại sao anh đang làm sung sướng thế, lại xin thôi? Tại sao anh làm khổ cả gia đình, để mẹ khóc suốt ngày? Tại sao anh lấy đồ quý đi bán làm bố rầy mẹ la? Thuốc phiện có gì mà nó hành hạ anh khốn khổ thế này?... Nhưng những câu hỏi như đọng ở cuống họng, không sao thốt thành lời. Bỗng anh nắm chặt tay kẻ viết: *"Em có tiền không, đưa anh mượn, mai đi chuộc bộ quần áo để mặc vào Sài Gòn làm ăn"*. Sài Gòn, đối với kẻ viết lúc đó xa lắm, xa tít mù khơi, có lẽ đến chết mình cũng không thể biết cái xứ đó. Kẻ viết chợt nghĩ đến số tiền bỏ ống. Số tiền này do các anh lớn đi làm (trong đó có anh), mỗi tháng cho một, hai đồng để ăn quà, mua sách, còn bỏ ống để dành, khi cần mua sắm những gì mình thích.

Kẻ viết không nói, đi nhanh về nhà, trèo hai bậc thang một, lên lầu, lôi cái ống tre già cất dưới gầm tủ. Tiếng bạc cắc chạm nhau ròn rảng trong ống tre. Kẻ viết không nhớ rõ bao nhiêu, nhưng thấy cũng hơi nặng nể. Lúc xuống gần hết cầu thang, gặp mẹ. Mẹ hỏi: *"Mày đi đâu mà chạy sầm sầm như bị ma đuổi thế này?"* Kẻ viết dừng lại, đưa nhanh ống tiền ra phía sau lưng, nhìn mẹ cười lảng. Mẹ buồn nên không để ý.

Cầm ống tiền, tay anh hơi run, nói khẽ: *"Mai một đi làm, có tiền sẽ trả lại em!"* Xong anh vỗ nhẹ vào vai kẻ viết như an ủi, rồi làm lì bước đi. Kẻ viết có ngờ đâu, đó là lần sau cùng được nhìn anh. Anh vào Sài Gòn thật, nhà nhận được thư gửi ra. Anh không viết gì ngoài việc hỏi thăm và xin lỗi bố mẹ cùng anh em, cuối thư, anh nhờ kẻ viết cất giữ giùm anh mấy tập bản thảo và mấy tờ báo có đăng bài anh viết, khi nào cần sẽ viết thư ra, gửi vào Sài Gòn cho anh. Đọc thư, mẹ lại khóc suốt ngày, làm bầm oán trách người nào đã rủ rê anh đi vào con đường thuốc saí. Lâu lâu lại nhận được một lá thư, lời lẽ chán nản vì đời sống Sài Gòn cũng khó lắm, nhất là làm báo. Mẹ bảo kẻ viết biên thư trả lời và hỏi, nếu anh bằng lòng, mẹ lấy vé tàu gửi vào để anh trở ra. Mẹ nhấn mạnh gần như van xin con, hãy bỏ thuốc phiện. Thư gửi đi, mãi không thấy anh trả lời. Mấy thư sau, cũng chẳng có hồi âm.

Mẹ đành nhớ thương đứa con tài hoa mà mẹ yêu quý nhất bằng nước mắt, với tiếng thở dài hàng đêm.

Bẵng đi vài năm, gia đình bỗng nhận được tin, do một người bạn cùng làm với anh ở đồn điền cao-su Lộc Ninh báo tin, anh đã mất vì cạy mụn *"đinh râu"* (Staphylococci malingne de la face). Nguyên do tính anh hay làm dáng, buổi sáng rửa mặt soi gương thấy cái mụn, tưởng nhầm là trứng cá, cho tay cạy lên. Chỉ mấy tiếng đồng hồ, mặt anh sưng to bằng cái đĩa và sau 48 giờ anh mất, dù đã được các y tá của bệnh xá sản sóc tận tình. Trong thư nói, đám táng đã được

anh em cùng sờ lo chu đáo, gia đình cứ yên tâm. Người bạn cũng cho biết, anh đã bỏ thuốc phiện gần một năm, và định đến Tết sẽ trở ra Bắc thăm nhà. Sở dĩ, anh lên làm đồn điền, do người bạn Pháp quen từ Hà Nội giới thiệu. Anh đi vào lòng đất, do số mệnh đã đành, nhưng nếu thời ấy có thuốc trụ sinh, chắc ít ân hận hơn.

Mẹ khóc ngất từng cơn, cả nhà khóc. Bàn thờ anh, được thiết lập ở căn buồng nhỏ trên lầu, nơi xưa anh thường ngồi viết. Tấm ảnh được lồng khung kính, treo ngay ngắn trên tường. Chiếc bát hương nhỏ, màu xanh biếc lờm chờm những chân nhang đỏ chói, trông thật buồn! Kề viết trang trọng đặt tập bản thảo của anh ngay ngắn trên bàn thờ, trong đó có cả hai số Tiểu thuyết thứ bảy và các tờ nhật báo Đông Pháp, Ngọ báo, v.v.

Mỗi chiều, mẹ đều cúng cơm, nhìn ảnh anh rồi khóc cả giờ chưa dứt!...

Anh Thức,

Hôm nay em ngồi viết những dòng này để kính dâng hương hồn anh, người anh tài hoa văn số. Anh mất đi như một vô danh. Nhưng cũng nhờ anh, em đã tránh thoát được cám dỗ của Phù Dung Tiên Nữ. Trong suốt dòng sống nghệ thuật, đã bao lần, em ngồi bên cạnh khay đèn với những người bạn làm văn nghệ rất thân từ tuổi hoa niên, nhưng không một lần, em dám kê môi vào chiếc dục tẩu để tìm hiểu cảm giác!

Em cũng biết, khi bước chân vào văn nghệ, một là anh chưa đủ thứ nhất để tự mình hình thành giá trị, hai là không gặp được hoàn cảnh may mắn, mà số mệnh lại run rủi cho anh đi vào đăm mê trước khi tìm đường đến sự nghiệp. Những người làm văn nghệ trẻ bây giờ, không phải họ đều có may mắn hơn anh thuở trước. Cũng có một số, mắc vào vòng oan nghiệt của ma túy lúc công chưa thành, danh chưa đạt. Một số kinh qua được trong đó, có những khuôn mặt trai trẻ được em viết nơi đây; nhưng ngày mai, chưa biết?... Chỉ biết cái lẽ lối sống bê tha, trác táng không phải là "sinh hoạt mẫu" cho thế hệ văn nghệ hôm nay, một phần nhờ cuộc chiến sôi bỏng với các vấn đề lớn do cuộc sống đẩy tới, đã cuốn họ vào guồng máy làm cho choáng váng, hơn nữa, họ đi vào khung trời văn nghệ vì ý thức được cái ý nghĩa cao cả của nghệ thuật, tự nó đã là nguồn đăm mê vô hạn.

Em gia nhập nghiệp văn hôm nay là để tiếp tục con đường mà định mệnh đã bắt anh bỏ dở. Em tin, trong cõi Chân-Không-Tịch-Mịch kia, anh đang nhìn em triu mến như thuở nào chúng ta còn thơ ấu. Em nguyện cố gắng gìn giữ chút hương thơm của gia đình mà ngẫu nhiên em được trao vinh dự.